

TRẦN VĂN KHẢI

NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU VIỆT NAM



Nhà sách KHAI-TRÍ

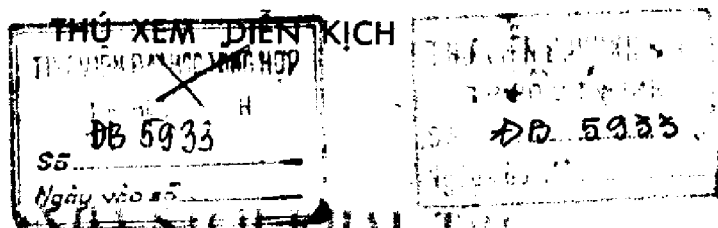
62, Lê Lợi — SAIGON

TRẦN-VĂN-KHAI

nghệ - thuật sân - khấu

VIỆT-NAM

HÁT-BỘI, CẢI-LƯƠNG, THOẠI-KỊCH,



THÂN-TẶNG

Nhà sách **KHAI-TRÍ**
62, Lê Lợi SAIGON

XIN LƯU Ý :

Có trích những lớp tuồng hay trong các vở hát Bội : Kim-Thạch kỳ duyên, Địch-Thanh lý Thôn, Tượng-kỳ khi xa, theo chương-trình trung học lớp đệ Tam, ban văn-chương, sinh-ngữ và cổ-ngữ (C, D).

TỰA

Người ngoại-quốc, khi đến du-lịch trong một nước nào, muốn biết trình-độ văn-minh của dân-tộc nước ấy, thường hay đi xem diễn tuồng để thưởng-thức nghệ-thuật sân-khấu của bản-xí.

Hiện nay sân-khấu Việt-Nam có ba bộ môn: Hát Bội, Cải-Lương và Thoại-Kịch. Thiết-tưởng nước nhà có thể tự-hào để trình cho người ngoại-quốc xem ba điệu diễn tuồng của mình, mà mỗi điệu, nếu biết thưởng-thức, đều có cái hay của nó.

Hát Bội hay về lối cổ-diễn. Về hình-thức tuy cò-lổ, nhưng về tinh-thần nó có thể tượng-trưng cho cái « Nho phong sĩ khí » của dân-tộc Việt-Nam. Nó nêu lên được những gương nghĩa-sĩ trung-thần, nghĩa-phu tiết-phụ, những cảnh bần thiết, tở trung và phụ lữ, tử hiếu. Những trạng-huống éo-le gay-cấn trong lịch-sử Tàu hay lịch-sử nước nhà đều được hát Bội đem ra trình-diễn để làm gương cho hậu thế.

Song nghệ-thuật hát Bội rất sâu-sắc. Muốn thưởng-thức cái hay, cái đẹp của điệu hát ấy, khi xem cần phải chú-ý rất nhiều và quan-sát kỹ-càng mới lĩnh-hội được chỗ sâu sắc của hát Bội.

Trái lại điệu Cải-Lương là một lối hát bình-dân. Ai xem cũng hiểu được. Nó có thể hấp-dẫn một số đông khán-giả nhờ tính-cách bình-dân của nó. Gia-đĩ cách bố-cục, phân màn và dàn-cảnh của điệu Cải-Lương đều phỏng theo lối Âu-châu, nên dễ xem. Lối hát này khi diễn tuồng xã-hội, được hấp-nhẫn người ngoại-quốc hơn.

Về Thoại-Kịch, mới phát-khởi trong lúc sau này, nên còn trong thời-kỳ phôi-thai. Nhưng có một vài vở kịch có thể nói là vừa xem đáng, nhờ tài diễn-xuất khả-quan của một ít kịch-sĩ ưu-tú.

Trong sách này, chúng tôi xin tuần tự lược-khảo ba điệu diễn-kịch của nước nhà để cống-hiến qui độc-giả những đặc điếm của mỗi điệu.



Trong hai chương đầu, chúng tôi có trích-dẫn những câu hát Bội và những bài ca Cải-Lương của các soạn-giả hữu-danh để làm tài-liệu biên-khảo. Vì không rõ địa-chỉ của mỗi Vị nên chúng tôi rất tiếc không thể biên thư riêng để thỉnh-ý trước.

Chúng tôi xin Quý Vị vui lòng lượng-thứ cho và xin thề nhận nơi đây lời chơn-thành cảm-tạ của chúng tôi.

Sàigòn, Mạnh-Xuân Bính-Ngọ.
Thanh-Trung TRẦN-VĂN-KHẢI

CHƯƠNG THỨ NHƯT

HÁT BỘI

Hai danh-từ « Hát Bội » và « Hát Bộ » đã làm cho nhiều người phân-vân vì không biết phải gọi thế nào cho đúng. Theo thiển kiến chúng tôi, nên gọi « Hát Bội » bởi danh-từ này đã có từ lâu và nó đúng với ý-nghĩa của điệu hát ấy. Muốn minh-xác điều này, chúng ta nên tham-khảo những bộ tự-diễn xưa hơn hết đã xuất-bản trong nước.

Trong quyển nhứt « Đại-Nam Quốc-âm tự-vị » của Huỳnh-tịnh Paulus CỬA, in tại Saigon năm 1895, nơi trang 67, có chữ BỘI (倍) thích nghĩa : Hơn, bằng hai. Có chua ở dưới : Gia-bội = Thêm bằng hai, bằng ba. Trò bội = Cuộc ca hát. Hát bội = Con hát, kẻ làm nghề ca hát.

Xem trong quyển « Dictionnaire annamite-français » của J. F. M. GENIBREL, in năm 1898 cũng tại Saigon, nơi trang 47, có chữ BỘI (倍) thích nghĩa : Bằng hai = double ; Bội số = Multiple ; Bội-nhị = Doubler.

Có chua thêm phía dưới : Bội bè = Comédie ; Hát bội = Jouer la comédie.

Chiếu theo hai bộ tự-diễn trên đây, chúng ta có thể kết-luận rằng : tiếng « Hát Bội » do chữ « Bội » trong Gia Bội, Bội Nhị mà ra, nghĩa là : Thêm bằng hai, bằng ba.

Ai đã từng đi xem hát Bội đều nhận-chân rằng trong điệu hát này, việc gì cũng « gia bội » (thêm lên). Một người Trương có tánh nóng thường vẽ mặt răn-rực quá dữ, bộ-tịch hung-hăng, nói năng nóng nảy. Thật ra, Trương hồi xưa đâu có những cử-chỉ, ngôn-ngữ và mặt mày quá hung tợn như thế. Nhưng muốn cho khán-giả dễ thấy tánh-tình bên trong của vai tuồng, nên diễn-viên phải gia-tăng điệu-bộ và hóa-trang cách hung bạo như vậy.

Bởi thế, chúng ta chẳng nên lấy làm lạ cho sự diễn trò quá sự thật của điệu hát Bội vì là một điệu hát « Gia-tăng bội nhị, bội tam ».

Còn tiếng « Hát Bộ » mới có lúc sau này, hồi Cải-lương mới ra đời. Một số khán-giả đi xem Cải-lương, thấy điệu hát tả chân ấy ít có múa men ra bộ nhiều như hát Bội, nên gọi điệu hát sau này là hát Bộ, nghĩa là hát có múa bộ nhiều để phân biệt với điệu hát Cải-lương. Những người dùng tiếng hát « Bộ » là dùng sai ý-nghĩa của điệu hát cổ-diễn nước nhà. Thế nên, chúng ta phải dùng tiếng « Hát Bội » mới đúng nghĩa.

I.— LƯỢC SỬ HÁT BỘI.

Trước khi điệu hát Bội từ Tàu sang Việt-Nam, dân-tộc ta chắc có một điệu hát riêng biệt vì một dân-tộc, dù còn man-mạch đến đâu, cũng có một điệu hát riêng của mình. Trong các cuộc lễ công-cộng, thường nhân dân trong thôn-đô hội họp lại để ăn uống, múa hát vui chơi. Đó là một sự dĩ-nhiên không ai chối cãi được. Hiện nay chúng ta thấy các dân tộc thiểu-số ở miền sơn-cước đều

có điệu múa hát của họ.' Nhờ những giọng hát của ta có sẵn, nó sẽ làm nền móng cho điệu hát Bội sau này.

Qua đến đời Nguyễn bèn Tàu (1285), tướng Toa-Đô sang xâm chiếm nước ta, bị Hưng-Đạo-Vương đánh đuổi. Khi quân Tàu thua chạy, quân ta bắt sống được một số tàn-quân, trong đó có tên Lý-nguyên-Cát biết múa hát.

Nhà Trần bèn hậu đãi tên kép hát ấy để dạy cho người mình điệu hát Bội. Song dạy về hình thức mà thôi, như cách múa men, vẽ mặt, mặc xiêm giáp v.v... Còn về nội-dung các giọng hát, người mình đã có sẵn từ trước, nên không cần ai dạy. Nếu nói một người kép hát Tàu qua dạy cho người Việt các giọng hát thật là phi lý.

Vả lại, âm-nhạc hát Bội của mình khác với âm-nhạc Tàu xa lắm, mà giọng hát là do âm-nhạc phát-sinh. Thế nên cái hay của tiền-nhân ta là biết dung-hòa cái hình-thức điệu-bộ của Tàu với cái nội-dung âm-điệu của mình sẵn có, để tạo nên một lối hát đặc-biệt Việt-Nam. Thật tiền-nhân ta rất am-tường về nghệ-thuật sân-khấu mới sáng chế được một điệu hát cô-điền có qui-cả hẳn-hỏi cho nước nhà. Trong các giọng hát Bội, có điệu hát khách hơi mừng tượng giọng hát Tàu, nhưng không giống hệt.

II.— NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA HÁT BỘI.

Hát Bội là một nghệ-thuật tượng-trung (art symbolique). Từ cách dàn cảnh trên sân-khấu đến các điệu-bộ đều có tánh cách tượng-trung.

a) **Sân-khấu hát Bội.**— Cách dàn cảnh của sân-khấu hát Bội rất đơn-giản. Chính giữa sân-khấu có trải một chiếc chiếu trắng. Kế đó phía trong, để một cái bàn. Hai đầu bàn có để mấy cái ghế ngồi. Phía sau có treo một tấm màn thêu rất đẹp và có thể vệt ra hai bên đặng. Trong tấm màn, để một cái rương lớn, trên rương để một cái ghế lên cao dùng cho vua hoặc tướng-soái ngồi, khi có thiết đại triều hay có hội-ngộ nơi soái đường.

Hai bên phía vô buồng, có hai cửa buồng có treo màn. Còn hai bên sân-khấu, có đặt hai cái rào sơ-ly bằng cây sơn sơn để dựng tàn lọng và cờ xí. Hai rào sơ-ly này làm tăng vẻ trang-nghiêm của sân-khấu mà cũng có dụng ý để ngăn những trẻ em xem hát không cho tràn vô sân-khấu làm trở-ngại cuộc diễn tuồng.

Nhờ lối dàn-cảnh đơn giản ấy, nên rất thuận tiện cho soạn-giả sắp đặt lớp lang bốn tuồng. Sân-khấu hát Bội chẳng khác nào một trang giấy trắng, trên đó soạn-giả vẽ-vời thế nào tùy ý, chẳng cần đổi cảnh, phân màn.

Chốn triều-đình cũng đó, chiến trường hay núi non, rừng-rậm cũng đó. Khán giả nghe câu hát của vai tuồng rồi tưởng-tượng trong trí, biết nơi ấy là nơi nào. Vả lại, người Việt đi xem hát Bội phần nhiều đã đọc truyện Tàu nên biết rõ các chi-tiết trong tuồng, không cần trưng bày cảnh thực, khán giả cũng ý-thức được những nơi đã xảy ra các lớp tuồng. Lúc sau này hát Bội có bày ra tranh cảnh, nhưng nhiều người thích để sân-khấu như xưa.

b) **Điệu bộ.**— Các điệu-bộ của hát Bội đều theo những qui-tắc nhứt định. Từ cách cầm thương lên ngựa đến cách vuốt râu đều có vẻ tượng-trưng.

Một ông Tướng khi xuất trận, đòi thương mã, trong buồng tên quân đem cái roi ngựa và cây thương ra đứng cách như dắt một con ngựa thiết đến cho chủ (Nơi đây xin mở một dấu ngoặc để xét coi nên bỏ hay nên để cách dắt ngựa ra như vậy). Theo thiên kiến chúng tôi, nên bỏ nếu việc ấy không có điều chi quan-bệ cho lớp tuồng. Nhưng có một ít trường-hợp đặc-biệt phải để, vì nếu bỏ, lớp tuồng sẽ mất hay. Như lúc Đon-hùng-Tin vào trào hay tin các tướng đều bị tử-trận, lập tức trở về nhà để giã từ vợ và lấy thương mã đăng đi thích-khách Vua Đường.

Vợ cản không muốn cho chồng đi vì biết thế nào cũng bị hại. Nhưng Đon-hùng-Tin là người anh-hùng, quyết tâm phục hận, bèn kêu quân đòi thương mã. Nếu lúc này không cho quân dắt ngựa, đem thương ra, tất lớp tuồng sẽ bị hỏng.

Nhờ có cử-chỉ cầm thương lên ngựa rất quyết-liệt mà Đon-hùng-Tin mới tỏ ra được cái chí-khí anh-hùng và vợ tỏ lòng trọn nghĩa với chồng khi ba lần ra cản đầu ngựa.

Về sự vuốt râu cũng có nhiều cách để thể-hiện được tánh tình bề trong của vai tuồng. Một ông quan văn trung vuốt râu nhẹ-nhàng kéo phớt qua bên mặt hay bên trái (nếu tay mặt cầm quạt). Ông quan võ trung cầm ngọn râu phía dưới rồi hất qua một bên. Vai nịnh hai tay ôm bộ râu rồi vuốt xuôi xuống và cười hơi nịnh bợ. Tướng có tánh nóng hai tay khấu lại và quào-quào hàm râu ria bộ dữ tợn. Người nghĩa khí như Quan Công xòe ngón tay trở và ngón giữa vuốt râu mép tai rồi đưa thẳng ra phía trước.

Hiện nay ở sân-khấu hát Bội có một vài nghệ-sĩ có những điệu-bộ rất hay. Ví như cách đưa tay lên, ngồi xáy lưng lại đều ăn rập với nhịp đờn. Đi bước chậm rãi ăn theo nhịp trống, nên xem có nghệ-thuật.

c) **Màu mè.**— Về phương-diện tâm-lý, muốn kéo khán-giả theo cùng cảnh ngộ vui, buồn, giận, sợ... của vai tuồng, diễn-viên thường làm những màu-mè theo những lệ thông-thường như sau :

VUI.— Khi vui thì nét mặt hàn-hoan, hai mắt sáng lên, giọng cười giòn-giã. Nhưng một ông quan trung cười cách khác, còn vai nịnh cười một cách khác. Nghe giọng cười cũng rõ người trung kẻ nịnh.

BUỒN.— Lúc gặp cảnh ngộ bi đát, giận đờn rao xuân-nữ trước. Người hát nói lối thương, nước mắt rung-rung chảy. Khi dứt lối thương, bắt qua hát Nam Ai, nước mắt tuôn dầm, làm cho khán-giả cũng phải động lòng rơi lệ.

GIẬN.— Khi giận, diễn-viên dùng một miếng cây bằng bàn tay đập mạnh xuống bàn hay ghế nghe bộp-bộp. Tay chỉ, miệng la lớn và dùng lời rầy la dạy bảo. Ví như lúc Triệu-hoàng-Cô giận rầy Cao-quân-Bảo kết hôn không cho cha mẹ hay trước. Cũng có khi dùng điệu-bộ và lời nói để tỏ sự giận, không dùng miếng cây.

SỢ.— Cao-quân-Bảo sợ mẹ quở phạt, rập mình xuống, mắt láo-liên, mặt thất-sắc, hai bàn tay chấp lại và chon bước nhẹ, bộ cóm róm. Có nhiều điệu-bộ khác để chỉ sợ hãi, nhưng đây là một điệu-bộ sợ-sệt điển-hình của hát Bội.

GANH-GHÉT.— Một bà chánh-hậu mưu toan giết mẹ con bà thứ vì bà sau này mới sanh một hoàng nam. sợ đề hoàng-tử ngày sau nối ngôi vua thì mình sẽ mất quyền-thế và bà thứ sẽ lên ngôi quốc-thái, nên bà chánh-hậu lập mưu cùng người tâm-phúc đề ám-hại kẻ thù. Trong lúc đàm-thoại, bà thường nghiêng răng, sắc mặt hăm-hằm, tay giần run. Những sự ghen tức ở nội tâm đều tỏ ra ngoài bằng cử-chỉ hay lời nói.

THƯƠNG YÊU.— Theo phong-tục đông phương, tình yêu không bộc lộ ra ngoài. Cha thương con, con thương cha, vợ thương chồng đều đề trong lòng, không biểu lộ ra ngoài. Trừ trường hợp vợ chồng phải xa cách nhau thì chồng vịn vai vợ hoặc vợ vịn vai chồng để than vãn là cùng, không có sự âu-yếm quá mức như người phương Tây.

III — CÁC GIỌNG HÁT BỘI.

Hát Bội có nhiều giọng : nói lối, hát nam, hát khách, xưng, bạch, ngâm, thán, oán, quân bang, quân bài, v.v... Sau đây xin lần lượt khảo về các giọng.

a) Nói lối.— Tuy nói lối, song cất giọng cao gần như hát. Nói lối có bốn cách : lối xuân, lối ai, lối xướng và lối thường.

1. Lối Xuân. Lối xuân nói chậm rãi, nghiêm nghị, thường dùng trong khi xưng tên và đàm-thoại. Trong tuồng « Kim-Vân-Kiều », lúc Túy-Kiều xưng tên có nói lối xuân :

Thiếp Túy-Kiều lam dự hồng quân,

Nhà Vương-thị sớm roi giai lệ

Thượng uyển hoa còn bé nhụy,
 Ngự câu lá chứa đề thi.
 Sắc hồ trang lạc nhận trăm ngư,
 Tài vi kẻ đẳng giao khởi phụng.
 Ca vịnh nào nề lòng chúng,
 Tân thịnh nổi tiếng hồ cầm.
 Tác cập kẻ xấp-xỉ trắng rằm,
 Nết trinh tịnh trau-giỏi giá ngọc.

Túy-Vân :

Trinh, Vệ chi màng thói bạc,
 Mạnh, Tào đốc đức gương trong.
 Tường đông ai đem dạ bướm ong,
 Mái tây cũng mặc người trắng gió.

2. *Lối Ai*. Lối Ai nói lúc buồn để tả tâm sự đau-dớn
 thê-lương. Khi cha mẹ nhớ con, con nhớ cha mẹ, tôi
 chúa thất lạc, vợ chồng xa nhau, đều dùng lối Ai. Trong
 tuồng « Địch-Thanh ly Thộn », lúc Địch-Mẫu nhớ con nói
 lối Ai :

Trông con chi ngọt cơn sầu,
 Nhớ trẻ lại thêm nỗi thảm.

Con ôi !

Cố quốc tam thu vân sắc ám,
 Tây thiên vạn lý cổ thanh xa.

Thối nảo đưa hơi gió bên nhà,
Đem tin vắng cánh hồng ngoài ải.

Mẹ chẳng biết :

Cam-tuyền đã vắng hơi lửa dây

Hay là :

Tế-liễu còn lộn tiếng quân reo.

Tai chẳng nghe lạc ngựa bình Liêu,

Mắt luống nhắm ngọn cờ thối Lỗ.

Trong tường « Kim-Vân-Kiều » lúc Túy-Kiều nhớ cha
mẹ và người tình cũ có nói lời Ai :

Từ thuở lâu xanh treo giá,

Biết bao đất khách nhớ danh.

Trông mấy luống những ngân-ngơ tình,

Hỏi nguyệt càng thêm lai-láng luy.

Sân hoè quế đủ mùi thực thủy,

Ôi cha mẹ ôi !

Nhà xuân huyền xế bóng tang du.

Ôi Kim-lang ôi !

Người qua thăm cây đa cũ, bến đò xưa

Em đã nối mối tơ thừa sợi chỉ mới.

Thồn-thức nỗi chung tình cựu ngôi,

Ngồn-ngang lòng cố quốc tha hương.

Hàm sâu cố ảnh tự thương,

Bão hận thống tâm trường thán.

3. *Lối xằng.*— Lối này nói mau hơn lối xuân và lối ai, cũng bằng văn vần. Dùng trong lúc giận hay khi tỏ lời khi-khái.

Trong tuồng « Sơn hậu » khi Tạ-thiên-Lăng bị Triệu-Khắc-Thường xỉ mạ, nói lối xằng :

Nổi lời đình chi nộ.

Phấn thích lịch chi oai

(Ôn-Đình)

Phù Ôn-đình em khá ra tài,

Chém đầu gã, để răn muôn chúng.

Trong tuồng « Tam-Quốc », lớp Trương-Phi ở Cồ-Thành nghe quân báo : Dạ dạ ! Hữu xa mã đáo thanh, xung Quan-Hầu nhập yết.

Trương-Phi nói lối xằng :

Tâm như hỏa liệt ! hỏa liệt !

Nhĩ tợ lời oanh, lời oanh !

(Vả chẳng Quan-Hầu bội ngô huynh trưởng, hàng

Tào lập công. Phi hỏi) :

Hà sư đáo ngã thành. Tất kỳ trung hữu trá.

(Chư Tướng)

Truyền chinh tu binh mã. Mau bố liệt can qua,

Huy xà mâu sát phá oan gia.

Huyền thủ cấp báo ngô ca trưởng.

4. *Lối thường.*— Lối thường dùng văn xuôi. Thí dụ Định-Thanh nói với Thoại-Ba : « Công Chúa giận cũng phải, nhưng xin Công-Chúa nghĩ lại. Nay thắng Bàng-Hồng

nó xam tấu cùng Thánh-Thượng rằng hạ quan là kẻ phản quốc tư cừ, nên lệnh trên đã dạy giam tù mầu nơi ngục nội... »

b) **Hát Nam.**— Giọng Hát Nam là một giọng đặc-biệt của Việt-Nam. Có người nghe giọng Hát Nam hơi buồn rồi đoán là giọng hát nầy gốc của người Chàm. Chúng tôi không đồng ý-kiến ấy vì trải mấy ngàn năm lịch-sử nước Nam ta không có một giọng hát đặc-biệt của mình để biểu-thị sự buồn thảm thê-lương hay sao ? Vả lại những câu văn dùng trong điệu hát Nam đều là văn đặc-sắc Việt-Nam như : Thượng-lục hạ bát, Song thất lục bát hay Lục bát gián thất.

Hát Nam có năm điệu tùy cảnh ngộ : Nam Xuân, Nam Ai, Nam dựng, Nam chạy và Nam biệt. Sau hết có điệu Lý Nam qua Ai.

1. **Nam Xuân.**— Hát Nam Xuân hơi thư-thái và có vẻ bi-hùng. Thường dùng trong khi đi đường để tả cảnh hoặc tả tình. Trước khi hát Nam Xuân, vai tuồng thường nói bốn câu hoặc hai câu lối xuân, rồi bắt qua Nam Xuân.

Trong tuồng « Kim Vân Kiều » lúc chị em Túy-Kiều đi tảo mộ có nói lối xuân và hát Nam Xuân để tả cảnh Xuân Thiên thích thú :

Túy-kiều (lối xuân) :

Một sắc thiếu-quang tỏ rạng,

Đôi nhành mai liễu đua tươi.

Trời xuân cảnh vật chào người,

Nội tử chị em tách dăm.

(hát Nam Xuân) :

Nội tử chị em tách dăm,
Cảnh vật nhìn về gần càng tươi.

Túy-Vân (hát Nam Xuân) :

Thiều-quang vừa ngoại sáu mươi,
Đầy đường hoa nở, lắm người đạp thanh.

Vương-Quan (hát Xuân tiếp) :

Trời thanh rạng vẻ xuân xanh.
Mộ tiền lê tảo phỉ tình cửu u.

Trong tường « Huê-dung đào » lớp Quan-Công hồi thành thọ tội, có hát Nam Xuân đề tỏ tâm-trạng người anh hùng vì muốn trả ơn nên chẳng sợ lử tội cam đoan.

Quan-Công (nói lối Xuân) :

Đừng trượng phu xử thế,
Hà úy tử tham sanh ?
Trời mình này thọ tội trào đình,
Dầu mặc lệnh Quân-sur tha giết.

(Qua Nam Xuân) :

Mặc lệnh Quân-sur tha giết,
Ơn đền rồi, sống thác nài bao.
Sự tình phú có thiên cao,
Gươm Lưu đòi nặng, ơn Tào nữ vong.
Những dầu xương rui cốt tàn,
Ngàn năm đề tiếng miếu dàng thơm danh.

2. *Nam dựng*.— Hát Nam dựng có hơi Xuân nhưng tiếng phát âm hơi dựng đứng dễ tỏ sự cứng-rắn của tâm-tư. Ví như trong tuồng « Tam Quốc » khi Quan Công thất thủ Hạ-Bì, phò nhị Tầu qui Tào, đáng lẽ phải hát Nam Ai để tỏ lòng buồn thảm của mình đối với Lưu-Bị. Nhưng Quan Công hát hơi *Xuân dựng* mấy câu dưới đây để biểu-lộ cái khi-tiết của bậc cái-thể anh-hung, dù phải bại trận, song tinh-thần vẫn bất-khuất.

Quan-Công (nói lối) :

Tuyên toàn quân tôn thập nhị đình,
Phò tầu-tầu tấn kỳ xa... thượng.

(Qua Nam dựng) :

Tầu lâu tấn kỳ xa thượng,
Giã Hạ-Bì, chỉ dậm Hứa-Xương.
Lầu lầu tiết rạng dương gương,
Chơn nơi Bắc-Nguy, dạ hằng nhớ Lưu.
Tuy là khác thửa đồng bào,
Lời thề ngày trước vườn đào đầu người.

3. *Nam Ai*.— Hát Nam Ai giọng buồn thảm ai bị đề tả tâm-sự đau thương của vai tuồng. Khi nào một vai tuồng bị cảnh ngộ chia rẽ như mẫu tử, phu thê, huynh đệ, quân thần phân-ly v.v... thường hát Nam Ai để tỏ tình thê-lương của mình đối với người cách-biệt. Phần thường đào kép Hát Bội nhờ điệu hát Nam Ai để làm mũi lòng khán-giả và cũng để phô-diễn tài-nghệ về hơi-hám của mình.

Ví như trong tuồng « Định-Thanh ly Thôn » lớp Định mẫu, mẹ của Định-Thanh, bị Vua sai bắt, em Định-Thanh là Định-kim-Lan theo đưa mẹ có hát Nam Ai :

Địch-kim-Lan (nói lời) :

Bắt tận ai bi, ai bi ; vô cùng thăm nảo, thăm nảo. Mỗi mắt nhắm theo hình vân cầu. Đau lòng cho mấy cuộc tang thương. Vâng ô đã xa cách Trường-an. Đàng thỏ kịp trông chừng cổ-lý.

(Hát Nam Ai) :

Đàng thỏ trông chừng cổ-lý,
Mượn sương trời rơi lụy đổ-quyên.
Tình con nghĩa mẹ không yên,
Nghĩ thôi càng thăm càng phiền cho đây.
Cách rồi một đoạn ai bi,
Trời xanh soi xét có khi tương phùng.

Trong tường « Phụng-Nghi-Đình » lớp Điều-Thuyền xuất-gia có bát Nam-Ai để từ-biệt Tư-Đồ.

Điều-Thuyền (nói lời) :

Ơn dưỡng-duc chưa thỏa tình báo-bồ,
Nghĩa minh-linh phải gắng sức tài-bồi.
Một lay xin giả nghĩa tôi đòi,
Trăm năm quyết ghi lời dạy nhủ.

(Hát Nam Ai) :

Day nhủ ghi lời vàng đá,
Luống ngậm ngùi ngày hạ đêm đông.

Tư-Đồ (tiếp Nam ai) :

Thưa Thừa-Tướng ! Xin nhờ mở lượng bề sông,
(Này con ơi ! Rồi con nhờ cũng tại đó, mà cha
nhờ cũng tại đó)

Mượn tay cân quốc đỡ lòng tu mi.

Đieu-Thuyền (tiếp Nam Ai) :

Dẫn lòng một bước ra đi,

Cha lui ngọc các, con về tướng môn.

Trong tường « Kim-Thạch kỳ-duyên », lớp Kim-Ngọc
giã-từ Hoà-Thượng Hư-Vô có hát Nam Ai :

Kim-Ngọc (nói lối) :

Thưa, lòng kính thành bái tạ cao tăng,

Dặm diêu viên trông chừng làng hạnh.

(Nam Ai) :

Diêu viên trông chừng làng hạnh,

Cúi đầu từ, dài kính cửa không.

Khuôn linh đã đúc anh hùng.

Dấu ra gan chuột cánh trùng quân bao. (1)

Cha mẹ ôi !

Ngùi ngùi chín chữ cù lao,

Công ơn cha mẹ, trời cao đất dày.

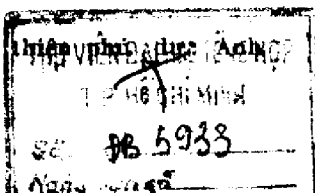
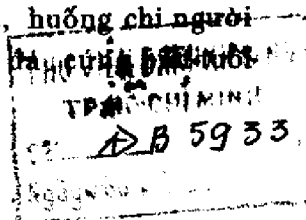
Dũ-Đức — (Người tờ trung của Kim-Ngọc).— Thưa câu, sách có chữ rằng : Tri giả bất dĩ hoạn-nạn nhi diệt kỳ tâm, còn Nhân giả bất dĩ bần tiện nhi cải kỳ tiết. Rất đối là, trắng còn có khi tròn khi khuyết, huống chi người sao không thuở nhục thuở vinh. Hễ là, ta cũng bất khuất vàng, đường dài hay sức ngựa.

(Hát Nam Ai) :

Sức ngựa đường dài mới tỏ,

Đừng làm người không khó sao khôn.

(1) Cổ-văn, có câu : Trùng tĩ thử can tùy hùng gặp thể nào phải theo thể nấy.



Chiều theo ống thẳng bầu tròn,
 Dầu trong gian hiểm, cũng còn thảo ngay.

Trong tuồng « Địch-Thanh ly Thộn » lúc Thoại-Ba Công-chúa chia tay Địch-Thanh để trở lại Thộn-Quốc có hát Nam Ai.

Thoại-Ba (nói lối) :

Phò-Mã ôi ! Chưa lạt rượu giao-hoan một chén,
 Đã vắng mình vĩnh-biệt ngàn trùng.
 Khó theo chân thảo tặc Nguyên-Nhung,
 Xin soi dạ tư quân thục-nữ.

(Nam Ai) :

Soi dạ tư quân thục-nữ,
 Đoạn thâm tình nhứt khứ nhứt lưu.

Địch-Thanh (tiếp Nam) :

Ruột đường dao cắt chín chiu,
 Sương bay trước mặt, gió hiu bên đàng.

Thoại-Ba (Nam) :

Chút duyên Chức-Nữ Ngưu-Lang,
 Cầu ô đã bắc lại toan dứt cầu.

Địch-Thanh (Nam) :

Dùng-dăng nghĩa trước tình sau,
 Dây phiền đoạ cột, chuỗi sầu đây mang.

Thoại-Ba (Nam) :

Phân tay một khúc dương-quan,
 Tây-Liên chàng tới, Thộn-Bang thiếp hồi.

Sau hết cũng trong tường « Kim-Thạch kỳ-duyên » (s.g. Bùi-hữu-Nghĩa), con gái của Thạch-đạo-Toàn là Thạch-vô-Hà xin làm nô-tỳ cho nhà Lâm-Vượng để lấy tiền chuộc tội cho cha, bị hàm-oan. Lúc giã-từ mẹ là Châu-Thị và em Thạch-hữu-Quang, Thạch-vô-Hà tỏ lòng đau xót bằng điệu Nam Ai :

Châu-Thị, Hữu-Quang (ngâm) :

Phủ vân vô ngữ các tây đông,
Chi thương đề quyền lụy nhiệm hồng.

Vô-Hà (tiếp) :

Dương liễu kiều đầu ly biệt thọ,
Lạc hoa vô ngữ oán xuân phong.

Hữu-Quang (hát Nam Ai) :

Xuân phong tẩm lòng chua xót,
Đoạn ly kỳ mấy giọt tuôn rơi.
Trời làm chi cực bầy trời,
Nào ai tráo chác cho người hiệp tan ?

Châu-Thị (lối) :

Khôn lớn tưởng định bề đôi lứa,
Rủi ro xui ra phận tôi đòi.
(Con ôi) !
Nuôi mới vừa con mắt đương coi,
Thương đau đứt tẩm lòng cho đoạn.

(Nam Ai) :

Đau đứt tẩm lòng cho đoạn
Lạc cửa người chích nhận bơ vơ.
Nuôi con kiếm chôn xe tơ,
Tưởng là sum hiệp, ai ngờ rẽ phân.

Vô-Hà (lối):

Xin mẹ chờ nhiều ngày đeo thảm,
 Liễu như con trong tháng đứt nôi,
 Giờ chơn một bước hóa mười lui,
 Trơ mắt ba nhìn ra sáu giọt.

(Nam Ai):

Trơ mắt ba nhìn sáu giọt,
 Nhạn lạc bầy thành-thót đầu non.
 Thà rằng liễu một thân con,
 Huê dầu lìa cội, lá còn xanh cây.
 Nỗi nước này từ đây rời rã,
 Tắc cổ liễu lo trả ba xuân.

4. *Nam bán Xuân Ai.*— Trong điệu bát Nam, có khi hát nửa Xuân nửa Ai gọi Nam bán Xuân Ai. Những câu vui thì hát hơi Xuân, câu buồn trở qua Ai, tùy câu văn mà hát. Như đương hát Nam Xuân, muốn qua Nam Ai, diễn-viên cần phải ra dấu « Gạt nước mắt » cho giằn ngoài biết để đờn qua Ai. Như trong lớp « Tô-Vô chẵn dê » sau đây có hát hơi Xuân, kể qua Ai rồi trở lại Xuân.

Tô-Vô (nói lối):

Đuổi dê ra ải bắc,
 Lòng bát ngát sâu tây.
 Miền Vô-Hoang cao ngự đài mây,
 Thân chi sá nài bao lao khổ.

(hát Nam Xuân):

Đừng làm trai nài bao lao khổ,
 Vái Phật Trời phò hộ chứng minh.

Võ-Hoàng còn ngự nam thành,
 Có hay nông nổi sự tình này chẳng?
 Cầm hờn Vệ-Luật Lý-Lăng,
 Làm cho lỗi thừa đạo hăng quân thân.
 Bao giờ (gạt nước mắt ra dấu qua Nam Ai) về
 tới cựa lân.

(Qua Nam Ai):

Mẹ ôi! ngộ cho thấy mặt từ thân chẳng là.
 Ngùi-ngùi hầu bước chơn ra,
 Nhớ vua thương mẹ, xót xa đoạn trường.
 Trách Hồ-Nhung đem lòng hãm-hiếp,
 biết ngày nào xum hiệp chưa thôi.
 Đăm-đăm lụy ngọc sut-sùi,
 Ở Hồ nhớ Hờn chỉ nguôi tặc lòng.

(Trở lại Xuân):

Tiết mao một cán cờ không.
 Một người một bóng, bạn cùng sớm khuya.
 Hồ-Vương độc dữ nhiều bề.
 Trời ôi có biết gian nguy đời này!

5. *Nam chạy*.— Lúc bị tướng giặc truy-nã cấp-bách, hay bị lạc vào rừng, vai tuồng vừa chạy vừa hát Nam gọi « Nam chạy ». Trong tuồng « Sơn Hậu » khi bà Thứ-Hậu và Đồng-kim-Lân bị Tạ-ôn-Đình đuổi theo có hát Nam chạy.

Thứ-Hậu (lối):

Đạo viên nhưn tâm bất viễn,
 Cơ-dò đi, thần tử mặc đi.

Chỉ Sơn-thành thượng mã cao phi,
Nơi đẳng nhận từ từ giờ vọt.

(Hát Nam chạy):

Giờ vọt trông chừng Sơn-Hậu,
Vái Phật Trời soi thấu lòng ngay.

Kim-Lân (tiếp Nam):

Nguyệt lờ vì bởi tại mây,
Tuần hoàn thiên địa đổi thay vận thời.

Trong tường « Tiết-Cương chống búa » lớp Tiết-Cương
và Kỹ-Lan-Anh bị Võ-Tam-Tư đuổi theo, chạy lạc vào
rừng, có hát Nam chạy.

Tiết-Cương (nói lối):

Hồ-nô đã biết đường xa thăm,
Lâu-la tua nối gót lần dò,
Chớ ngại ngừng núi rậm hang sâu,
Miễn thoát dặng dây oan lưới họa.

(Hát Nam chạy):

Thoát dặng dây oan lưới họa,
Bước gập ghềnh diu dõ lấy nhau.

Hồ-Nô (hát tiếp Nam):

Một đoàn tó trước thầy sau,
Chim kêu vượn hú thêm đau đớn lòng.

Lan-Anh (Nam):

Lao-xao sóng vỗ ngọn tùng,
Gian-nan là nợ anh hùng phải vay.

Tiết-Cương (Nam) :

Sơn đình đoái đã gần đây,

Nhe chơn kỳ ký, thoát bầy khuyển ưng.

6. *Nam biệt*.— Trong một lớp tường, khi hai vợ chồng hoặc mẹ con, anh em, v.v... sắp xa cách nhau, kẻ đi người ở, thường hát Nam đề giã-biệt nhau, gọi hát Nam biệt hay Nam dứt.

Khi người đi quay vô buồng rồi, người còn ở lại nhìn theo và kêu: Bớ phu-quân, hoặc bớ mẹ, bớ anh, rồi hát liền câu hát Nam biệt.

Văn Nam biệt thường dùng câu song thất, nhưng cũng có khi dùng câu lục bát.

Văn song thất :

Bớ phu quân !

Ên quy nam, nhận hồi lãnh bắc,

Ngựa quày đầu, ruột thắt từng cơn.

Văn lục bát :

Bớ mẹ !

Dứt tình, tình lại vấn vương,

Cũng đeo một tấm đoạn trường mà đi.

— Phần thường vai tuồng không nói lời khi bắt qua hát Nam biệt vì lúc chia tay nhau gấp rút không thể nói chi dài dòng hơn là hát dứt một câu Nam cho hết cơn nhớ thương bịn rịn.

Nhưng cũng có khi soạn-giả muốn tăng vẻ tha-thiết của mối tình chia rẽ, nên đệm thêm một câu « lời tán » cho người ở lại nói trước khi bắt qua câu Nam biệt.

Câu « lối tán » này phải nói cho mau mới hợp tình cảnh.

(Lối tán):

Sơn cách, thủy cách, tình nan cách,

Tình di, nguyệt di, chi bắt di.

(Qua nam biệt):

Chi bắt di, lưỡng đồ ly biệt,

Luy sut sùi, chi xiết lòng thương.

7. *Nam thoàn.*— Nam thoàn hay nam thiên là một giọng hát Nam đặc-biệt của những người xuất-gia. Trong tuồng Sơn-hậu, bà Nguyệt Kiều hát Nam thoàn lúc từ-giã các em và tướng-sĩ đặng đi tu.

Nguyệt-Kiều.— (lối): Nam Mô A-di-đà Phật. Xe rỗng em trở lại, dậm liêu chị trái qua; giã năm em an hưởng vinh hoa, phò một mối cho toàn huynh đệ.

(Nam thoàn): Một mối cho toàn huynh đệ, Mặt giã từ tướng-sĩ quần liêu. Mặc ai giàu mển sang yêu; Mưa mai dễ biết, nắng chiều nào hay. Hư vô là đạo mầu thay; Hữu công Phật độ, có ngày siêu thăng.

8. *Lý Nam qua Ai.*— Điệu Lý Nam Ai dùng khi vai đào ngồi thêu, như Cừu-nhĩ công-chúa thêu Trần-châu-kỳ, hoặc lúc hồn ma đưa người qua núi, hay người chinh-phụ ru con v. v...

Điệu này thường dùng lối văn « song thất lục bát »:

(Ly):

Trong cửa này, đã đành phận thiếp,

Ngoài mây kia, há kiếp chẳng vay?

(Qua Ai) :

Những mong cá nước xum vầy,
Ai ngờ đôi ngả nước mây cách vơi

(Chinh-phụ ngâm).

Muốn gài vô câu Lý qua Ai phải nói hai câu lối
Ai rồi xuống chữ Hồ : (Tuồng Lê-Lợi).

(Lối Ai) :

Ngón kinh-luân kéo-kết tơ vàng,
Khuôn nhứt nguyệt lần đưa thoi ngọc... Hồ !

(Nếu câu ngâm lục-bát) :

Xuân đi rồi lại xuân về,
Nước non cũng vẫn một bề buồn xuân.

(Lý) :

Kia một dãy non sông gấm vóc,
Trách ai làm tang tóc cỏ cây (cỏ ư ừ cây).

(Qua Nam Ai) :

Buồn xuân càng gặt càng đầy,
Bàng-khuâng nước mất, ai hoài nhà tan.

(Lý) :

Tiểu cho mình hồng nhan phận gái,
Biết thế nào đem lại giang-san (giang ư ừ san).

(Qua Nam Ai) :

Hỡi ai nam tử bồng tang,
Thấy bao da ngựa dậm ngàn chi trai.

(Lý) :

Lần tay ngọc dẹt ngày tươi sáng,
Cảnh thanh bình chiếu rạng trời Nam (trời ư
ừ Nam).

(Qua Nam Ai) :

Ngâm cay e đứt ruột tâm,

Hở môi sợ vách âm-thầm nghiêng tai.

c) Hát khách. — Hát khách cũng gọi Bắc-xương là một giọng hát có đờn kèn đưa hơi, mừng-tượng giọng điệp-khúc « Đại-quá-trường » của Tàu. Ngày xưa người mình gọi người Tàu là Khách nghĩa là người Khách ở phương Bắc đến, chứ không gọi người Huê-Kiều như hiện nay.

Giọng hát Khách rất hùng-hồn và dũng-cảm. Tuy nó hơi giống giọng Tàu, nhưng cũng vẫn giữ được âm điệu và tinh thần Việt-Nam. Hát Khách dùng khi tướng võ cảm thương lên ngựa đề ra trận hoặc truy nã giặc, hay sắp làm một việc gì quan-trọng.

Hát Khách có năm điệu : Khách thi, Khách phú, Khách tử, Khách tầu-mã, Khách tửu. Sau hết có lối hát « Khách Nam liên-xương ».

1. Khách thi. — Khách Thi là một bài Đường-luật « Thất ngôn tứ tuyệt » soạn bằng Hán-văn. Trong tuồng « Tiết-Cương chống húa » khi Võ-tam-Tư truy nã Tiết-Cương có hát khách thi.

Võ-tam-Tư (khách thi) :

Vũ sậu lời đặng vạn kỳ lai,

Huy qua đảo xứ tảo trần ai.

Thệ tương kính khí trừ cường địch,

Khẩn hứa ngu phu độc sinh tài.

Trong tuồng « Triệu-Tử đoạt ấu chúa », lúc Triệu-Tử đi tuần ban đêm có mưa rọi và hát Khách thi.

Triệu-Tử (ở trong buồng nói lớn) :

Hắc dạ văn tuần Nam Bắc,

Sơ canh mật thám Đông Tây.

(Nam lao quân, Bắc lao quân, canh giờ cho nghiêm nhất à.) (bước ra ngoài cầm rọi mùa một vòng rồi nói) : « Đông trại, tây trại, tuần-thủ tứ vệ môn à : Cho vào chờ khá cho ra, ai nghịch mạng chém đầu làm linh ».

(Xướng) :

Hắc dạ sơ canh thám đông tây.

(Hát khách thi) :

Vị chúa tương tùy bá chiến trung,

Bình cơ tận lực thị anh hùng.

Não can đồ địa tâm bất tại,

Bất phách Tào mang kỷ vạn trùng.

2. *Khách phú*. — Khi nào câu hát khách soạn trên bảy chữ thì gọi Khách phú. Khách phú dùng văn Phú-lục có vần đáp. Trong những lớp tuồng hai tướng gặp nhau hỏi nguyên do về việc giao-chinh hoặc các vai tuồng hỏi nhau về điều quan-trọng, thường hát khách phú.

Trong lớp Cồ-Thành (Tuồng Tam-Quốc), nhị tẩu phân-giải cho Trương-Phi nghe bằng điệu Khách phú :

« Tàu tàu tại tư (chị có nghe tin) Lưu-Hoàng-Thúc

Nhữ-Nam quy ty,

« Lao lao chi thử, Quan Quân-Hầu nhưt lộ phò tri. »

Trương-Phi đáp : « Thâm nghi, thâm nghi ! Bất thính, bất thính ! Phi nghi lại :

(Hát Khách phú) :

« Tào-Tháo gian-hùng, bí tàng dĩ thiên phương
loạn chí,

« Quan-Hầu nghĩa-khi, hà bất năng nhứt tử thù tri »,

Quan-Hầu đáp : Hiền-đệ vật đa từ, đa từ ; Ngu huynh
chân hữu quá, hữu quá.

(Hát Khách phú) :

« Thử nhứt hàng Tào, bất tể sự thi kỳ ngu dã ;

« Kim triệu khử Ngụy, hạnh tương phùng duy
nguyện thử chi ».

3. *Khách tử*.— Trong điệu hát khách còn có khách
từ dùng khi lâm chung. Thái-Tử Na-Tra lúc thối hát
khách tử.

Na-Tra :

Khả lân, khả lân a, khả tích khố, càn khôn ch
tú khí,

Kham ta hồ, nhứt nguyệt chi tinh di.

Hườn kỳ cốt nhục, hườn kỳ mạng,

Thủy lưu thanh bạch, chỉ lưu danh.

Hồn thiên lãng hươu sát phạt,

Càn khôn quyện bãi tung hoành.

Tiểu-nhân triều mộ thường ân oán,

Quân tử tồn vong bất đảo khuynh.

Huy đao tự bá ly tình kiếm,

Tam xích hương hồn vãng Ngọc-cung.

4. *Khách tàu mã.*— Lối hát khách này dùng khi lên ngựa chạy mau để trốn giặc, trốn tình nhân hoặc đi phi báo việc gấp.

Trong tuồng « Sơn Hậu » lúc Tạ-Ôn-Đình chạy trốn binh Tề có hát khách tàu:

Tạ-Ôn-Đình (nói lối):

Thậm cấp chơn thậm cấp,

Chỉ nguy thì chỉ nguy.

Nó ùng ùng như lửa muôn xe,

Ta chẳng khác nước kia một gáo.

Ấu là :

Thượng mã hườn hườn ty,

Đề thương lẫm lẫm khai.

(Hát khách tàu):

Trực văn sanh phương lữ hồ oai,

Đề thương khóa mã tốc bồn khai,

Vọng khán Tề binh truy bá vạn,

Ngó đơn thân tấn thối cùng đồ.

Dịch-Thanh trong tuồng « Ly Thận » khi trốn Thoại-Ba lên ngựa chạy có hát khách tàu.

Dịch-Thanh (lối):

Kinh ngư du đại hải,

Hường mao ngộ thuận phong.

Ấu là :

Đề thiết kỵ cao xung.

Huy kim thương trực tấn, a...

(Khách tàu) :

Đề đao được mã tàu khinh khinh.
 Khắc nhứt trường xu vạn lý trình.
 Thừa hỉ chinh Liêu tiền lộ cấp,
 Trân-kỳ hữu nhứt thượng đơn đình.

Quân phi báo việc gấp hát khách tàu mã :

Hoang mang sách mã tàu nhu phi,
 Báo lai trào nội đặc tương tri.
 Hành điều đạo na từ vạn lý,
 Vọng hồ tung mạc nai thiên lao.

5. *Khách tửu*.— Lối hát khách này dùng khi uống rượu. Trong tuồng « Sơn Hậu » Vua Tề cùng các quan uống rượu có hát khách tửu :

Tề Vương (lối) :

Truyền khai đại yến triều đàn,
 Tứ đẳng đẳng công khanh hoan lạc.

Bá Quan (uống rượu rồi hát khách) :

Diên trung hảo tửu chúc long nhan,
 Ngự hưởng xuân tiêu lễ tạ an.
 Phong xuân phất phất triều đơn phụng,
 Võ lộ phiêu phiêu yến thưởng lang.
 Kiến chúc Tề trào an bàn thạch,
 Thế như đông hải, thọ nam san.

6. *Khách Nam liên xướng*.— Trong một lớp tuồng, có khi một vai hát Nam rồi mấy vai khác hát Khách, gọi « Khách Nam liên xướng ». Như trong tuồng « Kim-Vân-

Kiều », lúc Kim Trọng đi trấn-nhậm có hát Nam và gia-quyển hát Khách :

Kim-Trọng (nói lời) :

Vây thời : Vây một đoàn cầm hạc, tác ngàn dặm quan san. Sắp lưng từ cổ lý gác an, bắc mặt chỉ Lam-Tri giờ vọt. (Xong)

(Hát Nam) :

Bắc mặt Lam-Tri giờ vọt,
Chấn dân trời giữ một niềm ngay.

Vương Ông, Vương Bà, Tuy-Vân, Vương-Quan đồng hát Khách :

Lam-Tri huề quyển mã đề khinh,
Cầm hạc tiêu dao tráng thử hành.

Kim-Trọng (hát Nam) :

Tang bồng đã trả nợ trai,
Nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu ly.

Tứ nhol đồng hát Khách :

Hoa huyện phong thanh, thực thủy thừa hoan gia
khánh hậu.
Cầm đường nhật vĩnh, đánh chung đãi dưỡng
quốc ân vinh.

Kim-Trọng (hát Nam) :

Nhộn nhàng lạc ngựa tiếng vang,
Huyện đang vừa tới, xuống an vô về.

đ) *Xướng*.— Xướng nghĩa là nói lớn lên một cách chậm rãi cho mọi người đều nghe. Một vai tuồng, mới

ra mắt khán-giả thường xướng bốn câu đề tỏ tâm-sự hoặc hoàn-cảnh của mình. (Tuồng Kim-Vân-Kiều)

Túy-Kiều (xướng) :

Thâm quê tịch mịch chánh hoài xuân,
Băng ngọc hồn vô hạn diễm trần.
Thượng uyển danh hoa khoa phú quý,
Đồng tường điệp sứ uổng lao thân.

Đieu-Thuyền, trong tuồng « Phụng-nghi-Đình », ngồi một mình trong khuê phòng, than thở tình duyên bằng điệu « xướng ».

Đieu-Thuyền (xướng) :

Khô tâm à...
Độc tọa thâm khuê ám tự thương.
Hàm tình vô ngữ lệ lan lan,
Tân kê cầu mẫu tâm vô diện,
Hà xứ tình nhân giải muộn khan.

e) **Bạch.**— Bạch là bày tỏ rõ-ràng cho mọi người biết. Những vai tướng võ, kếp núi, thầy rùa, đào chiến v.v. trước khi xưng tên, thường bạch bốn câu hay hai câu đề biểu-thị cái chi-hướng hoặc tài-lực của mình. Bạch thường dùng câu Hán-văn bảy chữ.

Trong tuồng Tam-Quốc, ba anh em Lưu, Quan, Trương bạch như sau ;

Lưu-Bị (bạch) :

Tam phần đánh túc liệt can qua,
Cái thế công danh độc ngã kỳ,

Quan-Công (bach) :

Vạn cổ trung can huyền nhưt nguyệt,
Nhứt tâm nghĩa khí định sơn hà.

Trương-Phi (bach) :

Thình nhược cự lôi khu hồ báo,
Oai như điền xiết tâu long xà,

Ba người đồng xưng tên :

Hội đào viên tá nghiệp Hán gia.
Ngã Lưu-Bị... Quan-Công... Dực-Đức.

Có khi bach bằng một bài thi tứ-tuyệt. Châu-Du, trong tuồng Tam-Quốc, bach như sau :

Châu-Du (bach) :

Hoành hành tứ hải chiếm trung đô,
Danh quán anh hùng thế thượng vô.
Đồng quá long môn oai lâm lâm,
Thân phi thiết giáp sáng cơ đồ.

Bach cũng có thể dùng những câu văn ngoài bảy chữ. Như Tiêu-hóa-Long, trong tuồng Kim-Thạch kỳ duyên, bach.

Tiêu-hóa-Long :

Thần cung nhưt bả, quải phò tang,
Thiên hạ anh hùng mạc cảm đang,
Sử ngã cảm phạm, kinh ngạc tiếm tôn bắc hải,
Huy ngô bửu kiếm, tỳ hưu viễn tích nam san.

g) Ngâm. — Ngâm là điệu ngâm thi Đường-luật. Giọng ngâm nghiêm-nghị và tha-thiết dùng để tỏ tình luyện-ái

khi vợ chồng hay tôi chưa sắp xa nhau. Thường các vai tuồng ngâm thi và hát Nam trong bữa tiệc tiễn hành. Kim-Trọng và Túy-Kiều ngâm như sau :

Kim-Trọng (lối) :

Rượu tống biệt lưng voi một chén,
Lụy tương tư chua xót hai hàng.
Hàm sâu thiên các nhứt phang,
Tiễn biệt thi ngâm sô cú... HỒ...

(Ngâm) :

Cung thêm mới đặn bóng trăng kê,
Tin nhận mây chia kẻ ở về.

Túy-Kiều (ngâm) :

Bờ liễu vó câu trời mấy dặm,
Biển sâu lai láng lụy thâm quê.

Kim-Trọng (hát Nam) :

Thâm quê ở về chưa xót,
Đôi mắt nhìn mấy giọt thâm bầu.

Kiều (hát Nam) :

Mới gần nhau lại xa nhau,
Chơn rời một bước, ruột đau trăm vòng.

Trọng (hát Nam) :

Trăm năm đã gắn chữ đồng,
Tý Bà xin chớ tay bỗng thuyền ai.

Kiều (hát Nam) :

Phân tay kẻ tới người lui,
Bâng-khuâng mặt bắc, ngâm-ngùi niềm tây.

Trong tường « Bá-Ấp-Khảo », lúc Nghi-Sanh và bá quan thiết tiệc tiễn hành Ấp-Khảo về Kinh để thực tội cho cha là Tây-bá-Hầu, có ngâm thi và hát Khách.

Ấp-Khảo (lời) :

Kim triều tửu phiếm tam bôi thiều,

Lãnh ngoại vân thâm vạn lý trang.

Thâm luy sái song hàng,

Hoài tỉnh ngâm sở cú (Hồ)

(Ngâm) :

Nhứt biệt Tây kinh kỷ độ trình,

Bồi hồi không vọng nguyệt cô minh,

Nghi-Sinh (ngâm) :

Vân hàng thiên ngoại đề mê sắc,

Tửu phiếm diên trung áo não tình !

Ấp-Khảo (ngâm) :

Tráng sĩ bồn vô nhi nữ luy,

Hành nhơn yên hữu biệt ly thình.

(hát Khách) :

Cảnh cảnh hoàn đô, thiên lý quan san thiên lý mục,

Du du cố quốc, giá ban cảnh sắc giá ban tình.

Nghi-Sanh (hát Khách) :

Phất phất chinh trần, vạn lý lan đình thời dịch lộ,

Sô sô hành sắc, thiên chi liễu ngạn tổng điều an.

— Xem đoạn trên, chúng ta thấy cái khéo trong cách hạ câu hát của người soạn tường cổ. Cũng trong tình cảnh phân-ly, nhưng Kim-Trọng và Thúy-Kiều ngâm rồi

qua hát *Nam* (bi), còn Bá-Ấp-Khảo và Nghi-Sanh *ngâm* rồi hát *Khách* (hùng).

Xét kỹ trường-hợp của Kim-Trọng xa Túy-Kiều buồn thật. Vợ chồng vừa hứa hôn cùng nhau, kể bị tang chủ, Kim-Trọng phải đành xa người yêu. để về thọ-tang. Song về phương diện tâm-lý, cái « đi » của Kim-Trọng không có chi gọi là nguy-hiểm cả, nên trong tiệc rượu Kim-Trọng *ngâm* rồi hát *Nam* để tỏ tình phu-thê quyến-luyến trong lúc chia bâu.

Trái lại cái « đi » của Bá-Ấp-Khảo thật đầy nguy-hiểm. Ấp-Khảo đem bửu vật đến dâng cho Trụ-Vương để chuộc tội cho cha bị giam-cầm nơi Dữu-Lý. Ai ai cũng dự biết Trụ-Vương là kẻ hôn-quân, lại sủng-ái Đắc-Kỷ, nó nói điều gì cũng nghe theo cả. Thế nên chuyến đi của Ấp-Khảo có thể gọi là chuyến đi vĩnh-biệt. (Thật ra Ấp-Khảo bị giết trong chuyến đi này vì lời xàm-tấu của Đắc-Kỷ). Nhưng bởi hiếu với cha và trung với nước, nên Ấp-Khảo phải cắt bước ra đi. Nay Nghi-Sanh và bá quan thiết tiệc tiễn-hành, trong lòng Ấp-Khảo vẫn buồn vì tôi chúa phải xa nhau, nên khởi *Ngâm* rồi kể đó, thay vì hát *Nam* như Kim-Trọng, lại bắt qua hát *Khách*, để tỏ cái chí-khí của người anh-hùng, vì nghĩa-vu nên không sợ chỗ gian-nan nguy-hiểm. Soạn câu hát như vậy thật đúng tâm-lý và rất hay!

h) Thán.— Thán là than-thở. Đêm khuya canh vắng, xa nhà xa xứ sở quê-hương, một mình than thân trách phận, thường vai tuồng tự thán bốn câu hoặc nhiều câu bằng chữ Hán.

Cũng trong tuồng Bá-Ấp-Khảo, khi Tây-Bá-Hầu tức là Cơ-Xương, bị giam nơi Dữ-Lý, cô thân độc-thân như sau :

-- Thiên cao dần dần ! Địa hậu minh minh ! Bất thức ngã ưu quân chi ý. Vô tri ngộ ái quốc chi tình !

Vọng khán Tây-Đô, tịch tịch vô tùng âm tín đoạn.

Hồi chiêm cố-quốc, du du đồn giác mộng hồn kinh !

Trong tuồng « Ly-Thận » lúc Dịch-Thanh ở Thận-bang (Thiện-bang) đêm khuya nhớ chúa và nhớ mẹ, thân rằng :

Bi phong ngũ dạ quá tường đông,

Não khách thời văn cổ tự chung.

Ngô-quân hồ !

Ngọc khuyết cứu thiên lao mộng寐,

Mẫu thân hồ !

Đình vi thiên lý trường âm-dung.

(Tam dịch : Đêm năm canh, ngọn gió buồn, thoáng qua bên tường đông. Người khách buồn thăm thỉnh-thoảng nghe tiếng chuông của một ngôi chùa cũ ở xa vọng lại. (người khách chỉ Dịch-Thanh. Năm mơ tưởng đến quân vương (ngọc khuyết) mà lòng băn-khoăn thương nhớ. Lo lắng cho mẹ ở nhà cách xa ngàn dặm và nhớ đến tiếng nói cùng hình-dung của mẹ).

i) **Oán.**— Oán là ai-oán, dùng khi khóc người quá cố, hoặc khi oán-trách vận-mạng.

Túy-Kiều khóc Từ-Hải (Oán):

Can tràng đoạn, can tràng đoạn !

Phế phủ phân ! Phế phủ phân !

Sử quân tao uổng tử, thị thiếp ngộ lương nhân.
 — Kỹ tải kinh dinh bá chiến công,
 Kim triều vị thiếp ngộ anh hùng.
 Dụ hàng thù thị tiềm gian kế,
 Sơn hải chung tình nhứt mộng trung !

Trong tuồng « Sơn Hậu » Đồng-kim Lân khóc Khương-linh-Tá, bị Ta-ôn-Đình giết :

(Lối) :

Ta Linh-Tá, ta Linh-Tá !
 Mạng dĩ vong, mạng dĩ vong.
 Thủ cấp lưu tại thử,
 Công hà nhứt kiến công (Hồ).

(Oán) :

Ta Linh-Tá, Ta Linh-Tá
 Thán thiên vương, thán thiên vương !
 Thán thích thích can trường sầu đoạn đoạn,
 Hốt đề mê lụy ngọc sai uông uông.
 Dẫn ước bách niên tồn huynh đệ,
 Thù tri nhứt đán biệt thâm thương !

k) **Quân bang.**— Khi một nước kéo binh đi dẹp giặc biên thù hay một tướng-soái cử binh về trào vấn tội nghịch thần, thường cho quân cầm cờ hiệu đứng tại cửa buồng hay đi ít vòng trên sân khấu, đồng thanh hát bốn câu gọi quân bang để thị oai ?

Phản-định-Công (tuồng Sơn Hậu) kéo binh về trào đề trừ Họ Ta, cho Quân bang :

Phụng thiên oai, phụng thiên oai.
 Thừa tướng lĩnh, thừa tướng lĩnh.
 Nguyên tặn phế sanh cầm Tạ-thị,
 Quyết phơi can khôi phục Tề-bang.

l) **Hát bài.**— Khi chúc thọ cho Vua, các Mỹ-Nữ vừa múa vừa hát bài như sau :

Mỹ-Nữ (Dạ) :

Cúi đầu dưng thánh thọ.
 Ngửa mặt chúc thiên ca.

(Hát Bài) :

Lâu dài thập nhị tấu sanh ca.
 Tịnh xướng tiêu hoa hiển tuế hoa.
 Diêm đích đồng long lưu bích thủy,
 Linh lung ngọc thổ chiếu sơn hà.
 Nhơn nhơn phách thủ xang cầm nhạc,
 Xứ xứ khai nhan hiển thọ hoa.
 Đệ tử lệ viên phùng hảo cảnh.
 Sơn hà đảnh trí chúc hoàng gia !

m) **Tán.**— Đường hát Nam, vai tuồng đem thêm một câu chữ Hán gọi Tán.

Bà Nguyệt-Kiều xuất gia đầu Phật, trong tuồng Sơn-Hậu, hát Nam và Tán như sau :

Nam : Phật đạo non tiên chí thiếp, tấm lòng thành sở mộ nào người.

Tán : Hà thời phân thuyết nhơn tình tặn, nhứt nhứt công phu nhứt nhứt nan.

Nam : Bạn lòng muốn dứt dây oan, sự đời mặc thế biếng han sự đời.

Tán : Ác nghiệp mãn bằng vô đơn tải, Bất tri phong tống hữu khách hoàn.

Nam : Cảm thương vì lỗi vì tiên, liễu thân tu trước ngõ đền ơn sau.

Phăng phăng tách dăm thuyền từ, ngao du nước tri, ta lia non tiên.

n) **Hường.**— Gọi Hường là những tiếng Việt đệm ở giữa hai câu hát hoặc hai câu lối để phụ nghĩa.

Thí dụ : Ủy a ! chừ thôi thời ! Ôi, me ôi ! Ôi, Kim lang !
Chư tướng ! Thế nữ ! á thôi nào ! Hay a ! Thừa
Phu-quân ; nầy nầy, ới mầu răng ; ủa lạ nầy v.v.

o) **Vĩ.**— Khi nói dứt một câu lối, vai tuồng muốn bắt qua hát Nam, hoặc hát Khách, hay muốn Ngâm, Thán v.v. thường nói một tiếng kéo dài ở sau để ban nhạc biết đặt khởi đờn Nam hay đờn Bắc. Ấy là tiếng Vĩ hay Vĩa.

Xin đơn cử một ít tiếng Vĩ thường dùng :

Hồ (nghĩa muốn qua Ngâm, Thán hay Lý)

Xong hay *Tới a* (muốn qua hát Nam)

Thưa thỉnh bầm (muốn hát Khách)

Hảo a (muốn hát Khách (tầu) v.v...)

p) **Láy.**— Trong điệu hát Bội đào kép thường phải thêm những tiếng a, ư, ý a, ừ, hừ ở sau một câu hát để cho ăn theo đờn kèn. Đó là những tiếng *láy* đặc-biệt của điệu hát Bội.

q) **Giáo đầu và chúc vãn.**— Một tuồng hát Bội lúc khai-diễn thường có mấy câu của vai tuồng ra trước nhất, khoan-thai nghiêm-ngệ hát lên gọi « Giáo-đầu ».

Trong tuồng Bá-ấp-Khảo giáo-đầu :

Hải yển trình diễm thanh tri,
 Hà thánh mở vận xương kỳ.
 Rạng đèn nam cửu ngũ long phi,
 Ngồi sân bắc tam thiên hồ bá.
 Long vân hội, long vân thiên tải,
 Ngư thủy phùng, ngư thủy nhứt tràng
 Ngô lĩnh tử Cơ-Xương, biểu tự xưng Ấp-Khảo.

Khi gần chấm dứt buổi hát, các vai tuồng còn lại ở lớp chót đồng thanh hát bốn câu gọi « Chúc Vãn ».

Bốn câu chúc Vãn trong tuồng Bá-ấp-Khảo :

Mừng đã đặt an thổ võ,
 Toại thay hội hiệp quân thần.
 Chúc Nam trào thọ khảo như san,
 Nguyễn Tử Hải dân khương vật phụ ?

r) **Các giọng phụ.**— Trước đây là các Giọng hát chánh của hát Bội, còn nhiều giọng hát phụ khác, dùng vào các trường hợp đặc-biệt như :

Giọng đào điên ; điệu thiên hay thoàn (của sư tăng) ; điệu phù thủy (của pháp sư) ; Thái (đào cầm quạt vừa múa vừa hát) ; Giao duyên (hát lúc vợ chồng hiệp cần giao bôi) ; Giọng gian nan (của các vai hề) ; lý quân canh ; lý mọi ; lý quảng ; ru con, v.v...

IV.— VĂN CHƯƠNG HÁT BỘI.

Văn hát Bội hay về lối cổ-diễn. Những câu nói lối thường dùng thể văn biền-ngẫu có cân đối. Lời văn chen lẫn chữ nho và tiếng nôm và kết-cấu từ 4,5,6,7,8 chữ hoặc nhiều hơn.

Văn nói lối có nhiều câu rất tao-nhã và dùng để tả cảnh tả tình rất hay. Văn tả cảnh nghèo như câu : (Tuồng Kim-Vân-Kiều)

Kim-Trọng (nói lối) :

Xịch-xạc ba gian lều cỏ,
Bơ thờ một bức màn gai.
Khi sao vào các ra dài,
Chừ lại dầm mưa dãi nắng.

Hoặc câu :

Nhà dột ba căn, trời để trứng,
Vách xiêu bốn phía, nhện ru con.

Văn tả cảnh thanh-phong minh-nguyệt (Kim-Thạch kỳ duyên).

Kim-Ngọc :

Trời xanh nguyệt rạng,
Gió mát sóng trang,
Trăng thanh mặt nước rơi vàng,
Sao tỏ da trời nhận ngọc.

Văn tả tình như lúc Địch-Thanh nhớ mẹ nói lối : (Tuồng Địch-Thanh lý Thận)

Lỡ bước vì người Đinh-Quí,
 Gá duyên tam với Thoại-Ba,
 Trăng hồng-lầu giục nảo cùng ta,
 Gió cổ-quốc đưa sầu cho mỗ.
 Mẹ ôi !
 Mẹ nương cửa nhọc tình triều mộ,
 Con trông mây tủi phận thần hôn,
 Bồi hồi vạn lý ngọc môn,
 Trừ trường tam canh hồ sắt...
 Mặt lơ lảo bỏ cùng trời đất,
 Lụy vắn dài khóc với non sông.
 Nỗi thần hôn con đã thẹn-thùng,
 Vòng hoạn nạn mẹ mang lao-lực.
 Tưởng tới dầu sôi sục sục !
 Nhớ thôi lửa dậy phừng phừng !

(Giận nổi thẳng Bàng-Hồng) Cừ đem thôi tạt nắng, vu cho người phản quốc.

Cơm Tăng-thị chưa đèn một tấc,
 Mây Thái-hàng trông mỗi ngàn trùng.
 Đơn-bang hoa-thảo tỏa sầu dung,
 Tống-quốc sơn-hà di biệt hận.

Trong các tường hát Bội, vẫn nói lối thường chiếm một phần quan-trọng. Ngoài lối văn biên-ngẫu, soạn-giả cũng có khi dùng *tục-ngữ ca-dao* Việt-nam để phổ-diễn ý-nghĩ của mình.

Vì như trong lớp tường Kim-Thạch kỳ-duyên sau đây

Cụ Bùi-hữu-Nghĩa tả cảnh vợ lớn, vợ bé đay-nghĩ lẫn nhau bằng câu tục-ngữ ca-dao rất hợp tình.

Lợi-Đồ viết :

Tân thăng tri-huyện, mỗ hiệu Lợi-Đồ,
Đường khoa mục không ngờ, việc phụng thù quá kỹ.

(Nói với hai vợ ở chung một nhà) :

Hai em ngồi, Tể thử thanh phong minh nguyệt,
Lại có hai em là, Đỗ tư quốc sắc thiên hương.
Như ta, làm trai hai vợ thương đồng.
Ấy đó, lời thề ba bà giúp một.

Bạch-thị (vợ lớn) :

Thưa xin đừng nói tốt, tôi găm ở không bằng.
Từng thấy nhiều, tham đó bỏ đặng,
Hãy đề vậy, chẻ tre nghe lóng.

Điêu-thị (vợ nhỏ) :

Thưa chị, nói làm chi cái giọng,
Chớ em, cam chịu thiệt là phần.
Như chị em ta là, thân cây da, da cũng cây thân
Chớ đừng, kiến ăn cá, cá thời ăn kiến.

Lợi-Đồ :

Á thôi, khéo gáy nên chuyện, nói ít suốt nhiều ;
Mụ lớn đừng nói ột nói tiêu,
Đĩ nhỏ chớ cá riêng cá tôi.

Cũng trong tuồng « Kim-Thạch kỳ-duyên » lúc thầy thuốc Thạch-đạo-Toàn bị bắt giam vì hàm oán (1) ở nhà con gái là Thạch-vô-Hà xin với mẹ đem đợ nàng dâng kiếm tiền về chuộc tội cho cha. Văn nói lời của hai mẹ con có nhiều câu tục-ngữ như sau :

Cháu-Thị :

Con ôi ! như mẹ con ta chừ, nước không một gáo,
lửa có muôn xe.

Như gia đạo người ta, nát giở hầy còn tre,
Chớ như gia đạo mẹ con mình, rán sành sao ra mỡ.
Thời, việc không nên một thuở, họa ắt đến ngàn đời.
Ngóng cổ kêu, kêu chẳng thấu trời,
Ôm bụng tỉnh, tỉnh không ra nước.

Thạch-vô-Hà :

Thưa mẹ, trẻ xin đừng một chước,
Già ngô bớt ba lo.
Vả con chẳng chút phạm liễu bồ,
Thương cha luống mắc vòng hạ sở.
Việc ni, một là tổn của, hai nữa thiệt thân ;
Vậy thời, xin đem con kiếm chốn đợ dần,
Ngôặng của chuộc nơi ràng buộc.

(1) Bạch-Thị, vợ lớn của Lợi-Đồ bị bệnh, ông thầy thuốc bắc Thạch-đạo-Toàn được mời đến chẩn mạch đầu thang. Chẳng may người vợ nhỏ Diêu-Thị lên bỏ thuốc độc vào thang thuốc, giết chết vợ lớn để rảnh tay. Thầy thuốc Thạch-đạo-Toàn can án giết người nên bị bắt giam.

Châu-Thị :

*Ai từng cắt ruột, mi biểu đánh lòng ;
Thà với nhau một cửa chung cùng,
Nỡ khiến trẻ riêng mình lưu lạc.*

Thạch-vô-Hà :

*Thưa mẹ.
gặp cơn tráo chác, sao dặng vương tròn.
Như con là :
Tóc tơ chưa trả nợ nước non,
Son phấn quyết giầy nơi gió bụi.
Nếu lằm lời riêng tôi,
Thêm đau dạ buổi bồng.
Con nói thiệt :
mẹ dầu chẳng ưng lòng,
Con nguyện không thấy mặt.*

Châu-Thị :

*Con đà quyết chắc, mẹ phải đánh liều ;
Cắt ruột rá chẳng đã phải theo,
Chia máu thịt nghĩ đau quá đổi.
Chừ, biết ai hầu đem mối, dặng kiếm chốn trao
thân.
Trách lòng trời, khéo gây cuộc phân vân,
Nhìn mặt trẻ, luống đau lòng ly biệt.*

Khi hai vai tuồng công-kịch lẫn nhau, dùng vận xuôi
đề nói lối sẽ gọi được sự sôi-dộng trong câu chuyện.

Trong lớp tường « Địch-Thanh ly Thộn » trích sau đây, khi Địch-Thanh trốn qua Tây-Liên, công chúa Thoại-Ba theo bắt kịp, vợ chồng đối thoại bằng văn xuôi xen văn vần, nghe rất gay cấn.

Địch-Thanh.— Thưa, tôi chào công-chúa, trông thế công chúa làm ngơ đó chẳng ?

Thoại-Ba.— Làm ngơ chẳng làm ngơ ?

Địch-Thanh.— Công chúa giận đó chẳng ?

Thoại-Ba.— Giận chẳng giận !

Địch-Thanh.— Công chúa giận cũng phải lắm chứ, nhưng xin công-chúa nghĩ lại cho kẻ hạ quan nhờ : Nếu bỏ tay hào-kiệt, sao gọi đứng anh hùng ; bần nãi vợ nãi chồng, sao rằng trung rằng hiếu ?

Thoại-Ba.— Á thôi, ai không cho ông trung, ai không cho ông hiếu. Nếu muốn hiếu trung cho đáng chữ thủy chung, thời đang khừ tỵ phải cho mình bạch. Đã trốn đi lậm-lach, lại nói chuyện bơ-thờ ; còn trách thiếp lậm ngơ, nghĩ không nên giận hay sao ?

Địch-Thanh.— Công chúa nghĩ đó coi : Nay thẳng Bàng Hồng nó xâm tấu cùng Thánh-thượng rằng hạ quan là kẻ phản-quốc sự-cừ, nên lệnh trên dạy bắt giam từ mẩu nơi ngục nội. Thôi thôi, oan ấy ý khôn đôi chối, lụy này đòi bữa chứa chan. (Công chúa là dâu) đó dâu hiền còn động lòng vàng, (huống chi) đây con thảo há đem thói bạc.

Thoại-Ba.— Nguyên-soái biết thương mẹ, chớ thiếp đây không biết thương mẹ hay sao ? Thời mẹ Tề như mẹ Tấn, lòng đó cũng lòng đây. Như nguyên-soái có thương mẹ

thời nói với thiếp, thiếp vào tàu cùng Phụ Vương, dầu có chi cũng chẳng can chi, cái này ông trốn ông đi, bởi thương lắm cho nên giận lắm !

Địch-Thanh.— Có thương thời đừng giận, còn giận cũng như không thương. Xin công chúa cho tôi đi, dâng trả nợ quân vương, cho thỏa tình mẫu tử.

Thoại Ba.— Tệ bởi ai sanh sự, chớ trách thiếp sự sanh ; quyết nắm chú vô tình, cho biết tay độc thủ. (T.B. núp áo Địch-Thanh).

Lưu Khánh.— Thưa công-chúa, đã biết : đạo mặc tiên hồ phu-phu, đó chút ; nhưng mà, nghĩa tối trọng giả quân-thân. Xin buông nguyên soái tôi ra dâng : chinh Liêu đoạt thủ quốc trần, hồi Tống thúc khai sanh diện. Công chúa hãy buông nguyên soái tôi.

Thoại Ba.— Răng răng tao cũng không buông mà thôi.

Lưu Khánh.— Thưa nguyên-soái, liệu hà mưu, coi nỗi nguyên-soái tôi, ăn xoi chùa ngọng miệng, bị nước bí bó tay...

Văn nói lối có khi đề tả địa-vị và nghề-nghiep của vai tuồng rất hay. Ví như đoạn văn sau đây, trích trong tuồng « Kim-Thạch kỳ-duyên » là những câu nói lối của ông thầy thuốc bắc Thạch-đạo-Toàn vừa tả gia cảnh theo ý-nghĩa câu tuồng, vừa là những tên các vị thuốc bắc.

Thạch-đạo-Toàn.— Thú vui sanh-địa (1), nghiệp dãi Huỳnh-Kỳ (2). Đất Tư-môn từ thuở đương-qui (3) ; Dòng Thạch-thị nghề y quán-chúng (4).

(1) Sanh-địa : Chỗ làm ăn được. Vị sanh-địa trị tê-thấp. Nghĩa trước là nghĩa theo câu tuồng, nghĩa sau là nghĩa tánh được.

(2) Huỳnh-Kỳ : Huỳnh-đế và Kỳ-bá là hai ông tổ thầy thuốc.

(3) Đương-qui : Lập nghiệp. Vị đương-qui bổ tâm, bổ huyết.

(4) Quán-chúng : Nghề làm thuốc hơn người ta hết. Vị quán-chúng là rê cây ràng trị tả lợi.

Như ta,

An-tức Thanh-nang (5) vận dụng,

Thung-dung đơn-táo (6) luyện thành ;

Phương thang tô-hạp bịnh tình (7),

Mạch lý quyết-minh sanh tử.

(Linh lệ đến : Thừa, quan huyện mời thầy sang coi mạch).

Đạo-Toàn :

Đầy qua đó vốn đã thực-địa (8),

Vùng linh đòi nguyên bất lưu hành.

Lợi-Đồ :

Mừng thầy, minh sư tăng hữu đại danh

Số là, chuyết phụ ngẫu triêm vi dạng (9).

Chữ thời :

Mạch nọ coi qua cho hẳn, thuốc kia đầu lại mới linh.

Đạo-Toàn :

Như bịnh bà nay, Kim-anh thử bịnh tình (10),

Chỉ thiết pbi ác hậu (11) ;

Chẳng qua là, Chương-não (12) trí thương tạng phủ.

(5) Thanh nang: Sách thuốc ngoại khoa của thầy Hoa-Đà, đời Tam-Quốc.

(6) Đơn-Táo: Phương thuốc trường sanh của tiên luyện.

(7) Phương thang tô-hạp bịnh tình: đầu thang thì chữa đẳng bịnh. Vị Tô-hạp trị ngoại cảm. Quyết minh: Biết chắc. Vị quyết-minh-tử trị đau mắt, nhỏ tan cườm.

(8) Thực-địa: Đất quen thuộc. Vị thực-địa là rễ cây địa-hoàng đã nấu chín dùng làm thuốc.

(9) Ngẫu triêm/vi dạng: Xảy nhóm bịnh mọn.

(10) Vị kim-anh-tử, trị sát trùng và bạch trọc.

(11) Chỉ-thiết: trái trúc, uống tiêu thực.

(12) Chương não: long óc. Vị chương não, long não, trị ghê.

Chữ thôi thời : Tôi đầu, phòng-phong (13) điều dưỡng
tinh-thần.

Thưa, Được phương dung lại sử-quân, thảo thảo xin
lui Thạch-tử.

Sau hết, xin trích một đoạn văn nói lối trong tuồng
« Tượng kỳ khí xa » (Cờ tướng thí xe) của Hoàng-cao-
Khải, tượng-trung cho lối văn có khí-phách của quí vị
anh hùng tuấn-tiết vi đại-ngĩa.

Thành Bình-Định cùng nhau ba tử-tiết (Quân báo đã
gần hết lương-thực rồi).

Võ-Tánh :

Nay nhưt dân sự-cơ tương bách,
E tam quân tách mạng nan toàn.
Thà mình ta êm giấc suối vàng,
Cho quân-sĩ thoát vòng mũi bạc.

(Ồi quan phó-soái, tôi nói thiệt cùng người như tôi
bây giờ) :

Lầu tám góc đánh chôn lửa đỏ,
Cửa chín lần ngõ giải lòng đau.

(Tôi nghĩ rằng : quân giặc nó giết thì chỉ giết một
mình tôi thôi)

Thế cho nên :

Người văn-quan lo lấy sự toàn,
Tôi võ-tướng đã cam chịu thác.

(13) Phòng-phong : Ngựa phong. Thanh phòng-phong trị nhưc đầu.

Ngô-tùng-Châu.— (Dạ, Nguyên-soái dạy làm vậy, nhưng tôi nghĩ rằng văn võ đều là tôi triều đình cả. Bởi thế cho nên). Người đã không ái tử, tôi cũng quyết quyền sinh. Do lai văn võ lưỡng đồ, đồng thì tôn thân nhứt niệm.

Võ-Tánh.— Hảo trượng-phu chí chí-khí a !

Ngô-tùng-Châu.— Tôi xin lui.

Võ-Tánh.— (Tổng-binh Nguyễn-lấn-Huyền, như ta cùng người lâm cơ hoạn-nạn, không lẽ hai ta đều chết cả ; một người mất thì phải một người còn, bởi vì) Nước còn đương nhiều nạn, tôi đâu dễ mấy người. Ta đã đánh hết đạo làm tôi, người cũng phải dành mình giúp chúa.

Nguyễn-lấn-Huyền.— Dạ, dám bẩm quan Nguyên-soái, người dạy vậy, song thiết tưởng : còn thì ta còn cùng nhau, mất phải mất cùng nhau, lẽ nào để cho kẻ mất người còn. Vậy tôi hết lòng vì chúa tở, trả nghĩa cùng thầy. Như tôi, tử sanh quyết ở phen này, giúp nước thiếu gì người khác.

Võ-Tánh.— Hảo nam tử chí hung-khâm a ! (Người nam tử dữ-tợn mà đáng kính thay !) Hai người ta quyết kế, lâu bát-giác sửa sang, củi khô thuốc súng sẵn-sàng, ba ngày sẽ lên giàn hỏa. (Đồng hạ).

Ngô-tùng-Châu. (Ra).— Như ta nay : Thân quán gì lâm cát, lòng đối với giang san ; dẫu không tài được-mã khóa-an (cỡi trên yên ngựa phóng chạy), chẳng kém kẻ thao-chùy binh-tiết (múa chùy cầm cương giục ngựa).

Chí này đã quyết (quân), độc-được (khả) tương lai.
(Quân đem thuốc độc lại).

Ngám : (Xưa nay ai cũng nói văn thần ái-tử, nay ta là văn thần, nào ta có sợ chết đâu).

Này thực gan già chẳng phải non,
Cũng như vàng đá đỏ như son
(Thuốc này là thuốc độc hả ?)
Thuốc này xin chớ cho là độc,

(Bởi ta có chết đi nữa, cũng là được thơm danh về sau, thế thì uống vào chẳng là ngon lắm ru ?)

Danh tiết mùi thơm chắc của ngon.
(Ngô-tùng-Châu chết).

Quán báo.— Dạ dạ, quan Hiệp-Trấn đã mất rồi.

Vô-Tánh.— (Nào ở đâu ? Quan Hiệp-trấn đã mất thiệt rồi !) Như mần ri : Khóc vì tình bầu bạn, mừng vì nghĩa vua tôi ; khen cho xem thác như chơi, tiếc chẳng đợi ta ít nữa.

Than : (Hiền huynh ơi !)

Ai là không thác, đạo phải cho tròn ;
Thương thay hiền-hữu, lòng đỏ như son ;
Vì nòi vì giống, vì nước, vì non,
Dẫu ngàn năm nữa, bia miệng không mòn.

Hựu viết.-- Cảm thương nghĩa cũ, mai táng đã an, cách hai ngày ta sẽ dâng đàn, (quân) truyền chư tướng đồng lai hội diện.

(Đem xác Ngô-lùng-Châu vào, rồi các hàng chư tướng đều ra).

Võ-Tánh. — (Chư tướng) Tờ này hiểu-thị khắp các quan binh, (ta xin cảm ơn các ông nghe) từ khi ta trấn-thủ cố-thành; nhờ tướng-sĩ hết lòng trung-phần; nay binh bị thực tận mà lực kiệt thể cùng; (Ta nghe lời cổ ngữ có nói rằng: « Thành tồn dữ tồn, thành vong dữ vong », nhưng rứa mà ta dầu có chết đi nữa, không thể dễ giặc thấy mặt ta đâu, bởi vậy cho nên) Thành này thệ dữ câu vọng, giặc nọ bất dung kiến diện, (Tướng-quân Nguyễn-văn-Thịnh, nghe ta dặn) Gởi tây tượng phong thư nhất phiến, ta mất rồi người khá giao lai. (Gởi thơ cho tướng Tây-sơn xin đừng giết quân-sĩ trong thành). Thôi thôi, xin từ giã mọi người, (Nguyễn-tấn-Huyền) sẽ lên lầu đồng tọa.

(Võ-Tánh giao thư cho Nguyễn-văn-Thịnh rồi cùng Nguyễn-tấn-Huyền lên ngồi trên lầu Bát-giác).

Nguyễn-văn-Thịnh cùng chư tướng đồng viết. — Trông thấy lầu cao tám góc, nhìn qua củi chất tư bề; xương đồng da sắt khôn bì, dạ ngọc gan vàng mấy kẻ.

Đồng văn :

Dạ ngọc gan vàng mấy kẻ,

Tấm lòng này hầu dễ đan thanh;

Cô-thân đối với cô-thành,

Dầu ngàn năm nữa thơm danh vẫn còn.

Võ-Tánh. — Thiên niên y thành quách, vạn cổ thử giang san; thương thay trăm họ lâm than, hầu dễ một mình êm mát!

Văn :

Hầu dễ một mình êm mát ;
 Quyết phen này ngọc nát vàng tan.
 Minh này đôi với giang san,
 May ra xã tắc lại hoàn như xưa.

Nguyễn-tấn-Huyền.— Trên hết ngay với chúa, dưới
 trọn nghĩa cùng thầy ; thủy chung mong trả ơn dày, ly
 biệt càng thương nghĩa cũ.

Văn :

Ly biệt càng thương nghĩa cũ,
 Tấm lòng này biết thuở nào khuây.
 Âm dương hai ngả chia tay,
 Tồn vong âu cũng thảo ngay một niềm.

Võ-Tánh.— (Truyền phóng hỏa !)

(Nguyễn-văn-Biên lấy lửa, song lại rút rè, không dám
 đốt, rồi bỏ chạy).

Hạ viết : (Thôi thôi xin các ông lui ra, đừng khóc
 làm chi nữa mà !) Một lời xin từ già, các tướng phải
 lui xa, tàn thuốc ném ra, tức thời phóng hỏa.

(Ông Võ-Tánh ném tàn thuốc, tức thì thuốc súng
 bén lửa).

VĂN HÁT NAM.— Văn đặc-sắc nhất của điệu hát
 Bội là những câu hát Nam. Văn hát Nam thường dùng
 câu tiếng Việt lục-bát, song-thất lục-bát, hay lục-bát gián-
 thất. Một đôi khi có đệm câu chữ nhỏ.

Lúc đi đường vai tuồng thường hát Nam Xuân đề tả cảnh vật thiên-nhiên.— Tây-Bá-Hầu, tức là Cơ-Xương, sau bảy năm Dữu-Lý, được tha về nước, dọc đường hát Nam Xuân tả cảnh như sau : (Tuồng Bá-ấp-Khảo)

Cơ-Xương (nói lối) :

Ngao ngán tợ thất lâm phi điều,
 Bơ vơ dường lậu vông kinh ngư,
 Chỉ ải quan giục ngựa từ-từ,
 Trông cố quốc đưa roi nhẹ-nhẹ.

(Hát Nam) :

Cố quốc đưa roi nhẹ-nhẹ,
 Đoái lộ đồ quanh-quẽ trước sau,
 Đòi ngàn lỗ xổ bút lau,
 Vẽ đồ bích hán giặm màu ngân quang.
 Trải qua mấy dặm quan san,
 Lãng xảng sát khí, nhộn nhàng chinh vân.

Thoại-Ba công-chúa (Tuồng Định-Thanh ly Thợn) đi dạo cảnh mùa Xuân với thế-nữ, có hát Nam-Xuân như sau :

Thoại-Ba (nói lối) :

Các con ! nay đã đến xuân rồi.
 Rước gió, liễu giương mấy sắc,
 Chào sương, đào nhuộm trăm màu.
 Chừ thôi thời :
 Mượn ngàn mai giải thừa cơn sầu,
 Vầy một cuộc dạo chơi cảnh lạ.

(Hát Nam Xuân) :

Cảnh lạ da cho thỏa da,
 Kéo lâu ngày lã chã châu rơi.
 Vòng mây dẹt gấm giữa trời,
 Cá trổng mắt nước, chim cười đầu non.
 Giang sơn dầu trước hầy còn,
 Nửa vòng phong nguyệt vuông tròn như xưa.

Chúng ta nên thưởng-thức mấy câu hát Nam Xuân tả cảnh đi đường trên đây. Nó gợi lại trong trí nhớ chúng ta những kỷ-niệm êm-đềm về các phong cảnh hữu tình mà chúng ta thường mục-kích trong khi đi du ngoạn nơi chốn lâm-tuyền sơn-dã.

Nam Xuân thì tả cảnh đi đường lúc vui tươi, Nam Ai lại tả cảnh buồn-phiền đau-khổ. Ví như mấy câu Nam Ai của Thoại-Ba hát sau đây để tỏ nỗi sầu thảm của người vợ đi tìm chồng là Địch-Thanh đã trốn thoát Thộn-bang.

Thoại-Ba (lối) :

Thôi, thôi !
 Giục vó lừa xông lướt non xanh,
 Cấp bửu kiếm dò lần dặm tía.

(Nam Ai) :

Bửu kiếp dò lần dặm tía.
 Giữ một lòng trọn nghĩa từng phu.

Thế-nữ :

Nghĩ thầy tớ cũng đeo sầu,
 Chim cưu ngao ngán, hà châu một mình.

Thoại-Ba :

Hữu tình mà hóa vô tình,
Bơ vơ phận thiếp, lênh đênh nỗi chàng.

Thế nữ :

Non xanh nước bích muôn trùng,
Người quen cảnh lạ thẹn thùng với ai.

Thoại-Ba :

Cang thường một gánh hai vai,
Thề cùng sông dải núi mai mà thôi !

Trên đây là những câu hát Nam bằng thơ lục-bát. Cũng có khi dùng câu thơ lục-bát gián-thất, như lớp Khương-Thượng hát Nam dưới đây :

Khương-Thượng (hát Nam) :

Thương thầy nhớ bạn nào an,
Phất phơ trông gió, mợ màng đợi mây.
Đoái cỏ cây, xa miền tiên động,
Khinh phiêu tùng, phong tống mang mang.

Trong tường « Tiết-Nghĩa phục rượu Tiết-Cương », lớp Tú-Hà, vợ Tiết-Nghĩa, tự-ái có hát Nam Ai bằng thơ « lục-bát gián-thất » :

Tú-Hà (hát Nam Ai) :

Chịu đại đường ăn nỗi ái,
Tâm sự này khó hỏi ông xanh.
Mảnh gương phút đã tan-tành,
Xuân vi giá lạnh, thu đình trắng trong,

Bước non sông ngai-ngùng đầu xiết,
 Nợ phong trần rửa hết từ đây.

VĂN HÁT KHÁCH.— Hát Khách thường dùng câu chữ nho thốt ngôn, gọi Khách thi, hoặc dùng lối văn phú-lục gọi khách phú. (Xin xem mấy thí dụ trong đoạn hát Khách trước kia).

Có một ít soạn-giả tuồng cổ chủ-trương việc đặt câu hát Khách bằng tiếng Việt, cố ý muốn cho khán-giả dễ hiểu hơn những câu hát Khách soạn bằng Hán-văn. Thiết-tưởng về các câu nói lối hay ngâm lý, đòi như vậy có thể dặng. Còn điệu hát Khách, nếu đòi như vậy sẽ mất hay vì câu tiếng Việt không cảm-kích khán-giả bằng câu Hán-văn.

Văn Bạch, Xương, Thán Oán, Bang, Bài dùng toàn Hán-văn

Văn Ngâm, Lý dùng vừa Hán-văn vừa Việt-văn.

V.— LỐI VẼ MẶT VÀ XIÊM-Y CỦA HÁT-BỘI.

a) **Lối vẽ mặt.**— Việc vẽ mặt để đóng trò của hát Bội bắt nguồn từ thời xưa vì hồi trước các tướng khi ra trận thường dùng mặt nạ. Trong sách Nhạc-phủ tạp-lục có chép rằng : « Dùng mặt nạ để đóng kịch sanh ra trước nhất ở Bắc-Tề (479 — 501 sau T. C.) Lan-lãng-Vương có sức mạnh, đánh giặc giỏi, nhưng nét mặt không có oai hùng, nên mỗi lần ra trận đều đeo mặt nạ, trăm trận trăm thắng ». (Kể nghịch thấy mặt nạ rất ghê sợ nên mất tinh thần). Lúc sau này hát Bội bỏ hẳn việc đeo mặt nạ rất phiền-phức và vẽ mặt bằng màu sắc để thế vào. Trong việc vẽ kiểu mặt, đại khái các màu sắc được chia ra như

sau : Đỏ tươi, đỏ bầm, hồng lợt, vàng, màu vàng kim, tím, xanh da trời, xanh lá cây, xám tro, màu bạc (ngân), đen và trắng. Cũng có khi đề mặt thiết.

Mỗi màu đều tượng-trung tánh-tình bên trong của vai tuồng, không thể vẽ hỗn loạn được. Thí dụ :

1.— Quan văn trung thường đề mặt thiết. Nếu lão thì vẽ lông mày trắng, râu bạc.

2.— Quan võ trung vẽ mặt đỏ (Quan Công, Cao-hoài-Đức, Địch-Thanh, v.v.) hay đỏ có trông táo (Phàn-định-Công, Nhạc-Phi, và các con cũng theo sắc mặt của cha như Phàn-Đệm, Nhạc Văn, Nhạc-Lôi). Hoặc đỏ có trông táo (Hoàng-phi-Hồ, Dương-chấn-Tử),

3.— Quan võ trung cũng có khi đề mặt thiết có giảm phần lợt (Tiết-nhơn-Quí, Dương-lục-Sử, Tiết-đinh-San, Triệu-tử-Long, v.v...)

4.— Gian-thần hay Nịnh-thần vẽ mặt trắng mốc, mặt xám, hoặc hồng lợt, vỏ cua mày rõ (Tào-Tháo, Bàng-Hồng, Từ-mã Ý).

5.— Thầy rùa : mặt rần-rục có cặp mắt thao (Dư-Hồng, Dư-Triệt, Hồ-Ngươn).

6.— Tướng võ : mặt vẫn đen và trắng (mặt trông trùng) (Trương-Phi, La Oai, Trương-Bào, v.v...)

7.— Tướng võ nịnh vẽ mặt vẫn đen trắng có xen chấm đỏ (Tạ-ôn-Đĩnh, Từ-hải-Thọ, Đổng-Kiên, v.v...)

8.— Tướng Phiến mặt rần-rục, xen lẫn nhiều màu (ngụ ý mọi rợ).

9.— Yêu : mặt nhiều màu rằn-rức, xen đỏ (Yêu Hồ-ly, Mặt-dà-Tăng).

10.— Kép núi : mặt xanh-xám, mắt trông xéo, má đỏ, đen hay xanh. Đầu chít khăn đen.

11.— Trường hợp đặc-biệt như Tôn-ngộ-Không, Trư-bát-Giải, Ngưu-Thần, Hạc-Đồng, Kim-tiền-Bảo, Hồ-tứ-Vân, đều mặt giống như Khỉ. Heo, Trâu, Hạc, Beo, Chồn.

12.— Thần, Tiên đề mặt thiết có hai điểm son trên gò má, râu đen dài.

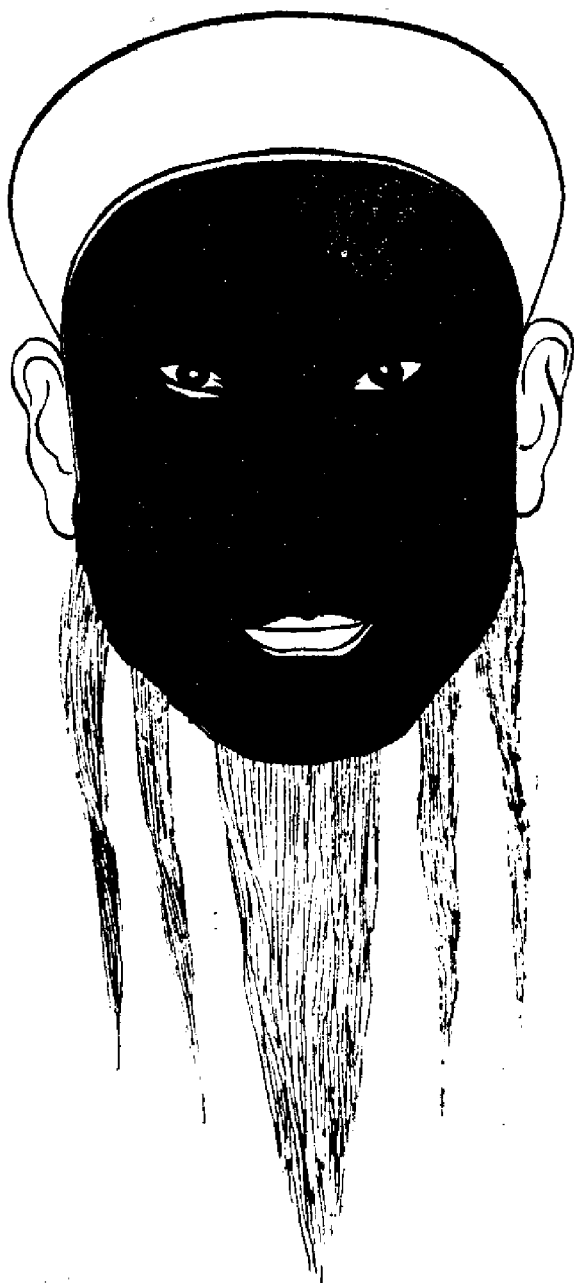
13.— Đào : mặt thiết giới phần son (trừ ra Chung-vô-Diệm mặt đen và Điều-tam-Xuân mặt nửa trắng, nửa đỏ, nhưng thường cũng đề mặt thiết).

Sự dùng màu sắc đề vẽ mặt trên đây không tuyệt-đối. Một đôi khi diễn-viên sửa đổi một vài chi-tiết đề hợp với hoàn-cảnh đặc-biệt của vai tuồng, nhưng luôn luôn phải tôn trọng nguyên-tắc căn-bản. Trong việc vẽ kiểu mặt in vào sách này, chúng tôi dung hòa hai lối hóa-trang Tàu và Việt-Nam.

Ngoài việc áp-dụng màu-sắc đề biểu-thị bản-tính trung, ninh, hiền, ngu của vai tuồng, hát Bội còn chú tâm đến việc vẽ các loại mây, khoen mắt, miệng và trán, cùng một mục-tiêu ấy

Điểm quan-trọng nhất là vẽ cặp chân mây. Đề miêu-tả người lạnh, phải vẽ mây hiền-từ ; người ác phải vẽ mây thô, mặt lớn ; người đặc ý vẽ mây như bay, như múa ; người tánh nóng hay giận vẽ đôi mây dựng đứng ; người hay sầu muộn vẽ đôi mây cau-có, v.v...

Mặt Quan-Công (Tam-Quốc)
(Xích-diện, thanh-tu, tâm-mỹ, phượng-nhãn)



Mặt Tượng trung (mặt trông trắng)
Trương-Phi (Tam-Quốc)



Mặt kép vô trung (mắt trông táo)
Phân-Diệm con Phân-định-Công (Sơn-Hậu)



Mặt Tượng nịnh
Tạ-ôn-Đình (Sơn-Hậu)



Mặt quan võ trung (con mắt trông xéo)
Hoàng-phi-Hồ (Phong-Thần)



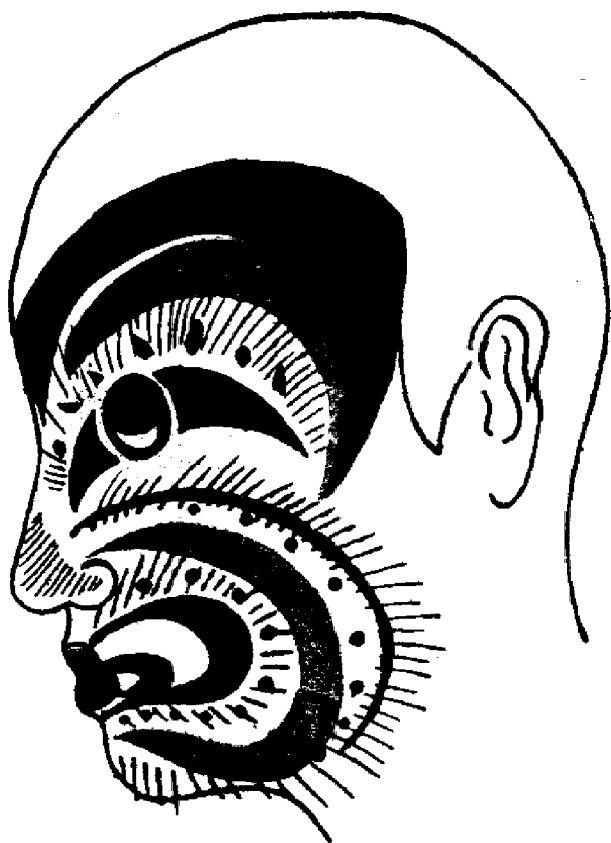
Mặt Bao-Công (Tổng)
(Trán có mặt trăng và liên my sao Bắc đẩu)



Mặt Thầy rùa (con mắt thao)
Đư-Hồng (Tam hạ Nam Đường)



Mặt Yêu :
Hồ-Lý (Phong-Thần)



Ô. Đới-ngoa-Quân, một nhà điêu-khắc trên ngà và vẽ kiểu mặt hát Bội Trung-hoa, có phân-định các loại mây như sau : Mây thường, mây thẳng, mây xu, mây thừa, mây rậm, mây răng cưa, mây răng sói, mây dùi đục, mây bướm-bướm, mây tấm, mây vòng-nguyệt, mây chữ nhút, mây chữ van, mây lưỡi dao, mây lửa ngọn, mây lá liễu, v.v...

Ông cũng có phân biệt các loại khoen mắt, các loại miệng và trán như sau :

Các loại khoen mắt.— Khoen mắt thẳng, khoen mắt già, khoen mắt chim, khoen mắt tròn, khoen mắt nịnh, khoen mắt gian hùng, khoen mắt xu, khoen mắt bầu dục, khoen mắt bầu thúng, khoen mắt trông táo, mắt trông xéo, mắt trông trứng, v.v...

Các loại miệng.— Miệng nén bạc, miệng cạp, miệng lời-công, miệng vòm lửa, miệng củ ấu, miệng quai xách, v.v...

Các loại trán.— Trán thái cực, trán bắc-đầu trán, quải tượng, trán não vàng, trán núi lửa, trán chữ hồ, trán chữ thọ, trán trái bầu, trán trái chùy, trán mặt trắng, trán trái đào, trán bình vật, trán thường, v.v...

Việc vẽ kiểu mặt, theo như trên đã thấy, là một nghệ thuật có nghiên-cứu rất công-phu, nhưng phần nhiều khán-giả ngày nay không để ý cho lắm.

b) Mào và Xiêm-Y.

Mào hay mũ và xiêm-y đều là sắc-phục của vua ban cho các quan mặc để đi châu. Từ thiên-tử đến các quan, mỗi phẩm-cấp đều có sắc-phục riêng biệt của mình.



Quan vãn



Quan vō

Hát Bội cũng trang phục giống như các quan trong triều và cũng dùng mào, áo rộng, áo giáp, cân đai, hia, hốt, cờ xí và binh khí của các quan văn võ xưa.

VUA.— Vai vua đội mào « Cửu Long », mặc áo « Long-bào » hay « Long-côn » có thêu rồng.

QUAN VĂN.— Đội mào « Văn-công » chóp mào tròn (quan-sư, hoạn quan) hoặc đội mào « Bình-thiên » chóp bằng, màu đen (thái-sư, hoàng-đệ). Khi thường triều, mặc áo Bào tay rộng thường. Còn khi thiết « Đại triều » phải mặc Măng có Gai và thêu rồng.

QUAN VÕ — Đội « Ngách », mặc áo « Long-chấn » màu xanh hay đỏ, tay hẹp có Đai, xem gọn gàng.

TƯỚNG XUẤT TRẬN.— Đội mào « Kim khôi », mặc giáp nam, mang hia. Sau lưng có hai chùm cờ « lĩnh tiền » hình vuông. Nếu nữ tướng thì mặc giáp nữ, sau lưng có cờ lĩnh tiền hình xéo.

THẦY RỪA.— Đội mào « Hiệp chưởng », mặc áo pháp-sư, chơn mang giày tau đen.

KẺP NÚI.— Đầu chít khăn đen, dưới vành khăn có hai vành xếp con bằng vải trắng và đỏ. Mặc áo đen thường, lưng có thắt « xiêm trường » và quần giáp, từ lưng trở xuống, đi chơn không hay mang giày đen.

ĐÀO.— Hoàng-Hậu đội mào « Cửu Phụng », có gắn bông và chạm chín con phụng vàng. Vợ quan thì cài trâm giắt bông, mặc áo rộng thêu, dưới mặc xiêm trường, mang vớ trắng hay mang giày thêu.

Đào chiến đeo đai, trên đầu giắt lông trĩ thường cầm song kiếm, trừ Lưu-kim-Đỉnh cầm siêu.

VI.— ÂM-NHẠC HÁT BỘI.

Trước khi khảo về âm-nhạc hát Bội, tưởng nên nói sơ lược về trống « Châu ».

Trống châu là thứ trống lớn để trên cái giá ba chân. Nó không thuộc về âm-nhạc của sân khấu mà thuộc quyền « sử dụng » của khán-giả. Người cầm châu đại-diện cho khán-giả để thưởng phạt các diễn-viên trên sân khấu. Nếu người cầm châu thưởng phạt công-bình, biết chỗ hay để thưởng, chỗ dở để chê thì diễn-viên sẽ được phấn khởi trong lòng và hát hay thêm.

Một điệu-bộ đúng quy-tắc, một hơi hát xuất sắc, một câu văn hay, đều được thưởng. Như hay vừa, thưởng một tiếng « thùng », đánh ngay giữa mặt trắng của trống. Nếu hay khá hơn, được thưởng hai tiếng gọi « châu đôi ». Nếu thật hay tuyệt-diệu, được thưởng ba tiếng gọi « châu ba ». Muốn châu có phương-pháp, nên để cho đào kép hát dứt một câu Lối, một câu Nam hay Khách, một câu Ngâm, Lý v.v... rồi mới châu. Chẳng nên châu « lấp họng » là diễn-viên vừa mới mở miệng hát, đánh châu liền trong họng, làm họ bực tức chờ chẳng hân-hoan chút nào. Ngoài ra, người cầm châu có thể nhấn mạnh một hai roi châu để thưởng-thưởng một kịch-sĩ có nghệ-thuật già-dăn, diễn-xuất tài-tình. Chẳng nên làm khổ con ráy của khán-giả bằng những tràng trống châu đánh muốn vỡ rập.

Còn khi muốn phạt một điệu-bộ không đúng cách, một câu hát đọc, hát gầy, thay vì đánh dùi trống chính giữa mặt trắng, người cầm châu đánh ngoài bìa trống, nghe « tang » không nghe « thùng » làm cho diễn-viên phải hổ

then và sửa mình. Những lỗi trọng đại hơn bị phạt bằng cách gõ vào vành trống nghe « cắc » để cảnh-cáo diễn-viên.

Trống châu cũng có vai tuồng giục khách. Trước khi « ra tuồng », chừng 15 phút, thường người ta đánh châu ba, có trống chiến phụ theo, để cho khán-giả nghe đặng chuần-bị đến rạp.

Câu tục ngữ « Nghe trống châu, cái đầu lạng mười. Nghe trống chiến, nó điếng trong bụng » mô-tả cảnh bận-rộn của các bà, các cô lúc sửa soạn đi xem hát.

ÂM-NHẠC. — Âm-nhạc hát Bội gồm có trống, chiêng, chập-chỏa, đờn, kèn và ống sáo.

TRỐNG có 5 thứ :

1. Trống-chiến dùng khi đánh giặc cùng lúc múa hát. Trống chiến thường dùng hơn các thứ trống khác. Người đánh trống chiến có thề nói là « điều-khiển-viên » của ban. Âm-nhạc hát Bội.



Công chúa

2. *Trống cái* là thứ trống nhỏ đề ra hiệu trong 3 nhịp đờn đưa hơi cho diễn-viên biết đứng bắt qua nói lối hay bắt qua hát Nam.

3. *Trống-com* thứ trống dài dùng khi hát Nam Xuân hay Nam Ai đề đưa hơi phụ với đờn.

Trống « bắc cầu » dùng với chập-chõa khi các quan ra lâm triều hoặc khi văn hát.

5. *Trống « lĩnh »* có hai cái treo trong buồng dùng khi vua ra đại-triều hoặc lúc mới ra tuồng khởi-diễn.

CHIÈNG.— Chiêng treo dưới cái giá đề phụ họa với trống chiêng. Người đánh chiêng dùng hai miếng tre hoặc hai miếng cây, gọi cặp « sanh » để đánh.

CHẬP-CHÕA.— Chập-chõa dùng với trống bắc-cầu.

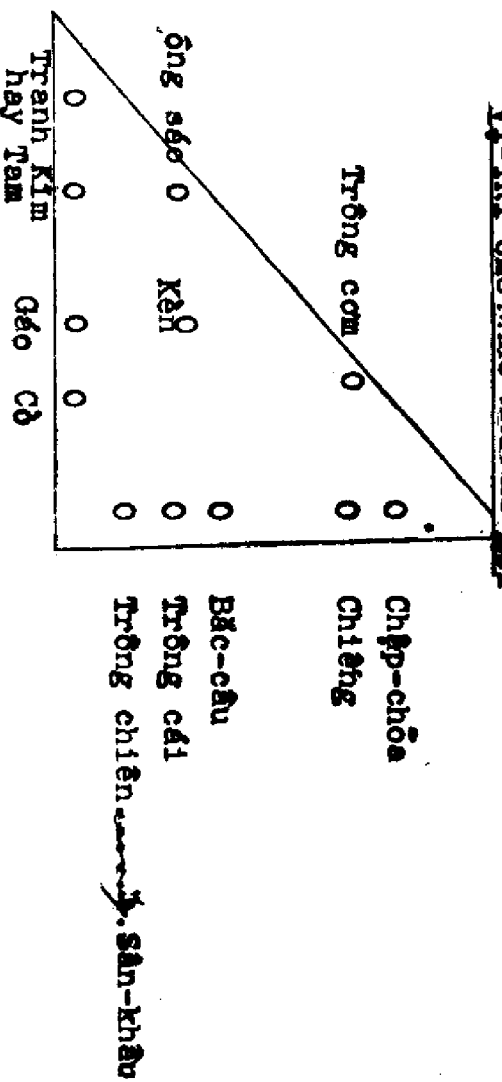
ĐỜN.— Đờn chánh trong điệu hát Bội là cây đờn Cò (đờn nhị). Kể đó là đờn Gáo, đờn Kim, đờn Tam, đờn Sến. Cây Guitare mới thêm vào lúc sau này, nhưng nghe không hợp với điệu hát Bội. Tốt hơn dùng cây Tranh thế cho cây Guitare, nghe hay hơn.

KÈN VÀ ỒNG SÁO.— Kèn dùng khi hát Khách hoặc đề gọi cảm giữa hai câu hát Nam. Ống Sáo dùng phụ họa các cây đờn khi hát Nam hay hát Khách (cho nữ diễn-viên). Nếu có hát giọng Hồ-Quảng thì thêm cây « Cuồn » đề đưa hơi Quảng.

VII.—NHẬN XÉT VỀ HÁT BỘI

Trong mục này, chúng tôi xin trình bày một ít nhận xét về hát Bội. Trước hết, chúng tôi bàn góp ý-kiến về

VỊ-TRÍ CÁC NHẠC-KHÍ HÁT BỌI



âm-điệu và nghệ-thuật hát Bội. Kế tiếp chúng tôi thử tìm những lý-do chánh về sự sa-sút của hát Bội. Sau hết, chúng tôi đề-nghị những biện-pháp thích-nghi để chấn-chỉnh lại và ước mong cứu-vãn phần nào tình-trạng khó khăn hiện hữu.

a) Nhận xét về âm-điệu.— Luận về âm-điệu, hát Bội đáng hoàn-toàn. Người hát không bị bó buộc trong câu đờn nên được tự-do phô-diễn hết tài-nghệ của mình.

Khi người hát nói « lối Xuân », ban âm-nhạc cứ đờn « bài Hạ » của mình và người hát cứ hát câu lối bằng vần vắn của mình. Người hát không hát theo câu bài Hạ, miễn hơi cao thấp của giọng hát ăn với hơi cao thấp của đờn thời được.

Còn khi người hát nói « lối Ai », ban nhạc khởi đờn bài « Xuân Nữ » đáng đưa hơi buồn, chứ câu đờn không ăn theo từ chữ của câu lối.

Nói lối Ai rồi, muốn bắt qua hát « Nam Ai », ban nhạc liền ngưng đờn Xuân Nữ, khởi qua đờn bài « Nam Ai » đáng đưa hơi Ai. Người hát cũng tự-do hát câu Nam Ai « lục bát » của mình, không hát theo câu đờn Nam Ai, như bên Cải-Lương.

Các giọng hát Bội đều có bài đờn đặc-biệt đưa hơi, để gợi cảm-giác vui buồn cho khán-giả, nhưng đờn không theo sát câu hát. Trừ ra trong điệu hát Khách, đờn kèn ăn-rập câu hát. Song nên đề ý, kèn thổi đưa hơi người hát, chứ không phải người hát phải theo bài kèn. Nên trong điệu hát Khách, người hát cũng đáng tự-do trình bày hết hơi hám của mình.

Chỗ lợi của Âm-điệu hát Bội là điều đó và nó giúp cho nghệ-sĩ có khả-năng, có kinh-nghiệm càng ngày càng tiến-triển trên đường thi-thố tài-nghệ của mình.

b) Nhận xét về nghệ-thuật. — Về nghệ-thuật, hát Bội là một điệu hát có nhiều qui-tắc và phương-cách đề gợi những cảm-giác về « thâm-mỹ » cho khán-giả.

Từ cách múa men có cầm binh-khí, đến cách ra bộ tay không, đều rập nhau với các giọng hát. Thử bảo một diễn-viên hát Khách mà cầm không cho múa bộ, tất nhiên không thể nào người ấy hát hay được. Thế nên các điệu bộ của hát Bội đều có khảo-cứu kỹ càng ăn khớp với các lối hát, chứ chẳng phải múa hát bừa bãi không có quy-củ hẳn hoi. Muốn học tập nghề hát Bội, phải theo từ thuở thiếu niên mới mong trở thành một nghệ-sĩ tru-tu được.

Nhưng than ôi ! cái nghề rất khó học và phải nhiều năm tập luyện mới thành-thục được, song hiện nay nghề hát Bội không được bù đắp cho xứng công. Hồi Cải-Lương chưa ra đời, nghĩa từ năm 1918 trở về trước, điệu hát Bội được công chúng hoan-nginh và ủng-hộ, nên tài chánh được dồi-dào. Đào kép nhờ đó được dư ăn, dư để, và tài-nghệ được phát triển không ngừng. Kể từ năm 1918 trở lại sau, hát Bội bị sa-sút lẫn và bị lu-mờ bởi những lý-do chánh sau đây :

1. — Bị Cải-lương và Điện-ảnh cạnh-tranh ráo-riết.
2. — Hát Bội uhuộm chất buồn nhiều hơn chất vui.
3. — Có người cho rằng điệu hát Bội tượng-trưng cho thời-kỳ phong-kiến nên lỗi-thời.

1) Hồi thuở nho học còn thanh, trong dân-gian còn nhiều nhà nho nên khi xem hát Bội, phần đông khán-giả hiểu rõ các câu văn chữ Hán và biết thưởng-thức nghệ-thuật của điệu bát cồ-truyền ấy. Đến sau nho học bị mai-một lần và nhường chỗ cho nền tân-học, dân chúng được hấp-thụ văn-minh Âu-châu nên thích xem lối hát mới-mẻ của điệu Cải-Lương, đã phỏng theo lối diễn-kịch Âu-châu từ hình-thức đến nội dung. Từ khi Cải-Lương ra đời, hát Bội bị cạnh tranh ráo-riết, phải lùi bước trước sự phát-triển không ngừng của điệu hát mới-mẻ ấy. Lúc mấy năm gần đây bị Điện-ảnh xen vào tấn-công dữ-dội làm cho hát Bội đã bị sa-sút lại càng thêm sa-sút.

2) Muốn cứu-vãn phần nào tình-trạng hiện-tại, cần nên chấn-chỉnh điệu hát Bội lại cho hợp thời hơn. Phần thưởng thưởng hát Bội có chất buồn nhiều hơn chất vui, nên không hấp-dẫn đối với hạng khán-giả trẻ tuổi, từ ba bốn mươi trở xuống. Hạng khán-giả này đang buổi xem đời với con mắt lạc-quan nên không thích thấy những cảnh buồn thảm thê-lương hoặc nghe những giọng hát ngâm não-nùng ai-oán. Họ không thể ngồi lâu để xem những tuồng mô-tả dài-dòng những cảnh than khóc vì chia-ly, vì chạy giặc, vì chết-chóc hoặc vì bị nịnh thần hãm hại kẻ tôi trung. Nói một cách khác là họ không thích xem những tấn « Bi-kịch » thuần-túy.

Thế nên các ông Nhưng, các ông thầy tuồng hát Bội cần san-nhuận lại các bản tuồng cổ. Nên bớt những câu lối Ai và những câu hát Nam, Thán, Oán, v.v. rồi thế vào bằng những câu lối Xuân hoặc lối thường. Thêm những lớp có vai Hề, nhưng cấm không cho giấu cương mà phải

theo lời-lẽ của thầy tuồng đặt ra. Hề bát Bội thường hay giễu cợt nên đôi khi nghe rất khiêm-nhã.

Chúng tôi đề-nghị việc này vì thấy công-chúng hiện nay thích xem tuồng « Sơn Hậu » là một bầy tuồng cổ có nói lối nhiều, ít câu hát Nam, Khách. Tuy văn-chương tuồng Sơn-Hậu có hơi kém, nhưng cách sắp đặt lớp-lang rất gay-cấn và có pha vai hài-hước như Lôi-Nhược, Lôi Phướng, v.v. Những tuồng cổ còn ăn khách hiện nay đều có vai khôi-hài như Tống-Tửu Đơn-hùng-Tin có vai Giảo-Kim, tuồng Phụng-Kiều Lý-Đáng có vai Từ-Anh, tuồng Tống-Địch-Thanh có vai Mạnh-đình-Quốc, Tiêu-đình-Quí, v.v... Hồi thời-kỳ hát Bội còn hưng-thịnh, các ban lớn như ban Cô Tâm ở Chợ-lớn, ban Cô Ba Ngoạn ở Cầu-ông-Lãnh, ban Hội-đồng Ninh ở Saigon, ban Phủ Trọng ở Đakao, đều có ít nhất vài nghệ-sĩ thủ vai Hề xuất-sắc. Có khi nữ diễn-viên như Cô Năm Nhỏ ở rạp Cô Ba Ngoạn cũng thủ vai trào-lộng rất tài-tình.

3) Có người không thích xem hát Bội vì cho rằng điệu hát này tượng-trưng cho thời-kỳ phong-kiến nên không còn hợp-thời nữa. Đã gọi hát Bội là một lối hát cổ-diễn thì không thể nào biếu nó tránh đặng sự diễn tả lại những chuyện xưa tích cũ của thời-kỳ phong-kiến. Nhưng nếu xét kỹ, chúng ta sẽ thấy những gương « Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa » rút trong lịch-sử Tàu hay lịch-sử Việt-Nam, đã được Hát Bội đem ra trình-diễn, đều rất có ích cho chúng ta hiện ở thế-kỷ hai mươi này. Người mình thường nói : « Ôn cố tri tân » nghĩa xem cái cũ mà biết cái mới. Đây là một lời nói còn có thể áp-dụng cho những khán-giả hát Bội. Khi xem một tuồng hát vì như Sơn-Hậu chẳng hạn, thấy

Đồng-kim-Lan và Khương-linh-Tả tận-trung với nhà vua bị nịnh-thần soán ngôi, chúng ta có thể noi gương ấy để trung-thành với một lý-tưởng, một chủ-nghĩa hay một chế-độ.

Xem tuồng Tống-tửu Đơn-hùng-Tin, thấy Quận-chúa Thanh-Anh liêu minh tử-tiết để cho chồng là Hùng-Tin rảnh tay đi báo thù và cũng để tỏ dạ trung-trinh liệt-nữ đối với chồng, thì người đời nay há chẳng noi gương ấy để làm rõ danh thực-nữ hay sao?

Tận-trung những tuồng hát Bội đều có phần nội dung hạp với luân-thường đạo-lý mà hiện nay không ai phủ-nhận được cái giá-trị tinh-thần, dù chúng ta đang ở vào thời-kỳ nguyên-tử này. Nếu người đời nay biết lấy cái nghĩa-khi thọ tội tử-hình của Trịnh-An để tận trung, cái nghĩa-khi thọ tội cam-đoan của Quan-vân-Trường để đền ơn, cái nghĩa-khi hy-sinh tánh mạng của Dự-Nhượng để báo thù cho chúa, thì trong đời này dù việc chi khó-khăn đến bực nào cũng có thể làm được tất cả.

Thế nên, chúng ta chẳng nên quá khắt-khe cho hát Bội là lỗi thời rồi tuyệt-nhiên không đi xem. Phần nhiều tuồng hát Bội đều là những bài học rất bổ ích cho chúng ta. Tuy bề ngoài nó khoác cái áo phong-kiến, nhưng bên trong nó hàm-súc một cái triết-lý uyên-thâm. Nó nêu lên nhiều tấm gương sáng của người đời xưa cho người đời nay noi theo đó để giữ tròn bổn phận làm người. Dù bậc thượng-lưu trí-thức bậc trung-lưu hay bậc hạ-lưu cũng đều được bổ-ích cho tinh-thần khi đi xem hát Bội. Và lại, nhiều tấn tuồng Tàu hay đến đối các ban Cải-Lương cũng phải phóng-tác theo đề lời cuốn khán-giả.

VIII.— NHỮNG VỞ TUỒNG DANH TIẾNG CỦA HÁT BỘI

Tuồng Sơn-Hậu.— Tuồng Sơn-Hậu là một bồn tuồng sáng-tác không trích ở truyện hoặc sử sách nào cả. Tuồng này có nhiều kịch-tính và đáng làm một vở tuồng gương mẫu cho phái cổ-diễn. Nội-dung có nhiều lớp gay cấn rất hay, làm nổi bật những vai trung, nịnh, hiền, ngu. Đây là một bồn tuồng được công chúng biết nhiều nhất và luôn luôn được chọn trình-diễn ở các lễ cúng Thần.

Kế tiếp là những lớp tuồng hay rút trong truyện Tam-Quốc như: Triệu-Tử đoạt ấu-Chúa, Huệ-Dung-Đạo, Cầu-hồn Giang-Tả, Đon đao Phó-hội, Tam chiến Lữ-Bố, Phụng-nghi-Đình, Tam-khi Châu-Du, v.v.

Thứ nữa là những lớp tuồng đặc-sắc trong truyện Phong-Thần: Bá-ấp-Khảo dạy đòn, Hoàng-phi-Hồ quy Châu v. v... Sau hết những vở rút trong truyện Đường, Tống, Tam-hạ Nam-Đường, Đông-Châu Liệt-Quốc, v. v... như Tống-Tửu Đon-hùng-Tin, Tiết-nhơn-Quy hồi hương, Tiết-đinh-San cầu Phan-lê-Huê, Thần-rữ dâng Ngũ-Linh-Kỳ, Tiết-Giao đoạt ngọc, Tiết-Cương chống búa, Dự-Nhượng đá long-bào, Phụng-Kiều Lý-Đáng, Ngũ-vân-Thiệu tâu Nam-Dương-thành, Trâm Trinh-Áo, Lưu-kim-Đình giải giá Thọ-Châu, Định-Thanh ly Thộn, Âm-Dương-Trận, Tống-tửu Ô-hắc-Lợi, Xử-án Bàng-qui-Phi, Thoại-Ba giải vây Bạch-hạc-Quan, Đãi yến Đoàn-hồng-Ngọc, Mộc-quế-Anh dâng cây, Chung-vô-Diệm đại-hội kỳ-bàn, v. v...

Sau cùng những tuồng Lý-phụng-Đình, Mao y thần cung, Lục-văn-Long, Trần-trá-Hôn, Diễn-võ-Đình, Hồng-môn Hội-Yến, Thôi-Tử thi Tề-Quân, Tam-nữ Đờ-Vương,

Bá-lý-Hề, Trần-nhứt-Chánh, Tứ-Trạng tân-khoa, Ngũ biến báo phu cừu, Thất-hiền-quyển, Nhứt-Điện, Nhị-Điện, v.v...

Soạn-giả tuồng hát Bội thường giấu danh-hiệu, nên không thể đề tên vào đây. Phần thường có một ít bản tuồng có đề tên người phiên-dịch ra Quốc-văn, chứ không biên tên tác-giả chính-thức bản tuồng.

Ngoài ra, còn có những tuồng hát Bội xuất sắc về phương-diện văn chương và có đề tên tác-giả như: Kim-Thạch kỳ duyên của Cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa, sanh năm 1807 tại Long-Xuyên (Cầntho), tuồng Tượng-kỳ khi xa của Cụ Hoàng-cao-Khải sanh tại làng Đông-Thái (Hà-Tĩnh) và tuồng Địch-Thanh lý Thợn của Nguyễn-văn-Diên bản chữ nôm, do Phan-văn-Hùm dịch ra Quốc-Ngữ.

IX.— DANH-SÁCH NGHỆ-SĨ HÁT BỘI

Sau đây chúng tôi xin lược-kê danh-sách những nghệ-sĩ phái nữ và phái nam mà chúng tôi được hân-hạnh thưởng-thức tài-nghệ từ xưa đến nay, trong điện hát Bội. Nếu có chỗ sơ sót, chúng tôi xin cáo lỗi trước.

Nữ nghệ-sĩ.— Lớp tiền-phong: Các Cô Năm Chung, Tư Bồn, Năm Nhỏ, Sáu Xền, Ba Quyên, Tư Minh... Và các Cô Ba Đắc, Cao-Long-Nga, Sáu Bê, Năm Sadec, v.v...

Lớp hiện tại: Các Cô Ba Út, Năm Đờ, Hai Nhỏ, Ba Sáng, Kim Anh, Ba Ngãnh, Kim Bông, Tư Nết, Ngọc-Lượng, Lệ-Hồng, Bảy Sự, Sáu Bưởi, Lệ Ánh, Thúy Mạnh, Huỳnh-Mai, Thanh-Thế, Mộng-Lành, v. v...

Nam Nghệ-Sĩ.— Lốp tiền-phong: Nhưng Tri, nhưng Do, nhưng Lắm, nhưng Phi, bầu Thắng, bầu Lê, bầu Luông, v. v...

Lốp hiện-tại: Minh-Tơ, Thành-Tôn (trưởng ban Văn-Hạc), Hữu-Thoại, Hoàng-Sóc, Năm Gòn, Mười Sự, Chín Tài, Thiệu Cửa, Ba Kiên, Tám Hiễn, Sáu Hầu, Bầu Tảo, Chín Luông, Bảy Lập, Tám Văn, Hoàng-Nở, Hai Thanh, Thanh-Tòng, Văn-Thịnh, Ba Luông, Năm Thao, Ba Thái, Long-Ăn, Bửu-Truyện, Thanh-Bình, Hoàng Bá, v. v...

Những Ban hát Bội hay hát Hồ-Quảng hiện-hữu :

1.— Ban Khánh Hồng diễn thường-trục tại đình Cầu-quan (Saigon).

2.— Ban Thanh-Bình Kim-Mai I, tại đình Cầu-Muối (Saigon).

3.— Ban Hiệp-Thành Minh-Tơ tại đình Chánh-Hưng (Saigon).

4.— Ban Phước-Thành I tại rạp chùa Ông, Phú-Nhuận (Gia-dịnh).

5.— Ban Phước-Thành II tại đình Xóm Cũi (Chợlớn).

6.— Ban Tài-Đức tại rạp Phú-Thọ (Tân-Bình).

7.— Ban Thành-Công tại đình Phú-Hòa (Tân-Định).

8.— Ban Nghĩa-Hiệp tại đình Bình-Tiên (Chợlớn).

9.— Ban Hoa-Xuân tại đình Hòa-Hưng (Saigon).

10.— Ban Thanh-Bình Kim Mai II tại đình Minh-Phụng (Chợlớn).

CHƯƠNG THỨ NHÌ

CẢI-LƯƠNG

I.— LỊCH-SỬ CẢI-LƯƠNG.

Hai tiếng « Cải-Lương » có nghĩa « Sửa đổi cho tốt hơn ». Từ xưa ở Việt-Nam không có lối diễn-tuồng nào khác hơn là hát Chèo hay hát Tuồng (ở Bắc-Phần) và hát Bội (ở Trung và Nam-Phần). Đến năm 1917, khi Cải-Lương ra đời, người mình nhận thấy điệu hát này có vẻ tân-tiến hơn điệu hát Bội, nên cho đó là một việc cải-thiện điệu hát xưa cho tốt đẹp hơn. Vì lẽ ấy người mình dùng hai tiếng « Cải-Lương » để đặt tên cho điệu hát mới-mẻ này. (Tiếng Cải-Lương gốc ở câu Cải-Lương phong-tục mà ra).

Dưới đây, chúng tôi xin lược-thuật lịch-sử của điệu Cải-Lương đã phát-sinh tại mấy tỉnh trung-tâm Nam-Phần.

Trước kia ở rải-rác trong các tỉnh Nam-Phần có những ban tài-tử đờn ca trong các cuộc lễ tại tư gia tân-hôn, thăng quan, giỗ quải, v.v. Nhưng không bao giờ có đờn ca trên sân khấu hay trước công chúng.

Qua lối năm 1910, ở Mỹ tho có ban tài-tử của Nguyễn-



*Năm 1912, tài-tử Nguyễn tổng-Triều đưa đờn
ca cổ-diễn lên sân-khấu tại Mỹ-Tho, đã đặt
viên đá đầu tiên cho nền ca-kịch Cải-Lương
ở Nam-Phân.*

tổng-Triều (1) tục gọi Tư Triều (đờn kìm), Chín Quán (đờn độc-huyền), Mười Lý (thời tiêu), Bảy Vô (đờn cò) Cò Hai Nhiều (đờn tranh), Cò Ba Đắc (ca). Ban tài-tử này đờn ca rất hay vì phần đông đã được chọn đi trình bày cổ nhạc Việt-Nam tại cuộc triển lãm ở Pháp mới về. Kế năm 1911, tài-tử Nguyễn-tổng-Triều muốn đưa ca nhạc ra trước công chúng, nên thương-lượng với Chủ nhà hàng « Minh-Tân khách-sạn » ở ngang ga xe lửa Mỹ tho-Saigon đề ban tài-tử đờn ca giúp vui cho thực-khách, đến nghe càng ngày càng đông. Nhận thấy sáng-kiến này có kết-quả khả-quan Thầy Hộ, chủ rạp hát bóng Casino phía sau chợ Mỹ tho, muốn cho rạp hát mình được đông khán-giả bèn mời ban tài-tử Tư Triều đến trình-diễn mỗi tối thứ bảy và thứ tư trên sân khấu, trước khi chiếu bóng. Lối đờn ca trên sân khấu được công chúng hoan-nghinh nhiệt-liệt.

Lúc bấy giờ, lối năm 1912, chúng tôi từng học tại tỉnh-ly Mỹ tho, có đến xem. Cách chưng dọn sân khấu còn đơn sơ. Cái màn bạc dùng làm bối cảnh (fond), kế đó có lót một bộ ván, trước bộ ván có đề một cái bàn chụm cheo. Hai bên sân khấu có đề cây kiềng, xem rậm đám và khán-giả có cảm-giác đứng trước một cái phòng khách hạng trung-lưu. Cách bài trí sân khấu này tuy đơn giản, nhưng nó gợi cho các nhà dàn cảnh Cải-Lương mai hậu những ý-niệm về việc trang-hoàng sân khấu. Các tài-

(1) Ô. Diệp-văn-Cương ở Gò-Vấp, lúc sanh tiền, thường nói : « Khi tôi nghe Tư Triều đờn Kìm và Cậu Năm Diệm đờn Tý rồi, tôi không còn muốn nghe ai đờn nữa cả. » (Xin đừng lộn Tư Triều, tức Nguyễn-tổng-Triều, người Cai-thia, với Bảy Triều, tức Trần-văn-Triều, người Rạch-Gầm, con Cậu Năm Diệm và thân-sinh của nhạc-sĩ Trần-văn-Khê. Bảy Triều có sáng-chế bản Oán đây Tố-Lan.)

từ đều ngồi trên bộ ván và mặc quốc-phục xem nghiêm-trang. Cô Ba Đắc ca rất hay và biết đủ các bài-bản cổ-diễn. Nhất là cô ca bản Tứ-Đại oán Bùi-Kiệm Nguyệt-Nga rất duyên-dáng.

Bản Tứ-Đại (lớp đầu)

Kiệm từ khi thi rớt trở về,
 Bùi Ông mắng nhiếc nhún trề :
 « Cũng tại mày ham bề vui chơi ».
 Kiệm thưa : « Tài bất thắng thời,
 Con dễ nào không lo bề công danh,
 Tuổi con còn xuân xanh,
 Công ơn mẹ cha, con chưa đáp đền, đó cha ôi ! »
 Bùi-Ông nghe
 Tiếng nỉ-non vuốt-ve khuyên Kiệm :
 « Thôi con ở lại nhà,
 Đặng hôm sớm với cha ».

Trên đây là bài ca Tứ-đại oán, soạn theo lối văn kể truyện. Khi muốn ca-kịch hóa bài Tứ-đại, người ta phải sửa đổi câu ca bằng lối vấn-đáp như sau :

(Bùi Ông đương ngồi ở phòng khách, Bùi-Kiệm ngoài bước vào xá một cái).

Bùi Ông (hỏi) : Sao, việc thi cử thế nào con ?

Bùi Kiệm (Vô ca Tứ-đại lớp đầu) :

Da thưa cha, con nay thi rớt trở về.

Bùi Ông (ca tiếp) :

Kiệm à, nghe qua tao tức tối trăm bề.

Cũng tại bởi mày, sao ham bề vui chơi.

Bùi Kiệm :

Thưa cha, tài bất thắng thời,
 Con dễ nào không lo bề công danh.
 Tuổi con còn xuân xanh,
 Công ơn mẹ cha, con chưa đáp đền, đó cha ơi!

Bùi Ông :

Già đây nghe tiếng nỉ-non. (Xây qua nói với Kiệm)
 Thôi thôi, con Kiệm, con hãy ở lại nhà,
 Đặng hôm sớm với cha.

Đây là một bài ca có đối-thoại giữa Bùi Ông, Bùi Kiệm và Nguyệt-Nga. Nó khơi nguồn cho các soạn-giả đặt những bài ca có vấn đáp cho điệu Cải-lương sau này. Có Ba Đắc ca bài Tứ-Đại oán với một giọng như có vấn-đáp, nhưng có không ra bộ. Ngoài ra Cô Hai Nhiều cũng có phụ ca với cô Ba Đắc, ra trước công chúng trên.

Cái sáng-kiến đưa đờn ca tài-tử lên sân khấu của Tư Triều từ năm 1912 tại Mỹ tho đã lan tràn đến Saigon và nhiều tỉnh ở Nam-Phần. Trước hết lối năm 1913-14, ông chủ nhà hàng « Cửu-long-giang » ở sau chợ mới Saigon, nghe tin ban tài-tử Tư Triều ở Mỹ tho được ăn khách, xuống mời về đờn ca tại nhà hàng của ông (sau đổi hiệu Mékong).

Lần lần bài Tứ-Đại oán Bùi-Kiệm Nguyệt-Nga của cô Ba Đắc ca được phổ-biến trong mấy tỉnh trung-tâm Nam-Phần như Vĩnh-Long, Sadec, Mỹtho, v.v...

Đến năm 1915, Ô. Tống-hữu-Định, tục-danh Ô. Phó Mười-Hai ở Vĩnh-Long quy-tụ anh em tài-tử, rồi cho ba người thủ vai Bùi-Ông, Bùi-Kiệm và Nguyệt-Nga, đứng trên ván vừa ca vừa ra bộ.

Qua năm 1916, Ô. André Thận, người Sadec, lập ban hát xiệc có thêm vài ba màn ca ra bộ. Kép có Bảy Thông, Tám Cang, đào có cô Hai Cúc.

Kể tiếp năm 1917-18, Ông Châu-văn-Tú, tức Ô. Năm Tú, một nhà khá giả ở Mỹ tho, chuộc ban ca kịch của Ô. Thận, rồi kêu thêm đào kép mới và chấn-chỉnh lại được hoàn-toàn hơn. Ô. Năm Tú là người có công nhất trong việc gây dựng lối hát Cải-Lương buổi ban đầu. Ông mượn thợ vẽ tranh cảnh phòng theo lối trang-tri rạp hát Tây Saigon. Ông mua sắm y-phục cho đào kép rất chu-đáo và cây nhà văn Trương-duy-Toản soạn tuồng. Ông cất một cái rạp hát rộng lớn và đẹp-đẽ gần chợ Mỹ-tho để cho ban ca-kịch của ông trình-diễn. Mỗi tối trước khi khai-diễn, ông bày ra lối chưng « Tableau vivant » (Màn chưng đào-kép) để cho công chúng thấy trước những mặt làm tuồng trong đêm hát. Điệu hát Cải-Lương chánh-thức thành-hình từ đó. Mỗi tuần gánh ông Năm Tú hát tại Mỹ-tho ba đêm rồi lên rạp Eden Cholon ba đêm. Ông cũng cho thuê thanh vào đĩa nhựa các tuồng hát của ông với mục-tiêu phổ-biến điệu Cải-Lương trong toàn quốc. Sau đó ít lâu, cũng tại Mỹ tho, có Tư Sự lập ban « Đồng bào Nam » và Ô. Hai Cu, thợ kim-hoàn, lập gánh « Nam đồng-ban » rồi kể « Tái-dồng-ban ». Trong bốn ban Cải-Lương đầu tiên này có nhiều đào kép trứ-danh xuất-hiện như cô Năm Phi, cô Bảy Phùng-Há, có Tư Sặng... và kép Hai Giỏi, Năm Châu, Tư Chơi, Tám Mèo, Tư Út, Ba Du, Năm Long, v.v...

Từ đó điệu Cải-Lương càng phát-triển mạnh và nhiều Ban được thành-lập : Văn-Hi-Ban (Chợ lớn), Sĩ-dồng-Ban

(Long xuyên), Kỳ-lân-Ban ở Vũng-Liêm (Vĩnh-long) và Tân-phước-Nam (Sóc trăng).

Trên đây lược-kê những ban ca-kịch trong đợt đầu của Cải-Lương từ năm 1917 đến năm 1922. Kể đợt nhì trong khoảng 1923 đến 1945, có nhiều đại-ban ra đời : Tân-Thịnh, Tập-ích-ban, Trần-Đất, Tân-hi-ban, Võ-hi-ban, Phước-Cương, Huỳnh-Kỳ, Nhạn-Trắng, Mộng-Vân, Sao-Mai, Hề-Lập, Nam-Phi, Phụng-Hảo, Kim-Thoa, Việt-Kịch Năm-Châu, Hậu-Tấn, v.v... Sau khi được phổ-biến trong toàn cõi Nam-Phần, lần lần điệu Cải-Lương đem trình-diễn tại Trung-Phần và Bắc-Phần và được đồng-bào các nơi ái-mộ.

Sau hết tới đợt Ba từ năm 1946 (sau thế-chiến thứ hai), đến năm 1965, rất nhiều ban ca-vũ nhạc-kịch Cải-Lương ra đời. Nhưng phần đông bị yếu-lử vì không được đồng bào ủng-hộ. Hiện nay còn những ban hạng A - B, xin kê nhón như sau : Thanh-Minh Thanh-Nga, Dạ-lý-hương, Hương mùa Thu, Bạch-Lan Thành-Được, Kim-Chung, Thủ-Đô, Kim-Chường, Thống-Nhứt, Thanh-Hương, Phước-Chung Hoa-Sen, Thanh-Tao, Tuấn-Kiệt, Trăng mùa Thu, Sao ngàn Phương, v.v...

II. — NHỮNG ĐẶC-ĐIỂM CỦA CÁI-LƯƠNG.

Cải-Lương là một nghệ-thuật tả-chân. Từ cách dàn cảnh đến các điệu-bộ, màu mè đều hướng về lối tả-thực như ngoài đời. Sau đây xin lược-khảo về ba đặc-diểm của Cải-Lương.

a) Sân-khấu Cải-lương. — (Dàn cảnh và y-phục hóa-trang).

Cách dàn cảnh của Cải-Lương phỏng theo lối Âu : có phân màn, phân hồi. Mỗi màn đều có tranh cảnh vẽ theo chỗ đã xảy ra tấn kịch. Mỗi ban hát lớn chừng nhiều cảnh rất khá-quan. Một nhà dàn cảnh hữu tài góp phần vào cái hay, cái đẹp của vở kịch rất nhiều và giúp cho soạn-giả xây-dựng vở kịch của mình được dễ-dàng theo ý muốn.

Về hình-thức kỹ-thuật sân-khấu, điệu Cải-Lương càng ngày càng phát-triển. Song cách phục-sức cho diễn-viên còn nhiều khuyết-diểm. Khi Cải-Lương diễn tuồng Tàu, nhờ y-quan của Huế-Kiều có sẵn đề bán, nên ít có điều chi đáng phê-bình.

Trái lại, khi Cải-Lương diễn tuồng Hương-Xa như tuồng Mông-Cổ, La-Mã, Ai-Cập, Ấn-Độ, Ba-Tur, v.v... thấy còn nhiều sơ-hở đáng chỉ-trích. Ví như một ban kia diễn tuồng Mông-Cổ, nhưng lại để cho phần nhiều đào kép trang-phục không có vẽ Mông-Cổ chút nào hết. Hiện nay chúng tôi còn thấy có Ban để cho Kép trong những tuồng tuồng kiếm-hiệp Hương-Xa mặc quần áo bằng hàng màu có thêu bông rất đẹp nhưng trên đầu không có mũ hay ngách chỉ cả và cột dựng đứng lên như hề hát Bội, thật xem không có mỹ-thuật chút nào. Nếu có người ngoại quốc đến xem hát, họ sẽ bình-phẩm thế nào về lối ăn-mặc « đầu Ngô mình Sở » của kịch-sĩ nước nhà. Tại sao sáng chế quần áo đặt lại không thể chế đồ đội trên đầu.

Thế nên các soạn-giả và các đào-diễn cần lưu-tâm về vấn đề này cho lắm. Khi mình soạn một bản tuồng về thời-đại nào, nên tìm trong sách vở lưu-trữ tại Thư-viện hay Bảo-tàng-viện, để thấu-đáo cách ăn-mặc, từ quần áo đến nón

mũ, giày dép, của những nhân-vật trong thời-đại ấy hầu khỏi vướng những khuyết-điểm nói trên.

Khi diễn tuồng xã hội cũng phải thận-trọng như vậy. Nên phân biệt tấn-kịch đã xảy ra hồi thời-kỳ liên chiến hay mới xảy ra độ mười năm sau này, để cho diễn-viên mặc y-phục và hoá-trang đúng vào thời-kỳ của tuồng.

Tóm tắt, những người có trách-nhiệm về cách dàn cảnh, trang-trí và phục-sức diễn-viên trong một vở tuồng nên quan-sát kỹ-càng các chi-tiết của vở tuồng cho hợp với hoàn-cảnh thời-gian và không-gian, vì khán-giả ngày nay có con mắt thẩm-mỹ tinh-đời, chứ chẳng phải như khán-giả ngày xưa nữa. Và có khi người ta xem rồi bất mãn, nhưng cũng để bụng, không muốn nói ra.

b) Điệu-bộ.— Điệu-bộ của hát Bội hay về lối tượng-trung. Điệu-bộ của Cải-Lương hay về lối tả-chân. Phải ra bộ thế nào cho giống hệt ngoài đời. Đó chẳng phải là một việc dễ làm và đó là chỗ biểu-lộ cái biệt-tài của một kịch-sĩ có một nghệ-thuật với một nghệ-sĩ tâm-thường.

Vi như trong một cái chỉ ngón tay : lúc bình thường chỉ khác, lúc giận chỉ khác, lúc buồn chỉ khác, lúc cười chỉ khác, chứ không giống nhau. Thế nên mỗi điệu-bộ đều phải khảo-cứu kỹ-luỡng và theo một quy-tắc nhất-định.

Hiện nay tại trường Quốc-gia Âm-nhạc, do sự sáng-kiến của Bộ Quốc-Gia Giáo-dục, có một bộ-môn dạy về ca-kịch và thoại-kịch. Đây là một việc đáng mừng cho nền kịch-nghệ nước nhà vì các điệu-bộ sẽ được khảo-cứu tỉ-mỉ trước khi đem ra giảng dạy cho các diễn-sinh. Trong ít lâu, chúng ta sẽ có một lớp nghệ-sĩ có khả-năng xuất-lộ trên sân-khấu, như bên Âu-Mỹ.

c) **Màu mè.**— Điều-bộ màu mè là hai yếu-tố căn-bản để thể-hiện cái tài diễn-xuất của kịch-sĩ. Diễn-viên Cải-lương phải có kinh-nghiem thực-tế ngoài đời cho nhiều mới lột hết tinh-thần vai trò của mình. Một cái cười, cái nhìn, liếc, tròng, nhún mày, rôm lệ, v.v... cũng có thể diễn-tả tâm-trạng bên trong của vai tuồng.

Nhất là trong các tuồng xã hội những màu mè : bỉ, nộ, ái, ố... cần phải có vẻ tự-nhiên, chẳng nên giả-bội nhiều như bên hát Bội. Có một ít kịch-sĩ Cải-lương có tật hay la hét lớn như hát Bội, thật không có nghệ-thuật tả-chân chút nào.

III.— CÁC GIỌNG CẢI-LƯƠNG.

Điều Cải-lương cũng có nhiều giọng như hát Bội : Giọng Bắc, giọng Oán, giọng Nam, Lý, Bình, Ngâm, Hò, Nói thơ, Thán, giọng Quảng và giọng Tân-nhạc.

A) GIỌNG BẮC.

Trong giọng Bắc có nói lối Bắc và ca Bắc.

1.— **Lối Bắc.**— Nói lối Bắc của Cải-lương không có đờn đưa hơi như lối Xuân bên hát Bội, song nói chậm-rãi, rõ-ràng và nghiêm-ngập.

Trong tuồng « Lưu-kim-Đính-giải-giá Thọ-Châu » (T.V K.), lớp Cao-quân-Bảo đi săn bắn cùng hai đứa ở, có nói lối Bắc như sau :

Cao-quân-Bảo :

Nay đắc lĩnh mẫu thân điền-diệp,
Càng gia thần hai gã tùy-tùng.

(Này hai cháu) :

Chốn lâm sơn nhẹ bước ruổi giông,
Tìm thắng cảnh hữu tình giải muộn.

(Nói thường) :

Thật mình vào chốn này cảnh-trí xinh đẹp biết bao !

(Lối) :

Nẻo xa thấy liễu dương muôn cụm,
Lối gần xem tùng bá ngàn cây.
Khá khen cho tay tạo khéo bày,
Nào nhượng chốn bồng-lai tiên cảnh.

2 — *Ca Bắc*. — Ca Bắc hơi vui và dùng để tả cảnh vật thiên-nhiên, như lớp Cao-quân-Bảo nói dứt mấy câu lối trên đây, bắt qua ca bài Bắc :

Lưu-thủy-trường

Bảo :

Vào chốn này thỏa tình ước mong,
Nhìn xem phong cảnh rất toại lòng :
Kia nhánh thung gió thổi lao-xao.
Nọ hoa cỏ đượm trăm màu,
Hương đưa mùi vị ngạt-ngào,
Cảnh chào người rất xinh thay ?

Bèo !

Xem trên cội tùng chim bay,
Dưới cụm cây, thú kia đang chạy,

Bướm ong qua lại.

Rừng nhuộm màu quan san,

Bếp :

Mặt trời chiếu diệu ngàn thông.

Cảnh sắc xuân có thêm vẻ đẹp.

Nước khe chảy dọn,

Rỉ-rả nghe như đờn.

Bảo :

Vui, thú vui thanh-lịch,

Non cao xanh-mịch,

Đá gành cheo-leo, lá hoa chen lộn,

Đỏ đen ngũ sắc như màu tranh nhuộm,

Lại thêm gió mát, khoáng dạ ước mơ,

Chiếc lá trên nhánh phất-phơ,

Con oanh vàng chuyền nhón-nbơ.

Sơn lâm sơn tay trời khéo đặt,

Cảnh-tri bày xinh-lịch,

Thức mây rồng bay chón-chở.

Cuối khe nhịp cầu bắc ngang,

Liều rủ mảnh lơ-thơ,

Bóng chiếu nước sóng gợn ngàn tơ!

Bèo :

Mau bước đến thạch bàn,

Ngồi ăn bóng tàn,

Đặng chờ đàn hươu nai.

Tìm kiếm tìm khắp ngàn đông tây,

Chim thú đi gần lối đây,
 Chắc cậu mình sẽ bắn hay.

Bốp :

Cung xạ tiễn như thần,
 Xem khắp trong trần,
 Cậu nào nhượng chỉ ai.

Bèo :

Tài cậu đành không hai,
 Nội Tống trào chẳng ai,
 Không một ai sánh tày.

Bốp :

Kia đã nghe con chim gọi. (Tiếng chim kêu) .
 Khá đi nhè-chẹ,
 Lại gần cậu hãy nhắm coi.

Bảo :

Tai vẳng nghe nhận lạc bầy,
 Ân cội tông này,
 Giương cung thần ra tay.
 Thương tiếc thương cho nhận,
 Vì ta mi vong mạng.

Bèo :

Kia tên đã trúng ngang
 Thật con nhận rõ ràng.
 Mừng lắm thay,
 Ta đem về giúp bữa hôm nay.

Lối ca Bắc có thể dùng để tả cái chí-khí nam-nhi phải
 tận trung báo quốc, khi nước nhà hữu sự.

Trong tuồng « Vì nghĩa liều mình », (T.v.K), Huỳnh-công-Nghĩa, một quân-nhân, lúc ra trận có nói lối và ca Bắc.

Nghĩa :

Nay đắc lịch tiên binh nhập đảng,
Đứng anh hùng trả nợ râu mày,
Lo làm sao rạng vẻ cân đai,
Cho rõ mặt nhà trai Nam-Việt.

Khóc-hoàng-thiên

(Ca) :

Phải lo báo quốc ! Phải lo báo quốc !
Cái nợ râu mày, nam nhi lo đến.
Bốn biển chống vững giang san,
Anh hùng nệ chi.
Chi trung tử sanh chờ sợ,
Vì nước dầu có lâm nguy,
Tiếc chi giọt hồng,
Tiếng đời ngời phổng.
Chúng ta cháu con tiên rồng,
Dễ hòng sợ ai.

Ca Bắc cũng dùng tả tình cảnh sinh ly tử biệt. Như trong tuồng « Gia-Long tẩu quốc », Công-chúa Ngọc-Truyền than thân phận bằng điệu Xàng-Xê.

Xàng-xê (lớp đầu)

Công-chúa :

Bền lòng, ôm hận trường thê lương thâm não.
Tào khang nghĩa thâm chia đoạn,
Ngàn sầu chan-chứa trong cảnh cô đơn.
Vì nước chàng cam máu đổ thầy phơi,

Lìa ái ly tình như thế nì,
 Thiếp phải sao cho trọn đạo phu thê.
 Quyết noi lấy gương Tỉnh vệ,
 Dày công lập cho đầy bề đông.
 Trời ơi, cảnh đời chi khắt-khe,
 Nỗi khổn nguy cảnh tình ly nghĩa đoạn.
 Hận nước với thù chồng,
 Nặng đôi gánh thiếp phải đèn đáp xong.
 Hờn thay lũ Tây-sơn bày tán tận,
 Ta thệ rằng hận bất cộng thiên.

Lớp Nguyễn-Huệ bắt được Lê-phước-Điền, dụ hàng ca bài Bắc Xuân-Tình.

Xuân-Tình

Nguyễn-Huệ :

Ta thương xót đáng nghĩa khí anh hùng,
 Không đành sát hại người trung.
 Vây tướng quân suy nghĩ cho cùng.
 Nếu như cưỡng lời bất phục, e tánh mạng nan
 tồn,

Ta tiếc cho bậc anh hùng,
 Mời nhiều lời khuyên lơn.
 Tướng quân nên bình tâm tự thuận,
 Người khôn phải biết kinh quyền,
 Đừng nê-chấp hẹp hòi,
 Mà chịu thiệt đời không hay.

Phước-Điền :

Ôi, đã ngay chúa, dẫu thác ta có sá gì,
 Phải nào như hạng tham sanh,

Mà bán rẻ tâm hồn,
 Phận ta vì nghĩa vụ,
 Nay rủi gặp vận cùng,
 Được chết là toại lòng,
 Chớ có nhiều lời khuyên dụ thất công !

Ca Bắc cũng dùng đề tả chí-hướng của mình. Đoàn-thế-Trung trong tuồng « Bội-phu quả báo » (s. g. Mộc-Quán) tả chí thư-sinh của mình bằng bài :

Khổng Minh tọa lâu

Chí của nam-nhi, cung thủ tứ phang !
 Khí võ tu văn, theo buổi nước an.
 Gương thánh hiền truyền đề sử xanh,
 Khá giữ gìn nhờ thuở nên danh.
 Cội rễ tánh lý ; sử sách biên thành,
 Đạo nghĩa cách-trí, Tây-hơn thông rành,
 Lòng trau giồi mưa nãi hèn sang,
 Minh chuyên cần nghiệp lại càng ngoan.
 Nhờ cha mẹ áo cơm bảo bọc,
 Thấy cùng bạn thương mến dạy khuyên !
 Hãy gắng sức mình ;
 Hầu về sau vận tải lưu danh.

Trên đây chúng tôi lược-kê một ít bản Bắc đề tỷ-dụ. Trong điệu Cải-lương, còn rất nhiều bài Bắc vì lối ca Bắc và lối thông dụng nhất của Cải-lương. Bản Bắc có bản dài và bản vắn :

Những bản Bắc dài có : Lưu-thủy-trường, Phú-Lục, Tây-Thi, Cỗ-Bản, Bình-bán-chấn, Xuân-Tĩnh. Và bảy bài Tỏ như : Xàng-Xê, Ngũ Đối thượng, Ngũ Đối hạ, Long-Đẳng, Long-Ngâm, Vạn-Giá, Tiều-Khúc.

Hạng bản văn như : Lưu-thủy-đoản, Hành-văn, Bình-bán-văn, Kim-Tiền, Ngũ-diêm-Mai, Bài Tạ, Không-Minh tọa-lầu, Mẫu-tâm-tử, Xang-xử-liu, Lưu-thủy cao-sơn, Thu-Hồ, Tam-pháp nhập-môn, Khóc hoàng-thiên, Long-hồ-hội, Sơn-đông hương-mã, Ngự-giá, Bá Hoa, Mạnh-lệ-quân, Tứ-đại-cảnh, Minh-Châu, Bắc-sơn-trà, Lưu-thủy tàu-mã. Trang nguyên hành-lộ. Hương-mã hồi-thành, v.v...

Những bản mới áp-dụng cho điệu Cải-lương : Minh-hoàng thưởng nguyệt, Ngự-giá đăng-lầu, Phò-mã giao-duyên, Tùng-lâm dạ-lãm. Tống-Phong, Giang-Tô, Phong-Nguyệt, Uyên-ương hội-vũ, Tô-Võ mục-dương, Cung-thiểm bán-nguyệt, Nguyệt gác xuân-đài, Hồ-diệp song-phi, Tứ-bát-chánh, Dạ-hành lữ-khách, Túc-Nguyệt, Võ-biên xuất-tội, Thượng-uyên dạ-hành, Liễu-thuận-nương, Thu-Phong, Long-Nguyệt, Phong-ba-đỉnh, Duyên kỳ-ngộ. Nặng tình xưa, Lạc-xuân-hoa, Đắng-sơn lãm-thúy.

Và những bản mới sáng-tác lúc sau đây có những cái tên rất tân kỳ : Sương chiều, Tú-Anh, Ánh nắng. Trôi nổi phong trần, Lệ rơi thấm đá, Gió hờn, Nhạn về, v.v...

Ngoài ra còn tám bài Ngự và mười bản Tàu của các ban Tài-tử thường đồn, nhưng giới Cải-Lương có dùng một ít bản mà thôi.

Tám bài Ngự : Đương-thái-Tôn, Vọng-Phu, Chiêu-quân Ái-tử-kê, Bát-man tấn-cống, Duyên kỳ-ngộ, Tương-Tư (hơi Nam biển thề), Quả phu hàm-oan (hơi oán biển thề).

Mười bản Tàu : Thâm-Tuyệt, Ngươn Tiêu, Hồ-Quảng, Liên-Hườn, Bình-Nguyên, Tây-Mai, Kim-tiền Huế, Xuân-Phong, Long-Hồ, Tàu-Mã.

B) GIỌNG OÁN

Giọng Oán là giọng đặc-biệt miền Nam, Đờn Oán thường dùng dây hồ tư (tục gọi dây Chính) và dây Tổ-Lan. Hai dây này do các tài-tử miền Nam chế ra và bài Oán đầu tiên là bài Tứ-Đại. Giọng Oán tuy có hơi bi-đát nhưng không kém vẻ trang-nghiêm và hùng dũng. Những vị nào biết ca Tứ-Đại đều công-nhận điều ấy.

Người sáng-chế bản Tứ-Đại là một nhạc-sư kiêm thi-sĩ. Theo sự nhận xét riêng, bản Tứ-Đại là một bài thơ bát cú vì cách kết cấu bài Tứ-Đại giống như cách kết cấu bài Đường luật.

Dưới đây xin phân-tách bản Tứ-Đại trích trong tuồng « Vi nghĩa liêu minh » (T.v.K), lúc Trần-tuấn-Kiệt từ biệt cha và vợ, con, đi tòng chinh (Xã trưởng làng Thiện-Lương vì thăm yêu cô Ái-Hoa, vợ Tuấn-Kiệt, nên ép chàng phải đi lính mộ). (Tuồng diễn tại Biên hoà năm 1925).

1.— Tứ-Đại Oán

Tuấn-Kiệt (ca lớp nhứt) :

Đâu vì đâu sóng dấy đất bằng,
 Làm cho phân rẽ đôi đàng.
 Nỗi ức lòng biết đâu mà mình oan.
 Trời sao nữ phụ kẻ bần hàn,
 Chốn sa tràng thân này quản chi.
 Ngặt nỗi nhà khuynh nguy,
 Bề thần hôn, ai đền ơn sanh thành !

(Lớp nhứt ăn với câu Phá bài bát cú).

Tuấn-Kiệt (ca tiếp lớp nhì) :

Đạo tam cương.
 Chữ hiếu trung biết sao giữ vẹn.
 Thương bấy cha già.
 Kia vợ yêu, nọ con thơ.
 Cảm nỗi nhà hiu quanh bơ vơ.

(Lớp nhì ăn với câu Thừa bài hát cũ)

Trần-Lão (lớp ba) :

Con ơi : Thân cách thiên san,
 Con chịu nhọc nhằn gian nan,
 Chốn sa trường lẫn tên mũi đạn.
 Nỗi khổ lòng ai đâu có hạn.
 Giày sương đạp tuyết.
 Cha thương con vô hồi. — Xót cho chẳng hồi trời !
 Trách bấy chủ Xã tráo chác đời đời.
 Phu thê phụ tử rã rời.
 Thảm nỗi tình biệt ly.
 Khuyên con gắng gượng ra đi.
 Đặt chữ trung mất lòng chữ hiếu.
 Làm trai há trọn hai thờ.
 Con nên giả lấp làm ngư.
 Cha ở nhà diu dắt trẻ thơ.

(Lớp ba cũng gọi lớp Xang dài, ăn với vế trên cấp
 Trạng).

Ái-Hoa (lớp tư) :

Ngày nay chàng phải xuất chinh.
 Em ở lại nhà giữ bề kiên trinh.

Chỗn gia đình em lo báo hồ.
 Nuôi cha già, con khờ em dạy dỗ.
 Dầu cho lao khổ đến thế mô em cũng thờ.
 Trách bầy, thăm bầy cho trời.
 Khiến chi cái cuộc đời,
 Làm cho người phân ly.
 Thương thân chàng ra đi,
 Vai mang sao đầu đội nguyệt,
 Lắm lúc lộ đồ.
 Đường nguy hiểm xiết bao.
 Nỗi dữ lành ai tỏ âm hao.

(Lớp tư hay lớp Xang dài nhì, ăn với vế dưới cấp Trạng).

Tuấn-Kiệt (lớp năm):

Sao, tôi dám hỏi cớ sao?
 Thân bản hèn thêm điều lao đao.
 Hay là, vận thời
 Xui khiến cuộc bi hoan,
 Làm cho người hiệp tan.
 Ghen ghét chi chữ mạng với chữ tài.

(Lớp năm, cũng gọi lớp Xang vẫn nhứt, ăn với vế trên cấp Luận).

(Ca tiếp lớp sáu):

Hồ! Hồ bầy phận làm trai,
 Ôn cha còn mang nặng hai vai.
 Phụ tử đành chia hai.
 Thôi thôi, ở lại nhà,

Em rán nuôi dưỡng thân cha,

Xin đừng phôi pha.

Cám thương thay cha già, thương thay cho phận
cha già!

(Lớp sáu, cũng gọi lớp Xang vẫn nhì, ăn với vẻ dưới
bếp Luận).

Trần-tử-Minh (ca lớp bảy)

Ôi, cha ôi! Xin chớ ngại ngùng.

Cha dầu tách dặm ngàn trùng.

Chốn gia trung mẹ con tôi toan liệu,

Lo việc nhà bình an.

Vái cho cha bền quân thắng trận.

Nam địa phản hồi.

Chừng ấy hiệp thê nhi.

Tên ký lỗ rồi, xin cha hãy rán đi.

(Lớp bảy cũng gọi lớp Hồi thủ, ăn với câu chuyện
của bài bát cú).

Trần-Lão.— (lớp tám)

Con ôi, cách mặt từ đây.

Biết ngày sau có đặng xum vầy.

Tuấn-Kiệt (ca tiếp):

Ôi! cha ôi! Thác gởi sống về,

Xin cha ở lại dắt-dìu thê nhi.

(Lớp tám, gọi lớp Dứt, ăn với câu kết của bài
bát cú).

Sự phân tách trên đây cho chúng ta thấy người sáng-
tác bản *Tứ-Đại* đã dựa theo thể-thức cấu-tạo bài *Đường-thi*.

Giọng Oán còn nhiều bản khác như : Giang-Nam, Phụng Cầu, Phụng-Hoàng, Văn-thiên-tướng, Bình-sa lạc-nhạn và Thanh-dạ đề-quyền (hai bản sau này giới Cải-Lương ít khi dùng).

2. — Cửu-khúc Giang-nam

Bản Giang-Nam có hơi Ai-oán. Đêm khuya canh vắng, một nhi nữ cô phòng than thân tủi phận bằng điệu Giang-Nam.

Xuân đêm, đêm xuân,
Đêm ; đêm xuân,
Than thở thân duyên nợ.
Ngơ-ngẩn chốn loan phòng,
Linh-đình cái phận liễu-bồ,
Hồng, ông Tơ Hồng ôi !
Thân thương, thương thân,
Thương, thương thân
Sổ long đông theo bận bịu.
Lòng lạnh lòng gối loan,
Giọt sầu chứa chan,
Ngơ, ngẩn-ngơ canh tàn.
Sầu vãi-vãi thuyền tình,
Bắn theo mình,
Tình chi xiết nỗi cưu mang
Non nước non,
Này có thấu cho chăng !

3. — Phụng cầu hoàng.

Phụng cầu hoàng là bản của Tư-Mã Tương-Như đờn đề tổ tình cùng nàng Trắc-văn-Quân.

Trong tường « Lưu-kim-Đỉnh » (T. v. K.), lớp Cao-quân-Bảo trốn đi Thọ-Châu-ải bị Lưu-kim-Đỉnh theo bắt kịp, có ca Phụng cầu hoàng đề xin lỗi như sau :

Bảo :

Lưu-nương hỡi nàng,
 Lưu-nương hỡi nàng !
 Nàng bao nữ phụ-phàng.
 Lòng này vì xốn xang.
 Trung hiếu vẫn chưa toàn,
 Mới bỏ thiếp vội băng ngàn,
 Xa nhau giọt sầu chứa-chan,
 Chữ tình cầu mang.
 Anh nguyện kết nghĩa tào-khang.

Kim-Đỉnh (nói) :

Bỏ người ta mà đi còn kết nghĩa tào-khang nổi gì ?

Bảo (ca) :

Anh dễ đâu phụ rẫy tình nàng,
 Sợ mây mưa đánh đổ đá vàng,
 Chớ ý muốn vầy phụng loan.

Đỉnh :

Đôi ta nay kết duyên vợ chồng,
 Dầu sao cũng giữ một lòng,
 Thiếp cam gởi phận má hồng.
 Nguyện một lòng chung vẹn,
 Em không lỗi hẹn.
 Có ông xanh chứng lòng.

Bảo :

Điều lỡ lầm xin tha,
 Miễn lòng đôi ta,
 Giữ cho trọn giếng ba.

Đính :

Khen thay trang anh hùng,
 Biết khi quyền biến nhi tung.
 Nay thiếp xin cùng bạn,
 Lập lời thề cho tạn,
 Ai sau chẳng quản,
 Trên chứng minh có Thiên-Hoàng.

4.— Phụng-hoàng.

Bản Phụng-hoàng cũng hơi oán, nhưng không bi-đát bằng mấy bản kia. Dưới đây xin biên một lớp Phụng-hoàng lấy tích Túy-Kiều và Kim-Trọng.

Kim-Lang vi tân qui hương cố,
 Đọc sách nhớ Túy-Nương.
 Mãn tang hằng trông.
 Tuy bắc nam cầm sắt phân kỳ,
 Túy nguyên trọn,
 Một cùng chàng Kim.
 Vương Ông phút đầu họa gởi thành-linh,
 Có tên đi bán tơ đình,
 Trú một đêm mà vong mạng.
 Quan sai người lại tra,
 Chánh chủ hoa tơ không giấy lâu,
 Pháp quan gia bình,
 Cửa tịch-ký, người cầm giam.

5.— Văn thiên-tường.

Văn-thiên-tường là một bài oán có nhiều hơi trầm bổng rất hay. Nó thường dùng cho các vai đào kép ca trong lúc chia ly để tỏ tình phu thê quyến-luyến.

Khi Cao-quân-Bảo thuận-tình cùng Lưu-kim-Đính rồi,
có ca Văn-thiên-tường để phân tay :

Bảo :

Vì trời xui nên đôi ta kết duyên,
Xuyến kim giao cho bạn ngọc,
Của tin này gọi chút ghi,
Em giữ lấy chờ phu-phàng.
Sầu vì tình vừa đeo mang,
Chung vui chưa phải chén hoan,
Ai khiến xui rẽ phân đôi dàng.
Cần tiết hạnh đó gìn trọn nghĩa,
Nghĩa đá vàng đừng vong, đó em ôi!

Đính :

Lang quân chớ lòng ngại ngại,
Đây em xin,
Chỉ thề non sông chứng chiếu cho lòng,
Của tin em giữ,
Dẫu sao cũng vẹn chữ lòng.
Còn lo cho anh,
Bước đường Thọ-châu rừng núi chập-chồng,
Anh phải rón,
Khá tui ven giữ mình vàng,
Vì tướng Dư-Hồng,
Nó có phép thần thông.

Bảo :

Em chẳng nên lo, sức dám kinh ngàn binh.
Dễ đâu đề lụy đến mình,
Ngọn gươm hiếu-nghĩa ai đương.
Nội Tổng trào đều kinh!

Trong giọng oán còn hai bài Bình-sa lạc-nhạn và Thanh-da đề-quyên được các ban Tài-Tử thường đờn, nhưng giới Cải-lương ít hay dùng.

C) GIỌNG NAM.

Giọng Nam là giọng thể-lương nhất của điệu cô-nhạc Việt-Nam. Trong giọng Nam có lối Ai và ca Nam.

a) **Lối Ai**. — Lối Ai nói thật chậm nghe não-nùng ai-oán và thường dùng câu văn vãn. Trước khi bắt qua ca Oán hoặc ca Nam, vai tuồng thường nói lối Ai. Có ban Cải-lương cho đờn đưa hơi câu lối Ai bằng bản Xuân-Nữ.

Bản Xuân-Nữ, tức gọi Nam rịn, có vai tuồng gọi cảm xúc thể-lương cho khán-giả.

Dưới đây xin biên ít câu lối Ai và bản Xuân-nữ.

Trong tuồng « Tham phú phu bần » (T.v.K.) lúc có Ái Châu bị cha gả ép cho con nhà giàu và phu lời giao ước cùng một gã thư sinh nhà bị thủy tai, có nói lối Ai và ca Xuân Nữ.

Ái Châu (lối Ai) :

Trách bầy trời xanh độc ác,
 Khiến cho tơ đỏ xe lơi.
 Trái lưá đôi, đành thắm một đời,
 Rời cầm sắt, chịu sầu đôi trẻ.
 Cha vì bạc, ham nơi quyền-thế,
 Thiếp bởi nguyên, mếu chỗ nghĩa nhân.
 Chạnh khúc sầu ruột thắt như dầm,
 Xót phận bạc lòng đau tơ xé.

(Ca Xuân-Nữ) :

Bởi cha già, khiến cho trẻ ôm sầu riêng than.
 Vì ai xui duyên nợ lỡ-làng,

Nên lừa dối rẽ phân hai đảng.
 Nghĩ thôi xót đản gan vàng.
 Ông xanh khéo phỉnh phờ hường nhau
 Nguyễn xưa tóc tơ trăm năm kết giao,
 Thề một lòng cùng nhau.
 Nào hay gia thế phải cơn nguy nan,
 Rày cha nữ ham đều giàu sang,
 Khiến cho trẻ ôm sầu ngàn thuở,
 Nguyên dứt rồi ngày thơ.
 Thà cam chiếc thân một thác cho an,
 Nào đâu để hồ đời hường nhan.
 Tiếng hứa như châu ngọc, lời giao hơn bạc vàng,
 Cha nữ bỏ cho rã rời phụng loan!

b) **Ca-Nam** — Những bản Nam chia ra hai hạng :

- Hạng Nam chính-thức có : Nam Xuân, Nam Ai, Nam Chay, Nam Bình và Đảo Ngũ-Cung.
- Hạng Nam do hơi Bắc biến thể : Hành-Vân, Chuồn-chuồn và Vọng-cổ.

1. *Nam Xuân*. — Nam Xuân ca nhịp lời hơi ca Bắc và đờn nhấn công-phu hơn đờn Bắc. Hơi Nam Xuân nghe dịu-hòa và thâm-trầm, nhưng ít thê-thảm như Nam-Ai. (Ba bản Nam sau đây do Ô. Phan-trúc-Quân soạn theo điệu đờn Tư Triều ở Mỹ tho).

Trước kia bản Nam-Xuân có 8 lớp, mỗi lớp 8 câu. Ngày nay đờn tấu có 20 câu đầu rồi qua Nam Ai. Tám câu trong mỗi lớp đều hạ một vần, nên nghe rất thi-vi. Dưới đây xin biên vài lớp Nam-Xuân lấy tích « *Kiều-du Thanh-Minh* »

Lớp Nhứt :

Thương thân người cỗi trần trăm năm,
 Khắp chín Châu, mấy ai người tri-âm,
 Như Kim-Lang cùng Vương-tùy-Kiều duyên âm thầm
 Gian nan rồi, nên ban tình thâm.
 Nhớ xưa tiết Thanh-Minh, cỏ hoa tươi rậm,
 Hiệp một đoàn, đập thanh hành ngậm.
 Xem thấy cô phần, chạnh cảm cổ cầm.
 Câu thi đề hương nguyệt lâm râm, than thân
 tủi thắm.

Lớp Nhì :

Xây dấu thấy Kim-Lang đương khi lạ lòng,
 Tình thừa ưa, ý còn ngại ngùng.
 Vội vàng chia nhánh tơ, vô kỷ thẳng xông,
 Trăng già lẳng lơ, khiến tấm lòng ước mong.
 Con hội ngộ, tưởng đến thủy chung.
 Nổi tóc tơ ủ é màu phù-dung.
 Chưa yên giấc loan phòng, Đạm-Tiên ứng đoạn-
 trường mấy khúc,
 Thức ngồi đau lòng vàng, nghĩ thương người tình
 chung !

2. *Nam Ai.* — Qua Nam Ai, ca nhịp lời hơn Nam Xuân nhiều và nghe bi ai thống-thiết hơn Nam Xuân. Nam Ai dùng tả tình cảnh thê-lương của vai tuồng. Bản Nam Ai có 14 lớp (có 4 lớp phần Xuân), mỗi lớp cũng có 8 câu và cũng hạ một vần.

(Tùy-Kiều tiếp theo)

Lớp Nhứt :

Đưa tin gà, chưa tàn hơi nhang,
 Ý thiết-tha, dăm đầu rời ban lang.

Xảy đầu nghe thơ đồng, đem tin nhà thừa bên màn,
Đặng tin nhà, tắc dạ nào an.

(Qua Ai) :

Cổ tin thúc phụ sớm từ đàng,
Nỗi nùng thay, tha hương dặm ngàn.
Nghiêm đường dạy về quê sinh kíp hộ tang,
Thương chàng Kim chi xiết nỗi kinh hoàng.

Lớp Nhi :

Xót xa tấm lòng, bằng vào dài trang,
Tổ trước sau than với nàng,
Vẳng nghe thăm sâu khan,
Cái nhơn duyên gì, khiến xui cho phận lỡ-làng,
Tình lang ôi! hỡi Kim-Lang!
Đôi duyên triu mến chưa đầy mấy tháng,
Sự bởi đâu, mới hiệp rồi lại tan.
Xót xa thay tấm lòng, lụy tuôn theo vài hàng.
Tổ ly-biệt, xa-xôi niềm quan san.

3. *Đảo-ngũ-cung*.— Bài Đảo là một bài độc nhất của cổ nhạc Việt-Nam có một giọng đặc biệt nghe dỗi-dạc lắm. Sáu câu đầu bài Đảo đều hạ vần trắc nên nghe xóc dưng. Bài Đảo có 8 lớp, mỗi lớp 8 câu cũng hạ một vần.

(Túy-Kiều ngộ Từ-Hải)

Lớp Nhứt :

Gái đức tài văn-chương nết-na trọn vẹn,
Sánh cùng trai râu hùm hàm én.
Đừng nam nhi chi chi bốn phang khi lâm kỹ, khi
lỗi hẹn.

Sông Tấn Dương mây rồng mây có phen,
Trai anh hùng xem Từ-Công sắt son nói ra không
thẹn,

Cơn phong trần, gương anh hùng mài bén.
Thục nữ chờ đo, nào đoái thân hèn,
Cầu tiết nghĩa cũng khá khen.

Lớp Nhì :

Trai như Từ đảng già khách hào hoa,
Chi học-hồng lướt biển trời cao xa.
Nơi cõi Nam, tóm thâu năm tỉnh thành vang
danh lạ,

An tam quân vui vầy câu khải ca.
Kiều nàng bền sắt son chỉ tin một lòng dạ.
Cơn hiểm nghèo chi phai lòng vàng đá.
Bỗng liền thấy mười tướng rước bên nhà.
Rục rục thay loan phụng giá !

4. *Nam chạy* — Trong điệu Cải-lương, khi một vai tuồng bị giặc truy nã, vừa chạy vừa ca gọi Nam chạy. Lớp Nam chạy là hai lớp Trống của Nam Ai rút ra, nhưng ca nhịp thúc để phù-hợp với bộ điệu chạy giặc.

Công chúa Ngọc-Truyền (Năm Phỉ) trong tuồng « Gia-Long tấn quốc », bị binh Tây Sơn đuổi nã, có ca Nam chạy.

Công chúa (nói lời) :

Khô cha chá này ! Trước mặt minh-mông biển cả,
Sau lưng dôi tiếng truy binh.
Bách yến con ơi ! Chẳng có tài bộ hồ đoạn kinh,
Át khó nổi thoát vòng nguy-hiểm.

(Ca Nam chay):

Lớp Nhứt :

Lâm cảnh này e mạng nan tồn.
 Sau trước lại không có nẻo thoát thân!
 Hối này cao xanh đành khiến chi
 Cái cảnh khốn nguy.
 Họa dập-dồn, câu phước bất trùng lai.
 Kia binh chúng áp-bức ngặt nghèo,
 Lẽ tấn thoái, đành rằng cùng phương.
 Khổ rồi, binh giặc vây chặt tứ bề!

(Nói lối):

Vương-mẫu cùng Vương-đệ ôi!
 Giặc hung-hăng trước mặt,
 Biển thăm-thẳm sau lưng
 Không cánh hồng khô nổi thoát thân,
 Phiền mang bạc sa cơ thất thế.

Lớp Nhì (ca):

Trời hại ta rồi, không phương thể thoát ly.
 Sau lưng binh vây, trước biển ngăn,
 Ngộ cảnh này, chỉ chết mới xong.
 Ta thệ rằng, chẳng cho danh giá của ta.
 Bị quân thù bời xoá nơi đây.
 Đều nguy khổ xem rắp đến bên mình;
 Đoái biển thăm đau-đớn lòng anh thơ,
 Đã đành đem thân phận đến ơn nước nợ nhà!
 (Tự tử)

5. *Nam Bình.*— Bản Nam Bình, cũng gọi Trường-Tương-Tư, gốc ở Trung-Phần mới đem vào Nam trong vòng bốn

mười năm nay. Giọng Nam Bình hơi nhẹ-nhàng thư-thái, nhưng ít thể-lương như Nam Ai. Dưới đây xin biên lớp đầu bản Nam-Bình.

(Nguyệt-Nga than Văn-Tiên) :

Giữa đêm khuya, lòng em thôn-thức lệ mãi tuông
tràn,

Đau đơn thay, chim quên gọi đàn.

Tình đời sâu lìa tan,

Thân trẻ nổi trôi trôi trong thăm cảnh, khổ tâm
suốt canh tàn.

Trời cao trở-trêu, đau thương mãi vương mang,

Đạo hiếu không gìn trọn phận làm con.

Hoa nhụy lạt phi mong gì trời sáng soi.

Dầu hao tim lụn, gió thổi tái-tê lòng,

Xe loi tơ-hồng, càng sâu trông.

Hỡi hóa công...

D) GIỌNG NAM DO HƠI BẮC BIẾN THỀ.

Đại-diện cho giọng này có bản Hành-Vân, Chuồn-chuồn và Vọng-cổ.

1. — Hành-Vân hơi Nam .

Bản Hành-Vân là bản ca Bắc, nhưng khi dùng để tả tâm-sự buồn phiền lại biến-thề hơi Nam vì ca nhịp lời và ngân-ngã nhiều.

Trong tuồng « Vi nghĩa liễu mình » Trần-tuấn-Kiệt, một chiến-sĩ, lìa cách quê-hương và gia-quyết, tả tâm sự của mình bằng giọng Hành-Vân hơi Nam.

Chạnh chung tình. Lụy nhỏ đôi hàng.
 Cha con, chồng vợ hai phang.
 Trời ôi có thấu những nỗi gian nan,
 Từ khi cách biệt.
 Cảnh nhà vợ yếu,
 Với con thơ, cha lại bóng xiêu,
 Ruột trăm chiều, phải cam đánh liều.
 Cho rồi bôn phận,
 Phận đừng làm trai,
 Trả nợ râu mày,
 Giày sành đập tuyết, nào ngại chốn chông gai đắng cay !

Kia xem non nước, khác hẳn xứ mình,
 Binh mã rập rình,
 Cuộc chiến-chinh hồn kinh.
 Giận trò đời nhiều việc trớ-trình,
 Khiến chi binh cách, làm cho đồ-thán sanh-linh.

2. — Chuồn-chuồn hơi Nam

Bản Chuồn-chuồn, trước kia hơi Bắc, sau đổi lại hơi Nam và vô mùi Vọng-Cổ. Thường dùng để tả cảnh tình của vai tuồng trong khi gặp cơn hoạn-nạn.

Công-chúa Ngọc-Truyền (Năm Phỉ) trong tuồng « Gia-Long tâu-quốc » có ca Chuồn-chuồn như sau :

Công-chúa (nói lối) : Vương mẫu ôi ! Bởi con quyết chống vững giang-san xã-tắc, nên con đành cam lướt đạn xông tên. Con buồn là buồn cho Từ-Cung sức yếu tuổi cao, vì loạn-lạc nên phải chịu nay đầu gành mai góc bể.

(Ca chuồn chuồn):

Nay đầu gành, mai góc bể, hoạn-nạn biết là bao !
 Nghĩ đến càng thêm chua xót bấy cho lòng con.
 Bởi con đây không tròn câu mộ-khang thần-tĩnh,
 Vì nặng nợ quốc gia, nên con phải lo đáp đền.
 Cầu xin ơn trên cho mẫu-thân với vương-đế,
 Qua khỏi tai nạn, khôi phục lại giang-san.
 Còn phận con đây van nhần bao nài,
 Quyết đem lực tàn mà chống chọi với thời-cơ,
 Cho rạng danh nữ kiệt với lưới gươm này !

3.— Vọng-cổ Hoài-lang

Bản Vọng-cổ hoài-lang là một bản ca hiện nay được thông-dụng nhất trong giới Cải-Lương. Ngoài ra nó được triệt-đề khai-thác trên các đĩa nhựa và được phần đông đồng-bào ưa-thích.

Cái công-dụng đặc-biệt của bản ca ấy đáng được giới mộ-điệu lưu-ý. Sau đây chúng tôi xin trình bày những vấn-đề liên-quan đến bản Vọng-cổ.

- a) Lực-sử bản Vọng-cổ.
- b) Những thời-kỳ tăng nhịp của bản Vọng-cổ.
- c) Những thể-thức cấu-tạo bản Vọng-cổ. Cách hạ-vận và lối giậm giữa hai câu Vọng-cổ.
- d) Các phương-pháp gởi dẫn bản Vọng-cổ.
- e) Vì sao bản Vọng-cổ được công-chúng hoan-nghinh.
- Sự áp-dụng bản Vọng-cổ trong tuồng Cải-Lương và nơi khác.
- g) Dân-tộc-tính của bản Vọng-cổ.

a) **Lược-sử bản Vọng-cổ.**— Bản Vọng-cổ, trước hết có tên là Dạ-cổ, do Ô. Cao-văn-Lầu tục gọi Sáu Lầu ở Bạc-liêu sáng-chế hồi năm 1920. (Sau ba năm khi Cải-Lương ra đời). Sinh năm 1890, ông Sáu Lầu được 30 tuổi khi ông chế bản Vọng-cổ. Lúc ấy ông cưới vợ được 10 năm, nhưng không có con. Cha mẹ ông buộc phải cưới vợ khác vì sợ tuyệt tự. Ông buồn rầu không còn muốn làm ăn gì nữa. Ban ngày ra ngoài đồng, ông nghiên-ngẫm những lời vợ ông nói với ông trước khi chia tay, ông vẫn biết đàn cổ-nhạc nên trong tâm-trạng người chồng đau khổ trước cảnh gia-đình tan-rã, ông cảm-hứng tạo ra bản nhạc 20 câu gọi « Dạ-cổ hoài-lang » (Đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng), có ý đề kỷ-niệm mỗi tâm-tình của vợ ông đối với ông. (Lời gạnh riêng: Có lẽ vì Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nơn, nên khi ông sáng-tác bản Vọng-cổ rồi, ít lâu vợ ông thụ thai và hiện nay Ông Bà còn song toàn, được sáu người con).

Về sau bản nhạc ấy đổi tên là « Vọng-cổ hoài-lang » cho rộng nghĩa thêm. (Trông mỗi tình xưa mà nhớ đến chồng).

Sau đây chúng tôi xin biên bản « Dạ cổ hoài lang » nguyên thủy của ông Sáu Lầu sáng-tác hồi năm 1920.

Dạ-cổ Hoài-lang (nhịp đôi)

- 1.— Từ là từ phu-tướng,
- 2.— Bửu-kiếm sắc phong lên đàng.
- 3.— Vào ra luống trông tin chàng,
- 4.— Đêm năm canh mơ-màng,
- 5.— Em luống trông tin nhàn,



*Ông Cao-văn-Lầu, ở Bạc-Liêu, người đã
sáng chế bản Vọng cổ hồi năm 1920*

- 6.— Ôi, gan vàng quặn đau.
- 7.— Đường dầu xa ong bướm,
- 8.— Xin đỏ đừng phụ nghĩa tào khang.
- 9.— Còn đêm luống trông tin bạn,
- 10.— Ngày mỗi mòn như đá vọng phu,
- 11.— Vọng phu vọng, luống trông tin chàng,
- 12.— Lòng xin chờ phu-phàng.
- 13.— Chàng hỡi chàng có hay,
- 14.— Đêm thiếp nằm luống những sầu tây.
- 15.— Biết bao thuở đỏ đây xum vầy,
- 16.— Duyên sắt cầm đừng lợt phai.
- 17.— Thiếp cũng nguyện cho chàng,
- 18.— Nguyện cho chàng hai chữ bình an.
- 19.— Mau trở lại gia đàng,
- 20.— Cho én nhận hiệp đôi.

Kế đây xin biên bản đờn «*Dạ cô Nguyên thủy*» (Dạ Bắc)

- 1.— Hò lư xang xế cống,
- 2.— Liu cồng, liu cồng xê xang,
- 3.— Xư xang xê hò liu cống xê xang hò,
- 4.— Liu xê xang xư xê xang liu hò,
- 5.— Xư liu, xáng ũ liu cống xê,
- 6.— Liu xáng xang xê liu xê xáng ú liu.
- 7.— Hò lư xang, xang xế cống,
- 8.— Xê xê liu xư, liu liu xư xang.
- 9.— Xư xang xế, liu xê xang xư,
- 10.— Xê liu xư, liu liu xư xang,
- 11.— Xư, xê liu xư, liu liu cống xê liu hò,
- 12.— Liu xê xang xư, cống xê xang liu hò.
- 13.— Xư xang xư cống xế,
- 14.— Xê liu xư, liu liu xư xang,

- 10.— Xừ xang xẽ, hò liú cồng xẽ xang hò,
- 16.— Liú xáng xàng, xẽ liú xẽ xáng ú liú.
- 17.— Hò xự cồng xẽ xang hò,
- 18.— Xẽ liú xừ, liú liú xừ xang,
- 19.— Xừ xang xẽ, hò liú cồng xẽ xang hò,
- 20.— Liú xáng xàng xẽ liú xẽ xáng ú liú.

b) Những thời-kỳ tăng nhịp của bản Vọng-cổ.— Bản Vọng-cổ nguyên-thủy « Từ là từ phụ tướng » trên đây ca giọng Bắc, nhịp đôi, và được thông-dùng từ năm 1920 đến năm 1926.

Kể từ năm 1927 về sau bản Vọng-cổ biến chuyển không ngừng và mỗi thời-kỳ ước-độ tám, chín năm thấy tăng nhịp gấp đôi một lần.

Dưới đây xin tạm phân các thời-kỳ tăng nhịp của bản Vọng-cổ, dựa theo chỗ đại-đồng, nhưng vẫn có chỗ tiêu-dị xê-dịch một ít năm.

Thời-kỳ I (1920-1926) nhịp đôi nguyên thủy.

Thời-kỳ II (1927-1935) tăng lên nhịp Tư

Thời-kỳ III (1936-1945) tăng lên nhịp Tám.

Thời-kỳ IV (1946-1954) tăng lên nhịp 16.

Thời-kỳ V (1955-1964) tăng lên nhịp 32.

Thời-kỳ VI (1965-...) tăng lên nhịp 64.

Mỗi thời-kỳ tăng nhịp trên đây có thể chia làm hai đợt. Đợt đầu bài ca hơi ít chữ, qua đợt nhì bài ca nhiều chữ hơn, song số nhịp vẫn giữ y.

Trước hết bản Vọng-cổ nguyên-thủy ca nhịp Đòì, giọng Bắc vì có một ít câu Vọng-cổ giống câu Hành-vân. Sau lần lần tăng lên nhịp Tư, ca nhiều chữ hơn, hơi kéo dài có ngân-ngã, nên bản Vọng-cổ từ giọng Bắc đã biến thể ra giọng Nam có pha hơi Oán và được công-chúng thích nghe hơn giọng Bắc.

Sau đây xin biên 12 câu Vọng-cổ nhịp Tư, rút trong tuồng « Giá-trị danh-dự » của soạn-giả Nguyễn-thành-Châu do Tư Chơi ca hơi Nam. (Từ nhịp Tư đến sau đờn đây Bắc-Oán, chứ không đờn đây Bắc-chánh nữa).

Giá-trị danh-dự (Vọng-cổ nhịp Tư, đợt đầu)

- 1.— Con ôi ! ở đời mà càng gặp cơn khó xử,
- 2.— Thì mới biết ai là sắt đá, ai vàng thau.
- 3.— Có tuyết sương mới bản dạ bá tông.
- 4.— Có lửa đỏ lại mới biết gan anh hùng.
- 5.— Con ôi ! cha thương cho con một gánh hiều tình,
- 6.— Khó mà con xử cho vẹn đôi bề gồm cả hai.
- 7.— Cha cũng biết rằng nếu nay con vì chữ hiều,
- 8.— Tất thế nào rồi đây cũng phải chịu lỗ duyên con.
- 9.— Nếu vì cha mà để cho con phải mang khốc hận,
- 10.— Thì cái tuổi già này dầu cho có vui cũng gát nước mắt mà làm vui.
- 11.— Nhưng giữa trận giặc có thắng nổi muôn đội tướng tài,
- 12.— Thì cũng không có gan cho bằng con thắng nổi một trận giặc tình !

Kế đây là một bản Vọng-cổ nhịp Tư (đợt hai) rút

trong tuồng « Khúc-oan vô-lượng » của soạn-giả Huỳnh-thủ-Trung tức Tư Chơi, do cô Phùng-Há đơn ca. (Cô Phùng Há thủ vai Bích-Vân than-thở với con gái về việc chồng là Lê-gia-Khanh (Năm-Châu) bị hàm oan vì tội sát nhơn và bị đày ra Côn-Đảo. (Sân khấu Trần-Đắc).

Khúc-oan vô-lượng (Vọng cổ nhịp Tư, đợt nhì)

- 1.— Đêm nào ngọn đèn khuya, mẹ đây chong trắng đĩa.
- 2.— Chàng ôi, nếu có gặp nhau họa chỉ trong giấc mộng huỳnh-lương.
- 3.— Trời đất ôi ! Vợ chồng tôi đang vui câu đầm ấm nơi cảnh gia đường,
- 4.— Vì ai gieo oan mà đề cho thiếp phải cam đòn đập nơi chốn cảnh đoạn trường.
- 5.— Hơn bốn năm trường tựa nơi cánh cửa thiếp trông chờ.
- 6.— Đã biết rằng tuyệt vô hy vọng mà lòng mong thiếp những hoài mong.
- 7.— Con ôi ! có lẽ khi cha con bây giờ, vì nỗi cách xa vợ con, lia nơi cổ quán,
- 8.— Nền đã tóc rối với da chì, chịu hàm sầu nơi hải đảo, mòn mỏi mình ve.
- 9.— Lại còn lúc đêm khuya, mẹ vắng nghe tiếng con hàn quyền kêu lẻ bạn,
- 10.— Mẹ đây ngơ-ngẩn tâm hồn, mẹ mở cửa trông ra kia là muôn dặm trùng dương :

- 11.— Mờ mịt xa trông phù vân bích thủy, gió đưa cơn sóng dợn muôn đường.
- 12.— Cái cánh bướm ai xa xa, khi ẩn khi hiện trên mặt bèo, mẹ tưởng khi cha con về, nhưng nào đâu phải cha con về !

Vọng-cổ (nhịp Tam)

Trong thời-kỳ nhịp Tam bản Vọng-cổ được phổ biến khắp Nam Phần nhờ nghệ-sĩ Lư-hoài-Nghĩa, tức Năm Nghĩa, mở màn với lối ca chậm rãi và ngân-ngã nhiều ở mấy chữ cuối câu.

Sau đây là bản « Nàng gánh nợ đời » của Năm Nghĩa ca độc chiếc đồng thời với bản « Văng-vẳng tiếng chuông chùa », cùng một ca-sĩ. (Chép theo đĩa ASIA, không rõ tên tác-giả và xin cáo lỗi nếu có chỗ sai sót).

Nàng gánh nợ đời (nhịp Tám, dợt đầu)

- 1.— Oằn-oại gánh nợ đời, tôi khó trả cho xong, sao lại còn cứ vay thêm mãi.
- 2.— Tôi nhớ đến ân dưỡng tình, thì suy lại câu « một dục tình nhi phong bất dinh ».
- 3.— Xem gương xưa luống thẹn cùng ai, ăn rau, nhin gạo, khóc măng, đốn củi, đề đền đáp cho vẹn mối thâm tình.
- 4.— Rồi nghĩ lại nổi mình, cũng phận may rầu, mà thua loài điều thú, thì tội bất hiếu ấy đành cam mang lỗi phần.
- 5.— Tôi tưởng đâu vay lấy chút văn chương, đề cùng Châu-Công ký dân hầu có học hỏi mỗi đạo lành.

6.— Than ôi ! nhưng mà chẳng biết bao nhiêu là sách sử, nó không giúp mình hầu cứu vãn sự thân này.

Đề giới-thiệu bản *Vọng-cổ* nhịp Tám, đợt nhì, chúng tôi xin trích trong tuồng « *Tô-ánh-Nguyệt* » của soạn-giả Trần-hữn-Trang, bản *Vọng-cổ* sau đây do Tư Út ca. (Thầy Minh, lúc làm chung, trở với câu Tàn, em cô Nguyệt).

Tô-ánh-Nguyệt (nhịp Tám, đợt nhì)

- 1.— Sau khi tôi có chết đi rồi, xin Cậu chứng kiến cho tấc lòng tôi mà tỏ hết khúc nỗi cho ai kia được rõ nỗi khổ tâm của tôi trước giờ tôi nhắm mắt.
- 2.— Dưới năm mộ xanh, thân người mạng bạc, ngàn muôn năm linh hồn tôi họa chẳng được tiêu tan khỏi hận chốn tuyền đài.
- 3.— Mười tám năm dư lắm lúc tôi muốn vạch mặt phơi gan mà than thở với đất trời.
- 4.— Nhưng mà mối hận tình nó nấu nung trong tim phổi, nghĩ bao nhiêu tội lỗi, gặp mặt ai tôi nói chẳng nên lời.
- 5.— Ngày hôm nay, tôi sắp lìa xa bao nhiêu kẻ thân yêu quý mến mà từ giã cõi đời.
- 6.— Cậu ôi, tôi nhờ cậu nói lại với má thằng Tâm rằng tôi mong giữ sạch nợ trần ai đừng thoát ra khỏi vòng tình thiên hận hải, vậy tôi xin có một đôi lời nhắn nhủ cùng với ai.

Vọng-cổ (Nhịp 16)

Dưới đây là bản « *Tôn Tẩn giả diên* » do nghệ-sĩ Nguyễn-thành-Út, tức Út Trà-Ôn, ca độc chiếc trên đĩa

ASIA, (không rõ tên soạn-giả). Với một nghệ-thuật kỳ-xảo, tuyệt-diệu, đệ-nhứt danh-ca đã khai sanh cho lối ca buông nhịp rất mới-mẻ và rất giá-dẫn về nhịp-nhàng.

Tôn-Tân giả diên (Nhịp 16, đợt đầu)

1.— Ủy trời đất ôi ! nỗi đoạn trường, cũng vì tôi đây quá tin thắng Bàn-Quyên là bạn thiết cho nên ngày hôm nay thân của tôi phải ra nông-nỗi.

2.— Còn như công-cuộc ngày hôm nay đây, bởi tôi không cẩn thận cho nên bạn tôi nó mới đánh nhần tằm chặt lấy một bàn chơn tôi.

3.— Khi tôi còn ở trên non thì tôi quyết ân thân tu tâm dưỡng tánh, luyện thuốc trường sanh mong thành chánh quả đặng có tọa hưởng Bồ-Đoàn.

4.— Nào hay đâu thắng Bàn-Quyên nó lên năn-nĩ ý-ôi, lời ngon tiếng ngọt, nó nói rằng chúa của nó là một đấng minh quân chơn mạng. Bởi vậy cho nên nó bảo tôi một một, hai hai cũng phải xuống mà đầu hàng.

5.— Cho nên khi ấy tôi mới hạ san, thì thầy của tôi có cho tôi một bức cầm nang lại dặn tôi rằng : hễ khi nào lâm nạn thì dỡ ra xem rồi liệu chước biến quyền.

6.— Vậy thì tôi đây vọng-nguyện với Tôn-sư, khai thơ cứu mạng, ủa sao tôi chẳng thấy điều chi lạ, chỉ thấy trong thơ có một chữ « Cuồng ». Ô, ờ, phải rồi, đây thầy tôi bảo tôi giả diên đặng có thoát thân.

..

Qua đợt hai của nhịp 16, cô Tư Sạng ca bản « Xử tội Bàng-quí-Phi » dưới đây với một làn hơi thanh-thản và cảm-

xúc gợi cho người nghe một mối thương-tâm não-nùng ai-oan. (Không rõ tên soạn-giả).

Xử tội Bàng-Quí-Phi (Nhịp 16, đợt nhì)

1.— Trước đền rồng, tội nữ dập đầu, mong ơn trên nhị mẫu hậu xót thương, mở đức tái-sanh, dung cho kẻ tiện-nhận khỏi thác nơi tam ban trào điên.

2.— Thiếp may dặng toàn thân, đành cam lòng nơi lãnh cung trọn đời an phận, nguyện mình tâm khắc cốt, ơn nặng nhị mẫu hoàng, sánh tợ nhị thiên.

3.— Bởi cha tôi, kỷ trưởng cao niên, trí mờ tám-tối, mới gây ra nông-nổ, phải mang trọng tội, ngoại-quốc thông-dồng.

4.— Nhưng con xin lĩnh mẫu hoàng, xét giùm cho thiếp mấy thu dư hết dạ hầu hạ lĩnh cửu trùng, dưới trướng đỡ nâng, một lòng thành kính, đành rằng thân khinh tội trọng, song tiện-nhân chỉ cầu xin với lĩnh mẫu hoàng tướng công chiết tội, nới tay xá lỗi cho thiếp nhờ.

5.— Bệ hạ ôi ! Bệ hạ nữ đành lòng làm lơ ngảnh mặt, diêm nhiên tọa thị, ngồi xem thiếp thọ lãnh gương linh, độc được cùng ba thước lụa điều.

6.— Bệ hạ nữ đề người yêu, chịu dập liễn vùi hoa, chẳng chút xót xa, không một lời kêu ca bào chữa, đề thiếp đây máu rơi tắt thở, bệ hạ ôi, bao nữ đành lòng, đi đoạn tơ tình đang buổi của đôi ta nồng nàn !

Vọng-cổ (nhịp 32)

Bản « Đội gạo đường xa » sau đây của soạn-giả Kiên-Giang do nghệ-sĩ Hữu-Phước đơn ca trên đĩa Lam-son,

có thể đại-diện cho Nhịp 32, đợt I. Đây là một bài ca nêu gương hiếu thảo của Thầy Tử-Lộ.

Đội gạo đường xa (Nhịp 32, đợt I)

(Lối) :

Thầy Tử-Lộ vào chầu Không-Tử,
Gục đầu nước nở khóc như mưa.
Nhớ những ngày rau cháo muối dưa,
Con đội gạo đường xa nuôi mẹ.

1. — Nhưng hỡi ôi ! Sau khi chiếm bằng khôi nguyên thì mẹ cha đã vội bước qua đời... Trên đường vinh quy bái tổ, lòng con đau xót vô hồi... Tiếng trống dập-dồn, tiếng chào mừng rộn rã, lời chúc tụng hoan hô, không có che lấp được nỗi buồn riêng của một vị tân quan, khi liên tưởng đến phút trở về gặp lại mẹ cha trong làn hương khói.

2. — Thầy ôi ! Nhớ những ngày cùng song thân nấu nướng dưới mái thảo đường. Bên án thư con dùi mài kinh sử suốt đêm trường. Ngày ngày, mang giày cỏ mặc áo rơm, vượt trăm dặm đường xa đội gạo qua tiếng hát thiết-tha. (Thơ Văn-Tiên) : Còn cha còn mẹ như tiên, Mất cha mất mẹ như chim lạc đàn. Ai bỏ cha mẹ cơ hàn. Ngày sau trời phạt kêu đàn ông xin ăn.

3. — Trên đường gió bụi, sỏi đá gai chông, dầu làm rách chiếc áo rơm, đôi giày cỏ hay rướm máu gót chân, nhưng không có làm sồn lòng người đội gạo khi nhớ đến cha mẹ thường nhắc câu : « Ngọc bất trác bất thành khí, nhưn bất học bất tri lý » và thường khuyên con dùi mài kinh sử đề chờ kịp khoa thi, chân con bước vội vàng trên đường gai góc mà con đang ngỡ bước vào cửa trường thi hầu chiếm giải mây rồng.

4.— Nhờ chí công ăn học, người được bằng hồ đề tên nên vinh qui bái tổ cho rực-rỡ tông đường. Nhưng về đến quê xưa thì cha mẹ không còn. Ngày nay con được làm quan. Có xe song mã, có vàng đầy kho. Đi đâu có trống có cờ. Cổng chao kết tui, bến dò rắc hoa. Nhưng con không còn mẹ còn cha. Lòng con nao khác đám ma ban chiều.

5.— Hồi quân hầu ! Hồi ngựa xe, hồi cờ quạt, hãy cùng ta dừng lại phút giây trước nấm mộ hoang tàn. Vì ngày vinh qui bái tổ chính là giỗ của song đường, ta tạm cời chiếc áo nhà quan mặc lại áo rơm, mang giày cỏ, đầu đội chiếc thùng rách ngày xưa, ta muốn đi, đi trên con đường cũ tưởng niệm song thân. Vì con đường gai góc từ nhà cũ đến làng xa chính là con đường đi đã đưa ta đến cổng quan trường.

6.— Nghe chuyện thầy Tử-Lộ đội gao cùng tể mẹ cha cho nên vua nước Sở liền cho quân sĩ kiệu chiếc thùng rách, áo rơm và đôi giày cỏ tả tơi về tận triều ca rồi nhờ các văn gia thi sĩ viết lại một tấm gương hiếu thảo của một vị quan đã đội gao đường xa nuôi mẹ nuôi cha từ thuở cơ hàn. Hồi ai bắt hiếu bắt nhân, Xem gương Tử-Lộ ăn năn sửa mình. Lo cho cha mẹ tận tình, Tròn câu hiếu đạo, vẹn gìn phận con.

Vọng-cổ (Nhịp 32, đợt II)

Những bài ca Vọng-cổ trích sau đây phần nhiều của soạn-giả Viễn-Châu, tức nhạc-sĩ Bảy Bá. Ô. Bảy Bá là một nhà thi-sĩ kiêm nhạc-sĩ nên những bài ca của ông soạn đều rất dễ ca và ý-từ được dồi-dào, câu văn điêu-luyện, gọn-gàng, hấp-dẫn. Bài ca của ông xuất-bản rất nhiều và

giời mộ-điều thường lặn cho ông cái danh-hiệu « Vua soạn Vọng-cổ » ?

Sau đây là bài « Nguyệt-Kiều xuất gia » của ông soạn, do Cô Thanh-Nga đơn ca trên đĩa Hồng-Hoa.

Nguyệt-Kiều xuất-gia (Nhịp 32, đọt nhì)

1.— Đêm nay Nguyệt Tam ,Cung cắt mái tóc xanh thành tâm phát nguyện, mong các em hãy mau mau thức tỉnh mộng công hầu... Chị xa em bá lại chẳng âu sầu, nhưng chị muốn lánh xa vọng trần lụy bởi cõi đời là bể khổ sông mê, đêm nay chị đã quyết tâm thi phát tri trai lần chuỗi bồ đề, nương bóng từ bi giữ sạch ưu phiền, hồn lảng lảng với chuông chiều mõ sớm.

2 — Các em đừng trách chị sao nữ rã chia tình cốt nhục, không cùng các em tọa hưởng sang giàu... các em không thấy đoá phù dung sớm nở tối phai màu... Cõi phù sinh chỉ là cõi tạm, cuộc dinh hoàng như một giấc chiêm bao, các em ham điện ngọc lầu son, chị vui hưởng cảnh trăng thanh gió mát, các em quen sống cuộc đời ngựa xe vũng lọng, chị cam bẽ áo bả hải gai.

3.— Các em ôi! có trái mùi trần thế mới biết vị đời là tan khổ đắng cay, sanh ra trong cõi tạm trần ai không có chi gọi là miên trường vĩnh viễn, hoa mới nở đã tàn, trăng vừa tròn lại khuyết, vừa mới thấy tóc xanh đang độ, sờ lên đầu đã lấm tẩm diêm sương. Các em ôi! cười vui chi trong giấc mộng để vương để trảm họ lăm than thắm khổ, can em không được nên chị đành xuống tóc chớ nào quên tỷ muội chi tình.

4.— Nhưng nghĩ lại ngôi tam cung thiếp còn không vọng tưởng thì đầu tiếc làm chi mái tóc nhuộm phong trần... đêm nay dưới vầng trăng xán lạn huy hoàng... xin Phật Trời chứng chiếu cho tấm lòng của Nguyệt-Kiều tam cung, không màng cầu chung đỉnh lợi danh; tin nhân quả nên quyết một lòng tu niệm, sau mấy lời khấn nguyện thiếp thành tâm thi phát giữa đêm trường.

5.— Mây trắng báo hiệu bình minh trở lại nơi phương đông sắp rạng ánh dương hồng, nồn lảng lảng rũ sạch bụi trần thôi ném hết phần son gương lược, thôi giã từ điện ngọc lầu son, mái tây cung nguyệt gác đầu non, chuông chiều mõ ngân nga nhẹ điểm, lần dấu thổ tìm nơi am vắng kẻ từ đây xa lánh bụi trần.

6.— Các em ôi! các em còn say sưa với miếng đỉnh chung, chị lo tu niệm cho tròn quả phúc, các em đừng cười vui trên máu xương kẻ khác, đừng làm điều trái đạo nhân luân, ba tấc hơi gấm chẳng bao lâu, kinh Phật có chữ « hữu sanh là hữu diệt » các em đừng tạo thêm nhiều oan nghiệt mà kiếp ký sinh thêm đau khổ buộc ràng. Các em ôi! thôi thôi từ giã các em chị cất bước lên đường tu niệm.

(Thơ):

Sương sa lác-đác hiên ngoài,
Chị đi tìm chốn Phật đài nương thân.

Vọng-cổ (Nhịp 64)

Lúc sau này, bài ca đặt thêm nên có một ít nghệ-sĩ ca nhịp 64, nhưng đồn nhịp 128, vì mấy cái láy của

bài ca người đờn ni bằng chơn trái, nên nhịp chẻ bằng hai số nhịp của bài ca. Còn nhịp chánh ni bằng chơn mặt.

Dưới đây là bản Vọng-cổ « Ba Râu đi Chợ-lớn » của soạn-giả Viễn-Châu do Văn-Hường đờn ca trên đĩa Hồng-Hoa, có thể tượng-trung cho nhịp 64. Bản này có tánh-cách khôi hài, nhưng hàm-súc ý-nghĩa mỉa-mai bộn tiểu-gian-thương ở thị-trường hiện-tại. Đây xin Quí Vị nghe giọng trào-phúng của nghệ-sĩ Văn-Hường chỉ-trích lời thương-mãi bất chánh.

Ba Râu đi Chợ lớn (Nhịp 64)

(Lối) :

Chú Hai ôi ! Tôi có đưa con gái út tên là con
bảy Cường,

Nó theo chồng lên Chợ lớn đã ba năm.

Ba năm trường tôi mới được lên thăm,

Thân già cả giáp bầm không chỗ nói.

1. — Nội cái vụ ra đến bến xe gặp một lũ tiểu yêu đưa lời đưa kéo, làm tôi rách tiêu cái khăn xéo và điều thuốc rê cũng văng tuốt xuống đáy xe đồ... Tôi ngồi cả canh mà anh sếp-phơ ảnh vẫn ngáy khò khò... Ai nghĩ coi trong vé xe nó đề khởi hành đúng năm giờ rưỡi vậy mà gần tám giờ rồi nó chưa chịu « đề-ba » ; buồn miệng tỉnh hút thuốc thì sợ khói bay làm ngộp cả cô em bên cạnh, muốn ăn trầu thì sợ cồ trầu nó trúng bà xã ngồi bên ; bực quá tôi hỏi thẳng lơ thì nó đồ thừa cho anh sếp-phơ, hỏi thẳng sếp-phơ thì nó đồ thừa cho thẳng cha bán vé.

2.— Chừng chiếc xe ề ạch lết đến bắc Mỹ-Thuận thì bị kẹt cả trăm cái xe hàng, đầu nối đuôi nhau dài gần hai cây số, tôi mới ghé vào một quán cơm làm đỡ một đĩa cơm gà; trời thần ơi! gà chết từ tám đời vương mà nó cũng đem bán đại cho ông già... Rán nuốt cho hết đĩa cơm, hút hết một gói thuốc rê bự xộn, chiếc xe mới lù lù ở bên trời qua, vừa leo lên xe thì tôi nghe ôi thôi điếc tai như là một đám giặc chòm: ôi xá lý đây cô, hủ tiểu bột lọc đây bà, bác đông thử vài lon ốc gạo, ông mua dùm ít chực nem chua.

3.— Tôi móc túi lấy tiền ra mua mỗi thứ một mớ tính lên Chợ-lớn cho mấy đứa cháu ngoại nó mừng. Xe chạy qua khỏi cầu An-Hữu một hồi tôi cầm gói ốc gạo lên coi thì trong 10 phần có tới tám phần ốc chết. Vạch gói ổi ra, thì ổi làm mất chỉ có 2, 3 trái tốt, còn mấy trái ở dưới toàn là ổi thúi hoặc sâu. Tôi mở chín mười lớp lá chuối lấy ra một cục nem thì thấy cục thịt nhỏ bằng ngón tay út mà đen đen mốc mốc, tôi nồi dứa liêng cái giỏ xuống đường nghe một cái xạch, ngồi làm thình mà chán nản sự đời.

4.— Khi xe đến Chợ-lớn, nghỉ xong rồi, tôi biểu chồng con Cường dẫn tôi đi chơi chỗ này chỗ nọ, từ Chợ-Quán, Năn-Xy, Chi-Hòa, Phú-Thọ, cho đến lăng Ông Bà Chiêu, Thị-Nghè... Tân-Thuận, Phú-Xuân, Xóm-Chiếu, Nhà-Bè... Nó lại đưa tôi đi coi cạp trong sở thú mà bây giờ họ gọi là Thảo-cầm-viên, sẵn dịp vui chun, lên lăng Cha Cả, queo qua Ông Tạ xuống tới Hòa-Hưng đi dạo mấy vòng, tuốt lên Tân-Định, vòng qua Phú-Nhuận tôi mới trở về nhà.

5.— Chồng con Cường còn rủ tôi đi coi hát bóng, mèn ơi ! cái rạp lớn bằng mấy cái đình dưới tôi mà chỉ có 5 đồng bạc, là coi đặng hai người, vẫn hát về nhà bằng xe thổ mộ mà tôi đây bắt tức cười, xe ngựa dưới mình ngồi ngó ra đặng trước còn xe ngựa trên này ngồi thông chừa xuống đất day mặt ra phía sau lưng, còn vô tiệm mua hàng đừng thấy nó để cái bảng « giá nhưt định » mà làm tàng mua đại thì có ngày tự vắn, một cái mền rề tôi nó mua có bảy mươi đồng bạc mà nó thách tôi tới bốn trăm đồng.

6.— Bữa về dưới này tôi không dám đi chiếc xe bữa trước, tôi mua vé một chiếc xe khác và có hỏi kỹ : về tới Sa-Đéc đang hoàng, chừng xe qua bắc Mỹ-Thuận, tới ngã ba chỗ cây xăng thì chiếc xe đậu lại và anh lơ lẽ phép mời tôi xuống, tôi nói : Tôi đi Sa-Đéc mà ! Dạ, bác chịu khó đi xe lăm-bết-ta về Sa-Đéc, xe cháu chạy về Cà-Mau. Tôi nổi ơn nói : Chớ sao nầy anh bán vé nói xe nầy về Sa-Đéc ? Anh lơ nói : Dạ tại nó ầu, chớ xe cháu về Cà-Mau. Nó vừa nói nó vừa lấy gói đồ, vừa kéo tôi xuống đất, tôi chưa kịp nói vài câu phải quấy thì chiếc xe đã rồ máy bỏ mình tôi đứng ở bên đường. (Thơ Văn-Tiên) Chuyện đời nghĩ cũng vui vui. Khi không nó bỏ mình ngồi ở ngã ba. Tôi bao chiếc lăm-bết-ta. Lôi về Sa-Đéc hết ba chục đồng !

c) Những thể-thức cấu-tạo bản vọng-cổ.— Hồi năm 1920 bản Vọng-cổ « Từ là từ phu-tướng » của ông Sáu Lầu ra đời với bản đờn nguyên-thủy « Hồ liu xang xê cồng » (Xem đoạn trên).

Trong bản đờn ấy 20 câu dứt như sau :

Câu 1 dứt chữ <i>cổng</i>	;	Câu 2 dứt chữ <i>xang</i>
Câu 3 — — <i>hò</i>	;	Câu 4 — — <i>hò</i>
Câu 5 — — <i>xề</i>	;	Câu 6 — — <i>liu</i>
Câu 7 — — <i>cổng</i>	;	Câu 8 — — <i>xang</i>
Câu 9 — — <i>xự</i>	;	Câu 10 — — <i>xang</i>
Câu 11 — — <i>hò</i>	;	Câu 12 — — <i>hò</i>
Câu 13 — — <i>xề</i>	;	Câu 14 — — <i>xang</i>
Câu 15 — — <i>hò</i>	;	Câu 16 — — <i>liu</i>
Câu 17 — — <i>hò</i>	;	Câu 18 — — <i>xang</i>
Câu 19 — — <i>hò</i>	;	Câu 20 — — <i>liu</i>

Dựa theo thể-thức hạ giọng Bình, Trắc ở chữ đờn cuối cùng của mỗi câu trên đây, các soạn-giả tuồng Cải-Lương cấu-tạo bản Vọng-cổ ăn theo giọng Bình-Trắc của chữ dứt câu đờn.

Thí-dụ trong tuồng « Tham phú phụ bần » (T. v. K.) trình diễn năm 1926 tại Biên-hòa, lúc cô Ai-Châu than vãn cùng Huỳnh-kỳ-Thoại là vị hôn phu bị cha nàng bội ước và muốn gả nàng cho chỗ khác giàu hơn, có ca Vọng-cổ nhịp đôi như sau.

Tham phú phụ bần (Vọng-cổ)

Ai-Châu (đào) :

- 1.— Vì đâu nên xui khiến (cổng)
- 2.— Cha nữ rẽ thúi chia uyên (xang)
- 3.— Làm cho đôi ta đeo phiền (hò)
- 4.— Mang nặng lời nguyên (hò)

K. k. Thoại (kép) :

- 5.— Đành cam dứt câu nghĩa tình (xề)
- 6.— Trên Thiên-Hoàng xin chứng minh (liu)
- 7.— Rồi đây gia viên người phát mãi (cống)
- 8.— Tôi nghĩ hổ thẹn cho phận đứng làm trai (xang)
- 9.— Nhà lâm nguy gặp cơn tai hại (xự)
- 10.— Chẳng dền bù chút ngãi cho song thân (xang)
- 11.— Từ đây đành tẩm thân cơ bản (hò)
- 12.— Làm sao trả nợ nần (hò)

Ái-Châu :

- 13.— Lòng em nguyên thi ân (xề)
- 14.— Ngặt cha già yểm cừu nghinh tân (xang)
- 15.— Đành lòng tham phú phụ bản (hò)
- 16.— Trách bấy người ăn ở, chẳng cân (liu)

H. k. Thoại :

- 17.— Tôi cúi đội ơn nàng (hò)
- 18.— Tuy việc chẳng thành nghĩa nặng phải mang.
(xang)

Ái-Châu :

- 19.— Mai sau duyên phận lỡ-làng (hò)
- 20.— Em cũng nguyên một thác cho an ! (liu).

Trên đây là bản Vọng-cổ nhịp Đôi. Qua thời-kỳ nhịp Tư và nhịp Tám, thể-thức cấu-tạo bản Vọng-cổ cũng vẫn giữ nguyên-căn, song chữ đặt thêm nhiều bằng hai và nhiều khi cho trôi vắn.

Đến thời kỳ nhịp 16, với bản « Tôn-Tân giả diên »

nghệ-sĩ Út Trà-Ôn làm xáo-trộn các thành phần của bài Vọng-cổ bằng cách lồng vào câu Vọng-cổ những điệu Hò, điệu nói Thơ Văn-Tiên v. v.,. Thật là một bài ca đã đánh dấu một bước tiến, một kỷ-nguyên mới cho bản Vọng-cổ.

Dưới đây xin biên những câu kết-cấu theo thể-thức mới (Chép theo đĩa ASIA, không rõ tên tác-giả).

Tôn-Tân giả diên (Vọng-cổ nhịp 16 tiếp theo trang 123).

Câu 7.— Y xê xê ra bây ôi! dang dang bây ra dặng tao lên cung trăng kiểm chị Hằng-Nga, hỏi thăm chỉ coi năm nay được là bao nhiêu niên kỷ.

8.— Rồi tôi chun xuống đất coi đất mỏng hay là dày, dặng có dời non tát bề, lấp sông, bắt Long-Vương lên tra khảo hỏi coi nó có biết tên của tôi hay là không.

9.— Không, không có thể nào ai mà biết tôi đâu. Tôi đây là con của Trời, cháu của Phật, tôi là vua là chúa, là tướng là quân, là trù-phòng tề-nhục.

10.— Tôi giỏi lắm, tôi biết ca, tôi biết hát lại vớ biết đờn. Tôi biết hò mà biết nói thơ nữa, vậy thì bà con cô bác hãy ngồi lại đây, lắng lắng mà nghe ngón đờn tuyệt-diệu của tôi: Hò xê cồng xê xang hò, cồng xang xê xang.

11.— Bây giờ buồn quá, để nói thơ cho bà con cô bác nghe chơi: Buồn cười vua Trụ đa đoan, mê nàng Đắc-Kỷ rồi lại giết oan hết cả triều. Nói qua đến lớp vua U mà yêu-ấp ả má-đào...

12.— Ấm ôm nàng Bao-Tỷ giặc vào cũng không hay. Còn vua Kiệt có tánh rồi hay say, nghe lời của Muội-Hỷ mà lại giết ngay tôi Long-Phùng.

13.— Hò hơ chết tôi, tôi chịu xin đừng bần-bịu bỏ điệu chung tình. Hò hơ... con nhen bay cao rồi khó bắt, hò hơ... con cá ở ao quỳnh cũng khó câu...

14.— Than ôi ! nào là bả lợi danh, mỗi phú quý, thường nó làm cho con người phải đắm chìm trong bể khổ trần ai ; nào là xa cha, cách mẹ, lìa xứ xa quê, nên tấm thân này không có trọn hiếu, trọn trung.

Nhờ cách trình bày độc-đáo bài Vọng-cổ trên đây, Út-TRA-ÔN được biệt-tặng cái danh-hiệu « Đệ nhất danh ca miền Nam ».

Qua thời-kỳ nhịp 32, điệu Hò và nói Thơ cũng được xen vào câu Vọng-Cổ. Trong bài « Đêm tân hôn » dưới đây của soạn-giả Viễn-Châu do Văn-Hường đơn ca trên đĩa Lam-Sơn, các thể-thức trên cũng được áp-dụng.

Đêm tân-hôn (Nhịp 32)

Câu 1.— Anh ôi, chẳng biết tại sao tôi vô duyên bạc số nên yêu đã mấy phen nhưng duyên nợ không thành... Nói ra tôi thêm thẹn cho mình, anh có biết không hồi tháng Mười năm ngoái, tôi có thương trộm nhớ thầm con gái của bà Hương-Lễ ở Cầu Kinh ; trời đất quý thần ôi, con nhỏ nó diện cách gì mà xinh thiệt là xinh, đôi môi nó đỏ chót như son tàu và cặp mắt nó long lanh như chứa đựng một trời tình biển ái.

2.— Mỗi khi nó chèo ghe dưới rạch, nước trong in hình bóng tha-thuốt, gặp mặt tôi là mỉm miệng cười tình, nó cất tiếng Hò lên làm tôi rung động cả thân mình... Hò hơ... Quân tử có thương thì thương cho trót, đừng mê bóng sắc mà bỏ sót con bạn tình. Chừng nào cầu ván hết đỉnh, mái chùa hết ngói... Hò hơ... mái chùa hết ngói, hai đứa mình mới xa nhau... Anh ôi, cái miệng nó có duyên còn hò nghe ngọt xớt, làm cho tôi về nhà tôi cứ mãi chiêm bao.

3.— Anh nghĩ coi: tôi đâu có phải là thằng ham vợ, nhưng ở theo sách vở thì có câu « Nam đại bất hôn như liệt mã vô cương », cho nên tôi mới chạy đôn chạy đáo, cậy nhờ bà con lối xóm rồi lo mua trâu mua rượu, hai gói trà con khi, bốn chai rượu sâm nhung; đó rồi hè nhau lội bộ qua ba bốn cánh đồng, mồ hôi mẹ, mồ hôi con nó rớt nghe lộp độp, qua đến nơi nghe bà Hương bả nói thiệt là mát ruột mát gan, bả nói: (Điệu Lục-vân-Tiên) « Cầu mà thương đến con tôi. Thật là hữu phước cho đời con hai » Tôi nghe qua thật mát lỗ tai. Cái mình nhẹ hều như muốn bay lên trời.

..

Qua đến năm 1964, một thay đổi quan-trọng đã diễn ra trong việc cấu-tạo bản Vọng-cổ. Soạn-giả cổ-nhạc cho lồng vào câu Vọng-cổ những điệu tân-nhạc như: Mưa rừng, Trăng rung xuống cầu, Hòn Vọng-phu, v. v...

Ví như trong bài « Sầu vương ý-nhạc » sau đây của soạn-giả Viễn-Châu do Minh-Cảnh đơn ca trên đĩa Lam-Sơn, có lồng tân-nhạc vào câu Vọng-cổ.

Sầu vương ý-nhạc (Nhịp 3/2)

Câu 1.— Mỗi khi có dịp xuống Hậu-Giang và đi ngang

câu Bến-Lức, tôi còn nhớ mãi những lời ca náo ruột của em bé thơ ngây hát dạo ở ven đường... năm chiếc gậy tre em dắt theo một ông lão tật nguyên... em cất lên tiếng ca buồn rười-rượi : « *Mưa rừng ơi mưa rừng, hạt mưa nhớ ai mưa triền miên, phải chăng mưa buồn vì tình đời, mưa sầu vì lòng người duyên kiếp không lâu* », ôi buồn làm sao tiếng ca đầy thâm não.

2.— Không ai bảo ai nhưng cả xe đều im lặng và nghe đâu đây như có tiếng thở dài... gió lạnh từ xa như họa theo tiếng nhạc u hoài... ông lão sửa dây đàn em bé cũng trở sang điệu khác : « *Ai đang đi, trên đường đi, ai có nghe vang câu hò để mê, vô đây em, dù trời khuya, anh vẫn đưa em về...* » giữa trưa buồn nghe náo ruột lòng ơi.

4.— Những đường tơ như chùng theo mấy ngón tay gầy guộc đang run run bấm nhẹ mấy cung đàn... chiếc đàn long phím tang thương như một kiếp cơ hàn... đôi mắt sâu thăm-thăm như chứa đựng một nỗi niềm dĩ vãng xa xăm... xe đến rồi đi, kẻ xuống Hậu-Giang người về Đồ-thị, ai không nghe cõi lòng băng-khuáng với lời ca ngày thơ vụng dại vang-vang trong tiếng nhạc thâm trầm.

5.— Cầm chiếc lon rỉ sét đưa lên, vài bàn tay bỏ vào đây tờ giấy bạc, ông lão run run để lộ nét vui mừng, cô bé cũng hân hoan cất tiếng ca rằng : « *Qua thiên san kìa ai tiễn rượu vừa tàn, vui ca xang rồi đi tiễn bình ngoài ngàn, người đi về vạn lý quan san, người mong chờ trong bóng cô đơn* » hồi ôi buồn làm sao như người đi kẻ ở, buồn làm sao như rạn vỡ tâm hồn.

6.— Bỗng trắng đã lên rồi ! Đoàn xe từ từ chuyển bánh, tôi nhìn lần cuối cùng hình ảnh của cha con người ca hát dạo, lòng bỗng dâng tràn ngập một niềm thương : người ly hương, ta cũng ly hương, họ nhạc-sĩ ta cũng nhạc-sĩ, đời của ai rày đây mai đó thì đời của ta cũng sương gió lâu rồi. « Mưa rừng ôi mưa rừng, hạt mưa nhớ ai mưa triển miên, phải chăng mưa buồn vì tình đời, mưa sầu vì lòng người, duyên kiếp không lâu ».

* *

Rồi tiếp qua năm 1965, những bản Vọng-cổ mới gọi là « Tân cổ nhạc giao duyên » ra đời rất nhiều, trong đó xin lược biên : Phiên gác đêm xuân, Ngày tạm biệt, Đêm cuối cùng, Nhớ một chiều xuân, Mấy dặm sơn khê. Lê Bổng, Tôi viết tên Anh, Mưa rừng ơi, Anh cho em mùa xuân, Hồn vọng phu, Đò chiều, Quán nửa khuya, Giàn Anh, Tình anh linh chiến, Mong ước, Lá thư không gửi, Chiều mưa biên giới, Lá thư miền Trung, Biệt Kinh-Thành, v. v...

Về việc trộn lộn tân-nhạc vào câu Vọng-cổ, chúng tôi sẽ bàn góp một vài ý-kiến sau này.

Cách thức gieo vần trong bài Vọng-cổ

Về cách gieo vần trong bài Vọng-cổ, lúc ban đầu câu ca còn vắn, nên soạn-giả thường hạ vận ở chữ cuối cùng của mỗi câu.

Như trong bài « Tham phú phụ bần » trước đây, (xem trang 132) vận đề ở chữ dứt mỗi câu (chữ xiên).

1.— Vì đâu nên xui khiến

2.— Cha nữ rã thủy chia duyên

- 3.— Làm cho đời ta đeo *phiền*,
- 4.— Mang nặng lời *nguyền*,
- 5.— Đánh cam dứt câu *ngĩa tình*.
- 6.— Trên Thiên-Hoàng xin chứng *minh*.

Trong tuồng « Tô-ánh-Nguyệt » của soạn-giả Trần-hữu-Trang bài *Vọng-cổ* sau chót do cô Phùng-Hà trình bày, văn mỗi câu cũng gieo ở chữ cuối cùng.

Tô-ánh-Nguyệt (*Vọng cổ*)

Nguyệt ca : 1.— Anh Minh ôi ! Như anh cùng với em đây sống trong thế-hệ giao thời, mới cũ đang đổi thay, cho nên thân thể đảo điên, tan nát cuộc tình duyên, phải đánh cam cảnh chia uyên rẽ thúi.

2.— Em không trách *phiền* anh, giữa chợ đời bán lợi mua danh, anh cũng chỉ là một nạn nơn không hơn không kém, em chỉ thương hại cho anh, chưa thoát ly cái chế độ của *gia-đình*.

3.— Riêng phần em thì trái tim đầu tiên, đã trao cho ai, đầu cho trăm đắng ngàn cay, cảnh ngộ rủi may, lòng dấn lòng thề chẳng đổi thay, cho dơ dáng *dạng hình*.

4.— Anh Minh ôi ! Bấy lâu em còn sống đây, sống trong cảnh cô đơn với chuỗi ngày khô héo, để nhìn xem hạnh phúc của người yêu, và để chăm nom đứa con đại chờ phải đâu em sống riêng cho cuộc đời *minh*.

5.— Hôm nay con đã lớn khôn, anh đã gầy dựng trong cuộc hôn nơn, ngày giờ này anh đã yên thân dưới nắm mồ xanh, thì em cũng nguyện theo anh cho trọn chữ chung *tình*.

6.— Mộng tình ái đã vỡ tan, thì nợ trần gian còn chi đâu bạn bậu, mười tám năm riêng chịu... các bạn ôi đây là chế độ gia-đình xin nhắc với chị em cùng hội cùng thuyền, em xin vĩnh-biệt kể từ đây.

..

Đến thời-kỳ nhịp 32. 64, câu ca thêm nhiều chữ và dài quá nếu hạ vần ở chữ cuối câu như trên sẽ nghe hết hay, nên soạn-giả gieo vần liên-kết trong câu. Và cũng vào thời-kỳ này, bài ca soạn 6 câu thôi, không soạn 20 câu như trước vì dài quá nghe chán.

Thí dụ trong bài « Nắng chiều quê ngoại » dưới đây của s. g. Viễn-Châu do Cô Thanh-Nga đơn ca trên đĩa ASIA, những tiếng gieo vần liên-kết trong câu, viết chữ xiên :

Nắng chiều quê ngoại

Câu 1.— Mấy nếp nhà tranh ẩn mình sau hàng tre rủ bóng đang vươn lên ngọn khói lam chiều. Cảnh hoàng hôn sao nhuộm vẽ tiêu điều. Khóm lau thưa xào-xạc trên lối đường mòn vắng lặng cô liêu ; nhà Ngoại tôi khuất sau mấy dãy dừa xanh soi bóng dịu hiền, bên cạnh mái đình làng đìu-hiu cô phủ.

4...— Trước đỉnh trầm hương khói lam nhẹ tỏa, Ngoại tôi ngồi tụng kinh dưới bức tượng Di-Đà ; Mờ tóc trắng điểm lơ-thơ trên nét mặt hiền-hòa, tay lần tràng hạt tai mơ-màng theo tiếng chuông mõ ngân-nga. Tôi nhẹ-nhe bước đến khơi lại mờ tro than cho cháy bùng lên ánh lửa hồng trong đêm mưa lạnh, cho Ngoại của tôi được ấm thân già.

Kể đây là bài « Giọt lệ Hàng-Giang » của s. g. Viên-Châu do Cô Thanh-Thanh-Hoa đơn ca trên đĩa Lam-Son, cách gieo vần theo một thể-thức khác.

Giọt lệ Hàn-Giang

1.— Giọt Lệ Hàn-Giang chứa chan một thiên tình sử, có phải chẳng ngày Lê-Huê Phan-nữ trở về đây với tâm sự của riêng nàng... nợ thiếp còn mang sao chẳng trọn duyên chàng... tưởng được ven niêm hương lửa ai có ngờ bình vỡ gương tan, nát lòng chưa khi rạn giao-bôi, chưa cùng ai cạn chén ân tình; thiếp đã vội vã hồi quê, lệ tuôn rơi ngập ngừng thấm áo.

2.— Thiếp về đây, hỏi lá lá rơi, hỏi hoa hoa rụng, hỏi vầng trăng xế bóng, hỏi con tim đã rạn vết thương rồi... vườn cũ xơ-rơ chiếc én lừng-lung trời.. thôi thì duyên hằm hiu, thiếp đành cam chịu, ai phụ tình có trời đất chứng tri, tuần mã hôn ba hồi cổ quận, một màu quan tái nhuộm tà huy, chàng nhẩn tâm phụ phàng búng rầy, cảnh cô phòng thiếp chịu sầu bi.

* *

Tiếp sau là bài « Gánh chè bột khoai » của s. g. Minh-Đức do Cô Ngọc-Giàu trình bày trên đĩa « Du-Ấm », lối gieo vần theo một điệu khác.

Gánh chè bột khoai

1.— Chè bột khoai ngọt ngon thanh mát, xin mời bà con cô bác hãy mua giùm... Giúp em qua khỏi cảnh nguy cùng. Đêm nay mưa gió âm-u, em đã lẻ chơn khắp phố phường hoa-lệ. Gánh chè bột khoai vẫn nặng trĩu trên vai, nhìn giọt mưa lấm-tấm bay, mà em tưởng chừng đó là những giọt nước mắt mồ-hôi chảy dài trên đôi má.

2. — Ánh đèn điện huyền ảo mòng lung, tỏa những tia sáng mờ nhạt-hoạt lên khắp mặt *đường*. Phản chiếu những hột mưa như muôn dòng lệ u-buồn. Ai có biết đâu em đang se thắt cõi lòng chưa xót phận long-đong, (THƠ) Em là cô bán hàng *rong*. Tháng ngày khổ nhọc nuôi *chồng* nuôi *con*. Tắm thân gầy yếu héo *don*. Úa tàn hương sắc hao mòn tuổi xuân.

* *

Sau hết, trong bài « Bạch-thu-Hà » của s. g. Viễn-Châu do Cô Lệ-Thủy ca trên đĩa Hồng-Hoa, có lối gieo vần liên-kết và ngâm thơ rất hay.

Bạch-thu-Hà khóc Võ-dông-Sơ

(Thơ) :

Lỡ giấc mơ tình giữa tuổi xuân,
Lâm than gió bụi biết bao lần.
Thiên thu điệp mộng hồn trinh nữ,
Vạn cổ tình hoài vọng cố nhân.

(Vọng-cổ) :

Câu 4. — Thiếp muốn xé tan áng mây trên tầng cao diệp *vội*, đề hỏi thử cao xanh ông ghét ghen chi mà *đề tội* kẻ chương *dài*... Một kiếp quần thoa lặn *đạn* biết bao *ngày*... Nhưng mảnh kiên trinh thiếp nguyện *vẹn* giữ cho trọn lời *đoan* thệ cùng *ai*.

(Thơ Văn-Tiên) :

Thời rồi đá nát vàng *phai*,
Cầu ô lỗ nhịp mộng đời *dở dang*.
Nhìn lên trướng rủ màn *tang*,
Chàng đi đề thiếp khóc than một *minh*.

5.— Ánh nguyệt mới nhô lên đã bị phủ che bởi vầng mây xám, cũng như đời thiếp vừa thoát cơn khổ nạn đã đành cam vắng *bạn chung tình*... Quấn mảnh khăn tang thiếp quỳ trước từng *đình*... Chàng ra đi muôn đời không trở lại, chén rượu đào thiếp đưa tiễn vong *linh*.

(Nhạc) :

Rượu sanh ly dưới làn hương khói,
 Trước linh sàng thiếp thồn thức từng cơn,
 Rượu đôi chung lễ người thiên cô,
 Tiễn đưa ai, đi mãi không về.

Nói lối giặm giữa hai câu Vọng-cổ

Thường trong tuồng Cải-Lương, khi một người ca dứt một câu Vọng-cổ, nhằm nhịp Song-Lang chót rồi, thì đờn nhồi 12 nhịp hoặc 8 nhịp mới bắt qua ca câu kế. Trong khoảng đờn nhồi, vai tuồng không ca nữa. Vậy để tránh cho khỏi ngời tuồng, soạn giả thường cho vai đối thoại nói lối thêm một câu, gọi « lối giặm » đặt trám vào khoảng trống, rồi người ca mới bắt qua câu kế.

Thí-du trong tuồng « Lỡ bước sang ngang » của soạn giả Thu-An và Hoàng-Khâm do đoàn Thanh-Minh trình diễn, có nói lối giặm :

Lỡ bước sang ngang

CẨM-NHUNG (Thanh-Nga) câu 4.— Lam-Sinh, em đến đây với cõi lòng tan nát, cổ thu vào tim từng hơi thở lạnh của ân tình. Cho nên em mới cam tâm nhận tiếng bất bình. Anh hãy chửi em nữa đi cho tâm tình lắng xuống mà cảm xót đời em. Lạnh lùng như một tối tàn thu.

gió đùa lá chết mà ở bên sông sương đông mờ giăng phủ như cỏ chặn lối đi của một khách sang đò.

LAM-SINH (Hữu-Phước) (nói lối giặm) : Thôi cô trở lại đường quang đăng. Đào nở bên sông, kết nhụy vàng.

NHUNG (Thanh-Nga) Ca tiếp câu 5. — Thôi, những mảnh tình tình tan vỡ ấy, Hoa đào từng cánh rụng ly tan. Anh ôi ! Rồi bốn mùa đi qua mãi mãi mà lòng em không có một mùa nào. Lời thề năm xưa năm trong tiếng khóc nghẹn ngào. Mặc cho người ta cứ tưởng-tượng rằng đời em như đôi chim nhạn giữa trời cao. — Biết đâu chim ấy cô đơn quá. Dầu nhạn đủ đôi tấm nắng chiều. — Nổi buồn qua song cửa, dầu nơi lầu cao cũng thấm lạnh tâm hồn.

LAM-SINH (nói lối giặm) : Cái lạnh của người chạnh ấm, dầu bằng cái lạnh kẻ dầm mưa...

NHUNG (ca tiếp câu 6) : Anh Lam-Sinh ! Anh vẫn không tin em yêu anh bằng tình yêu trong trắng, nhưng tình yêu kia đã bất lực trước mẹ cha. Em thiếu kiên gan nghị-lực, vì em chỉ là cô gái nặng biếu thân. Thôi ! (thơ) : Quán trọ ân tình phong kín cửa. Em còn gì nữa nói yêu anh. (Ca) : Nhưng trước khi đôi ta rẽ bước, anh hãy dành cho em niềm thông-cảm sau cùng. Anh nhận nơi đây tất cả tấm lòng thành, lấy số tiền nhỏ mọn để anh tiêu dùng trong lúc bệnh nguy.

* *

Trong tuồng « Sầu quan-ái » của soạn-giả Thu-An và Thiều-Linh do đoàn Thủ-Đô trình-diễn, cũng có nói lối giặm như sau :

Sầu Quan-ài

Phương-Đài (Ngọc-Hương) 4.— Không, ngài hãy cướp cha tôi về cõi sống, thì thân tôi dù nát tan muôn mảnh cũng không màng. Vì tôi là một đóa hoa héo úa rồi tàn. Đời nhưng gấm cần chi hương cỏ dại, chim phụng hoàng đâu thích đậu cành tre. Cho nên tôi chỉ sợ ngài khinh tôi là bụi đường dơ áo mao, chớ đâu có tiếc gì một chút đào hoa đã phai lợt nét xuân hồng.

Lữ-Mộc-Chinh (Hoàng-Giang) *Lối giẫm*.— Phương-Đài ! Nàng cần một người cha, ta có thể hy-sinh giành lại cho nàng nguồn hy-vọng ấy, tại sao nàng lại do dự với ta ?

Phương-Đài (Ca tiếp câu 5).— Ngài ôi ! Hoa dầu đẹp cũng có ngày tàn-tạ, còn ơn dưỡng sinh muôn thuở chẳng phai mờ. Tôi không muốn bị người ta cướp mất đi một hình ảnh tôn thờ, cho nên ngài là thánh là thần, là người ban cho tôi ơn tái-tạo, ngài có đủ quyền uy của thượng đế để đáp lại lòng ngưỡng vọng của chúng-sanh thì có lý đâu ngài lại vô tâm với một sanh-linh đang gào thét dưới chơn ngài.

Mộc-Chinh (*Lối giẫm*): Phương-Đài ! Thực-tế trên đời chưa có một hy-sinh nào mà không cần bù đắp. Thì nàng đừng buộc ta liều lĩnh làm một việc chỉ lợi cho nàng.

Phương-Đài (Ca câu 6): Không Lữ-Mộc-Chinh ! Tôi không bao giờ bắt ngài làm một vật hy-sinh vô-lý, vì tôi không phải là gỗ đá vô tri. Ngài hãy cứu mạng cha

tôi, đề hồi sinh lại lòng tôi mối tình thiêng-liêng phu tử. Thì tôi, tên Mạc-phương-Đại này, xin thể hiện trọn tấm thân hoa, đem tóc tơ đề dền ơn tái tạo. Và tôi xin đặt vào tay ngài tất cả sinh mạng của tôi để cho ngài được tự-do sai khiến trọn đời. Lữ-Mộc-Chinh! Ngài hãy tin tôi, mau ra tay cứu mạng cha già. Ngài đi đi, đừng do dự mà tử thần cướp mất mạng cha.

Cũng trong tuồng trên, lúc Thu-Yến khóc tỏ tình cùng Kim-Bình, có nói lối giãm:

Sầu Quan-ái (tiếp)

Thu-Yến (Thanh-Thanh-Hoa) Ca câu 1.— Ngài ôi! tôi khóc cho một cuộc đời vô vọng của đoá hoa rơi rụng dưới chân đời. Nó đã tàn phai hương sắc tự lâu rồi. Nó đã xa lìa sự sống của những ngày ủ mộng đời xuân sang. Cát bụi sẽ phủ lên mình nó đề rồi mưa nắng thời gian không còn biết nó là hoa gì, được mấy tuổi ước mơ mà đã chôn vùi nguồn mơ ước.

Kim-Bình (Út Trà Ôn) Nói lối giãm.— Tôi không hiểu nằng có vi rằng: đời hoa tàn ấy, chính là đời... tàn tạ của Kim-Bình không?

Thu-Yến (Câu 2).— Dạ không, tôi muốn nói đời hoa ấy là tôi, là một Thu-Yến, đã hơn ba năm nay hầu hạ dưới chân ngài. Nó từng thức thâu đêm nghe gió lạnh thổi dài, nghe lá rụng, nghe tâm tình thồn thức và đề buồn vui theo ánh mắt của người yêu... Ngài ôi! Tôi đã yêu, nhưng tôi không có quyền thổ-lộ, vì tôi đã lỡ lầm yêu... Hương tình của thuở ban đầu nhạt phai. Thì không thể nào tôi nói lại tiếng yêu ai!

Kim-Bình (*Lối giã*): Thu-Yến đã yêu ? Yêu ai trong không-gian u tối này ?

Thu-Yến (Ca câu 3).— Ngài ời! Tôi là kẻ tàn tật, linh hồn trong trắng. Mà mảnh hường nhan không che kín được vết thương, nếu tôi có yêu là yêu người chung cảnh-ngộ, người trong sạch linh hồn mà tàn phế xác thân. Người ấy đang cùng quân lương tri, tâm hồn điên loạn cũng như tôi. Người ấy là người còn có quyền điều khiển đám tàn quân. Có quyền oán vua hận chúa và người ấy chính là người đã từng phen hạ lệnh cho tôi dựng cơm đưa nước, đốt lửa, giăng màn!

..

d) Các phương-pháp gởi đầu bản Vọng-cổ

Để giúp nghệ-sĩ vô ca Vọng-Cổ cho êm, các soạn-giả thường áp-dụng nhiều phương-pháp khác nhau để gởi đầu bản Vọng-cổ :

- 1.— Dùng những bản ngắn cổ-diễn.
- 2.— Dùng câu lối văn xuôi.
- 3.— Dùng câu lối văn vần như: Thượng lục hạ bát, Song thất lục bát, Thơ tứ-tuyệt hoặc câu Thơ mới, v. v...
- 4.— Dùng bản Tân-nhạc mới chế có đệm nhạc hay Ngâm Tao-Đàn.
- 5.— Dùng bản Tân-nhạc có sẵn (Phương-pháp này dùng để soạn bài ca cho đĩa nhựa, chứ không thể dùng trong tuồng Cải-Lương).

1.— Trước kia soạn-giả thường cho gối đầu vô Vọng-cổ bằng những bản ngắn cô-diễn như : Sơn-dông hương mã, Cao-Phi, Giang-Tô, Thủ-Phong-Nguyệt, Hương-Mã hồi-thành, Lý con sáo, Sương chiều, Lưu-thủy hành-vân.

Sau đây xin biên ít bản ngắn cô-diễn để làm thí-dụ :

Sơn-dông hương mã

Trong tường « Nhớ mẹ hiền » của Văn-Hung có lớp vô Vọng-Cổ bằng bản Sơn-dông hương mã.

Xuân-Mai (đào) :

Lúc nguy biến nên bền tâm,
 Anh dũng chớ sờn gan.
 Làm sao ngày sau còn ghi,
 Dầu hoạn nạn, nên nghe lời em phân cặn,
 Hiếu trung giữ tròn,
 Muốn đời lưu truyền.

Vọng-cổ

Hồng-vân (kép) 1.— Xuân Mai em ơi! Có thử lửa đỏ mới biết vàng thau, có trải cảnh gian-lao mới rạng-rỡ chí anh hào...

Cũng trong tường nói trên, có ca bản Cao-Phi đề gối đầu Vọng-Cổ.

Cao-Phi

Lão-Bà (Mẹ của Hồng-Vân) ca :

Lòng này xót thương,
 Nhưng bởi vì bôn phận phải đành.

Kìa là nước non,
 Đường nguy hiểm phải cảnh chia ly.
 Con nên yên tâm vững trí,
 Đợi chờ cho đến chiến thắng,
 Lửa đôi sẽ thành,
 Vui chung hưởng những điều vinh hoa.

Vọng-cổ

Xuân-Mai (vô câu 1).— Mẹ ôi ! xin mẹ an tâm, chờ
 tru-tư mà trí não phải hao mòn...

Trong tuồng « Đời cô Phượng » của soạn-giả *Điền-
 Lang* có ca *Giang-Tô* qua *Vọng-cổ*.

Giang-Tô (chót)

Lão-Bà (ca) :

Đầu đuôi cô khá tỏ phân,
 Vì đầu nên phải nổi trôi?
 Cho già biết cùng...

Vọng-cổ

Phượng (vô ca) : Bà ôi ! từ ngày trở về quê một
 tháng thì cháu lâm tai nạn hải hùng...

Trong tuồng « *Tiết-Giao đoạt ngọc* » của *Lê-văn-Đương*
 có lớp ca *Thủ Phong-Nguyệt* đề vô *Vọng-cổ*.

Thủ Phong-Nguyệt

Tiết-Giao (ca) :

Sao đành dứt tơ tình,
 Chẳng xót tưởng mối tình thơ.
 Thuyền cũ cánh bướm xưa.

Hồ-Nguyệt-Cô (tiếp) :

Em những mong bóng hồng sưởi lòng ;
Duyên tình nồng nàn...

Vọng-cô

Tiết-Giao (vô) : Ôi, còn nhớ thương sao nàng vội tuốt
lưỡi gương vàng...

Trong tường « Hồn liệt-sĩ núi Chí-Linh » của Lâm-
văn-Huệ, lúc Lê-Lợi bị quân Tàu vây ngặt tại trận Chí-
Linh, Lê-Lai quyết tâm cứu Chúa.

Lê-Lai (nói lối) : Bệ hạ ôi ! Quanh thành lũy lửa tràn
binh phủ. Nhìn quân ta oai vũ sắp mỗi mòn. Thôi thì
thần quyết hy-sinh cho vẹn nghĩa tôi con. Bệ-hạ phải sống...
Bệ-hạ sống ắt quân ta còn chiến đấu.

Hướng-mã hồi thành

Lê-Lợi (ca) :

Non nước lúc suy vong,
Ta lâm vòng nguy nan,
Cái chết đã an,
Ta chỉ ngại lo,
Dân quốc khổ đau dưới tai ách gông xiềng.

Lê-Lai :

Xin gác ưu phiền,
Chúa thượng cử lên đường,
Đề cho kẻ hạ thần...

Lê-Lợi :

Ta có lẽ đâu, mưu sự sống an,
Trước cảnh lâm than,
Gót sắt xâm lăng dọc ngang giày xéo tan tành...

Vọng-cổ

Lê-Lai (vô) 1.— Vây thần xin Bệ-hạ kíp tìm phương
đào tàu, giờ báo nguy đã thúc điếm khắp quanh thành.

Trong « *Tình Lan và Điệp* » của s. g. *Viễn-Châu*, do
cô *Bạch-Lan* trình bày trên đĩa *Lam-Sơn*, có *Lý Con Sáo*
đề qua *Vọng-cổ*.

Lý Con Sáo

Hoa bay theo, gió cuốn rụng đầy sân rêu,
Nhìn hoa tàn rụng rơi,
Lan băng khuâng tê tái tâm hồn.
Bởi bao cay đắng dập dờn,
Tình đầu vừa tan theo khói sương.
Lan khóc than trong thánng năm sầu thương.
Mùi thiền đành quên câu muối dưa,
Mong lãng quên khổ đau ngày xưa.

Vọng-cổ

(Vô) *Câu* 1.— *Điệp* ơi tiếng mõ chuông đã chấm dứt
một cuộc tình duyên đầy trái ngang đau khổ, *Lan* phải
lìm đời hoa trong lớp áo nâu sồng... nếu vắng từng đêm
sưởi lệ tuôn dòng...

Trong « *Thoại-Ba Công-chúa* » của s. g. *Viễn-Châu* do
cô *Thanh-Thanh-Hoa* ca trên đĩa *Lam-Sơn*, có ca *Lưu-thủy*
Hành-vân đề qua *Vọng-cổ*.

Lưu-thủy Hành-vân

Trông vô ngựa đường xa ruổi giung,
Sương trắng rơi chấp chùng.

Lên yên, thân thiếp xống pha đầu nài quan san,
 Nong nả sao cho gặp mặt chàng.
 Nghe tiếng nhạc chim trong gió sương,
 Ai mãi mê trên đường.
 Phu Lang ! Ồi hỡi Phu Lang mau dừng cương yên
 Cho thiếp đây tâm sự phân trần.

Vô Vọng-cổ

1. — Địch Lang ôi ! khá dừng cương để thiếp đây tỏ bày hơn thiệt, rồi sẽ lên yên lướt dặm băng ngàn, một năm dư nghĩa phu thê còn chạm khắc quả tim vàng...

Trong « Chúc Anh-Đài » của Viên-Châu, Cô Lệ-Thủy cũng ca Lưu-thủy Hành-vân đề vô Vọng-cổ. Nhưng thay vì ca hơi thấp rồi qua Vọng-cổ cất hơi cao như cô Thanh-Thanh-Hoa, Cô lại khởi ca Hành-vân hơi rất cao, rồi khi qua Vọng-cổ, cô trở lại hơi thấp.

Lưu-thủy Hành-vân

Sương trắng nhuộm rừng phong vấn vương,
 Đưa tiễn em lên đường.
 Nam Sơn đây chốn chia tay phản hồi gia trung,
 Hoa lá bay rơi rụng theo dòng.
 Oanh vãn vang lời ca tiễn đưa,
 Đôi mắt hoen lệ mờ.
 Bao phen toan nói với ai những điều mai sau,
 Nhưng bỗng dừng em lại ghen ngào.

Vô Vọng-cổ

1. — Suối biếc dầy Nam Sơn cuốn trôi từng bông hoa rụng
 đánh dấu buổi phân ly của Lương-sơn-Bá, Chúc-anh-Đài...

2.— Có khi soạn-giã dùng câu văn xuôi để gác qua Vọng-Cổ. Tuy tài nghệ của kịch-sĩ, nếu biết nói lối mở hơi « mùi » cho câu ca của mình có hứng-thú, thì dù với câu văn xuôi thường cũng có thể vô Vọng-Cổ một cách ổn-thỏa.

Như trong tuồng « Máu nhuộm Phụng-hoàng-Cung của s. g. Duy-Lân, lúc Kiều-Nhan nhìn nhận cha là Kiều-quốc-Sĩ, có vô Vọng-Cổ bằng câu văn xuôi.

Máu nhuộm Phụng-hoàng-Cung

Kiều-Nhan (Phùng-Há).— Cha ôi ! mười mấy năm xa cách nay mới được trùng phùng, tấm thân con trôi nổi bênh-bồng, con là Kiều-Nhan đây cha ! Sao cha không nhìn nhận ? còn dẫn đo e ngại ? Từ lúc con mới nên hai thì...

Vô Vọng-cổ

1.— Con đã sớm lạc loài, bởi chiến họa giữa hai nước Bảo, Liêu, xừ xừ tiêu điều, nhà nhà tan nát; con cùng mẹ con mới đáp thuyền trở về quê ngoại trong lúc từ hướng non sông bừng khói lửa.

Trong tuồng « Sầu-Quan-ải » của Thu-An và Thiệu-Linh, do đoàn Thủ-Đô trình-diễn, có dùng văn xuôi để qua Vọng-Cổ.

Sầu Quan-ải

Kha-Cát (Thanh-Hải) Nói lối.— Trời ôi, các ngài có biết không ? Kẻ giết vua là một cận thần trung tín, là một võ tướng hiên ngang đã từng đánh Bắc dẹp Nam để dựng nên...

Vô Vọng-cổ

1.— ... Cơ nghiệp của tiên triều. Rồi nay nó lại thí vua đề mưu định việc gì. Các cửa cung-vi nó trọn quyền xuất nhập vì nó là người tin cần của nhà vua...

Trong tuồng « Lỡ bước sang ngang » của s. g. Thu-An và Hoàng-khâm do đoàn Thanh-Minh trình diễn, có nói lối bằng văn xuôi đề qua Vô Vọng-cổ.

Lỡ bước sang ngang

Tân (Việt-Hùng) Nói lối.— Anh muốn nói tình thương, nhưng tình ấy... là tình con người có nghĩa có nhân... chớ không bao giờ dám xin chỉ chữ ái-ân. Trong lời nói đầu tiên anh muốn nói...

Vô Vọng-cổ

1.— Vì anh biết... Anh đã gây ngàn muôn tội lỗi qua nhiều năm đã chết ý ân tình... Say đuổi theo muôn vạn bóng hình, bằng tất cả tham vọng của một người đã mất lương-tri, anh cũng là kẻ thông minh...

Trong tuồng « Tấm lòng của biển » của Hà-Triều, Hoa-Phượng, đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga trình-diễn, có nói lối văn xuôi đề qua Vô Vọng-cổ.

Tấm lòng của biển

Bà Hai (Ngọc-Nuôi).— Cô Hai à! Rồi đây cô sẽ thành gia thất và sẽ có con. Khi hồng trẻ sơ sinh trong lòng, tia mắt hồn nhiên cũng thăm-trăm tình mẫu tử. Đó là ngày

nay nuôi con bằng sữa bò, sữa bột. Huống chi ngày xưa tôi phải ăn cơm đỏ, muối tiêu để tạo bầu sữa ngọt trong tấm thân...

Vô Vọng-cổ

2 — ... đã tiêu tụy khô cằn... Tôi với cô tuy là nước lã người dung, nhưng tôi coi cô là núm ruột của mình...

* *

3.— Phần thưởng, soạn-giả dùng câu văn vần để gác qua Vọng-cổ cho êm như ngâm thi Tứ-Tuyệt, văn Thượng lục hạ bát, Song thất lục bát, hoặc câu thơ mới bát, cửu ngôn.

Vi như trong tuồng « Tô-ánh-Nguyệt » của Trần-hữu-Trang, Có Phùng-Há thủ vai Ánh-Nguyệt có ngâm Tứ-Tuyệt và nói lối Ai đặng qua Vọng-cổ.

Ngâm thi « Tứ-Tuyệt »

Ánh-Nguyệt (Phùng-Há):

Một giấc u mình rảnh nợ đời,

Tình còn mang nặng lệ còn rơi.

Nếu chẳng:

Mỗi duyên oan trái rồi vay trả,

Thì thiếp đây:

Lời hẹn khi xưa giữ lấy lời.

(Lối Ai): Than ôi!

Vòng tục lụy ai kia toan rũ sạch,

Nợ trần ai thiếp cũng nguyện đền xong.

Cõi dương gian nếu chẳng được hiệp vợ chồng,

Nơi tuyền hạ ta trọn lòng chung thủy.

Tiếng mình thệ vẫn bên tai còn nhớ kỹ,
 Mười tám năm như giấc mộng buổi canh tàn.
 Đã chán chê mùi tầu khổ chốn doanh hoàn,
 Đời hạnh phúc, ta tìm nhau trong kiếp khác.

Ca Vọng-cổ

1.— Anh Minh ôi, như anh cùng với em đây sống
 trong thế hệ giao thời...

Trong « Thoại-Ba Công-Chúa » của Viễn-Châu, Cô
 Thanh-Thanh-Hoa gác qua Vọng-cổ bằng câu Thơ Song-
 Thất Lục-Bát : (dĩ Lam-Sơn).

Thoại-Ba Công-Chúa

(Lối) :

Thiếp tâm chánh tợ trường giang thủy,
 Nhứt dạ tùy lang đảo Phúc châu.
 Rồi đây cách mấy nhịp cầu,
 Chàng Tương giang vĩ, thiếp đầu sông Tương.

Ca Vọng-cổ

1.— Địch Lang ôi ! đầu lẽ chàng đành tám phần hồi
 cổ quốc đề cho Thoại-Ba vàng võ chốn cung hoàng...

Trong « Lắng tiếng chuông ngân » của Viễn-Châu, Cô
 Thanh-Nga gởi đầu bài Vọng-cổ bằng câu Thơ lục-bát
 và Thơ Mới : (dĩ Việt-Hải) :

Lắng tiếng chuông ngân

(Thơ lục-bát) :

Chiều nào nghe tiếng chuông ngân,
 Lá rơi phủ kín mộ phần cha tôi.

Thần thờ quét lá vàng rơi,
Để giun rền-rĩ muôn lời oán than.

(Lối Thơ mới) :

Òi sương trắng phủ màu tang trên nấm mộ,
Quyện trầm hương theo ngọn gió buổi chiều thu.
Nghe mơ-hồ trong lặng-lẽ hoang-vu,
Như có tiếng nhạc sầu nơi cô-quạnh.

Cá Vọng-cổ

1.— Hỡi ôi, chiếc lá vàng bay vạt-vò trong gió lạnh
giữa hoàng-hôn vắng-vắng tiếng chuông chùa...

Trong bài « Dưới cội Bồ-Đề » của Viễn-Châu, cô Lệ-Thủy gác qua Vọng-cổ bằng Thơ Tứ-Tuyệt và Thơ tám chữ (dĩ Việt-Hải).

Dưới cội Bồ-Đề

(Thơ Tứ-Tuyệt) :

Khoan nhặt tây lâu trống trở canh,
Sương lam mờ phủ khắp kinh thành.
Thiếp nghe trơ trọi hồn đơn chiếc,
Giữa chốn loan phòng lạnh gối chăn.

(Lối) :

Thái Tử ôi ! Thiếp lặng ngẫm lá vàng bay trước gió
Nguyệt tàn canh vô võ rọi đầu non.
Chàng ra đi không từ già vợ con,
Mong tầm đạo thoát ly vòng tứ khổ.

Cá Vọng-cổ

1.— Tiếng trống tàn canh điểm lên mấy hồi giục-
giã, đó là lúc chàng rời bỏ cảnh vàng son để rảnh dạ
tu hành...

Ngoài ra, soạn-giả cũng có dùng lối *văn-văn tự-do* để cho nghệ-sĩ gởi đầu qua *Vọng-cổ* một cách khôi-hài. Văn-văn tự-do là lối văn tuy có vần, song câu dài câu ngắn không đồng-đều nhau.

Ví như trong hai bài « Tôi đi hớt tóc » và « Pháp sư giải nghệ » của Viên-Châu, do Văn-Hường diễn-tả trên mặt đĩa Hồng-Hoa và Lam-Sơn, lối văn-văn tự-do đã được áp-dụng :

Tôi đi hớt tóc

(Lối) :

Mỗi khi nghe má trắng Nhái cắn nhả củi-nhủi
(10 chữ)

Nó nói đời bấy giờ mà tôi còn đề củ tỏi hạ châu.
(13 chữ)

Tia nó ời, nghe lời tôi đi hớt tóc gội đầu,
(11 chữ)

Cho được gọn ghẽ bảnh bao cùng thiên hạ. (9 chữ)

Vô Vọng-cổ

1.— Tôi mới cãi lại với má nó rằng : « Thân thề phát phu thò chi phụ mẫu » tôi giữ cục si-nhông là để nhớ công ơn tổ phụ ông bà...

Pháp-sư giải nghệ

(Lối) :

Thôi thôi, bỏ trống bỏ còn, bỏ âm-bình thần tượng,
(11 chữ)

Thầy hết thời đành giải nghệ cho xong (8 chữ)

Bỏ đèn nhang, bỏ tiền tổ mấy trăm đồng (9 chữ)

Bỏ con gà luộc với mâm xôi còn nóng hổi (10 chữ)

Vô Vọng-cổ

1.— Chớ cô bác nghĩ coi từ làng trên xóm dưới ai ai lại chẳng biết tên thầy Tư làm pháp-sư đã bốn năm đời...

Dưới đây là tường « Lương-Sơn-Bá, Chúc-anh-Đài » của s. g. Lê-văn-Đương trình-bày trên đĩa Hồng-hoa, lúc Anh-Đài nói lối qua Vọng-cổ, có dùng văn-văn tự-do, để diễn-tả nỗi đau thương.

Chúc-anh-Đài

(Tiếng, trống bập-bùng tiếp theo một bản nhạc buồn)

Anh-Đài (Út Bạch-Lan) :

Hãy dừng xe lại ! Kia Mộ chàng Lương,
Một năm đất bèn đường tro troi,
Vừa đắp xong, không lá cỏ che sương.

(Gọi to) :

Bớ Lương huynh ! Mới hôm nào học chung trường.
Mới hôm nào đưa tiễn biệt. Hôm nào anh tha thiết,
Đến cầu hôn nhà Chúc-anh-Đài !

Anh ơi ! (khóc nức nở) :

Rời ra đi bỏ lại chiếc khăn tay,
Đoạn mái tóc em gửi chàng kỷ-niệm.
Lâm bệnh nặng, không ngăn dòng huyết hận,
Sôi máu hồng, anh già biệt ra đi. Còn em...

Vô Vọng-cổ

Câu 6.— Anh tưởng em đã đẹp phận vu-quy, thi đây chiếc áo cưới em cỡi ra để trả về cho lễ cưới, còn mảnh khăn tang phủ trắng oan mồ...

4.— Lúc sau này, đề đòi cách vô Vọng-cổ cho mới mẻ, soạn-giả thường cho ca những bản tân-chế có đệm nhạc êm.

Như trong bài « Người ấy là anh », của Viễn-Châu, do Cô Diệu-Hiền đơn ca trên đĩa Việt-Hải, có gổ đầu bản Vọng-cổ bằng :

Ca Sắc Hoa Anh-Đào

Hoa rơi nơi đầu thôn — Hoa rơi khi hoàng hôn.
 Trông cánh hoa phai tàn — Gởi người bao thương nhớ.
 Sương sa khi chiều đông — Bâng khuâng em chờ mong.
 Ôi cách xa phương trời — Tình tha thiết bao lời.
 Nghe gió lộng hồi chuông — Bao mối dây tơ vương.
 Em nhớ ai biên thùy — Sao mong mãi không về.
 Bao năm trên đường xa — Ai vui quân hành ca.
 Em ngẩn bóng hoa tàn — Tơ lòng thêm vương vấn.
 Hoa rơi nơi đầu thôn — Hoa rơi khi hoàng hôn.
 Trông gió đưa duyên lành — Chờ trao gởi tâm tình.

Vô Vọng-cổ

1.— Pháo cười nở vang tiền đưa những nàng xuân nữ hân hoan rộn rã bước theo chồng...

Kể đây là bài « Người chồng lý-tưởng của em » của Viễn-Châu, do cô Thanh-Nga đơn ca trên đĩa Lam-Sơn, có gổ đầu bản Vọng-Cổ bằng NHẠC :

ÁNH ĐÈN KHUYA

Canh khuya rồi còn ngồi mong ai,
 Bao nhớ nhung trời về đêm dài.
 Lớp phấn hồng mờ phai hương sắc,
 Ngàn-ngơ bên ánh đèn sân khấu,

Nhớ mong ai muôn lối đường về.
 Gió lay lá cành bay tới bởi giữa khuya,
 Lá rơi, lá rơi như đời phấn son,
 Lắng nghe cung đàn ní non, em thấy buồn cô đơn.
 Ta mơ nhìn bầu trời thê lương,
 Muôn ánh sao chập chờn đêm trường.
 Khách đã về đường xa muôn lối,
 Đứng giữa nơi hi trường thanh vắng,
 Khiến tim em tê tái lạnh lùng.

Vô Vọng-cổ

1.— Khi em biết được ai là khách tri-âm, ai là người
 chồng lý tưởng, em sẽ thành tâm dâng trọn quả tim vàng...

Trong bài « Cô hàng chè tươi » của Viễn-Châu, do
 Cô Lê-Thủy đơn ca trên đĩa Lam-Sơn, có gởi đầu bản
 Nhạc đề qua Vô vọng-cổ :

Ai đang tiến bước ra nơi tiền tuyến.
 Súng trên vai đi đi dưới sương mờ.
 Hăng hái lên khi sơn hà nguy biến,
 Bước vinh quang em tha thiết mong chờ.
 Bóng anh khuất dần, trên lối mòn gặp ghenh ra
 ải quan,
 Em đứng nhìn anh, gởi mộng hồn theo bóng
 mây ngàn.

Anh ra chốn ấy trăng treo đầu súng.
 Bước hiên ngang anh đi cứu quê nhà.
 Mai một đây anh trở về thôn xóm,
 Có em đang chờ anh dưới trăng tà.
 Có em đang chờ anh dưới trăng tà...

Vô Vọng-cổ

1.— Các anh đi đâu khi vắng dương vừa lỡ dạng hãy vào đây uống cạn mấy chung trà...

Trong bài « Lắng tiếng mưa rừng » của Viễn-Châu, do cô Phượng-Liên đơn ca trên đĩa Việt-Hải, có bản Nhạc gối đầu :

Lắng tiếng mưa rừng

Mưa cuối đông băng khuâng buồn bay,
 Nghe giọng kèn mà thương nhớ ai.
 Mưa gieo buồn mưa ơi,
 Khi cổ nhân xa rồi.
 Hồn theo vương vấn,
 Theo muôn ngàn lá rơi,
 Nghe gió reo đầu đây vì vu,
 Xứ thượng sầu theo ai nhớ thu.
 Mưa thu buồn rơi rơi,
 Ôi nói không nên lời,
 Cùng ai trao gởi,
 Theo cánh chim tung trời.

Vô Vọng-cổ

1.— Ai nhớ thương ai qua tiếng kèn lau nước nở trong khi giữa đời xa đang vọng lại gió mưa rừng...

Sau đây là lời Liên ca diễn khúc của s. g. Viễn-Châu, nhan-đề « HÁN-ĐẾ biệt CHIÊU-QUÂN » do hai tài-tử Ngọc-Hương Thanh-Hải trình bày trên đĩa Lam-Son, có ngâm Tao-Đàn đề vô Vọng-cổ :

HÀN-ĐẾ BIỆT CHIÊU-QUÂN

Hàn-Vương (Thanh-Hải) (Lối) :

Ái khanh ôi !

Buổi đưa tiễn thêm ngổ-ngàng dạ trẫm,

Vật cảm bào utor đâm lệ quân vương.

Nén tim đau khanh cất bước lên đường,

Ôm đoạn thắm trẫm ngày thương đêm nhớ.

Tao-Đàn (Đệm nhạc)

Chiêu-Quân (Ngọc Hương) :

Hán, Hồ đôi ngả tình dang dở,

Duyên kiếp ngàn năm cách biệt rồi.

Mấy tiếng tỳ-bà bao giấu lệ,

Bên bờ biển thâm, gió chơi vơi.

Vô Vọng-cổ

Hàn-Vương : 1. — Ái khanh ôi ! Nhận môn quan chia tay đầy nước mắt, trẫm xót đau như cắt đoạn can tràng... Nhìn mặt khanh trẫm càng thêm tủi thẹn với chiếc ngai vàng... Mấy thu qua mỗi mòn trong cung lạnh, trẫm để cho nàng vô vô kiếp hồng nhan, năm canh sầu mộng, sáu khắc tư lương, đốt đỉnh trầm hương soi lại dung nhan gầy héo vô vàng, khi nghe tiếng trống sang canh liên hồi khởi điềm.

2. — Trẫm đã vô tâm phụ phàng một bông hoa thắm để cho đóa hoa xuân phải rã cánh phai tàn... Khúc nhạc ái ân dở dang bản Phụng cầu hoàng... Có nhiều đêm trẫm nghe từ xa vọng lại những tiếng tỳ-bà réo rất nỉ non, trẫm cứ ngỡ đó là nhạc điệu sầu thương của một cung phi đã tàn phai hương sắc, chớ có ngờ đâu đó là tiếng lòng thần thức của kẻ vô phần sớm lỡ một đời hoa.

Chiêu-Quân (Lối) :

Quân Vương ôi !

Xin đừng nói những lời tha-thiết,

Tiếng ân tình như muối xát da Chiêu-Quân.

Buổi trước kia đã ruồng rẫy một dung nhan,

Nay nhắc chuyện đá vàng thêm thẹn tủi.

Tao-Đàn (Đệm nhạc)

Hán-Vương :

Chia tay duyên thắm, hồn tê tái,

Nhấp chén ly bôi, dạ rã rời.

Người ngọc đi rồi, ta ở lại,

Nỗi niềm tâm sự tỏ cùng ai.

Đường tơ thoi đã đứt,

Đầy voi lệ cảm hoài.

Chiêng trống vang vang, sầu viễn cách,

Lá vàng ả nhận, gió tung bay.

Vô Vọng-cổ

Chiêu-Quân : 3.— Bệ hạ ôi ! Thần thiếp ra đi hôm nay như chim chiều bạt gió, như hoa trôi bèo giạt ở ven gành... Duyên kiếp trời xui như một mối tơ mảnh... đã không hưởng nhờ ơn Vô lộ mà lại còn chịu tấn cống Hồ bang, thiếp muốn gương diễm trang nhưng thêm tủi cùng son phấn, thì mượn chiếc tỷ-bà chùng dây long phím đề dao lên một bản đoạn ly tình.

4.— Bệ hạ ôi ! Kiếp này duyên đã lỡ nguyên tái sanh cây lá giao cành... Rồi đây khi thu mãn đông sang, xuân mang về cho ngự uyển một nguồn hương sắc mới, bệ hạ có nhớ đến thiếp thần xin hãy nhìn cánh hoa

đào còn cười cợt gió đông để nhớ người cung nữ một đi không trở lại, chưa được gần bên chín bề lại phải cớng Hồ để trả nợ quân vương; nợ gì đâu mà lãnh cung mòn mỏi, duyên gì đâu mà Hồ, Hòn đôi đường.

Hán-Vương : (Lối) :

Ái khanh ôi !

Bởi Mao-diên-Thọ đem lời sàm tấu,

Trẫm vô tâm không suy nghĩ cặn cùng.

Chiêu-Quân :

Đầy thiếp thần giữa chốn lãnh cung,

Năm tháng chịu lạnh lùng sương tuyết phủ.

Hán-Đế :

Nay vận Hán gặp hồi diên đảo,

Phải đưa khanh tấn cớng sang Hồ.

Cậy nhờ khanh vãn cứu một cơ đồ,

Lòng quả đức xót xa niềm tủi hận.

Ái Nhạn chiều mưa (Nhạc)

Chiêu-Quân :

Nhạn môn quan, đây ngày chia ly, đây ngày
chia ly,

Dưới mưa rơi tiếng ty-bà vắng khúc bi ai,

Mây nước bao la chia rẽ tình ta.

Hán-Vương :

Thôi khanh ôi ! Con biển nguy đành rẽ đôi,

Duyên đôi ta như khói mây, bèo nước trôi.

Chiêu-Quân :

Xa non nước, tấm thân này có nài bao,

Nếu quân vương vẫn nặng tình khi nhớ nhau.

(Ngâm) :

Ban ơn cha yếu mẹ già,
Thần hồn hoạn dưỡng hải hà nặng mang.

Vọng-cổ

Hàn-Vương : 15. — Ái khanh ôi ! Trao đóa hoa xuân cho người xa lạ, trăm thấy lệ ngẹn ngào tuôn trong tắc dạ buổi chia lìa... Khanh ra đi đâu có hẹn ngày về... từ đây lãnh cung vắng tiếng đàn áo nã và muôn đời dứt đoạn nghĩa phu thê, khanh có oán trách trăm chăng, trăm cũng cam lòng nhận chịu, khi nhìn khanh đau khổ mà lòng trăm nát tan như trường giang cuộn sóng ba đào.

Thơ

Hàn-Vương :

Trống chiêng giục giã lời ly biệt,
Cây cỏ còn đau nỗi đoạn trường.

Chiêu-Quân :

Một thuở ra đi, sầu vạn kiếp,
Hoa lòng héo hắt mộng lòng tan.

Tao-Dàn (Đệm nhạc)

Hàn Vương :

Tỳ Bà bắt tiếng, tình ly cách,
Một dãy sông xanh, lệ mấy hàng.
Sương khói chiều nay, mờ ải vắng.
Lệ tình ướt đầm nhận môn quan.
(Tiếng trống chiêng giục-giã).

Vọng-cổ

Chiêu-Quân : 5. — Quân vương ôi! Phút chia ly giọt châu rơi tầm tã, trong khi tiếng trống chiêng rộn rã đồ liên hồi... Từ đây Hồ, Hồn đôi phang, vĩnh biệt nhau rồi... bến chia ly đượm một màu tang tóc và tiêu điều ải nhận môn quan, mấy dặm trường đình chứng kiến cảnh ly tan, Bệ hạ đối với thiếp thần đã tròn đạo nghĩa, kia sương lam phủ giăng cây cỏ xin quân vương hãy trở lại xe rồng.

6. — Từ đây có gặp gỡ nhau chẳng hãy chờ khi nghe tiếng trống điểm tàn canh, lầu tây nghiêng bóng nguyệt, hồn thần thiếp sẽ hiện về trong giấc mộng đề giày phút cận kề gần gũi linh thiên nhan. Quân vương ôi! hãy lau giòng lệ chia ly, quay mặt đi, đừng nhìn theo chiếc thuyền loan từ từ tách bến mà thiếp đây thêm tê tái tâm hồn... Buồm đã căng lên đón gió trùng dương và đưa Chiêu-Quân về miền xa lạ, mang theo một tâm sự nào nùng với tiếng tơ đồng giữa nhận môn quan.

Đề Quý vị độc-giả thưởng-thức mấy điệu ngâm thơ và ngâm Tao-Đàn, chúng tôi đã biên soạn mấy câu Vọng-cổ.



5. — Sau hết, trong khoảng năm 1964-65, soạn-giả thường cho gởi đầu bản Vọng-cổ bằng những bản tân-nhạc đã có sẵn như: Hòn Vọng-Phu, Phiên gác đêm xuân, Ngày tạm biệt, Đêm cuối cùng, Nhớ một chiều xuân, Mấy dặm sơn khê, v. v... Và nhiều khi soạn-giả cho lồng

vào câu Vọng-cổ những thành-phần của các bản tân-nhạc ấy. Bản « Hòn Vọng-Phu » dưới đây do cô Mỹ-Châu đơn ca trên đĩa Lam-Son, có thể làm thí-dụ :

HÒN VONG PHU

(Tân-nhạc : Lê-Thương)

(Cổ-Nhạc : Viễn-Châu)

Linh vua bành quân trống kêu dồn,
Quan với quân lên đường,
Đoàn ngựa xe cuối cùng,
Vừa rudi theo lối sông.
Phía cách quan sa trường,
Quan với quân lên đường,
Hàng cờ theo trống dồn,
Ngoài sườn non cuối thôn,
Phất phới ngậm ngùi bay...

Vô Vọng-cổ

Câu 1.— Qua thiên san có kẻ bỗng con đứng bên dậm liễu tiễn đưa nhau khi chén rượu chưa tàn... Em tiễn người đi trong lệ thấm đôi hàng... Tiếng vó câu giẫm lên đường vạn lý lẫn tiếng trống bập bùng vọng lại giữa hoàng hôn, chàng đi rồi em vẫn đứng ôm con nhàn sương lam phủ kín lưng trời, em đưa tay nhặt lá vàng rơi để kỷ-niệm ngày chàng ra biên ải.

Phần nhạc lồng vào câu 6 :

Bên Man Khê còn tung gió bụi mịt mù.
Bên Tiên Tương còn thương tiếc nơi ngàn trùng,
Người không rời khỏi kiếp gian nan,
Người hóa thành tượng đá ôm con.

(Trở lại câu 6 Vọng-cổ) : Bến cũ còn đây nhà xưa còn đó nhưng người năm xưa đã vắng bóng lâu rồi, trên sườn núi cheo leo có một hình đá thàng ngày soi bóng nước.

(Thơ) :

Bởi ai mòn mỏi trông chờ,
Cho nên đã hóa ra Hòn Vọng Phu.

Theo thiển kiến chúng tôi, nếu muốn gởi đầu Vọng-Cổ bằng tân-nhạc, nên lựa những điệu nhạc êm vì gác qua V. C. phải có âm hưởng êm mới hấp giọng. Thế nên gởi đầu V. C. bằng cách ngâm TAO-ĐÀN, hay ca những bản tân-chế có đệm nhạc êm như trong « Hán-Đế biệt Chiêu-Quân » v. v... cũng đủ hay rồi. Còn muốn cho ca tân-nhạc, tốt hơn đề ca ở chỗ riêng, chẳng nên cho lồng vào câu Vọng-cổ, vì điều ấy làm mất « dân tộc tính » của bản V. C. và sợ một ngày kia chúng ta sẽ không còn nghe ca Vọng-cổ mà nghe hát « lai căn ». Và lại cái phương-pháp cấu-tạo này không thể áp dụng cho tuồng Cải-Lương.

..

e) Vì sao bản Vọng-cổ được công-chúng hoan nghinh.—
Sự áp-dụng bản vọng-cổ trong tuồng Cải-lương và các nơi khác.

Người Việt chúng ta ưa thích Vọng-Cổ vì bản ca ấy thường được dùng cho tuồng Cải-Lương trong những lớp gay-cấn và cảm-động nhất. Một tuồng hát mà không có ca Vọng-cổ hoặc ca ít quá sẽ bị bỏ rơi.

Thế nên soạn-giả luôn luôn thừa những lớp tường « cup-lac » đem bản Vọng-cổ ra để thỏa-mãn thị-hiến của khán-giả. Các vai tường khi muốn viện-dẫn lý-do để bênh-vực cho lập-trường của mình đều dùng một ít câu Vọng-cổ đăng thuyết-phục người đối-thoại.

Ciong ca Vọng-cổ được chậm-rãi, rõ-ràng, minh-bạch và người ca có thể nhấn mạnh những điểm quan-trọng để lưu-ý người nghe. Đây là một giọng ca đặc-biệt vừa ca vừa nói chuyện rất hấp cho những cuộc tranh-luận có tánh-cách giải-thích và van-cầu mà các giọng ca khác không thể thay thế đặng.

Để minh-chứng điều này, chúng tôi xin trích một lớp tuồng « Máu nhuộm Phụng-hoàng-cung » của s. g. Duy-Lân trong đó bản Vọng-cổ được đem ra sử-dụng nhằm hồi gây cần nhất của tuồng. Ấy là lúc lão Kiêu-quốc-Sĩ muốn thuyết-phục con gái là Kiêu-Nhan để nàng đem grooms về thích-Khách chồng hầu trả thù cho Tồ-Quốc. Và con gái cũng dùng Vọng-cổ để van-lơn cha thông-cảm giùm hoàn-cảnh nan-giải của mình.

MÁU NHUỘM PHỤNG HOÀNG CUNG

Kiêu-quốc-Sĩ (Duy-Lân). Lối.— Con ơi ! Cha như nằm trên đồng lửa, cha như đứng trên chông gai, để nhìn cuộc phú quý vinh hoa mà con đang tọa hưởng. Vả lại con là đứa con duy nhất của cha, con là nguồn sống của cha, con là hy vọng cuối cùng của cha, thế tất cha phải đem bao nhiêu tâm sự của cha giải bày cho con được biết. Đây con hãy bình-tĩnh bước lại đây, lại gần đây rồi con...

Ca Vọng-cổ

Câu 7.— Yên lặng con ngắm nhìn, con thử nhìn kỹ lại dung nghi của cha, xem cha có phải là hạng người mê đắm cuộc vinh hoa, hay có thể say sưa mùi chung đỉnh.

8.— Con ôi! từ ngày mẹ con mất đi thì cha vào ra bên quanh, lòng cha khác chi là tàn tro lạnh, cha có còn tham sống nơi đất Liêu này chỉ vì cha thương con là giọt máu của cha đã hoang rơi trong buổi con còn thơ?

9.— Khách địa bơ vơ, thân cha đương bị câu lưu nơi địch quốc, nên ngày nay cha với con lên đây là cha muốn biết tự trong tâm hồn con có còn phưởng-phất chút tình quê hương hay là con phụ vong mà đi quên nguồn quên cội.

10.— Đây, tóc cha đã bạc, lưng cha đã còm, cha không còn sống bao nhiêu lâu nữa, rồi đây cha sẽ gởi nằm xương tàn vùi chôn dưới ba tấc đất, nên cha muốn nghe một lời chân thật của con cho trọn tình phụ tử, cho vẹn nghĩa với quân vương.

11.— Con ôi! Con là bậc tuyệt thế giai nhân thông minh đỉnh ngộ, lời cha chưa cạn thì con đã hiểu xa, cha hỏi con, nếu một mai có kẻ nào nó toan hại mạng cha thì con phải làm sao mà đền báo thù nhà.

12.— Chim khôn thì không quên ổ cũ, con hiểu không xao lãng thù cha, dân trung không hề vong đất nước, ổ cũ tan thì chim than riu rít, thù cha chưa báo thì con phải nếm mật nằm gai, còn nếu chẳng may mà Tổ-quốc

có ngựa nghiêng thì kẻ dân trung phải xả thân ra mà đền đáp cho sơn hà.

(Nói) : Cha không muốn đông dài luận lý, cha chỉ nói vắn tắt con một vài lời thôi : Đây, nếu có kẻ nào giết cha thì con phải làm sao ?

Kiều-Nhan (Phùng-Há).— Dạ thưa cha...

Kiều-quốc-Sĩ (Duy-Lân). — Sao ?

Kiều-Nhan.— Nếu có kẻ nào cả gan hại mạng cha, thì con... nguyên sẽ đổ máu ra để rửa hận đó cha à.

Kiều-quốc-Sĩ.— Hay lắm, giỏi lắm, vậy mới phải là con hiếu của cha. Nhưng nếu nước ta bị người xâm lấn, con mới liệu làm sao ?

Kiều-Nhan.— Nếu nước ta bị người xâm lấn thì con sẽ hy sinh cả thân thể để đền bồi đó, cha à.

Kiều-quốc-Sĩ.— Cha khen con, cha khen con, con như vậy mới xứng đáng là họ Kiều của cha. Nhưng... kẻ xâm lấn nước ta là người nước Liêu ?

Kiều-Nhan.— Nhưng nếu kẻ xâm lấn nước ta là người...

Kiều-quốc-Sĩ.— Nước Liêu, nước Liêu, thì sao con ?

Kiều-Nhan.— Thì con không thể xem nước Liêu là thù địch được.

Kiều-quốc-Sĩ.— Ồ... con không thể xem nước Liêu là thù địch ? Vì sao vậy con ?

Kiều-Nhan.— Vì...

Kiều-quốc-Sĩ.— Vì sao ?

Kiều-Nhan. — Vì nước Liêu là nước của chồng con, nước của con con, vì nước Liêu là quê hương thứ hai của con, cha à.

Kiều-quốc-Sĩ. —Ồ, vì nước Liêu là quê hương thứ hai của con, phải rồi nên con mới dành ngồi yên để nhìn cái quê hương thứ hai ấy nó giầy đạp, nó tàn phá cái quê hương thứ nhất đi đa nghe.

Thôi thôi (tiếng khóc).

Kiều-Nhan (ca tiếp Vọng cổ) :

Câu 13.— Cha ôi xin cha hãy xót thương thân con trời nổi bênh bồng, nhờ ơn Liêu quốc bao dung từ khi con còn thơ ấu, số hệt khiến xui cho con phải chìm đắm giữa muôn trượng phong ba.

14.— Trước hết con nhờ ơn dưỡng phụ Thân-vương-Hầu, lúc nhai cơm khi bú mớm, dưỡng dục gian lao, nay có lẽ nào hữu ân vô oán, con lại đi phản bội cho đành sao?

15.— Con chồng con thì yêu quý con, nâng đỡ con, xây đắp cho con muôn ngàn danh vọng, nay có lý đâu rẻ khinh tình trọng mà con đang tay giết hại một đấng anh hùng.

16.— Cha ôi, cha thường dạy con rằng con là giọt máu di lưu của mẹ cha trong huyết quản, thì nay con của con vẫn là tinh hoa của con tạo thành. Nó là cháu ngoại của cha, cha ôi cha nữ nào chẳng xót thương.

Kiều-quốc-Sĩ.— (Nói) : Nay cha bị Liêu chúa nghi ngờ, tất cha phải dành sẵn cho cha một phương tiện, Lý-minh-Chương!

Lý-minh-Chương.— Mô Phật.

Kiều-quốc-Sĩ.— Cầm cái hộp gấm để trên bàn Phật kia đem cho lão.

Lý-minh-Chương.— Mô Phật.

Kiều-quốc-Sĩ.— Đây, con ngảnh nhìn xem.

Kiều-Nhan.— Á... (với vẻ kinh hãi).

Kiều-quốc-Sĩ.— Không con đừng sợ, lưỡi độc kiếm này cha đã cố công rèn luyện nên trong hai năm trời khổ tâm nhọc trí, mũi kiếm chỉ đụng nhẹ ngoài da thôi, cũng đủ giết mạng người trong khoảnh khắc, vì cha có tâm rất nhiều chắt độc của núi rừng. Trước khi cha luyện nên nó, cha có nguyện với nước non rằng: lưỡi kiếm này nó sẽ giết...

Kiều-Nhan.— Ai vậy cha?

Kiều-quốc-Sĩ.— một người trong hai người mà số trời đã định sẵn.

Kiều-Nhan.— (tiếng run rẩy) Người ấy là, là ai vậy cha?...

Kiều-quốc-Sĩ.— Người ấy là cha đây!

Kiều-Nhan.— Có lẽ nào cha lại đi rèn độc kiếm để rồi tự giết cha hay sao cha?

Kiều-quốc-Sĩ.— Phải, con nói đúng lắm, nhưng nếu cho cha được sống thì phải có kẻ khác thế mạng vào.

Kiều-Nhan.— Phải có người thế mạng, người ấy là...

Kiều-quốc-Sĩ.— Là chồng con, Liêu-Vương...

Kiều-Nhan.— Không, không cha ôi, con không thể giết chồng con, con không muốn mang danh ác phụ, con không nỡ nhìn xác chồng trên vũng máu, con không đành cho con đại mất cha; thà là con đem thân thể tử cho chồng, thế cũng đủ cho con xử xong tình hiếu rồi cha à.

Kiều-quốc-Sĩ.— Hay a, con quả một trang hiền phụ, con không nỡ giết chồng, thì cha sao lại đành đoạn giết con. Nhưng bởi tình thế nan phân cha phải trọng lời thề nguyện. Thôi vậy để cha tự sát cho xong.

Kiều-Nhan.— Khoan đã cha, cha, con xin vâng lời cha, con đi giết chồng con đây, con đi giết chồng con đây ! Trời ôi, con không lãnh mạng thì cha chết, bằng vâng lời thì tan nát tình duyên, thôi thôi cần rằng âu là gặp biến phải quyền, vì Tở-Quốc cam dứt niêm phụ phụ rồi.

Kiều-quốc-Sĩ.— Phải đó con, vì phụ phụ là tiểu-tiết, mà Tở-Quốc là đại-nghĩa, phải sát thân hy sinh đi con, hy sinh đi con.

Kiều-Nhan.— Con phải hy sinh, trời ôi con hy sinh !

Kể đây là một lớp tuồng « Lỡ bước sang ngang » của soạn giả Thu-An và Hoàng-Khâm do đoàn Thanh-Minh trình diễn, trong đó hai vai đào kép thử tình nhau bằng câu Vọng-cổ.

Lỡ bước sang ngang

Lam-Sinh (Hữu-Phước).— Không, anh cảm thấy tim anh đập chồm mở cánh....

Đạp trên cành xuân thắm mảnh vườn yêu.

Tuyết-Anh (Bích-Sơn) : Còn *Cầm-Nhung* ?

Lam-Sinh (Hữu-Phước) : *Cầm-Nhung* ! Em ôi hình ảnh *Cầm-Nhung* đã lặn mất giữa màu hoa trinh trắng. Đẹp mơ-màng trong sáng như vàng trắng thu tỏ rạng tự...

Ca Vọng-cổ

Câu 13.— ... muôn đời. Anh sung sướng được em yêu bằng một thư tình cảm lặng không lời. Nhưng chưa chan kín đáy biết bao lời chung thủy của con tim. Chờ không như ai, nói yêu để gọi lời yêu theo mây gió, nói chung tình nhưng lại phản tình bằng muôn ngàn thủ đoạn bước sang ngang.

ANH (Nói giậm) (Khóc cảm động thử lòng Sinh).— Sao mãi đến bây giờ anh mới nói? Em... em đã lỡ ưng người ta rồi.

SINH.— Sao? Em nói sao?

ANH.— Em sắp lấy chồng...

SINH : *Câu 14.*— Em sắp có chồng ! (đau khổ) Thế là hết. Thế là thuyền mơ anh sau phút chơi vui vì sóng gió... phải mở lòng thêm lần nữa để đưa rước một người tách bến sang sông, thay bạn đời tình. Trên bến đời nhiều hoa gấm, khách yêu không đợi một người. Và tất cả đều đưa mắt ngó mệnh mỏng như bướm ong sợ xuân vội tàn, sợ tình vội cũ, thay đổi sắc màu theo nhịp bước thời gian.

ANH (Nói giậm) : Em yêu anh... em có thể chết vì anh... nhưng đã lỡ như thế... em biết làm sao?

SINH : *Câu 15.*— Cảm ơn em đã đến với anh vào những phút u buồn tẻ lạnh, đem lại nguồn cảm mới có thể

làm sống dậy một con tim. Nhưng em sắp đem ra khỏi đời anh tất cả những gì màu nhiệm và huyền-ảo nhất trần gian. Kể từ đây, với một hồn lạnh, một thân côi, một khối sầu tuyệt vọng... anh sẽ bắt đầu nghe lại tiếng tim rạn vỡ như nói một niềm thương đau khổ mấy muôn phần.

ANH : *Câu 16.*— Anh ơi ! Chúng ta đã lỡ hẹn lỡ yêu với mộng đời không trọn. Thôi thì anh quên đi những gì đáng tiếc của ngày qua. Anh hãy gượng vui để chờ duyên thời gian màu nhiệm đem đến cho anh một người đẹp không nhanh chân phản bội và chẳng với vàng yêu, anh hãy quên em như Nhung đã quên anh. Quên như thời gian quên ngày tháng, như dò ngang quên khách đợi chờ.

Thơ :

Bến yêu mấy chuyển dò ngang,
Là anh còn gặp mấy nàng xinh xinh.
Trăm năm hẹn một mối tình,
Lòng yêu trắng một màu xinh trắng lòng.

SINH.— (Bỏ lại ghế ngồi ôm đầu đau khổ) Nói : Thôi, em hãy về đi.

ANH.— (tươi cười đến gần nhìn âu yếm) Nói : Anh !

SINH.— (Nói) : Còn gì nữa mà anh em.

ANH.— (Nói) : Em muốn nói giống với anh vậy chứ em hông có ưng ai hết.

SINH.— (Hỏi) : Sao ? Em nói sao ?

ANH.— Nói là em hông có sao hết.

SINH.— Vậy mà em....

ANH.— (Phụng phịu) Nói : Ai biếu từ lâu nay anh làm khổ em chi.

SINH.— Anh xin lỗi em. Anh hối hận đã không nhìn thấy một vầng trăng trước mặt !...

Tiếp theo đây một đoạn tuồng « Nửa đời hương phấn » của soạn giả Hà-Triều Hoa-Phượng do đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga trình diễn, lúc các vai chánh dùng Vọng-cổ để giải-thích thái-độ của mình trước cảnh chia-ly thảm-não.

NỬA ĐỜI HƯƠNG PHẤN

CANG (Hữu-Phước) : Bây giờ em đã có vợ rồi. Anh không cần phải giấu em nữa. Tùng, cô Hương xa em là do nơi anh.

TÙNG (Thành-Được) : (Ngạc nhiên nhìn Cang)

CANG : Vì anh sợ Hương sẽ là vợ của Tùng.

TÙNG : Trời !

CANG : Nên cô Hương mới âm-thầm dứt áo ra đi trong khi lòng cô vẫn tha thiết...

Vọng cổ

1.— Yêu Tùng, nước mắt của cô rơi theo từng bước ngập ngừng, nhìn cô Hương đi mà lòng anh se thắt. Nhưng Tùng ơi ! Vì những lời trăn trối của mẹ cha, vì danh giá của gia-đình ta, mà buộc lòng anh phải yêu cầu Hương nên phải xa Tùng vĩnh-viễn.

TÙNG (nói) : Anh tàn nhẫn quá anh Hai, Hương ơi ! Tùng có hay biết gì đâu !

CANG : 2.— Ngày nay mọi việc xong xuôi, em của tôi đã có vợ rồi, ơn của cô tôi xin ghi nhớ muôn đời. Sự hy sinh của cô thật là cao cả và cũng là cay đắng xót xa. Cô Hương, cô hãy rán quên đi mọi việc đã qua, rồi thời gian sẽ giúp cô sớm thiết tha yêu lại cuộc đời tươi đẹp như hoa.

HƯƠNG (Út Bạch-Lan) : Cám ơn anh (nức nở).

TÙNG (quá đau đớn) : Hương !

HƯƠNG : Tùng ! (càng khó nhiều).

CANH (ca tiếp) : 3.— Cô Hương, trong những giờ phút đau khổ nhưt người ta cần phải khóc thật nhiều cho vơi bớt phần nào chua xót. Nhưng trong hoàn cảnh này, những giọt nước mắt của cô nó có giá-trị như những liều thuốc hồi sinh. Nó sẽ làm sống lại mối tình đã chết trong lòng Tùng tự bấy lâu nay. Cô Hương ôi ! Cô đã đi gần hết quãng đường dài cao đẹp, thì xin cô hãy gắng thêm vài bước nữa, chớ dừng vì một phút yếu dạ non lòng mà cô bỏ cả một công trình.

HƯƠNG : Vâng tôi sẽ cố gắng.

(Ca) Câu 4 — Tùng ơi ? Chắc đây là lần chúng ta gặp gỡ sau cùng. Hương khuyên Tùng hãy rán quên Hương và Hương cũng rán quên Tùng. Xa nhau Tùng cho phép Hương được giữ lại những vật kỷ-niệm mà Tùng đã tặng cho Hương và cả bức thơ này nữa, vì bây giờ Tùng đã hiểu Hương. Tùng ơi ! đêm đêm Hương sẽ thấp nhang cầu trời phật phù hộ cho Tùng yên vui với hạnh phúc. Tùng có hạnh phúc thì Hương mới được vui. Tùng ơi ! Hương sẽ vui sống với hạnh phúc của vợ chồng Tùng.

(Nói luôn) : Từ giã anh Hai. Vĩnh biệt Tùng. (đi).

TÙNG (nói) : Không ! Hương ơi ! Trong khi Tùng cưới vợ để trả thù Hương thì trái lại Hương đem cả tương lai hạnh phúc mà hiến dâng...

(qua Vọng-cổ) :

5.— Trọn vẹn cho Tùng... Thật không còn gì cao cả cho bằng. Vậy mà bấy lâu nay Tùng nở nụ cười và khinh bỉ Hương. Nhưng Hương ơi ! Nụ cười và khinh bỉ vì hiểu lầm nhau chắc còn ít đơn đau hơn là khi đã hiểu được nhau, khi mà Tùng vừa cưới vợ xong rồi.

HƯƠNG : (Lối giặm) Thôi Tùng hãy quên đi mọi việc cũ. Rán mà thương vợ cho gia-đình êm ấm, cho anh Hai được vui lòng và (khóc nghẹn) Hương cũng vui nữa.

TÙNG (Ca) 6.— Hương ơi ! Làm sao Tùng quên Hương cho được. Anh Hai ! Tôi không còn lòng dạ nào mà thương ai hết. Người như vậy mà anh cho là xấu xa. Dĩ vãng xấu không đáng sợ đâu anh à. Sợ là sợ cái xấu trong hiện tại và tương lai kia. Đâu anh hãy thử tìm khắp nơi coi ở đâu có được một người đàn bà cao đẹp như thế này. Tôi sẽ đi với Hương. Hương ! Tùng sẽ đi với Hương, chúng ta sẽ chung sống với nhau dầu trong mái tranh vách lá nghèo nàn.

Kế tiếp là hồi kết-cuộc của vở tuồng « Tấm lòng của biển » của Hà-Triều Hoa-Phượng và Cô Nguyệt trình bày trên đĩa Lam-Sơn ; các vai chánh cũng dùng Vọng-cổ để biểu-thị tấm lòng hy-sinh cao-cả của mình.

TẮM LÒNG CỦA BIÊN

THANH (Thanh-Nga) : *Câu 3.*— Má ! Má ơi ! Dòng sữa ngọt của má đã nuôi con đến ngày khôn lớn, thì có lẽ đầu trái tim con lại khô cạn máu thâm tình... Con đã vô tình phạm tội phụ ơn dưỡng dục sanh thành... Vậy mà bấy lâu nay má vẫn nuốt lệ khóc thầm không chịu nhìn con. Má chôn sâu sự thật vào trong dĩ vãng, sơn phết đời con bằng sự sang giàu vay mượn của người ta để cho con bề hiếu đạo không tròn.

ÔNG ĐỆ (Tám Vân) : Hai à, con nó nói vậy, em cũng nên nhận con cho nó đừng thắc mắc nữa.

BÀ HAI (Ngọc Nuôi) : Con !

THANH (Thanh-Nga) : Má !

BÀ HAI : Đầu phải đến nay má kêu tiếng con ơi lần thứ nhất mà đã từ lâu má lên kêu nhỏ nhỏ tiếng con...

(qua Vọng-cổ) :

Câu 4.— ... với tất cả thâm tình... Dầu con coi má như người dưng, má cũng coi con là như núm ruột của mình... Nhưng tiếng con tha thiết của má, từ đây con sẽ không còn nghe nữa. Vì má phải xa con, đi chôn giấu cái cội nguồn khôn rục rở, để cho con khỏi bị bên chồng khinh rẻ thì hạnh phúc tình duyên của con sẽ được nguyên lành.

THANH : Không ! Má đừng đi. Thà là tình con tan vỡ hơn là duyên má đổ dang. Con còn nhỏ, đời con còn dài, lo gì má.

ÔNG ĐỆ.— Con nó nói vậy em cũng nên nghe lời nó cho nó vui.

BÀ HAI : *Câu 5.*— Vì muốn hy sinh cho con trẻ mà má chịu khổ đau đã hơn hai chục năm trời. Nay má đau nữa đề cho con đang dở mộng xuân thời... Má phải đi. Dầu ở xa nhau nhưng lúc nào má cũng thương nhớ đến con. Lâu lâu má lại lên về thăm đề nhìn con sống yên vui trong hạnh phúc, còn hơn là hy sinh một mối tình tươi đẹp đề diễm tô hạnh phúc tình duyên căn cỗi của tuổi già.

ÔNG ĐỆ.— Mẹ có lý của mẹ, con có lý của con, tôi không biết khuyên sao cho đúng nữa.

BÀ HAI.— Con đề má đi.

THANH : *Câu 6.*— Má! Má không cần phải đi đâu cả. Anh Hưng! Đây là má ruột của em, và ba em đã tục huyền với dì Hai nuôi vũ này đây. Nếu anh thấy đó là một điều làm tổn thương danh giá thì anh hãy về, đừng đề cho mẹ con em phải mỗi người một ngả. Má ơi! Má đã vì con mà má phải sống như một người cô phụ đếm thời gian đề chờ xuân sắc phai tàn. Mối tình đầu con đầu cô hồng, nhưng vẫn còn hy vọng ở ngày mai. Chờ con không đề má thêm lận đận trên đường đời, lặng nhìn hạnh phúc buồn trôi.

Sau hết trong tường « Hoa Mộc-Lan » của s. g. Viễn-Châu và Ngọc-huyền-Lan do các tài-tử trình bày trên đĩa Lam-Son. có lớp đôi vợ chồng mới tiến-biệt nhau bằng câu Vọng-cổ sau khi gối đầu bằng bản Sương-Chiều.

HOA-MỘC-LAN

BỘI-NGỌC (Lệ-Thủy) : Rồi đây :

(Lối) :

Có những khi chén rượu rót đầu gành,
 Hay những lúc nhung cừu phơi trước gió.
 Khi sương trắng phủ giăng đầu cây cỏ.
 Khách chinh phu ruỗi ngựa...

Sương Chiều

(Ca) :

Chốn biên thùý. Nhìn là vàng tung bay.
 Có gởi mộng hồn, về nơi quê cũ,
 Đề nhớ thương bóng ai, phương trời mỗi mồn
 đợi trông.

HOA MỘC-LAN (Thanh-Nga) :

Ngày ra đi, lửa binh mờ biên cương
 Chén ly bôi, cạn lời nhớ thương
 Ngày trở về, vui chiến thắng
 Nước non thanh bình
 Thỏa tình đợi trông.

BỘI-NGỌC :

Mời gần nhau, phút đã chia lìa
 Người đi chốn ấy
 Bao chiến công đón chờ người nam nhi.

Vọng-cổ

HOA MỘC-LAN : 4.— Bội Ngọc ôi, rồi đây khi bụi
 quan san mịt mùnng vương vô ngựa, thì cũng chinh là
 lúc kẻ phòng khuê tựa cửa đứng mong chờ... Tôi sẽ ra

đi trong gió lạnh sương mờ... trăng lạnh tàn thu soi
đường chiến mã, sương gió biên thù sẽ chép lại vần thơ.

(Thơ) :

Biên thù sớm nắng chiều mưa,
Mắt xanh vương ngấn lệ mờ mà chi.
Cạn rồi chén rượu chia ly,
Cầm tay đưa tiễn người đi chưa về.

5.— Muôn dặm hồn quê vẫn mơ về phương mây xa
thẳm, nghe gần xa gió lộng giữa đêm trường... Vườn cũ
đâu hiu rơi rụng cánh mai vàng, tôi ra đi gối đầu trên
kiếm thép khi mộng hồn chưa trọn giấc Nam Kha, mũi
đạn lan tên với gió bụi trường sa chưa nản chí mây
râu nam tử thì nơi chốn thâm khuê người cô phụ hãy
yên tâm mà đợi buổi tao phùng.

(Nói giặm) : Bội Ngọc ôi, tôi có một tâm sự bên lòng
khó tỏ. Ngày trở về nàng sẽ rõ nguồn cơn.

BỘI-NGỌC : 6.— Chàng ôi, gió giang đầu đã quện
khói sương tan, trăng chéch bóng bến Hàm-Dương sầu
lặng lẽ, thuyền ngư phủ chập chờn ánh lửa như báo
hiệu cuộc chia lìa khi trống điểm tàn canh, em chờ khi
chấm dứt cuộc đao binh sẽ ra trước cổng đón người
xưa trở lại ; em sẽ phải cho ai bụi đường ngoài biên
ải và trao tận tay ai mấy cánh mai vàng, mấy cánh mai
nơi cổng vườn xưa của ngày vui năm cũ mà trong
buổi chia lìa ta đã trao lời hải thệ sơn minh.

Ngoài sự áp-dụng cho tuồng Cải-Lương, bản Vọng-cô

còn được triệt-đề khai-thác trên các đĩa nhựa về nhiều đề-tài khác nhau, xin lược-kê như sau :

1.— *Luân-lý và tình-cảm gia-đình* : Thâm ân từ mẫu, Mẹ dạy con (sắp có chồng), Tình phụ tử, Chạnh lòng hiếu thảo, Chén cơm cúng mẹ, Hương cau quê ngoại, Phận làm dâu, Lòng mẹ, Tình mẫu tử, Người chồng lý-tưởng của em, Đợi gao đường xa, Đêm xuân nhớ mẹ, Người vợ hiền, v.v...

2.— *Xã-Hội* : Quả báo nhân tiền, Kiếp nghèo, Đời mưa gió, Em bé đánh giày, Sầu vương ý nhạc, Tình anh bán chiếu. Em thương người nghệ-sĩ, Nhạc-sĩ với cung đàn, Đời vũ-nữ, Lắng tiếng mưa rừng, Gánh chè bột khoai, Em tôi làm nghề chiều-đãi, v.v...

3.— *Đạo hạnh* : Quả tim bất diệt, Dưới cội bồ-đề, Thích ca tầm đạo, Quan-Ám Thị-Kính, Dưới bóng từ bi, Luận về đạo Phật, Nguyệt-Kiều xuất gia, Cha về cõi Phật, Tiếng chuông chùa Xá-Lợi, Mục-Liên tìm mẹ, v.v...

4.— *Nhân vật truyện Tàu* : Thoại-Ba Công-chúa, Dương-quí-Phi, Lưu-kim-Đỉnh giải-giá Thọ-Châu, Chung-vô-Diệm, Vua Trụ thiêu mình, Giọt lệ Hàn-Giang, Bá-ấp-Khảo, Tiết-dinh-San, Tôn-Tần giả điên, Tiết-Cương tế mộ, Ngưu-Cao tảo mộ, Tống-tửu Đơn-hùng-Tín, Tống-tửu Ô-hắc-Lợi, Triện-tử-Long, Tần-Quỳnh khóc bạn, Thái-sư Văn-Trọng, Hán-Đế biệt Chiêu-Quân, Hạng-Võ biệt Ngư-Cơ, Hoa rơi trong Ngự-Uyển, Tiếng cười Bao Tử,

5.— *Nhân-vật lịch sử Việt-Nam* : Ánh lửa Mê-Linh, (Trung Nữ-Vương), Giọt lệ Chi-Linh, Trọng-Thủy Mị-Châu,

Lê-Lai cứu chúa, Bạch-thu-Hà, Võ-đông-Sor, Thử-phi Phi-Yến, Tiếng Quyên-Sầu (Phan-thanh-Giản), Trống loạn Thăng-Long-Thành, Khóc Vị anh-hùng Yên-Thế, Huyền-Trần công-chúa, Anh-nữ trước pháp-trường, Khóc Trương-công-Định, Giòng lệ biệt cố-nhân, Phan-văn-Hùm, Hồi chiêng nơi Pháp-địa, Ngọc-Hàn Công-chúa, v.v...

6. — *Chinh-nhân hiệp-sĩ* : Người ấy là anh, Hẹn ngày Thanh-bình, Cô lái đò; Hàng chè tươi, Thơ xuân ngoài chiến tuyến, Cung đàn ướm lệ, Tinh anh lĩnh chiến, Bức tâm thư người chinh-phu, Đò chiều biên-giới, Hoàng-tử lòng em, Tinh cá nước, Lẻ bóng, Tiễn chàng ra mặt trận, Tâm tình người chinh-phu, Biệt Kinh-thành, v. v...

7 — *Sự tích xưa* : Viếng Tháp Chàm, Hòn Vọng-phu, Phạm-Công Cúc-Hoa, Thoại-Khanh Châu-Tuấn, Hồn bướm mơ tiên, Mang xuống tuyến đài, Thiếu-phu Nam-Xương, v. v...

Sau đây chúng tôi xin chọn lọc một ít bản Vọng-cô có liên-quan đến các đề-tài nói trên, để làm thí-dụ. Đầu tiên là bài « Thâm ân Từ-mẫu » của soạn-giả Kiên-Giang, một nhà văn thường sáng-tác về Luân-lý gia-đình. Bài này do cô Ngọc-Giàu đơn ca trên mặt đĩa Lam-Sơn.

Thâm-ân từ-mẫu (Vọng-cô) (Luân-lý gia đình)

Câu 1. — Hỡi du khách đừng đi vội-vã, hãy cùng tôi ngắm dáng hình cô bay lả, mà liên tưởng đến người mẹ khô gầy... Bóng cô trắng nghiêng nghiêng theo nắng xế dài... Chính vóc dáng hình hài tuyệt mỹ của người mẹ Việt-Nam suốt đời tận tụy vì chồng con..., từ ngày cất bước vu qui cho đến khi kiệt tàn hơi thở.

2.— Sắc trắng là tấm lòng trong trắng của đấng mẹ hiền. Dù khổ đau chua xót ưu phiền, mẹ vẫn đem nu cười che nước mắt, nhin ăn nhượng mặc, chắt mót từ đồng từng chữ, vắt máu thành sữa, mài đá thành cơm, dầu nắng mưa cay đắng làm héo mòn thân xác, tình mẹ thương con, vẫn vạt dào lai láng như nước trong nguồn chảy ra.

3.— Từ ngàn xưa, những bậc vĩ nhân liệt sĩ làm nên việc lớn đều nhờ công đức của mẹ hiền, dạy dỗ con từ ngày con vừa đỏ đở cho đến lúc vô trường, nhưng khi con làm nên sự nghiệp có gia thế uy quyền thì bầu sữa ngọt đã vơi, giòng máu tươi đã cạn, thân mẹ già như trái chín cây.

(Thơ Văn Tiên):

Lưng còm tóc bạc thân gầy.

Mẹ già hưởng được bao ngày yên vui.

Bao nhiêu người mẹ trên đời.

(Đều) thương con tha thiết đến hơi thở tàn.

4.— Người Á-Đông ta nặng mang truyền thống luân thường đạo lý thì làm sao quên được công ơn từ mẫu vi như nước trong nguồn. Nước Cửu-long-Giang dầu cạn, đá Trường-Sơn dầu mòn... công ơn từ mẫu vẫn còn tro tro, khi con mới nói bập bẹ thì tiếng mẹ, mẹ là tiếng nói đầu tiên, ôi! tha thiết thiêng liêng khi con kêu mẹ kêu cha, môi thơm sữa nở tròn tựa đóa hoa tươi thì mẹ quên hết nỗi nhọc nhằn đau đớn dầu phải hy sinh làm thân trâu cày ngựa cỡi để nuôi con khôn lớn nên người.

5.— Khi con yên bề gia thất nên vợ chồng, mẹ vẫn lo cho con như thuở ẵm bồng. Nếu con của mẹ chỉ thú làm ăn lập nghiệp tiến thân làm rõ ràng làng nước thì danh của mẹ được

về vang, nếu rủi có đưa con du dăng hoang đàng, xóm làng gièm siểm thì mẹ phải cam chịu tiếng thị phi, dầu phải chạy nợ hỏi bạc góp tiền vay để nuôi con lúc con nằm nhà thương hay đến tội trong chốn lao tù.

6.— Nếu các vị vua chúa thời xưa được ướp xác trong nắm mồ cầm thạch thì tại sao ta không ướp xác mẫu thân bằng thủy tinh ngọc bích « Dạ-minh-Châu » để con ngỗ mẫu thân còn sống muôn đời... Trước mồ mẹ con sẽ tạc tượng hình con cò trắng lặn lội bờ sông vì con muốn giữ lại hình dáng khô gầy chính là hiện thân của người mẹ suốt mấy mươi năm nay làm nội tướng trong mặt trận gia-đình.

(Tho) :

Con cò lặn lội bờ sông.

Đó là hình ảnh tấm lòng mẫu thân.

Vái trời mẹ sống trăm năm.

Đề con đền đáp thâm ân biển trời.

..

Quả báo nhãn tiền (Xã-hội)

(Luận về luật Nhơn-Quả của soạn-giả Quy-Sắc, do nghệ-sĩ Thanh-Hải trình bày trên đĩa Lam-Sơn).

1.— Bởi người đời chẳng tin luật tuần hoàn quả báo nên vẫn say mê ác bao tham tàn... Đến khi rước quả khổ, ăn năn thì đã quá muộn màng... Phải biết luật trời không tư vị ; ai gieo gió thì gặt bão mai sau. Sách Bửu-Giám cũng dạy rằng : Làm dữ thì có dữ trả, làm lành thì được trả lành, nếu chưa trả là tại ngày giờ chưa đến...

2.— Sử sách từ ngàn xưa để lại đã chứng minh luật trả vay không sai chạy mây may nào. Ví như Tru-Vương một nhà vua dũng lược anh hào. Nhưng vay nợ máu quá nhiều rồi cũng phải trả ngày sau. Luật nhân quả buộc nhà vua tự đốt tại Trích-tĩnh-lầu để răn dạy chúng sanh tránh bạo tàn vì bất lợi danh.

3.— Lê-ngọ-Triều một nhà vua bạo ngược, không tin luật quả báo nhân tiền, tàn sát anh đoạt lấy ngai vàng, giết dân chúng để xem máu đỏ ; ngược đãi cả tu nhân tăng giới, róc mía trên đầu Đại-Đức Quách-Ngang. Tội lỗi ấy Ngọ-Triều cũng phải trả ; bán thân bất toại bịnh Trời dành. Hồn oan bu quanh đời mạng ; mới hai mươi bốn xuân xanh phải chịu lia trần...

4.— Người đời tại sao có kẻ tật nguyên cảm diếc là do kiếp trước nuôi nhiều tàn bạo gian hùng... Tội kia chưa trả thì đã vội xuống Diêm-đường... Nên phải đầu thai sang kiếp khác trả tội tình mà kiếp trước đã vay. Cách trả ấy Phật gọi là SANH-BÁO chẳng ai thoát khỏi luật kia. Nếu kiếp này làm lành làm phước là nuôi quả đẹp cho kiếp sau này.

5.— Thân mẫu của ông Văn-Xương là bà Diệu-Huệ chơn như cũng đã dạy rằng... Nhân vật tuần hoàn sống thác, ở và lia khỏi dương trần, không như định ; ở tạm rồi đi như trăng tròn trăng khuyết ; hoa nở rồi tàn đi... Hết sanh đến tử, hết tử rồi sanh luân hồi không dứt. Như thế trần gian là cõi tạm thì chúng ta tranh danh đoạt lợi để làm gì.

6.— Nam mô A di đà Phật. Nếu thiện nam tín nữ

tín lời Kinh Ngọc-Lịch : xét ghi công quả ; phân biệt ngay gian, quả báo trước mắt ; linh hiển vô cùng. Ai làm lành thì đặng phước ; ai làm dữ thì ngày sau mắc họa. Lời Kinh răn dạy mình bạch rõ ràng... Bần tăng ước mong thiện nam tín nữ ; nên thấy luật quả báo nhãn tiền, mà lòng ghê sợ hãi hùng, tự răn tự bỏ chuyện làm ác gian.

* *

Quả tim bất diệt (Đạo-hạnh)

(Vọng-cổ của soạn-giả Viễn-Châu do Cô Thanh-Nga đơn ca trên đĩa Việt-Hải).

1.— Qua lớp khói mờ bay, trông thấy một nhà sư còn ngồi chấp tay niệm Phật, mà bao người chứng kiến phải tuôn rơi chan chứa lệ muôn hàng. Vũ trụ ngừng quay trong ngọn lửa kinh hoàng, trời ôi ! da thịt nào không nứt nẻ, máu xương nào không cháy rụi thành than, khói xám tung bay mờ cả một khung trời, mắt nhìn nhau qua màn lệ rung rung, khi chiếc áo nhà tu đã dần dần tan trong lửa đỏ.

2 — Đại-lộ mang tên hai nhà ái-quốc (Phan-đình-Phùng và Lê-văn-Duyệt) mà ngày xưa đã nêu gương chí sĩ anh hùng, ngày nay có một nhà sư cũng đã tự thiêu mình, mượn cái chết để bảo tồn Phật-pháp há nài điều sanh tử tồn vong, nguyện cúng dường nhục thể tự thiêu thân, miễn Phật-giáo được trường tồn vĩnh cửu. Đạo mất còn mới là điều trọng hệ, còn xác thân này là cát bụi mà thôi.

3.— Ngồi dưới ánh nắng hồng gay gắt bao quanh người có mấy trăm vị tăng ni, những tiếng cầu kinh tụng niệm lâm-râm, những giọt lệ chảy dài trên khóe mắt, vị chân tu vẫn điềm nhiên niệm Phật khi ngọn lửa hồng bao phủ toàn thân.

(Thơ);

Nam mô tam bảo từ tôn,
Tràng phan tiếp dẫn linh hồn siêu thăng.
Xác thân dù đã tiêu-tan,
Danh thơm vẫn ở thế-gian muôn đời.

4.— Sáu tháng trôi qua trong uất hờn ghen thố, nhưng thâm tâm mỗi người như bảo nhỏ một triều đại rồi đây sẽ sụp đổ suy tàn, gieo giống vô lương sẽ gặt trái không hiền, đạo huyền vi đang cần người bảo vệ thì thể xác này như cát bụi phù du. (Thơ Văn-Tiên): Ngâm ngùi thương một nhà tu, Máu tim ghen chầy lệ sầu trào dâng. Cửa thiền vắng tiếng chuông ngân, Niềm đau nổi hận khó phân nên lời,

5.— Ngày 28 tháng 4 là ngày rước nhục thân ra hỏa thiêu nơi dưỡng địa là cả một ngày tang của Phật giáo đồ, cảnh vật hôm nay cũng ảm-đam bơ phờ, theo sau chiếc linh xa đoàn người lặng lẽ, miệng thì thầm niệm tiếng nam-mô, khi ngọn lửa hồng tắt hẳn giữa lò thiêu, mỗi người lo góp nhặt mấy viên xá-lợi, thì lạ thay quả tim của nhà sư quá cố vẫn còn nguyên giữa mớ tro tàn.

6.— Cho hay Phật-pháp nhiệm mầu lẽ đạo huyền vi, qua bao nhiêu tai biến khổ nguy, công quả cũng đến kỳ viên mãn, giờ đây nhà sư tự thiêu buổi trước cõi

non bông đã trực văng siêu thăng, trên đóa hồng liên nghi ngút khói hương hình ảnh vị bồ tát vẫn đượm vẻ từ bi vô lượng, khách thập phương vào đây chiêm ngưỡng thấy lâng lâng thơ-thời tâm hồn; hết cơn sóng gió phủ phàng, Phật-giáo lại đến hồi hưng thịnh.

(Thơ):

Thế gian vật đổi sao dời,
Quả tim bất diệt muôn đời còn đây.

.*.

Thoại-Ba Công-Chúa (nhân-vật truyện Tàu)

(Vọng-cổ của soạn giả Viễn-Châu do Cò Thanh-Thanh-Hoa trình bày trên đĩa Lam-Sơn).

1.— Địch Lang ôi! khá đừng cương đề thiếp đây tỏ bày hơn thiệt rồi sẽ lên yên lướt dặm bằng ngàn, một năm dư nghĩa phu thê còn chạm khắc quả tim vàng, có sao nhút nhon nhút mã chàng nữ đành trở lại Tống Bang; có phải chẳng vì sợ lỗi câu trung quân ái quốc và chẳng vẹn niềm thần tỉnh mộ khang, chàng đang tâm ến nhận đôi dàng, để cho thiếp đành lỡ duyên kim cái.

2.— Phu Lang ôi! yểm luy tổng quân bán lộ, nhìn mặt nhau nói chẳng nên lời, tấm lòng son thiếp xin phủ có đất trời:

Vạn Lý phong yên quy cố quốc,
Lưỡng hàng bị lệ Tống tình lang.

Dù chàng có nhớ cố hương cũng tỏ bày cho thiếp đây được rõ, có lý đâu khi trống canh điểm hồi bán dạ, chàng lại nữ một mình đi khóa mã đề thương!

4.— Địch Lang ôi ! đâu lẽ chàng đành tâm phản hồi cố quốc để cho Thoại-Ba vàng vó chốn cung hoàng... đêm đêm tựa cửa rèm châu thất theo mơ màng... đốt mấy tuần hương tỏa khói thiếp gởi hồn sang tận Tổng Bang, bán dạ tư lương sầu đoạn đoạn, can tràng thống thiết lệ kim y... duyên mà chi, nợ mà chi, ông tơ' xe đường chỉ rối để cho tim ai phải té tái toi bời.

5.— Địch Lang ôi ! từ Tổng bang lạc đường sang Thộn quốc, ai đã xui chi cho gió bắt mưa cầm, gái thuyền quỳên tao ngộ khách anh hùng, một năm dư trong hương nồng lửa đượm đến ngày này thập ngoát hoài thai, dù thiếp chưa biết đứa con của đôi ta sẽ là gái hay trai, nhưng đó là kết quả của ngày chung chăn xẻ gối, thiếp có làm gì nên tội mà chàng nhẫn tâm bỏ thiếp cho đành.

6.— Địch Lang ôi ! chàng đã quyết vẹn bề trung hiếu, thiếp cũng đành để cho chàng trở về cho trọn chữ hiếu trung, vó ngựa hôn ba chàng khá ruổi dung, nơi Thộn quốc thiếp vẫn chờ ai trở lại, chàng ôi, *Kim nhật phân ly quân bất tái, Kỳ hàng châu lệ tổng quân bi...* Thoại-Ba này nén tim đau tiễn chàng về Tổng quốc, lệ chia ly đầm ướt khăn hồng. Địch Lang ôi ! sau khi về đến cố hương cho trọn niềm thần tử, nơi Tổng trào xa diệu vợi chàng có còn nhớ thiếp hay chăng ?

..

Ánh lửa Mê-linh (Trung Nữ Vương) (Sử Việt-Nam)

(Soạn giả Viễn-Châu, cô Lệ-Thủy ca đọc chiếc trên đĩa Việt-Hải)

1.— Mê-Linh ơi, hãy khóc lên đi giữa mùa ly loạn đề an-ủi kẻ ngàn năm xa vắng bạn tâm đầu... xé mảnh

khăn tang đồ lệ tiếc thương chồng... chàng ra đi không bao giờ trở lại, mảnh hình hài trả nợ núi sông, thôi rồi tan vỡ cuộc ái-ân, lỡ nhịp cầu Ngân ô thước chịu chia lìa, nửa gánh giang san nửa mối duyên hải, nặng oằn vai thù nhà nợ nước.

2.— Sét đánh ngang tai khi hay tin chàng tuyệt mạng bởi nơi tay gã Tô-Định tham tàn, cố nén thương tâm sao lệ cứ tuôn tràn, nguồn uất hận trào dâng lên tim phổi, lửa căm hờn sôi sục cả buồng gan, sống tôi đòi đâu biết sống là ham, thà một thác cho vẹn niềm phu phụ. Trưng-Nhị em ôi! Hãy đứng lên một lòng em với chị cứu quê nhà và trả vẹn thù riêng.

4.— Xếp lại chỉ kim lên đường ra chiến trận, gái Mê-Linh quyết đứng lên rửa hận cho chồng... cho lũ xâm lăng rõ mặt giống Tiên Rồng... chờ đâu phải khoanh tay bó gối đề muôn đời chịu mãi nhục nô vong, lúc xuống biển mò trai, khi lên non tìm ngọc, sống làm than trong khổ nhục nhưng toàn dân Giao-Chỉ ngàn năm vẫn mang nặng mối căm thù.

5.— Một nén hương thơm, đôi tuần rượu lạt, chạnh tình xưa chan chứa lệ đôi hàng, tại vì đâu cho phượng phải xa hoàng, vung gươm thiêng phất cờ nương tử, chốn sa trường rõ mặt gái Mê-Linh, trước phút ra quân Bà đưa cao lưỡi kiếm với một lời thề khảng-khái: trước cứu quê hương khỏi vòng nô lệ sau đối cùng ai vẹn chữ cang thường.

6.— Một buổi bình minh sương còn ướt đọng cành cây, qua rừng núi sao mai vừa ló dạng, ánh lửa Mê-

Linh oai hùng chiếu sáng, đó là lúc hai Bà truyền lệnh xuất quân, trên lưng voi cờ phất trống rung, giặc khiếp đảm chen nhau tìm đường tâu thoát, ai dám bảo nữ nhi không gan đồng da sắt bởi quần thoa đầu nhuộm kẻ râu mày. Mê-Linh ơi ! hãy cười lên đi trong ánh sáng ngời bay trong bóng cờ nương tử : Mê-Linh ánh lửa chưa tàn. Ngàn năm rạng tiếng nhị hoàng Trưng-vương.

.

Người ấy là anh (Chinh-nhân)

(Vọng-cổ, s. g. Viễn-Châu, do cô Diệu-Hiền đơn ca trên đĩa Việt-Hải).

1.— Pháo cười nổ vang tiền đưa những nàng xuân nữ hân hoan rộn rã bước theo chồng, mùa đông năm nay sao lạnh lẽo khôn cùng, em băng khuâng nhìn xác pháo, dạ băng hoàng theo gió lạnh mùa đông, mẹ hỏi em có nhớ đến chồng không, em băng khuâng e thẹn cúi đầu hương nẻo xa xôi, mơ kẻ chiến binh ở miền đèo cao núi thẳm.

2.— Chồng của em một trai làng gương mẫu, giờ đây là một chiến binh dũng cảm can trường, buổi lìa quê vác súng lên đường, em gửi thơ hỏi - ngày làm lễ cưới. anh trả lời hãy đợi đến năm sau.

(Thơ) :

Khuya rồi gió động tàu cau,
 Tưởng ăp quay gót phương nào về đây.
 Đầu thôn trống điểm sang tư,
 Suốt mấy canh dài, trần trọc nào an.

4.— Mỗi khi nghe súng nổ xa xa lòng em bàng hoàng run sợ nhớ đến người yêu trong khói lửa biên thù, hoa thắm tàn phai rụng cánh mái hiên ngoài, em không sợ như hoa phai hương rã cánh, chỉ sợ sa trường mũi đạn lẫn tên.

(Thơ) :

Vái trời cho gió thổi lên,
Cho mai trở nhụy cho bền chí trai.
Làm người trên cõi trần ai,
Gia đình Tổ-quốc hai vai nặng oằn.

5.— Năm nay khi mùa đông vừa trở lại pháo cười dẫu đây lại nổ rộn cuối chân trời, em thấy lòng em như xác pháo rơi bời, thì kia, một quân nhân với làn da xạm nắng bước kiêu hùng trở lại quê xưa, bến đò chiều lặng lẽ như mơ, mùi khói súng lẫn trong mùi khói pháo, em không dẫn được cơn cảm xúc, lệ rùng rùng ra đón anh về.

6.— Hò hơ... Tay bưng quả nếp vô chùa. Thắp nhang lay Phật. Hò hơ... Thắp nhang lay Phật xin bùa anh đeo... Mùa đông năm nay em không thấy lạnh bởi em đã ở cạnh bên người chiến sĩ hiên ngang, chàng nhủ em rằng: em ôi! sống gần nhau bên hạnh phúc, anh bỗng nhớ đến các bạn đang xông pha tận chốn sa trường. Thế rồi hôm sau anh lại giã từ em tiếp tục con đường sự mạng, em bá vai anh bảo nhỏ: « kẻ dám quên hạnh phúc riêng mình, người ấy là anh ».

Hẹn ngày thanh-bình (Gương chiến-sĩ)

(Do Hùng-Cường và Bạch-Tuyết trình-bày trên đài Truyền-Hình Việt-Nam). (Không rõ tên tác-giả, xin cáo lỗi).

Bạch-Tuyết (Câu 1).— Em quyết chỉ noi gương các bậc nữ-lưu đi vào lịch-sử, như Bùi-thị-Xuân, Trưng-Vương liệt-nữ khi ngồi voi xông trận cứu quê nhà... Lời nói của Triệu-Trình-Nương ngàn năm như Thái-dương muôn thuở sáng lòa. Còn như tiếng sét vang dội trong lòng những ai quên nhiệm-vụ thiêng-liêng: Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đập làn sóng dữ, chém cá tròng kinh ở biển đông. Tôi muốn quét sạch cỗi bờ cứu dân thoát vòng ly-loạn, chớ tôi không muốn bắt chước những người chỉ biết cúi mặt quay lưng, để trọn đời làm trâu cày ngựa cỡi.

(Lối giặm) :

Ta hãnh diện làm dân Việt-Nam
 Đã mang dòng máu chống xâm lăng.
 Phải đi theo bước Trần-hưng-Đạo
 Phải xét theo lời của Quang-Trung.

Hùng-Cường (2).— Tuyết, em nói như thế, nghĩa là : Ta phải mang sắt thép dọc ngang trên chiến địa, hái vinh quang trên xác máu quân thù... Phải xếp thành đội ngũ vùng lên như muôn sóng bạc đầu... Nói lên ý-chí toàn dân Việt, là đem cái chết kiêu-hùng để đòi lấy tự-do, Nếu nhận xích xiềng để sống yên thân trên mảnh dư đồ của ông cha để lại, thì ăn sao ngon chén cơm Đồng-Tháp, nuốt sao trời hộp nước Cửu-Long, hồ thẹn cúi đầu đứng nhìn dãy Trường-Sơn.

(Lối giặm) :

Đã có Mẹ hiền là Việt-Nam,
Thì khi mẹ gọi cứu giang-san.
Hàng-hàng lớp-lớp lao vào giặc,
Thịt nát xương tan cũng chẳng màng.

Bạch-Tuyết (3).— Nếu tình yêu nước không riêng dành cho nam giới, thì bước đến chiến trường nào phân biệt gái trai. Có chung lòng quả cảm, có chung chí quật cường, có chung niềm thù hận, thì già sáu mươi, trẻ nhỏ mười lăm cũng có thể cầm gươm ôm sủng, cũng có thể chia điều vinh-dự một công dân. Chớ thân xác lớn mà lòng hèn yếu, thì trai mười tám cũng thua gái mười lăm, không bằng cu già sức yếu. Vì những người đó mất như mù, có tai như điếc ; nên chẳng thể vì dân mà tiêu diệt lũ hung tàn.

Hùng-Cường (Ngâm) :

Gặp gỡ nhau rồi tạm biệt nhau,
Anh về Quảng-Trị, em Cà-Mau.

Bạch-Tuyết (Ngâm) :

Việc non việc nước là trên hết,
Chuyện của chúng mình gác lại sau.

Hùng-Cường (4).— Gác việc riêng tư để giết quân thù, hẹn buổi trùng-quang tung-bừng chiến thắng. Bốn mắt chia ly như thăm căn-dận : mai mốt có nhớ nhau xin hãy tặng chiến công đầu... Quảng-Trị xa xôi là miền nắng lửa mưa dầu... Nơi trui luyện những người yêu nước thành trụ đồng rào chân gót xam lạng. Em ở cuối miền đất nước, gởi ra tuyển đầu hạt gạo Cà-mau. Ta cùng vun xới cảnh lá Tự-Do, mau chóng đến mùa trở hoa Hạnh Phúc, cho trái chín thương yêu ngọt dịu muôn đời.

(Lối giặm) :

Thanh-bình ngày ấy không xa lắm,
 Nếu mọi người dân quyết một lòng.
 Nguyệt điện xa vời còn vời tới,
 Huống hồ bình giặc giữ non sông.

Bạch-Tuyết (5).— Đẹp để thay màu xanh áo lính, màu quê hương đồng lúa gợn chân trời! Áo thắm mồ hôi của người chiến-sĩ mà khô sờ gian nguy không nói được nên lời... Cũng như luống cày thơm, thắm mồ hôi đổ, của bác nông phu nghèo khai-thác phù sa. Cả hai được màu xanh quê hương ấp-ủ, như mẹ hiền săn-sóc đưa con thơ. Nếu chiến sĩ không thể rời xa áo lính, người dân cày chỉ gần gũi ruộng nương. Thì anh ôi! đưa trẻ thơ cũng không thể lìa xa dòng sữa mẹ hiền.

(Lối giặm) :

Trung-Vương ngày trước cầm thoi dệt.
 Có giặc, buồng thoi cầm giáo gươm.
 « Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh » :
 Đó là ngạn-ngữ của dân Nam.

Hùng-Cường (6).— Em hãy cho anh nhìn kỹ mặt em. Hãy cho anh nắm lấy đôi bàn tay nhỏ. Anh thấy miễn em hơn vài giây phút trước, hơn những lúc ta cùng quen nhau, cùng chung học dưới mái trường xưa. Bởi vì em khác hơn một số bạn bè, không lấy nhạc điệu loạn cuồng để thay thế nhịp đi cứu nước. Không dùng phần sơn để che dấu gương mặt hổ ngươi, vì quên trách nhiệm với sơn hà.

Lòng anh như nở trăm hoa.
 Vườn hoa chính-nghĩa quốc gia sáng ngời.
 Từ xưa cho đến muôn đời,
 Những khi quốc biến ta đáp lời núi sông.

Viếng Tháp Chàm (Sự tích xưa)

(Vọng-cổ, soạn giả Quy-Sắc, do nghệ-sĩ Hữu-Phước đơn ca trên đĩa Lam-Son).

1.— Màn quên lãng không thể phủ trùm thân Tháp, trên rêu xanh còn u-uất nhớ Chiêm Trào... Quanh chân Tháp như còn ủ vết máu đào... Máu của đám tàn quân Lâm Ấp cương quyết giữ Đờ Bàn cho đến lúc tàn hơi... Đã mấy trăm tuổi Tháp không sờn tuổi nguyệt. Chân không lay dù muôn vạn bề dâu. Vạn năm sau Tháp vẫn giữ nguyên hình trong sương gió.

2.— Dù thế, những đêm gió biển đùa hơi lạnh, lòng Tháp gợn hơi buồn. Tháp cổ vươn mình che trăng bạc như che đây nỗi lòng. Chắc Tháp buồn vì nhớ dòng lịch sử xa xưa. Nhớ cái thuở...

Gió Nam thổi thành Hời run rẩy sợ
Trời Chiêm đánh im lặng, biển Chàm câm.
Nền Tháp mãi vang lời trong hơi gió,
Nổi hờn còn trong tiếng vọng dư âm.

3.— Gió đông thổi dễ trùng im tiếng hát. Nhưng núi rừng Hời chẳng chịu thôi rên. Trên đồi hoang Tháp âm thầm chua xót. Gởi lòng trong sương lạnh lúc trăng lên... Rải rác quanh đồi vài pho tượng; mắt trùng trùng oán hận nấu tâm can. Phảng phất đâu đây linh hồn Chàm ủ rũ, trong gió đêm hiu hắt khóc Chiêm đình.

4.— Đây chính là chỗ trú quân của những thượng tướng anh hùng Chiêm quốc, hoặc đây là cung ngọc của các vị vua chúa, thì đồng gạch vụn giữa lòng Tháp có thể là chỗ ngự của Chiêm hoàng... Hay của các Chiêm

nương lá ngọc cành vàng. Mấy lớp gạch thẳng hàng ngang hông Tháp, cũng có thể là ngự uyển của Chiêm vương... Là nơi giải muộn của Hoàng triều, là nơi tình tự của các vị tử hoàng cùng các cô Chiêm nữ yêu-kiều.

5.— Cũng không chừng đây là kinh thành Phật thế, của Chế-bồng-Nga khi phách ngang tàng. Các khóm cây kia là tam cung lục viện của Chiêm hoàng. Cái thuở can qua pha máu lệ, mà Chiêm binh rần rộ chiếm Thăng-Long. Đây là chỗ các tướng hùng bàn mưu lược. Bãi biển kia là chỗ tháo dượt ba quân. Trên xác lá khô như còn đọng, tiếng hát hò quát tháo của quân Chăm.

6.— Còn đâu nữa lâu đài Phật thế, còn đâu thời oanh liệt Chế-bồng-Nga. Thời rực rỡ oai hùng đâu thấy nữa. Di tích Chăm còn lại bấy nhiêu thôi. Vài tháp vắng cỏ cây bao phủ, vài miếu hoang ử rữ âu-sầu... Mấy năm tháng cứ trôi và trôi mãi. Tháp vẫn buồn và mãi mãi vẫn buồn. Nhưng buồn chỉ nữa Tháp ôi! Tiếc làm chi nữa cái thời đã qua...

g) Dân-tộc tính của bản vọng-cổ. Có người cho bản Vọng-cổ đượm giọng buồn thảm nên không thích nghe. Đó là một ý-kiến sai lầm của những lỗ tai không ưa cổ-nhạc. Không phải tất cả bản Vọng-cổ đều có giọng buồn chán và yếm-thế. Tùy lời ca và cách trình-bày, bản Vọng-cổ có dùng để chọc cười tỉnh-giả được. Phần nhiều các bài Vọng-cổ do Văn-Hường hay Hề-Minh trình bày đều có tánh cách khôi hài, hoặc mỉa mai thế sự.

Qua giọng ca trong-trẻo tươi trẻ và ngọt-ngào của Lê-Thủy hay lan hơi thanh-thoát rung cảm và nhẹ-nhàng của Diệu-Hiền, nhiều bài Vọng-cổ được gột rửa tánh-chất thô lương của nó và chứa đựng được nhiều lạc-thú yêu đời.

Thế nên bản Vọng-cổ dùng để tả tâm sự của người đời trong lúc buồn phiền hay lúc hoan-hỉ, lúc nghiêm-ngập hay lúc khôi-hài đều được tất cả. Tựu-trung bản Vọng-cổ là một bản ca được phổ-biến nhất trong dân-gian từ thành-thị đến thôn-quê và từ Nam chí Trung-Bắc phần, không nơi nào phủ-nhận quyền ngự-trị của nó trên đài cổ-nhạc. Một bản ca được công-chúng hoan-nghinh như vậy tất phải có « dân-tộc-tinh » và nói lên được cái gì uẩn-súc trong lòng người Việt-Nam. Để minh-chứng điều này, chúng tôi xin trích-lục một đoạn văn trong bài hồi-ký của Linh-Mục Vũ-văn-Thiện đã đăng trên Báo « Thăng-Tiến » ngày 17-11-1963. Với một lối văn bình-dị mà hữu duyên, Linh-Mục đã nhận-xét một cách rất xác-đáng về sự hấp-dẫn của bài Vọng-cổ : « Điệu nhạc Vọng-cổ quá thu hút mãnh-liệt tâm hồn người dân miền Nam, thậm chí một người Bắc như tôi cũng thắm-thía cái sức thôi miên có một đó. Nó như nắm lấy trái tim, xoắn chặt gan ruột. Có những lỗ tai quê mùa không chấp nhận một thứ âm-nhạc nào, đã phải bịt rịt chung quanh sáu câu Vọng-cổ. Điệu nhạc thần diệu này mới ra đời chỉ ba bốn chục năm nay, không thể không trả lời cho một nhu cầu thiết thực của người dân luôn mang tâm-trạng kẻ lưu đầy...

« Ngày nay, nhạc điệu trẻ tuổi nhất của nền quốc nhạc bốn ngàn năm văn-hiến Việt-Nam đã thay chỗ tổ tiên của nó xâm lăng thôn-quê và thành-thị.

« Đến như dân Hà nội mà cũng mê say Vọng-cổ thì thôi ! Tôi còn nhớ hai rạp Quảng-Lạc và Tổ-Như đất khách nhất tại Thăng-Long, cũng là rạp chuyên diễn tuồng Vọng-cổ Nam-Việt : các gánh hát có khi từ trong Nam ra, song cũng có khi tuyển mộ đào kép ngay tại chỗ. »

Thiết tưởng, khi một vị Linh-Mục đã phò bày ý-kiến về bản Vọng-cổ như vậy, thật không còn lý-do nào để phủ-nhận cái giá-trị về dân-tộc-tinh của bản nhạc đặc-sắc ấy.

* *

Đến đây chúng tôi xin kết thúc bài khảo-cứu về bản Vọng-cổ. Sở dĩ chúng tôi sưu-tầm kỹ hơn mấy bản nhạc khác là vì muốn lưu lại sau này những kỷ-niệm về sự biến-chuyển và Cải-tiến không ngừng của một điệu nhạc đã được phần đông người Việt-Nam ái-mộ.

Kế tiếp, chúng tôi lược-khảo về các giọng Lý :

E) GIỌNG LÝ :

Điệu lý có nhiều giọng : Lý giao-duyên, Lý Ngựa Ô, Lý Huế, Lý Tam-Thất hay Lý Con Sáo.

1. — *Lý giao-duyên* : Lý giao-duyên thường đề cho vai Đào lý khi trông chồng hay nhớ con đi lâu về. Nàng Lý-ngọc-Thơ trong tuồng « Bội-phu quả báo » của s. g. Nguyễn-trọng-Quyền, vừa may vừa Lý giao-duyên :

Đã hai thu, chàng đâu vắng bắt ?

Tin cá thơ nhàn, trông nhớ nỗi chàng. Trần trọc
năm canh.

Hỡi này chàng ôi, khuya sớm cô phòng,

Rẽ cặp giao-loan, lẽ cặp oan-trương !

Chỉ là kim, tỷ niềm chồng vợ,
 Xa mối tơ tình, thêm rối tơ lòng. Dạ tợ mảnh xe !
 Này chàng ôi, nghe để ngậm sầu.
 Đòi đoạn héo don, nào bạn phụng loan ?

2.— *Lý Ngựa Ô* : Lý Ngựa Ô có hai hơi : Hơi Bắc và hơi Nam. Hơi Bắc lý mau và nhịp một, còn hơi Nam chậm hơn và nhịp Tư lời.

Sau đây bài Lý Ngựa Ô — Bắc của nàng Lý-ngọc-Thơ và công-tử Bốc-thiên-Vân trong tuồng « Bội-phu quả-báo » nói trên :

Lý-ngọc-Thơ :

Á thừa, kính thừa Viên-tử, danh-gia.
 Chồng tôi thi khóa, đã quá hai năm,
 Ngư trăm nhận yêu, đậu không chưa hiểu. Bỏ tôi
 một mình.

Ý ! một, một mình, bỏ tôi một mình quanh hiu,
 Thấy mưa, mưa chạnh tình, chạnh tình không vui

Bốc-thiên-Vân :

Á mưa chan, mưa chan rỉ-rả ngoài hiên,
 Vào đây tá-túc, bỗng chút nghe than,
 Chồng nàng ứng thi, quan san vạn lý. Biết nên
 chẳng là !

Ý biết đà, biết đà nên danh.

Vậy chớ chồng nàng, chồng nàng tên chi ?

Lý-ngọc-Thơ :

Á Phan, Phan sanh, vốn kẻ hàn nho,
 Thái-Hòa tên đặt, còn mặc thanh-khâm,
 Nay hăm-mốt tuổi, con nhà dòng-dôi. Thơ hương
 roi truyền.

Ý roi, roi truyền, roi truyền thế-gia.
Cửa nhà, anh ở Quảng-Xuyên.

Thiên-Vận :

Á nghe, tôi nghe họ nói vang tai,
Phan-sanh đã trốn, gần bốn tháng nay,
Về rày hương-quán, bộ danh đã hoán. Thu khoa
hồng rồi !
Ý hồng, hồng rồi, hồng rồi, hết trông,
Ảnh, ảnh về, ảnh về đã lâu !

3.— *Lý Huế* : Lý Huế hơi nhẹ-nhàng và chậm, nhịp tư lời. Cô Ái-Hoa (tuồng Vi nghĩa liễu mình), sau khi hay tin chồng tử-trận và quá lời nhểch mắng tên Xã, có Lý Huế với đứa con như sau :

Ái-Hoa :

Con ơi !

Bởi cái tin sét đánh kia làm cho mẹ rất đổi đờn
đau.

Nghe những lời bất chánh nọ, mẹ càng thêm
nổi xúc tâm.

Mẹ lỡ tay đà xỉ mạ nó quá lời,

Chắc về đây nó sanh oán hận,

Sẽ kiếm điều hại mẹ con ta !

Trần-tử-Minh :

Bây giờ cũng đã khuya rồi,

Xin mẹ vào phòng nội nghỉ an.

Việc lánh thân, sáng mai ta sẽ luận bàn.

4.— *Lý con Sáo* : Lý con Sáo cũng gọi Lý-Tam-Thất có hơi Nam ; Lúc sau này điệu Cải-lương thường dùng.

Nàng Khương Thị (Cô My Lan) xin đi tìm chồng ở Vạn-lý trường thành, có lý con Sáo :

Ôi ! xót-xa ngóng đợi bóng người chinh-phu,
 Mà đâu nào thấy chi.
 Tôi đây mới xin phép mẹ già,
 Cho tôi lướt dặm trường.
 Xuống trường thành đề hỏi thăm ai,
 Cho rõ câu rủi hay là may.
 Không thể nào ngồi không mãi đây,
 Ôi ! đờn đau, muôn đặng ngàn cay !

G) BÌNH :

Bình là đọc phân minh từng câu, từng điệu như bình Kiều, bằng câu văn lục bát. Trong cảnh thừa nhân, một vai tuồng thường bình vài câu đề tả gia-cảnh của mình.

Trong tuồng « Tham phú phụ bần » (T.v.K.) vai Hương-Hộ có bình như sau (khi mở màn thấy Hương-Hộ bưng chén trà uống rồi đề xuống, kể bình) :

Thanh nhàn vui thú thôn quê,
 Bạc tiền sẵn để hộ về thân sau.
 Đời này được tiếng mình giàu,
 Quan dân yêu chuộng ai nào dám khinh.

Lớp Huỳnh-kỳ-Thoại (tuồng Tham-phú) bãi trường về nhà bay tin cha mẹ bị thủy-tai và bị chà xã-tri đòi nợ, có bình trước khi bắt qua ca Oán.

(Bình) :

Con then người năm giá khóc mắng,
 Hai mươi bốn thảo chưa bằng người xưa.

(Ca Tử-Dại, lớp xang dài):

Cám thương gia thế đảo điên,
 Hạn thất mùa đã gần tam niên,
 Thấy khốn cùng con hết lòng cầu nguyện,
 Hay đâu trời lại thêm điều tai biến,
 Khiến cho ngập lụt, hết kè chi viên-diên,
 Chủ nợ lại đòi tiền ;
 Khổ bấy tấm thân này,
 Dưỡng sinh đòi đức cao dày,
 Chưa đền bồi cho xong.

Hương-chủ (ca) :

Buồn thay trời chẳng công,
 Nỡ hại dân trong cơn cơ cần,
 Phải mắc nợ nần,
 Còn vương nạn thủy tai,
 Lại sợ điều khốn khổ nay mai.

Trên đây nêu một vài trường hợp có thể dùng câu bình đề bắt qua ca cho êm. Hiện nay người ta lạm dụng câu bình và cho hai vai tuồng đương đối-thoại lại bình nhiều câu liên-tiếp, làm người vở tuồng và nghe mất hay.

H) NGÂM:

Điều ngâm có ngâm thi tứ-tuyệt, thi bát-cú hoặc ngâm lục bát, hay song thất lục bát.

Ngâm tứ-tuyệt thất ngôn

Trần-tử-Minh, trong tuồng « Vì nghĩa liều mình », bị tên Xã trưởng làng Thiện-lương lập mưu đốt nhà để bắt mẹ về ép duyên, có ngâm tứ-tuyệt như sau : (Cha của Tử-Minh cũng bị tên Xã ép đi lính đã tử trận).

Cám bấy mẫu thân mắc khổ nài,
 Cũng vì chú xã dạ tâm lang.
 Lập mưu đành dứt tình thê tử.
 Nhớ đến càng thêm lụy ứa tràn.

Ngâm tứ-tuyệt bát-ngôn

Lối thơ mới bát-ngôn cũng được ngâm trong điệu
 Cải-lương. (khóc Phan-văn-Hùm) :

Lòng đất lạnh vùi thân người trung liệt,
 Giữa bao tình luyến tiếc của ngàn dân.
 Phan-văn-Hùm ghi trên trang sử Việt,
 Để ngàn đời noi dấu bậc tiền nhân.

Ngâm thí bát-cú

Phan-thái-Hoà, trong tuồng « Bội-phu quả-báo » (Nguyễn-
 trọng-Quyền) lúc làm tờ ly-dị với vợ có ngâm bát-cú :

Cất bút đề tờ lụy ứa theo,
 Vặn cùng đầu khiến phải nghiêng nghèo.
 Ba ơn trĩu nặng như hoàn núi,
 Bốn biển lênh đênh tợ cánh bèo.
 Hàn-Tin không thời thê, tàu ngao,
 Tô-Tần, có lúc ấn, gươm đeo.
 Phụ tình riêng trách lòng ai cạn,
 Duyên nợ gì xui có bấy nhiều !

Ngâm lục-bát

Ái-Hoa tiên chồng đi từng chinh có ngâm lục-bát
 (tuồng Vì nghĩa liều mình) :

Chàng dầu muôn dặm tràng đình,
 Em nguyện nắm giữ hiếu trinh một niềm.

Ngâm song-thất lục-bát

Trước khi ca Vọng cổ thường có ngâm bốn câu song thất lục bát như sau (Phan-văn-Hùm) :

Ai yêu nước, ai yêu nòi giống !
 Mau lên đường để chống xâm lăng.
 Đây trời mây hận phủ giăng,
 Muôn dân thống khổ nặng oằn điều linh.

I) HÒ : Lối Hò cấy lúa, Hò chèo ghe. Hò đưa đồ của miền Nam mới áp-dụng trong điệu Cải-lương lúc sau này.

Có lái đồ trong « Trai làng Đông-Thái » hò bốn câu sau :

Hò ơ... Ai về Đông-Thái đêm nay,
 Cho tôi nhắn gởi một vài câu thơ :
 Vụ-Quang cỏ dại phủ mờ,
 Rừng thiêng ngóng đợi ở...
 Hò ơ... Rừng thiêng ngóng đợi màu cờ năm xưa.

K) NÓI THƠ : Giọng nói thơ Văn-Tiên miền Nam cũng có dùng vào điệu Cải-lương và thường đề chung với câu ca Vọng cổ :

Vọng-cổ Phan-văn-Hùm

Câu 6... Diệt thù giải phóng quê hương,
 Dựng nền độc-lập phú-cường vinh-quang.
 Dầu ông thác xuống suối vàng,
 Thiên thu còn mãi tên Phan-văn-Hùm.

L) THÁN : Điệu Thán của Cải-Lương có đờn phụ-họa đưa hơi, dùng để than khóc người quá vãng.

Trong tuồng « Vi nghĩa liễu mình », lúc Huỳnh-công-Nghĩa, một chiến-sĩ, qui gần xác bạn là Trần-tuấn-Kiệt bị tử-trận, nói lời thương và Thán như sau :

(Lối) :

Anh Tuấn-Kiệt ôi ! Những tưởng đôi ta còn hiệp mặt,
 Nào hay một phút hóa chia ly.
 Cầm thương chàng mạng bạc làm nguy,
 Bề gia thất lấy chi nâng đỡ.

(Thán) :

Trách bấy trời cao chẳng đoái thương,
 Khiến nên một phút rẽ đôi đường.
 Suối vàng đó đã đành an phận,
 Đầy ở dương gian luống đoạn trường !

Cũng trong tuồng trên, Trần-tử-Minh, con của Tuấn-Kiệt, khóc cha và ông bằng điệu Thán :

Thảm bấy cho cha tử chiến trường,
 Ông vì mắc nạn phải tai ương.
 Nén hương khấn vái hồn linh hưởng,
 Cơm hẩm trà thô gọi chút thương...

M) GIỌNG QUẢNG : Giọng Quảng là giọng của bản Bắc Việt-Nam, như Tây-Thi biến thể giọng Quảng-Đông. Sau lần lần có ban Cải-lương lấy những bản Quảng-Đông chỉnh-thức như Mạnh Bản, Dĩ-Phạm, Phành-Phát, Bọc-cầm-Lung, Sất-Dùi-Thầu, Lạc-âm-Thiều, Xảo-Bản, Xái-phì, v. v... rồi đặt bài ca bằng tiếng Việt, để vào tuồng như Ban Phụng-Hảo hồi mấy năm về trước, khi diễn tuồng Tàu.

Gần đây Ban « Đông Ấu Minh-Tơ » và nhiều ban Cải-lương khác áp dụng phương pháp này để diễn tuồng Tàu. Những giọng Hồ-Quảng không bành-trướng được vì nó thiếu « dân tộc tính ».

N) GIỌNG CẢI-CÁCH HAY TÂN NHẠC: Giọng Cải-cách, cũng gọi giọng Tân-nhạc, là giọng hát theo âm-điệu Tây-Phương. Giọng này có hai lối :

- 1) Lối hát theo bản Tây-Phương có sẵn mà lời Việt.
- 2) Lối sáng-tác bản mới theo nhạc-luật Tây-Phương bằng lời Việt.

1) Trước kia, khoảng năm 1922-1930, một tuồng Cải-lương mới khai diễn có chung các vai đào-kép trong màn đầu và thường hợp-xướng bản Madelon hay bản Marseillaise bằng lời Việt.

Dưới đây xin lấy thí-du bản Madelon trong tuồng « Vì nghĩa liều mình » (T. V. K), trình diễn tại tỉnh-ly Biên-Hoà, đêm 4-1-1925, để giúp tài-chánh cho Hội Ngân-Khố Học-Đường (Caisse des Ecoles) chủ-trương việc nuôi học sinh nghèo trong tỉnh.

Điệu Madelon

Nay nhờ quan trên lòng thương đến các con học trò,
 Thêm người hào-gia cùng viên-chức rán hết lòng lo.
 Lo đoàn ngày thơ cho sung-sướng ấm no vui vầy.
 Vì vậy cho nên kêu các nơi cùng nhau lúc này,
 Đến giúp chúng tôi bạc tiền thiếu chi,
 Thương xót chúng tôi là đoàn ấu trĩ,
 Lập quán phát cơm con nghèo khổ ăn.
 Công ơn các quan thiết to vô ngần,
 Chúng tôi cảm mến ơn dày,
 Lập ra cuộc hát bữa nay,
 Giúp vui quan khách đến xem, anh em tôi mừng
 rõ thay !

Điệp-Khúc :

Ngày nay mới có « La Caisse des Ecoles »,
 Từ này về sau, chúng tôi hết lo đói khổ.
 Xin quý Ông quyên tiền « Ngân-khố Học-đường »,
 Mai sau này con cháu đang hưởng.
 Thời ơn ấy sánh như trời như biển cao xa,
 Làm người Nam ai lại không chuộng dân tân-hóa,
 Đoàn trẻ thơ đề lời cảm mến các quan,
 Chúc đồng bang, Ông cùng Cô, đang bình an
 Năm, trăm năm !

Hồi thời kỳ tiền chiến, lối lời Việt hát theo bản Tây
 được bành-trướng mau lẹ trong nhiều ban Cải-Lương và
 người ta thường nghe hát những bản sau này : J'ai deux
 amours, le chant du Marin, C'est pour mon papa, Quand
 on est Matelot, Horsey, v. v...

2) Trong ít lâu lối thứ nhì là lối sáng-tác những bản
 Tân-nhạc bằng lời Việt xuất hiện, do một nhóm sinh-
 viên Đại-học chủ-trương, như : Tiếng gọi Thanh-niên, Ai
 Chi-Lăng, Bạch-đăng-giang, Hồn Tử-sĩ, Hồn sông Gianh,
 Kinh cầu nguyện, v. v...

Tiếng gọi Thanh-niên

Này anh em ôi, đứng lên đáp lời sông núi,
 Đồng lòng cùng đi đi đi mở đường khai lối.
 Vì non sông nước xưa, truyền muôn năm chớ
 quên,
 Nào anh em Bắc Nam, cùng nhau ta kết đoàn.
 Hồn thanh xuân như gương trong sáng.

Rồi trong vòng mười lăm năm sau này, những bản Tân-nhạc được soạn ra vô số, song bản nào có « dân-tộc tính » được tồn-tại, còn những bản không có tính cách dân-tộc, nhất là loại « khóc gió thương mây » đều bị vùi chôn trong quên lãng.

IV.— VĂN CẢI-LƯƠNG VÀ CÁCH SOẠN BÀI CA

Văn Cải-lương có thể viết theo hai lối: Như soạn tuồng Tàu hay đã sử có thể viết theo lối văn cổ-diễn được. Khi soạn tuồng Xã-hội hay loại Hương-xa, nên viết lối văn nay.

Những câu nói lối của Cải-lương có thể viết bằng văn vần từ 4 đến 9 chữ hoặc nhiều hơn.

Ví như trong vở tuồng tàu « Lưu-Kim-Đỉnh » những câu lối thường viết bằng văn vần.

Cao-quân-Bảo :

Tôi đã hết lời ngon ngọt,

Nàng thêm nhiều tiếng chua cay.

Vậy khá tua đờ lấy giáo này,

Chớ trách mỗ sao không kiêng nề.

(Hai người đấu thương, Kim-Đỉnh trá bại vào rừng)

Lưu-kim-Đỉnh :

Xin công-tử bớt hờn đừng giận,

Khá ngừng thương tôi tỏ một điều.

Đánh hồi giờ, sức đã biết nhiều,

Thiếp chịu sút, xin theo sửa tráp (ước đặng cùng chẵn)

Cao-quân-Bảo :

Đây vì việc gấp,
 Chẳng tiện nói sòng.
 Nàng ở lại kén chồng,
 Tôi đi qua cứu chúa.

Như trước kia chúng ta đã thấy trong mục « Các giọng Cải-Lương » hầu hết các lối văn Việt-Nam đều được Cải-Lương sử-dụng.

— Bình, dùng văn Lục-Bát.

— Ngâm, dùng thi Tứ-tuyệt thất ngôn, Tứ-tuyệt bát ngôn, thi Bát-cú, hay thơ Lục-Bát và Song-thất Lục-Bát.

— Thán, dùng thi Thất-ngôn tứ-tuyệt.

Về những bài ca Bắc, Oán, Nam thì tùy câu đờn dài văn đề soạn câu ca, nhưng phần thường phải có văn nghe mới hay và giọng phù trầm của lời ca phải ăn theo vận bình trắc của chữ đờn.

Lời văn đặt xen lẫn tiếng Nôm và chữ Nho. Ít có câu ca soạn thuần chữ Nho như văn hát Khách, Xướng, Bạch, Ngâm, trong điệu hát Bội.

Nhưng cũng có bài ca soạn bằng chữ Nho như hai bài Bình-bán văn và Hành-Văn dưới đây :

Bình-bán văn

Ta cứu trùng khấu đầu bá mạng,
 Từ ngu thần ca lễ tống an.
 Tứ phang lại du minh hoàng
 Tuy hườn dinh võ văn bá quan.

Tiêu chiều nhạc tấu ca xang,
 Chúc thánh thọ tuế tăng thiên vạn,
 Oai đức nhuận thanh bình hải ngạn,
 Sanh thế thượng tu cập vi hoan.
 Kim tiêu tứ hải sum đằng,
 Phụng thăng long, ứng phụng thiên nhan.
 Quê hương trình mãn xa ban,
 Cầm tú mỹ lâu đài hiên ngang,
 Thành thập niên tú lệ bá ban,
 Tống triều tiên thánh lai du ngoạn,
 Châu bửu hội nhơn vật cường tráng,
 Kinh thành để đồ thanh xuân vĩ hoan.
 Kim hoan ảnh tùng gia quan,
 Chung cổ ký binh hành nghiêm trang,
 Tọa long xa cửu trùng chánh đoan,
 Tống đế ngự hồ cử long bàn,
 Vinh khang phiên hoa vô hạn,
 Miên trường giang san đại danh phú lang.

Du xuân Hành-vân khúc

Mộng hứng hoa-viên hề,
 Tình nguyện hứng hoa-viên hề,
 Nhứt nhứt thanh nhàn thị tiên.
 Song-song đào dương mai trước,
 Lý cúc đối khiêu mẫu đơn,
 Xuân sắc tán, chiêu hồi hồ-diệp.
 Kim oanh huỳnh ly phi yến,
 Tranh thượng phong, chiếm sào đoạt chi,
 Thần tri hề khoái tâm đề từ.
 Trùng-trùng đào hồng mai bạch,

Tráng thi trường, thừa nhân vịnh ngâm,
 Thiều hoa tái lai dương tầm,
 Xao cầm điều Thượng-lâm,
 Hồng lục thi độc ngâm.
 Nhứt thiên thù An Thánh-đế,
 Hùng hoài xuân sắc dung-dung,
 Bất đãi tái thưởng Vu-phong,
 Vạn hồng chung, đồng nghinh cốc-phong.
 Huyền hồ hoàn, hốt quan tri ngư,
 Nhứt xang tầm phương-giai thú,
 Toán lai, danh lợi bất như.

Trần-phong-Sắc (ngẫu đề)

Việc soạn bài ca cho tuồng Cải-lương.— Viết tuồng Cải-Lương, điều khó nhất là sắp bài ca cho trúng chỗ. Trong điệu Cải-Lương có nhiều giọng: Bắc, Oán, Nam, Lý, Bình, Ngâm v. v... Mỗi giọng đều có tiết-diệu riêng, không giống nhau. Muốn đề bài ca cho đúng điệu, phải biết đờn và biết mùi của mỗi bản. Tùy lúc vui, buồn, giận, sợ của vai tuồng phải chọn lọc kỹ trong những bản đờn, bản nào hợp với hoàn-cảnh và hợp với vai tuồng mới đề vào.

Nếu đề sai, người ta biết rằng tác-giả không thạo đờn. Như có Ban kia cho vai Vua lý giao-duyên, thật nghe trái tai vô cùng, vì bản Lý giao-duyên mỗi câu đều sắp nhịp ngoại ở sau có giọng than thân tủi phận, thường đề cho vai Đào lý trong khi thương nhớ chồng đi xa lâu về, hoặc đề cho vai trẻ em lý mà thôi. Không khi nào Vua nói chuyện lại đề Lý Giao-duyên.

Dưới đây xin biên một ít bản đờn để làm tỉ-du tổng-quát :

Lúc vui nên đề ca bài Bắc như : Xang-xừ-liu, Sơn-đông hường mã, Thu-Hồ, Long-hồ-hội, Khóc-hoàng-thiên, Khổng Minh tọa lâu, Ngũ-điểm-Mai, Bài Tạ, Tam-pháp nhập môn và các bản Bắc vắn mới chế, v. v...

Lúc giận ca :

Kim-Tiền, Mẫu-Tâm-Tử, v. v...

Lúc buồn ca :

Xuân nữ, Văn-thiên-Tường, Tứ-Đại, Phụng Hoàng, Giang Nam, Phụng-cầu, Ngâm, Thán, v. v...

Nói chuyện thương ca :

Thủ Phong-nguyệt, Lưu-thủy Trường, Tây-Thi, Cỏ-bán, Xuân-tinh, Xàng-xê, v. v...

Nói chuyện có hơi buồn ca :

Nam-Xuân, Nam-Ai, Chuồn Chuồn, Sương chiều, Hành-vân hơi nam, v. v...

Ngoại trừ bản Vọng Cồ, tùy lời ca và cách trình bày, có thể dùng trong lúc vui, lúc buồn, lúc nghiêm-trang hay lúc khôi hài cũng đặng (xin nghe trong các đĩa hát).

Sau này có nhiều bài ca mới sáng-tác cũng nên cẩn-thận trong sự chọn lọc để sắp cho đúng chỗ theo âm-diệu của mỗi bài mới hay.

Lúc tiền chiến, trong giới Cải-Lương có nhiều danh ca biết nhiều bài bản dài, nên ca nghe rất hay. Ngày nay vì thời cuộc, những danh ca ấy mai-một lần lần, còn những năm non trong đợt sóng mới, chuyên về Vọng cồ và bài bản vắn.

Sau đây xin nêu vài thí-du của những bài ca đặt đúng chỗ và đúng điệu.

Trong tuồng « Gia-Long tấu-quốc » (của một nhóm trí thức, trình diễn năm 1943) lớp Lê-phước-Điền bị quân Tây-Sơn bắt dụ hàng, nhưng đứng trung thần quyết liều thác chẳng chịu qui-thuận.

Lê-phước-Điền (nói lối). Giờ này là giờ kẻ hạ thần đáp đền ơn vua nợ nước, lại là giờ chúa tôi ta vĩnh-biệt thiên thu. Vạy kẻ hạ-thần xin lay Chúa thượng mà...

Vô ca Xàng-xê (lớp Xê)

Giã từ, và cầu nguyện sau này,
Hoàng-thượng thoát qua tai nạn,
Phục an nước Nam cơ đồ,
Dầu hạ thần ở nơi cửu tuyền,
Thời cũng là được ngậm cười.

(Trở) :

Dạ ngay chúa can đành xả thân,
Ôi thánh quân có biết chẳng cho ngu hạ,
Tân tâm ngõ lo đền quốc vương,
Nào hay thất thời sa cơ,
Đem cái chết đây để xử xong nhiệm-vụ.
Nhưng một khối trung hèn,
Nguyện phưởng-phất theo phò thánh-quân.
Ngày này trong giờ lìa nhau.
Nên ngu phu kính xin từ biệt (Chúa thượng vạn
tuế. Tự từ)

Bản xàng-xê lớp Xê, năm câu đầu đều xuống chữ xê, nên có giọng trầm hùng rất hấp với tình cảnh của người

sắp làm chung, hay sắp tuần-tiết để giữ tròn tiết-nghĩa của đấng tôi trung. Để cho vai Lê-phước-Điền ca xàng-xê lớp Xê chỗ này thật đúng điệu-nghe, phi người biết đàn khó để bài ca trúng chỗ như vậy được.

Cũng trong tường trên, lớp Công-Chúa Ngọc-Truyền (Năm Phi) hay tin chồng bị tử trận, bèn làm lễ cúng chồng và ca Nam-Ai như sau.

Công-Chúa (nói lối).— Phò mã ôi ! Đạo chúa tôi là nghĩa trong, niềm phu phụ ấy tình thâm. Trời nỡ xui tôi bỏ chúa, vợ mất chồng. Phạt xin độ kẻ dương-gian người âm-phủ. Phò mã ôi ! Đất Hà tiên còn lay động, trời Phú-quốc vẫn mịt mù. Đứng anh hùng sanh vi tướng tử vi thần, dầu sanh tử cũng bảo vợ hiền phò chúa thánh. Tình sâu không phân cạn, nghĩa nặng khó đền bồi. Tam nén hương cầu nguyện linh hồn, nơi âm cảnh niệm tình chứng chiếu.

(Nam Ai) :

Sám Thương chia rẽ mối tình trường,
Hờn vì đau xui, cho cảnh ly hận sầu
Cơ cầu chi bấy tạo công,
Phận thiếp cũng quyết cùng nhau,
Cầu tử sanh cho đồng.
Vái vong hồn chàng anh linh
Chứng minh cho thiếp báo thâm cừ.
Ơn nhà nợ nước sau nếu lo xong,
Sẽ xin theo chàng.
Đề trọn tình phu thê,
Cảnh khốn nguy lẽ đừng sơ tam,
Tưởng nhau về mình chứng lòng thành.

Xin lễ bái kính chàng,

Nơi cực lạc hồn an !

Cho Công-chúa ca bài Nam Ai đề cùng chồng thật rất nhảm điệu. Nếu đề bài khác vào chỗ này không thể nào hay bằng.

V.— ÂM-NHẠC CẢI-LƯƠNG VÀ VỊ-TRÍ CÁC NHẠC-KHÍ

Âm-nhạc Cải-Lương hơi nhẹ-nhàng vì dùng đàn dây tơ và dây kim, không có kèn trống như hát Bội.

Có 6 thứ đàn thường dùng trong điệu Cải-lương như sau :

1.— *Đàn kim* : Đàn kim cũng gọi « Nguyệt cầm » có hai dây tơ và tám phím. Người đàn Kim ngồi trông ngay ra sân khấu, giữ nhịp Song-Lang và thường điều-khiển ban nhạc.

Tiếng Kim tuy không trong và thanh như tiếng Tranh hay Lục huyền-cầm, nhưng cũng có âm-hưởng nhiều nên khi hòa với cây Tranh nghe rất hay.

Tùy hơi cao thấp của diễn-viên đàn Kim có thể đàn năm dây Hồ như sau : *Hồ nhứt* ấn vào bực thứ nhứt dây Tiểu ; *Hồ nhì*, ấn vào bực chữ Xự dây Tiểu ; *Hồ ba* ấn vào bực chữ Xang ; *Hồ tư* thường gọi dây Chính, ấn vào bực chữ Xê và *Hồ năm* ấn vào bực chữ Cống dây Tiểu.

Khi nam diễn-viên ca Vọng-Cổ, đàn dây Hồ nhứt, lúc nữ diễn-viên ca, đàn dây Hồ tư. Nếu có kép ca hơi cao hơn bực thường thì đàn Hồ nhì, thay vì Hồ nhứt. Còn gặp đào ca hơi rất cao, trở đàn dây Hồ năm, thay vì Hồ tư.

2.— *Đờn Tranh* : Đờn Tranh hay đờn Thập-Lục có 16 dây. Tiếng đờn Tranh được thanh-tao nhờ dùng dây kim và nhấn có tiếng ngân nhiều. Cũng như cây Kim, đờn Tranh có thể đổi bậc dây Hồ tùy hơi cao thấp của người ca. Đờn Tranh nhờ nhiều dây nên được ba âm-giai : Thượng, trung, hạ, có tiếng song-thính nhiều và đờn nghe dịu ngọt.

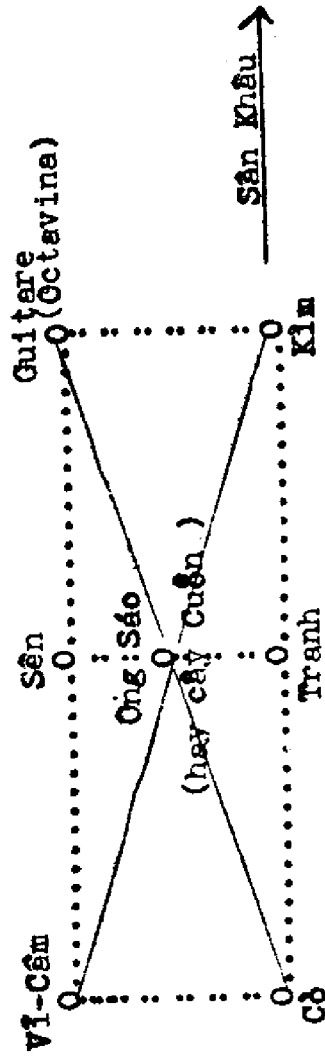
3.— *Đờn Cò* : Cây Cò, cũng gọi đờn Nhị, có hai dây tơ, không có phím và dùng cây cung để kéo ra tiếng. Đờn Cò là thứ đờn đặc dụng nhất của Âm-nhạc Việt-Nam. Nó chẳng khác nào cây Violon trong âm-nhạc Âu-Mỹ. Luôn luôn nó có mặt trong nhạc Hát Bội, nhạc Cải-Lương, nhạc Tài-Tử, các ban Nhạc-Lễ. Thậm chí trong các đám Bông rỗi hay Thầy Chùa làm đám cũng đều có nó.

4.— *Đờn Sến* : Cây Sến có hai dây tơ và có đủ bậc như cây Banjo, nên đờn ít nhấn và có nhiều chữ lợ nghe ngọt. Có khi đờn ba dây nghe hơi như đờn Tỳ.

5.— *Guitare* : Cây Guitare cũng gọi Lục-huyền-cầm hay Tây-ban-cầm, có sáu dây kim, nhưng thường đờn có năm dây. Đờn này gốc ở Tây-ban-Nha mới nhập-tịch nhạc Việt độ ba mươi năm nay. Tiếng thanh như đờn Tranh, khi đờn bậc cao. Cây Guitare dùng đờn Vọng-cổ và bài Oán nghe hay, nhưng khi đờn Bắc và đờn Nam không hay bằng đờn Kim. Lúc gần đây mới có cây Octavina, giống như cây Guitare song nhỏ hơn và cách sử-dụng y như cây Guitare.

6.— *Violon* : Cây Violon, cũng có tên là Vĩ-Cầm, có bốn dây tơ và cung kéo như đờn Cò. Nhập-tịch nhạc

Vị-trí các nhạc-khí Cải-Luồng.



Việt một thời-kỳ với cây Guitare, do Jean Tinh khởi dùng trước. Đờn này dùng phụ-họa với cây Guitare hay cây Tranh để đờn Vọng-Cổ nghe hay, nhưng ít dùng đờn các bản khác vì tiếng nó kêu lớn làm lẫn-áp mấy cây đờn kia.

7.— *Ổng Sáo* : Ổng Sáo, hoặc ống Tiêu, cũng có dùng trong điệu Cải-Lương, nhưng nó có một bậc Hò, không thay đổi đặng như các cây đờn. Thành-thủ người ta phải theo bậc Hò bắt di bắt dịch ấy.

8.— *Cây Cuốn* : Cây Cuốn giống như cây Kèn, nhưng không có cái Loa. Nó dùng trong những gánh Cải-Lương hát giọng Hồ-Quảng.

Ngoài ra, trong âm-nhạc cổ Việt Nam còn có cây Tỳ Bà, cây Tam, cây Độc Huyền, cây Gáo, nhưng giới Cải-lương ít hay dùng.

VI.— NHẬN XÉT VỀ ÂM-ĐIỆU CẢI LƯƠNG

Luận về âm-điệu, Cải-Lương có một vài khuyết-điểm và cũng có chỗ ưu-điểm đáng nêu lên.

Bài ca Cải-Lương đặt theo bản đờn, nên kịch-sĩ phải tùy âm-nhạc, không được tự-do phô-diễn hết tài-nghệ của mình như trong điệu hát Bội. Ca dư hơi thì trễ đờn, còn thiếu hơi dứt trước đờn. Kịch-sĩ bị bó-buộc trong khuôn-khổ nhịp đờn, dầu có hơi hám nhiều cũng không thể vượt ra ngoài nhịp vì sợ ca lỗi nhịp. Điều ấy làm trở ngại cho thiên-tài của kịch-sĩ.

Lúc sau này, trong điệu Cải-Lương có bản Vọng-cổ thêm nhiều nhịp (nhịp 64). Bài ca Vọng-cổ đặt không ăn sát câu đờn, miễn vô đầu và dứt câu đờn, ca cho trùng

hơi, trúng nhịp song-lang thời được. Nhờ vậy có nhiều kịch-sĩ được tự-do phô-bày hết khả-năng của mình trên sân-khấu hay trên đĩa nhựa.

Một khuyết-điểm thứ hai là đương nói chuyện kể bắt qua ca. Trừ một ít danh ca biết cách « mở hơi » cho câu ca của mình có hứng-thú, còn phần đông vô ca nghe khô-khan lã-chã lắm, không có mùi vị chút nào. Lỗi ấy một phần do ban âm-nhạc thờ-ơ, không thuộc chỗ nào sắp ca đặng rao đồn trước hầu gợi ý cho khán-giả có cảm-giác vui buồn trước khi nghe ca, như bên âm-nhạc hát Bội. Trong điệu hát Bội nhờ những tiếng « ra vĩ » sau chót mấy câu lời mà giàn âm-nhạc biết diễn-viên sắp muốn bắt qua Ngâm, Thán, Oán, hoặc muốn bắt qua hát Nam hay hát Khách, nên khởi đồn gợi ý trong ba nhịp trống, rồi diễn-viên mới bắt qua câu hát của mình.

Sau hết, điệu Cải-Lương được chỗ ưu-điểm là nhờ âm-nhạc biết tùy hơi cao thấp của kịch-sĩ đề lên dây Hò, nên kịch-sĩ ca đúng hơi « thiên-phú » của mình không rần hơi quá như bên hát Bội (vì đào kép hát có một hơi Hò). Nhờ vậy kịch-sĩ Cải-Lương ca khỏe hơn.

VII.— KẾT-LUẬN TỔNG-QUÁT VỀ CẢI-LƯƠNG.

Đề kết thúc chương khảo-cứu về Cải-Lương, chúng tôi xin lần lượt trình bày về ba vấn-đề sau này :

- a) Các thời-kỳ biến-chuyển của nền ca-kịch Cải-Lương.
- b) Nghệ-thuật Cải-Lương được giới mộ-điệu ưa-thích vì nó đi sát với quần chúng.
- c) Giải Thanh-Tâm.

a — Các thời-kỳ biến-chuyển của nền ca-kịch Cải-Lương

Bộ-môn Cải-Lương chánh-thức thành-hình từ năm 1917 đến nay gần 50 năm có thể tạm chia làm ba thời-kỳ như sau :

Thời-kỳ thứ nhất từ năm 1917 đến năm 1922,

Thời-kỳ thứ hai từ năm 1923, đến năm 1945,

Thời-kỳ thứ ba từ năm 1946 đến năm 1965.

Trong thời-kỳ thứ nhất có bốn ban Cải-Lương đầu tiên ra đời tại Mỹtho như ban «Thầy Năm Tú», ban «Đồng bào Nam» của cô Tư Sự, ban «Nam-đồng-ban» và «Tái-đồng-ban» của Ô. Hai Cu. Sau đó ít lâu có 4 ban khác ở các tỉnh xuất hiện : «Văn-hi-ban» của Ô. Huỳnh-kim-Vui ở Cholon, «Sĩ-đồng-ban» của Ô. Bảy Sô ở Long-xuyên, «Kỳ-lân-ban» của Bà Huyện Xây ở Vũng-Liêm (Vĩnh-Long). «Tân-phước-Nam» của Bác-sĩ Minh ở Soctrăng. Đây là 8 Ban ca-kịch tiền phong xuất-hiện tại Nam-Phần.

Trong thời-kỳ sơ-khởi này, những tuồng tích còn lấy trong các thơ xưa như : Văn-Tiên Nguyệt-Nga, Kim-vân-Kiều, Trần-đại-Lang Xương-tử-Ca, Thoại Khanh Châu-Tuấn, Lâm-sanh Xuân-Nương, Thanh-Sanh Lý-Thông, v. v. Rồi lần lần tuồng soạn theo dã-sử Việt-Nam như : Nữ-Vương Trưng-Trắc, Triệu-Ai-Vương với Bà Cù-Thị, Trọng-Thủy My-Châu, Lê-Lai cứu chúa, Lê-Lợi khởi nghĩa, Cao-Hoàng phục-quốc v. v.

Kế đó có một ít tuồng Tàu trình-diễn : Phung-nghi-Định, Hoàng-phi-Hồ đầu Châu, Tống-tửu Đon-hùng-Tin, Thôi-tử thi Tề-Quân, Xử bá đao Từ-hải-Thọ, Anh-hùng-Náo, v. v...

Những soạn-giả hữu danh đương-thời : Trương-duy-Toàn, Đào-Châu, Mộc-Quán Nguyễn-trọng-Quyền, Trần-phong-Sắc, Ngô-vĩnh-Khang.

Về phần nghệ-sĩ có những ngôi sao sáng xuất-hiện, phái nữ có : Hai Cúc, Năm Phỉ, Phùng-Há, Tư Sạng, Hai Xiêm, Mười Nhường, Ba Hui, Hai Phụng, Bảy Ngọc, Tư Mão, Hai Vui, Ba Nhân, v. v.

Phái Nam : Bảy Thông, Tám Cang, Hai Giỏi, Năm Châu, Tư Chơi, Tám Mèo, Tư Út, Ba Du, Hai Bông, Năm Long, Mười Mùi, Hai Quán, Bộ Thế, Sáu Cút, Tư Thạch, v. v.

Tiếp qua *thời-kỳ thứ hai* (1923 — 1945) là thời-kỳ Hưng-Thịnh của điện Cải-Lương. Trong khoảng thời-gian này nước nhà được thanh-bình nên Cải-Lương phát-triển không ngừng. Có nhiều đại-ban ra đời như : Tân-Thịnh, Tập-ích-ban, Trần-Đắc, Tân-hí-ban, Võ-hí-ban, Nhã-tĩnh-ban, Phước-Cương, Huỳnh-Kỳ, Nhạn-Trắng, Mộng-Vân, Sao-Mai, Hề Lập, Nam-Phỉ, Nam-Phương, Phụng-Hảo, Việt-Kịch Năm Châu, Kim Thoa, Hậu Tấn, v. v. .

Trong thời-kỳ này có nhiều tuồng Xã-Hội, tục gọi tuồng Tây, xuất hiện như : Tội của ai, Tiếng nói trái Tim, Giá-trị danh-dự, Giấc mộng cô-đào, Trọn tiết với chồng, Lỡ tay trót đã nhúng chàm, Tình trường nham hiểm, Khúc oan vô lượng, Áo người quân tử, Tơ vương đến thác, Tứ đồ tuồng, Duyên chị tình em, Tô-ánh-Nguyệt, Đoạn tuyệt, Đời cô Lựu, Lan và Diệp, Vó ngựa truy phong, Cách-lan phương-tử, Túy-Hoa Vương-nữ, Gió ngược chiều, Khi người điên biết yêu, Hồn bướm mơ tiên, Men rượu hương tình. Tham phú phụ bần, Vì nghĩa liều mình, Hai khối tình Hàm Lê. (Trong số tuồng này có bản phóng-tác theo tiểu-thuyết hoặc kịch Âu-Châu).



Nhà soạn-kịch Nguyễn-thành-Châu, kiêm diễn-viên và đạo-diễn, hơn bốn mươi năm trong nghề, đã nâng cao trình-độ nghệ-thuật Cải-Lương của nước nhà. Hiện nay Ông điều-khiển đoàn sa-kịch « Ánh Chiêu-Dương » được sự ủng-hộ nồng-nhiệt của khán-giả.

Kế theo là những tuồng dã-sử : Gương liệt-nữ (Triệu Âu), Hận nước thù chồng (Trung-Vương), Giọt máu chung tình (Võ-dông-Sor và Bạch-thu-Hà), Võ-Tánh tử tiết, Gi Long lâu quốc, v. v...

Tuồng Tàu : Đường-hoài-Ân bị tình tru, Quan Công tàu mạch thành, Lưu-kim-Đỉnh giải giá Thọ-Châu, Phụng-nghi-Đĩnh, Xử án Bàng-quí-Phi, Mạnh-lệ-Quân thoát hải, Trương-hân (Dương-quí-Phi), Quần-anh-kiệt, Huế-dung-đạo, Mộc-quế-Anh dâng cây, Xử án Quách-Hoè, Tranh-Châu Mộng Hồ-diệp, Dự-Nhượng thích khách, v. v...

Tuồng Phật : Bồ-thi bất-nghịch-ý, Tiền thân Phật-Tổ, Quan-Âm Thị-Kính, Thích ca đắc-đạo, Trần Huyền-Trang, v. v...

Những soạn-giả trong thời-kỳ thứ hai : Mộng-Vân, Đặng-công-Danh, Nguyễn-công-Manh, Nguyễn-thành-Châu, Huỳnh-thủ-Trung tức Tư Chơi, Trần-duy-Lân, Lê-hoài-Nở, Trần-hữu-Trang, v. v...

Nghệ-sĩ phái nữ có : Năm Phi, Phùng-Hà, Tư Sang và thêm các cô Kim-Thoa, Bảy Nam, Thanh-Tùng, Thanh-Loan, Hai Đàng, Tư Kỳ, Chín Bia, Mười Truyền, Bích-Thuận, Năm Sadec, Bảy Lựu, Chín-Lê, Kim Cúc, Kim Lan, Ngọc-Xứng...

Phái Nam : Năm Châu, Tư Chơi, Tư Út, Bảy Nhiều, Dạy-Lân, Từ-Anh, Ba Vân, Mười Bửu, Năm Định, Năm Nở, Tám Mèo, Hai Thiêng, Ba Thâu, Hai Tiền, Tám Danh, Hai Hoàn, Văn Ngân, v. v...

Thời-kỳ thứ ba là thời-kỳ chính-biến (1946-1965). Trong thời-kỳ này tình-thế nước nhà bất ổn-định nên ban đêm thường bị giới-nghiêm, các ban Cải-Lương chịu ảnh-hưởng rất nặng nề về phương-diện tài-chánh. Nhưng cũng có, nhiều bap hết sức cố gắng để vượt qua hoàn cảnh khó khăn này.



Một màn tuồng xã-hội « Khúc oan vô lượng », sân
khấu Trần-Đất (1927). Các vai : Lê-gia-Khanh (Năm-
Châu), Hoàng-bích-Vân (Phùng-Hà), Phạm-hoàng-
Khai (Tư Út).

Từ hồi hậu thể-chiến thứ hai đến nay có nhiều ban Cải-Lương ra đời. Song phần đông bị mai-một vì không được giới mộ-diệu ủng-hỗ. Hiện nay còn những Ban hạng A-B như sau : Thanh-Minh Thanh-Nga, Đa-lý-Hương, Hương-mùa Thu, Kim Chưởng, Kim Chung, Thủ Đô, Lan-Được, Thống Nhứt, Thanh Hương Hùng Minh, Phước Chung, Hoa Sen, Thanh Tao, Trăng mùa-Thu, Hoa-thủy-Tiên, Tuấn-Kiệt, Sao ngàn Phương, Ánh-chiều-Dương, v. v... Ngoài ra có nhiều tiểu-ban đi lưu diễn ở các Tỉnh, Quận, các chợ nhỏ, ít khi về Thủ-Đô, nên không thể kể vào đây.

Năm 1964, Đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga của Bà Nguyễn-thị-Thơ được tặng giải thưởng « Ban ca-kịch xuất-sắc nhất » là nhờ sân khấu sáng đẹp, tuồng tích chọn lọc, diễn-viên ưu-tú. Đoàn này sở trường diễn tuồng Xã-Hội được công-chúng tán-thưởng tài-nghệ của các kịch-sĩ đã diễn-xuất đồng-đều và sống-thực.

Những tuồng xã-hội của Đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga đã diễn lược kê như sau : Lỡ bước sang ngang (soạn-giả Thu-An và Hoàng-Khâm), Nửa đời hương phấn (Hà-Triều Hoa-Phượng), Con gái chị Hằng (H. T. H. P.), Rồi 30 năm sau, Đêm vĩnh-biệt (H. T. H. P.), Vụ án song hôn (Hoàng Khâm), Hai chuyến xe hoa (Thái-thụy-Phong), Ngã rẽ tâm tình (Nguyễn-Phượng), Hai nàng dâu trẻ (Thái-Thụy-Phong, Trần-Đình), Phu tử từng tử (H. T. H. P.), Tiếng sét nửa đêm (Mộc-Linh), Vàng sáu bạc mười (Hoàng-Khâm), Tấm lòng cửa biển (H. T. H. P. và Cô Nguyệt), Giấc mộng đêm xuân (Nhị-Kiều), Đôi mắt người xưa (Nguyễn-Phượng), Yêu trong hoàng-hôn (Nguyễn-Phượng), Cô giáo Hiền (Hoàng-Khâm), Mây trái hương (Thái-thụy-Phong và Hoàng-tiên-Thúy), Người tình

của biển (Nguyễn-Phương), Hắc-y nữ-hiệp (Hoàng-Khâm), Bông-hồng cài áo (Hoàng-Khâm), Chiều con non Thái (Bách-Điệp, Minh-Nguyên), Đoàn-tuyệt (Trần-duy-Lầu) Sân-khấu về khuya (Nguyễn-thành-Châu).

Ngoài ra, đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga cũng có diễn các loại tuồng khác :

Tuồng Tàu : Khôi sóng Tiêu-tương (Hà-Triều, Hoa-Phượng và Cô Nguyệt), Võ-Tắc-Thiên (Phượng-Ngọc), Dương-qui-Phi (Trương-Vũ), Tình nở hoa xuân (Nhị-Kiều và Thanh-Xuân), Trần-thế-Mỹ (Nhị-Kiều), Người đẹp Bạch-hoa-Thôn (Hoàng-Khâm), Bích-vân-cung kỳ-án (Phượng-Hà, Bá-Chi), Trăng rung bến Từ-Châu (Nhị-Kiều và Anh-Tuấn), Tình nở Đào-hoa-Thôn (Ngọc-huyền-Lan và Viễn-Châu), Mộng giai-nhân (Trọng-Điệp), Hoa-mộc-Lan (Ngọc-huyền-Lan và Viễn-Châu), Một trang tình sử (Hoàng-Khâm), v. v...

Tuồng Nhựt : Nỗi buồn thu-thảo (H. T. H. P), Giấc mộng Vương-Phi (Nhị-Kiều), Khi hoa anh-đào nở (H. T. H. P.).

Tuồng dã-sử : Mây bốn phương trời (Yến-Linh Hoa-Phượng), Bên hào Lạc-Thủy (Lê-minh-Hùng, Thái-Sơn, Lê-Khanh), Đồ-Bàn di hận (Lê-Khanh), Người đẹp bán tơ (Kiên-Giang), v. v...

Tuồng Hương-xa : Mộng đẹp nửa đời hoa (Nguyễn-Phượng), Hận-tình Vương-nữ (Tuấn-Khanh), Trăng rừng vẫn sáng (Phượng-Hà, Trang-Khanh), Mưa rừng (H. T. H. P.), Phượng-Dung Hoàng-Hậu (Trường-xuân-Trúc và Nhị-Kiều), Gió ngược-Chiều (Nguyễn-thành-Châu), v. v...

Nghệ-sĩ của Đoàn (Nữ) : Thanh-Nga, Kim-Loan, Phượng ánh, Ngọc-Nuôi, Kim-Giác, Kim-Nga, Thanh-Lệ, Bé Hương-Lan, v. v...

(Nam) : Hữu-Phước, Việt-Hùng, Thanh-Tú, Hoàng-Giang, Tâm-Vân, Minh-Điện, Kim-Quang, Chí-Hiếu, Ba Nghĩa, Hương Huyền, Hoàng-Đức, Bảo-Quốc.

DA-LÝ-HƯƠNG.— Đoàn này đào-kép đồng-đều và diễn-xuất ca ngâm khá,

Tuồng : Cô gái Đồ-Long (H. T. H. P.), Anh hùng xạ-diêu (H. T. H. P.), Sương mù trên non (H. T. H. P.), Thành-Cát Tư-Hãn (Thiếu-Linh), Vô-Kỵ Triệu-Minh (H. T. H. P.), Người đào-phủ (Thiếu-Linh), Bụi mờ ải-nhan (H. T. H. P. và Tuấn-Khanh), Người không mẹ (Thiếu-Linh), Võ-Tòng sát tầu (Thiếu-Linh), Nổi buồn con gái (H. T. H. P.), Hoa thơm phong nhụy (Trần-Hà Ngọc-Điệp) Tuyệt-tình-ca (Hoa-Phượng, Ngọc-Điệp).

Diễn viên (Nữ) : Bạch-Tuyết, Như-Ngọc, Kim-Ngọc, Mai-Lan, Hồng-Nga...

(Nam) : Tấn-Tài, Thanh-Sang, Minh-Đức, Minh-Tấn, Ba Xây, Văn Hường, Từ Rộm, Hoàng-Long...

HƯƠNG MÙA THU.— Đoàn này nhờ có soạn-giả Thu-An làm giám-đốc và đạo-diễn nên tuồng-tích khá và diễn-xuất khá-quan.

Tuồng : Tiếng trống sang canh (Thu-An), Xác áo bên cầu gỗ (Thu-An), Gió ngựa đêm trăng (Thu-An và Anh-Phương), Lá của rừng xanh (Thu-An), Nước ngược dòng (Thu-An), Chiều lạnh tuyết băng sơn (Thu-An), Châu-Bích-Lệ (Thu-An), Bà chúa ăn mây (Thu-An), Gươm ngũ-đế (Thu-An và Lê-Trí), Quán ma (Thu-An), Tiếng súng một giờ khuya (Thu-An), v. v...

Nghệ-sĩ (Nữ): Ngọc-Hương, Bo-Bo-Hoàng, Hoài-Mỹ, Bạch-Lê, Bạch-Liên, v. v...

(Nam): Út Hiền, Văn Khoe, Hoàng-kim-Bằng, Hề Minh, Bảy Xê, Huỳnh-Minh, Công-Khanh, Minh-Đạt, Thanh-An, v. v ..

KIM-CHUÔNG.— Đoàn này nhờ khéo léo-lái nên được cái danh hiệu « Đệ nhứt anh hùng lưu-diễn » và được nhiều tuổi nghề hơn các bạn đồng hành.

Tuồng: Thuyền ra cửa biển (Yên-Trang và Phong-Anh), Hai chiều ly-biệt (Thu-An), Người gọi đồ bên sông (Mộc-Linh), Trống hoàng-hôn (Lê-Trí và Thu-An), Quý-Bảo (Mộc-Linh), Mặt trời đêm (Tuấn-Khanh), Người anh khác mẹ (Thu-An và Phan-Khương), Nhà sư và tướng cướp (Mộc-Linh), v. v...

Nghệ-sĩ (Nữ): Trương-ánh-Loan, Phương-Liên, Thanh-Nguyệt, Thanh-Nhàn, Kim Nền, Mộng-Thu, v. v...

(Nam): Diệp-Lang, Phương-Quang, Dũng-thanh-Lâm, Trường-Xuân, Phi Hùng, Hề Chơn-Tâm, Hề Vui, Hữu-Nhiên, Vũ-phương-Giang.

KIM-CHUNG.— Công-Ty Kim-Chung đã chuộc được nhiều danh ca và tạo được bốn đoàn ca-kịch. Đây là lần đầu tiên một tổ-chức qui-mô đã thành-lập để kinh-doanh ngành Cải-Lương.

Tuồng.— Thương phương bảo kiếm (Vạn-Lý), Rừng thâm giao duyên (Ngọc-Văn), Hoa đào trước gió (Nguyễn-Huỳnh), Đêm buồn tàn thu (Ngọc-huyền-Quán và Vạn-Lý).



Tường xã-hội (xưa)

Lương-sơn-Bá, Chúc-anh-Đài (Ngọc-Văn, Hoài-Hương), Tình hận trên băng hồ (Yên-Lang), Mảnh áo quê nghèo (Yên-Lang) Tiếng cười Bao-Tự (Ngọc-Văn), Trời lạnh sương khuya (Yên-Lang), Anh hùng Lã-phung-Tiên (Ngọc-Văn), Tiếng hát trên sông Loa (Ngọc-huyền-Quân và Thanh-Cao), Cánh hồng tả tơi (Vạn-Lý).

Nghệ-sĩ (Nữ) : Kim-Chung, Lệ-Thủy, Anh-Hồng, Diệu-Hiền, Bích-Hợp, Kiền-lệ-Tâm. Mỹ-Châu, Hà-mỹ-Xuân, Thu-Hương, Ái-Lan, Thủy-Liễu...

(Nam) : Hùng-Cường, Thanh-Hải, Kim-Nguyên, Huỳnh-Thái, Minh-Cảnh, Phước-Hậu, Út-Hậu, Thanh-Nhàn, Thanh-Phương, Ngọc-Ấn, Quan-Hữu, Hồ Văn-Hương, Hồ Ba Hội, Hồ Tư Vững...

THỦ-ĐỒ.— *Tuồng* : Chiếc áo ân-tình, (Thu-An, Phong-Anh), Sầu Quan-Ái (Thu-An và Thiếu-Linh), Xấp thơ tình (Kiều-Lê và Võ-hoài-Nam), Nhận Nam sầu én Bắc (Hiền-Lương), Hoa đào trên kiếm thép (Linh Khanh), Giây Oan (Thiếu-Linh), Tình người tử tội (Thiếu-Linh).

Nghệ-sĩ (Nữ) : Mỹ-quyên-Chi, Huỳnh-Hoa, Phương-lan-Y, Tô-kiều-Lan, Hồng-Hoa...

(Nam) : Phương-Thảo, Thanh-Hiền, Văn-Sa, Hữu-Hạnh, Sáu Nhỏ, Minh-Quang, Hà-trúc-Phương, Tường-Lân...

THỐNG-NHẤT.— *Tuồng* : Lưới-trời (Vân-An), Tần-thủy-Hoàng (Điền-Long), Phút sau cùng (Điền-Long), Gã căm và người đẹp (Hoài-Nhàn), Sầm-sơn lệ-sử (Vân-An), v. v.

Nghệ-sĩ (Nữ) : Ngọc-Bích, Ngọc-Kim, Thanh-Xuân, Kim-Hà, Thu-Vân, Mỹ-Ngọc...

(Nam) : Út Trà-ôn, Minh-Châu, Hoàng-Sương, Quốc-Việt, Ngọc-Trai, Chơn-Tâm, Hoàng-Liêm, Văn-Núi, Quang-Hiền, Yến-Đạt....

LAN và ĐƯỢC. — *Tường* : Đờ-Long-đào (Hoài-Thanh), Thuyền-về bến ngự (Hoài-Sơn), Mây chiều xuyên nguyệt thôn (Kiên-Giang H. T. H. P.), Khi rừng mới sang Thu (Quy-Sắc), Đồng xanh cát trắng (Quy-Sắc), và Châu-sơn-Dũng), Lối mộng vào tim (Thanh-Cao), Qua mùa phượng-vĩ (Phượng-Hà, Hoàng-Quán), Sầu qua mấy nhịp cầu duyên (Thanh-Cao) Nối quãng đường tình (Hoài-Nhân), Hoa nở cuối mùa (Quy-Sắc).

Nghệ-sĩ (Nữ) : Bạch-Lan, Ngọc-Giàu, Thanh-thanh-Hoa, Thanh-Thanh-Nga, Kim Huệ, Hoàng-Vân...

(Nam) : Thành-Được, Ba Vân, Nam-Hùng, Văn-Ngà, Thanh-Sơn, Út Nhị, Văn-Chung, Thanh-Kỳ, Văn-Sa,...

Các Ban ca-kịch và các nghệ-sĩ kể trên đây do theo tình-trạng sân khấu Cải-Lương trong khoảng *đệ nhất lục cá nguyệt năm 1965*. Về sau tất cả có sự thay đổi vì một vài ban bị tan rã, nhưng các đào kép chánh ở những ban ấy cũng được mời cộng-tác với các đại-ban khác.

Gia dĩ có những ca-sĩ trên Đài Phát-Thanh, không phải diễn-viên sân-khấu, nhưng cũng có tên tuổi như : Cô Ba Bến tre, Cô Năm Cần-thơ, Cô Ba Trà-Vinh, các cô Lê-Liễn, Bạch-Huệ, Ngọc-Ánh, Hương-Xuân, Thanh-Hoa, Hạnh-Ngộ, v. v...

(Nam) : Tám Thừa, Thành-Công, Năm Phôi, Năm Bửu, Tám Bằng, Sáu Vị, Bảy Quoi, Chín Sớm, Sáu Thoàn, Ba Ngươn, v. v...

Danh-cầm : Bảy Bá, Năm Cơ, Văn Vĩ, Hai Biều, Bảy Hàm, Ba Khuê, Chín Trích, Ngọc-Sáu, Ba Dư, Văn Lâm, Hai Thơm, Hứa Duyên, Út Trọng, Bảy Phải, Năm Hưng, Duy-Nhất, v. v...

b) *Nghệ-thuật cải-lương* được ủng-hộ vì nó đi sát với quần chúng.— Hát Bội là lối diễn trò cho một hạng người biết thưởng-thức xem, còn Cải-Lương là lối diễn cho đủ hạng người xem. Từ thượng-lưu trí-thức đến hạng bình-dân đều có thể là khán-giả của Cải-Lương. Nghệ-thuật Cải-Lương rất dễ hiểu. Lời văn giản-dị ; các điệu ca ngâm nhưt là bản Vọng-cổ và Nam-Xuân, Nam-Ai có nhiều dân-tộc-tính.

Tuồng tích thường đi sát với quần chúng. Khi xem tuồng xã-hội, khán-giả có cảm tưởng hoàn-cảnh của các vai tuồng có thể xảy đến cho mình và do đó sự cảm-xúc càng thêm mạnh và in sâu vào trí não.

Ngoài ra Cải-Lương có đủ các thú tiêu-khiến « Cầm ca thi họa » để cho khán-giả giải muộn. Trước hết có âm-nhạc cổ-diễn, nhạc Âu và ca ngâm nhiều bài bản tân và cổ. Kế đó có những lời văn và câu thi soạn theo lối nay dễ cho người xem thưởng-thức.

Cải-Lương còn cho xem những tranh cảnh hội-họa và gợi khiêu thâm-mỹ về thuật kiến-trúc và xây dựng vở kịch, từ hình-thức đến nội-dung.

Sau hết là cách sử-dụng ánh-sáng trên nhiều màu sắc tươi đẹp của Y-trang và tranh-cảnh. Tóm tắt, Cải-Lương là một sản-phẩm của dân-tộc nên được sự ưu-đãi của Đồng-bào.

c) **Giải Thanh-Tâm** — Do sáng-kiến của Ông Trần-tấn-Quốc, một kỹ-giả kỳ-cựu, giải Thanh-Tâm đã được thành-lập từ năm 1958 và liên tiếp mỗi năm kể sau đều có phát Huy-Chương vàng và Bằng danh-dự cho những nam nữ nghệ-sĩ trẻ tuổi có triển-vọng nhứt trong năm.

Ban tuyển chọn gồm có những kỹ-giả kịch-trường, Những kịch-sĩ ưu-tú và những soạn-giả tên tuổi, đủ bảo-đảm cho sự xác-đáng trong việc tuyển chọn. Những nghệ-sĩ được chọn phải hội đủ số điểm tuyệt-đối về diễn-xuất, ca-ngâm, sắc-vóc và đức-hạnh hay cảm-tình.

Dưới đây xin biên danh-sách những nam nữ nghệ-sĩ đã đoạt giải từ năm 1958 đến năm 1964 :

Năm 1958 : Nữ nghệ-sĩ Thanh-Nga

Năm 1959 : Nữ nghệ-sĩ Lan-Chi và Nam nghệ-sĩ Hùng-Minh.

Năm 1960 : Nữ nghệ-sĩ Bích-Sơn và Ngọc-Giàu.

Năm 1961 : Nữ nghệ-sĩ Thanh-Thanh-Hoa

Năm 1962 : Nữ nghệ-sĩ Ngọc-Hương và Ánh-Hồng.

Năm 1963 : 3 Nữ nghệ-sĩ Bạch-Tuyết, Kim-Loan, Trương-ánh-Loan.

3 Nam nghệ-sĩ Tấn-Tài, Diệp-Lang, Thanh-Tú.

Năm 1964 : Nữ nghệ-sĩ Lệ-Thủy và Nam nghệ-sĩ Thanh-Sang.

Mỗi năm giải Thanh-Tâm đều có tổ-chức một cuộc lễ long-trọng để phát Huy-chương vàng và Bằng danh-dự cho nam nữ nghệ-sĩ trúng tuyển. Nhân dịp ấy một

bồn tuồng được chọn đề cho các nghệ-sĩ chiếm giải trình diễn. Trong buổi lễ có mời nhiều nhà tri-thức các quan khách và khán-giả đến xem đặng thưởng-thức tài-nghệ của những kịch-sĩ mới vừa đoạt giải.

Đây là một sáng-kiến rất hữu-ích cho nền kịch-nghệ nước nhà, đáng được khuyến-khích và ủng-hộ, trong tương-lai.

Đề đại-diện cho các nghệ-sĩ đoạt giải « Thanh-Tâm », chúng tôi đăng ảnh của cô Thanh-Nga, nghệ-sĩ được Huy-Chương vàng đầu tiên năm 1958 và Cô Lệ-Thủy được Huy-Chương vàng sau chót năm 1964.



Cô Thanh-Nga được Huy-chương vàng « Giải Thanh-Tâm » đầu tiên năm 1958.



Cô Lệ-Thủy, H. C. V. Giải Thanh-Tâm 1964.

Sau này Ban tuyển-chọn Giải-Thanh-Tâm có công-bố danh sách những nghệ-sĩ được hai giải trong năm 1965 như sau :

1) Diễn-viên xuất-sắc nhất trong năm 1965 (không hạn tuổi)

— Nam nghệ-sĩ Hữu-Phước,

— Nữ Nghệ-sĩ Bạch-Tuyết.

2) Diễn-viên có triển vọng nhất trong năm 1965 (trong hạn tuổi 16-24) :

— Hai nữ nghệ-sĩ : Bo-Bo Hoàng và Thanh-Nguyệt.

Trong năm 1966 :

— Diễn-viên xuất-sắc : Thanh-Được và Thanh-Nga

— Diễn-viên có triển-vọng : Phương-Liên và Phương-Quang.

Năm 1967 :

— Diễn-viên xuất-sắc : Ngọc-Giàu, Thanh-Hải.

— Diễn-viên có triển-vọng : Mỹ-Châu, Ngọc-Bích và Bảo-Quốc, Phương-Bình.

CHƯƠNG THỨ BA

THOẠI-KỊCH

Thoại-Kịch hay Tân-Kịch là kịch nói chuyện thường. Loại kịch này khó diễn-tả vì kịch-sĩ phải có năng-lực diễn-xuất trên mức thường. Lối kịch thơ lại càng khó diễn bởi nó đòi hỏi nơi diễn-viên một trình-độ học-thức khá cao.

Trong năm 1960, trên sân-khấu Việt-Nam có xuất-hiện vài ba Ban Tân-Kịch trong các kỳ Đại Nhạc-Hội. Có vài vở kịch xem đáng như : « Nhạc lòng năm cũ » của ban Dân-Nam và « Nước mắt con tôi » hay « Sau phút lổi lầm » của ban Kim-Cương. Nhưng rất tiếc, người tổ chức Đại-nhạc-Hội dành cho các ca-sĩ tân-nhạc một khoảng thời giờ quá dài, còn vở kịch nòng cốt để diễn sau chót rất trễ. Sự thế ấy làm chán-nản lòng trông đợi của khán-giả. Thành thử các Đại-nhạc-Hội được sự ủng-hộ của khán-giả trong mấy đêm đầu rồi sau thưa dần. Đó là lý-do chánh làm cho Tân-Kịch diễn thường trực không đáng. Nếu các ban Tân-kịch muốn đứng vững và hấp-dẫn quần chúng, nên cải-tiến từ hình-thức đến nội-dung.

Về hình-thức sân-khấu, Tân-kịch còn đơn-giản lắm.

Chẳng khác nào sân-khấu Cải-lương hồi mới sơ-khởi. Thế nên cần chấn-chỉnh sân-khấu lại bằng cách tạo thêm tranh-cảnh và trang-trí các màn kịch cho phù-hợp với đời sống mới ngày nay.

Về nội-dung nên chọn lọc những tuồng vừa có bề rộng và có bề sâu, diễn được 3 tiếng đồng-hồ. Phần thường tuồng của Tân-kịch thiên về lối kịch xã-hội và các vai trò đều nói chuyện suông không có ca. Thế nên toàn thể khán-giả không được miễn nguyện. Phải nhận-chán rằng có một hạng khán-giả trí-thức biết thưởng-thức lối thoai-kịch không có ca-nhạc. Còn phần đông, nhất là hạng bình-dân, chưa nhận-định được giá-trị của lời văn và ý-nghĩa sâu xa của vở kịch, nên họ mau chán. Nếu nói chuyện hoài không có ca nhạc giúp vui, họ xem rồi một vài lần không thích đi xem nữa.

Vậy những nhà tổ-chức Đại-nhạc-Hội hay các Ban Giám-Đốc Tân-kịch nên bớt mấy màn ca tân-nhạc đầu, hoặc để ca-sĩ trình bày trong lúc hạ màn đặng đổi cảnh trong vở kịch nồng cốt, cho bớt ngudi. Còn trong thân tuồng nên cậy nhạc-sư soạn một ít bản tân-nhạc văn-văn theo ý-nghĩa của tuồng, rồi cho kịch sĩ ca giặm trong các màn. Điều này rất dễ làm vì phần nhiều kịch-sĩ đều biết ca tân-nhạc và tân-kịch có thể đi đôi với tân-nhạc một cách rất thích hợp. Cũng có thể cho đệm thêm tân-nhạc trong những lớp gay cấn của tuồng.

Như thế, các hạng khán-giả đều hoan-nginh và Tân-kịch sẽ đứng vững được. Chứ hiện nay, người ta có cảm-tưởng rằng Tân-kịch không thể đứng một mình, nên phải cậy sự giúp đỡ các ban vũ, kịch-động-nhạc, ca cải-

cách, ảo-thuật, v. v... Sự trạng ấy làm cho đêm trình diễn thành một đêm « xà bần các loại » chứ không còn nghệ-thuật sân-khấu nữa.

VĂN KỊCH

Văn kịch là lối văn siêu-tả-chân, thường viết bằng lối văn xuôi mới hợp với hoàn-cảnh thực-tế ngoài đời. Những vở kịch xã-hội tâm-lý tình-cảm luôn luôn viết bằng tản-văn. ngoại trừ những vở kịch về sử, có thể viết bằng vận văn. Kịch thơ rất khó diễn vì nếu kịch-sĩ không đủ trình-độ học-thức và không đủ tài diễn-xuất sẽ học thuộc lòng vai tuồng của mình rồi nói trên sân-khấu như học trò trả bài.

Dưới đây xin trích một đoạn kịch xã hội « Hai khối tình » (T. V. K.) đã trình diễn tại Saigon và các tỉnh Nam-Phân trong năm 1943 lúc Trạng sư Xương vào nhà dưỡng bệnh trong khám đường thăm cô Cúc đề khuyên giải cô chẳng nên thất chí mà hủy mình:

Trạng sư Xương (Tám Mẹo).— Anh vô đây trước thăm em vì nghe em có bệnh, sau đề khuyên em nên phản-cung những lời em đã khai trước quan Thâm-án.

Cô Cúc (Năm-Phi).— Không thể dặng. Em đã nhận tội giết ông Dương rồi, có lý nào em lại phản-cung.

Trạng sư Xương.— Nếu em không phản-cung tất em quyết-thì thân em và hy-sinh luôn tình mẫu-tử đối với mẹ em nữa. Rốt cuộc em đòi lấy sự gì ? Ra giữa Toà, em khai 'cái thói hèn hạ của thằng cha Dương kia dặng làm nhục vong-hồn của nó. Em làm cho em bị tù-tội

đặng cho người tình bạc-bẽo nọ buồn rầu ăn-năn (ám-chỉ cậu Hoàng). Hừ! Đồi như vậy rẻ quá! Thắng cha Dương đó, khi sống nó không biết cái nhục mà chừa, nay chết rồi ai kể gì vong hồn của nó. Còn người tình bạc-bẽo nọ, nếu nó có chút lương tâm, biết trọng danh-dự, nó không thể nào bội ước. Khi đã bội ước, nó đâu biết ăn-năn mà em phải thi thân với nó?

Cô Cúc.— Em thi thân đây chẳng phải muốn làm nhục vong hồn thắng cha Dương : cố ý làm nhục vong hồn người khuất mặt, cái thái-độ ấy rất khiếm-nhĩ. Em cũng không muốn cho người tình bạc-bẽo nọ ăn năn vì chính nơi em đã biếu người cưới vợ khác đặng hưởng thú giàu sang.



*Cô Túy-Phượng, đạo chánh Ban
thoại-kịch Tân-Dân-Nam*

Em quyết thi thân là vì em nhìn thấy cuộc đời nhiều nỗi khắt-khe giả dối. Người thi khẩu phật tâm xà, kẻ lại phu bản tham phú. Than ôi! cái văn-minh vật-chất ngày nay dường như đã làm nguội lạnh lòng đạo đức của người đời!!

Trạng-sư Xương — Em chẳng nên vì một hai con chien ghê trong đời, rồi xem đời với con mắt quá bi-quan! Em xét kỹ lại coi, trong xã-hội ta cũng còn nhiều người biết lấy nhơn, lấy nghĩa, để xử-sự cùng đồng-loại. Em đây là một phần-tử của xã-hội, em phải vì xã-hội, vì mẹ, vì bạn mà lo bảo-thủ thân em. Nhứt là vì mẹ, nếu một mai em có bề gì, thím ở nhà khó sống nổi trong cảnh sầu thảm cô đơn.

Cô Cúc.— Em xin anh làm ơn nói giùm với má em rằng: em chết đây là tại đời giả-dối giết em, chứ không phải em tự ý muốn chết mà bỏ mẹ.

Trạng-sư Xương.— Sự sống của con người có nhiều mục-dịch tốt đẹp, em chẳng nên bỏ qua. Nếu trong quá-khứ em thất bại vì tình, buổi tương lai em lo trau-giồi chữ hiếu, hoặc em lo tô-diêm nền văn. Đó là những mục-dịch cao-thượng, em nên đeo đuổi, cần gì em phải hủy mình?

Cô Cúc.— Em chẳng còn một chút nghị-lực nào để lo tính việc khác được.

Trạng-sư Xương.— Thủng-thắng người-ngoại rồi nghị-lực sẽ trở lại. Em phải nghĩ tình-nghĩa mẹ con, đừng để cho anh lập thế cứu em.

Có Cúc.— Xin anh đừng lo cứu em. Đề em mở đường cho đoàn phụ-nữ sau này bước tới và trừ cái nạn hiếp-dâm cùng cái thói phụ tình. Dù em phải bị tù-tội, em cũng vui lòng.

Tóm tắt, văn kịch nên bình-dị và chẳng nên cho một người nói dài quá làm người vô tường. Mỗi vai nói chừng mười hàng là nhiều, rồi để cho vai khác nói. Như thế, lời đối-thoại được sôi-động và hạc-hưng hơn.

DANH-SÁCH NGHỆ-SĨ trong bộ môn Thoại-Kịch. (Lược-kê theo tri nhớ, xin cáo lỗi nếu có sai-sót).

Nữ : Kim-Cương (Hoàng-Dũng) Thầm-thủy-Hằng, Bích-Thuận, Bích-Son, Bích-Thủy, Túy-Phượng, Túy-Hồng, Túy-Hoa, Kiều-Hạnh, Hồng-Hạnh, Tường-Vi, Diễm-Kiều, Hương-



Thầm-Thủy-Hằng



Kim-Cương

Xuân, Bạch-lan-Thanh, Bạch-Trường, Bảy-Ngọc, Kiều-Oanh, Phương-Lan, v. v...

Nam : Văn-Hùng, La-thoại-Tân, Anh-Lân, Tùng-Lâm, Xuân-Phát, Ngọc-Đức, Khả-Năng, Hoàng-Mai, Thanh-Việt, Phi-Thoàn, Vũ-đức-Duy, Vũ-Huân, Vũ-Huyền, Hương-Huyền, Hoàng-Long, Nguyễn Long, Anh-Tuấn, Thanh-Hoài, Duy-Chức, Châu-Hỷ, Ngọc-Phu, Hoàng-Năm, Minh-Ngọc, v. v.

Những ban thoại-kịch hiện-hữu :

Ban : Kim-Cương Thoại-kịch, Thầm-Thủy-Hằng, Tân-Dân-Nam, Bích-Sơn, Vũ-Huân, Vũ-đức-Duy, v. v.

Vở Kịch : Nước mắt con tôi, Nhạc lòng năm cũ, Sau phút lổi lầm, Cuối đường hạnh phúc, Trà-hoa-Nữ, Mưa nguồn, Gió lốc, Yêu trong bóng tối, Cùng một đời hoa, Tình ngang-trái, Sông dài, Khát sống, Dưới hai màu áo, Dưới gác Thánh-Đường, Áo người trinh nữ, v. v.

CHƯƠNG THỨ TƯ

A.- THÚ XEM DIỄN KỊCH

Xem đến đây quý độc-giả cũng đã lãnh-hội được phần nào về ba bộ môn diễn kịch của nước nhà. Mỗi bộ môn đều có chỗ đặc-sắc riêng của nó. Khi nhàn rồi quý vị cũng muốn đi xem diễn kịch để giải muộn. Đó là một thú vui lành mạnh và bổ ích cho tinh thần, ít tai hại hơn các thú vui khác như « Tứ đồ tương » để làm cho con người sa ngã ở chốn phồn-hoa dờ-hội.

Thiết tưởng không chi thú-vị bằng đi xem một vở tuồng rồi về nhà bình-luận : biết chỗ hay chỗ dở của vở tuồng từ hình-thức lẫn nội-dung, biết tuồng viết có kỹ-thuật hay không, biết văn-chương thế nào, kịch-sĩ ca-diễn ra sao. Đó là một việc rất lý-thú mà phần đông khán-giả kịch-trường đều mong muốn. Để phê bình một cách xác-đáng những vở kịch đã được xem trình-diễn, tưởng nên biết sơ qua các thể-thức cấu tạo một vở kịch kim-thời.

Trước khi đi sâu vào vấn-đề, chúng ta thử tìm hiểu về tiếng *Kịch*. Kịch nghĩa là gì ? Kịch tiếng Pháp gọi là *drame*, gốc tiếng Hy-lạp *drama*, có nghĩa đen là *hoạt-động* vì trong Kịch toàn là thực-hành và hoạt-động cả.

Kịch có nghĩa rộng là hoạt-động của trò đời. Kịch là những tình-cảnh éo-le, những mảnh đời ngang trái, những sự mâu-thuẫn trầm-trọng khi tranh-chấp lợi-quyền, những cuộc xung-đột mãnh-liệt vì bõn phận, vì danh-dự, vì tình, vì tiền, vì thù-hận hay vì địa-vị trong xã-hội, giữa người thiện kẻ ác, giữa quân-tử và tiểu-nhơn, giữa hiền ngu, trung nịnh.

Diễn kịch là phô bày trên sân khấu những hành-động của các nhân-vật nói trên để cho người xem thấy chỗ « lành dữ » đáng răn mình. Tóm tắt diễn kịch là trình bày các hành-động của trò đời. Các hành-động ấy có khi có thực, có khi bịa đặt ra nhưng có vẻ như thực.

Hiện nay trong xứ ta có ba loại diễn kịch :

a) Thoai-kịch là kịch nói chuyện thường, không có ca ngâm (giống như Comédie của Pháp)

b) Ca-kịch là kịch có ca-ngâm như Cải-Lương (hơi giống Vaudeville của Pháp) :

c) Nhạc-kịch là loại kịch có kèn trống lớn như Hát-Bội (hơi giống Opéra của Pháp).

Khi Cải-Lương có dùng kèn trống lớn của âm-nhạc Âu-tây và có Vũ thì gọi là Ca-Vũ-Nhạc-Kịch.

Muốn soạn một vở kịch trong ba loại trên đây cần phải áp-dụng những phương-pháp sau này.

B.- BÀN VỀ SOẠN KỊCH

Những thể-thức thông-thường để xây-dựng một vở kịch kim-thời có thể chia làm bốn phần cốt-yếu như sau : lựa đề-tài, sáng-tạo nhân-vật, bố-cục và lập-từ.

I.— LỰA ĐỀ-TÀI (Choix du sujet)

Diễn kịch là một lối tuyên-truyền rất đặc-lục và hữu-hiệu nhất. Thế nên phải lựa những sự tích tốt đẹp đem ra diễn đặng làm gương cho người đời. Một đứa trẻ xem hát, thấy người trung, người hiền, biết thương, biết khen, thấy đứa nịnh, kẻ ác, biết ghét, biết chê, tất là tập cho nó có tánh thiện-cảm về điều « phải » ở đời. Rồi mai sau, khi lớn khôn, nó biết đâu là chánh-nghĩa, đâu là tà-ác để giữ tròn bổn phận làm người.

Chẳng nên lựa những chuyện tình lả-lơi đem diễn trước mắt muôn người làm cho thanh-niên nam nữ xem rồi có xu-hướng ác-cảm, làm tổn-thương đến luân-lý cang-thường và bại-hoại thuần-phong mỹ-tục. Dường ấy, chẳng những thanh-danh của soạn-giả sẽ bị hoen-ố, mà soạn-giả còn đắc tội với quốc-gia xã-hội.

Vậy nên lựa trong một đoạn lịch-sử, hay một khoảng tường đời, nơi đó có ẩn ý một gương cao-thượng, như trung thần, hiếu-tử, nghĩa-phu, tiết-phu, v. v... và có đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, tin. Những vở kịch như thế, tất có giá-trị và đáng nêu lên cho người xem.

Nếu lựa được cốt tường có *kịch-tính*, càng thêm hay. Dưới đây xin nêu ít vở tường Tây, tường Tàu và Việt-Nam có *kịch-tính* để làm thí-du :

Trong các tuồng Pháp, có tuồng « Le Cid » tả sự xung-đột mãnh liệt giữa danh-dự và ái-tình trong vai Rodrigue và sự gay cấn dữ-dội giữa lòng hiếu-đạo và tình yêu trong vai Chimène.

Tuồng Tàu « Huê dung đạo » có sự xung đột trong tâm khảm giữa bốn phận làm Tướng và lòng biết ơn trong vai Quan-Công, người anh-hùng nghĩa-khí không chịu giết kẻ dưới ngựa.

Tuồng « Xử tội Bàng-Quí-Phi » có sự tranh đấu dang-dai giữa vấn-đề an-ninh quốc-gia và ái phi trong vai Tống-nhơn-Tên.

Tuồng Việt « Tô-Ánh-Nguyệt » diễn-tả sự hy-sinh cực-điêm của người mẹ giữa tình mẫu-tử phân-ly và sự bảo-tồn danh-giá cho chồng trong vai cô Nguyệt.

Tuồng « Máu nhuộm Phụng-hoàng Cung » có điều nan-giải giữa lòng thương quê-hương tổ-quốc và tình phu-phu trong vai Kiều-Nhan.

Trên đây lược-kê những tuồng có mang nhiều kịch-tính và được xem là tuồng có giá-trị trong Kịch-trường. Nhờ những cảnh-tình nan-giải, những trạng-huống trái-ngang khó xử trong các vai tuồng, nên mới nảy ra kịch-tính.

Ngoài ra, nhà soạn kịch nên lưu ý về năm điều chủ-yếu sau đây :

a) Trong vở kịch chẳng nên phô bày từ đầu chí cuối toàn những sự gian-xảo độc-ác. Nếu có việc ác, tất phải có việc thiện để đối chọi lại.



Tường Tàu

b) Tả người ác dù mưu-mô xảo-trá thế nào, cũng không nên đề lấn-áp người thiện và làm giảm nhân-phẩm người thiện. Khi kết-thúc nên đề cho việc thiện thắng ác luôn luôn.

c) Nếu tả về tình, nên lựa những chuyện tình cao thượng, như trung thắng tình, nghĩa thắng tình, hiếu thắng tình, danh-dự thắng tình, chẳng nên theo lối thường tình hạ đẳng.

d) Cốt chuyện phóng-tác hay sáng-tác, dù tình-tiết ly-kỳ thế nào, khi kết-cuộc phải có ngụ ý khuyên răn, cho người xem biết rõ cái chủ-não của chuyện là đề-cao tình-thần hy-sinh cho bôn phận làm người, và kẻ làm ác, sau cùng phải chịu luật « nhân quả ».

e) Vấn-đề đã đặt ra rồi, phải giải-quyết cho ổn-thỏa có thủy có chung và kết-cuộc rõ ràng minh-bạch, chẳng nên bỏ dở đề cho người xem nghĩ sao cũng được.

Tóm tắt, khi lựa đề-tài cho một vở kịch nên quan-tâm đến thực-tế và nội-dung câu chuyện phải cho hợp lý, chẳng nên kể chuyện hoang đường phi lý. Khi viết kịch, soạn-giả luôn luôn tự hỏi : « Việc này có thể xảy ra ngoài đời được chăng ? » Nếu không thể xảy ra được, tốt hơn đừng đề vào.

Lựa xong đề-tài rồi khởi công sáng-tạo các nhân-vật của tuồng.

II.— SÁNG-TẠO CÁC NHÂN-VẬT

(Création des personnages)

Phần thường, các kịch-gia ở xứ ta, trước khi soạn một vở kịch, hay đến xem khả-năng ca diễn của

những đào kép trong đoàn hát mà mình muốn cho diễn vở kịch sắp viết. Rồi tùy sở-trường của mỗi diễn-viên, kịch-gia sáng-tạo các nhân-vật của vở tuồng. Người kép này sở-trường về vai kép « mùi », người kia về vai kép « độc ». Có nọ hay về vai « đào thương », còn cô kia về vai « đào lẳng », hoặc anh hề nọ có biệt-tài chọc cười khán-giả bằng lời nói trào-lộng hay bằng cử-chỉ khôi-hài, v. v... Cái khéo của soạn-giả là biết khai-thác những chỗ ưu-điểm của diễn-viên để sắp-đặt các vai tuồng cho ăn khớp với nhau, và làm nổi bật tài ca-ngâm, diễn-xuất của đào kép. Nhờ đó giá-trị của bản tuồng được nâng cao và tuồng được sự ủng-hộ nồng-nhiệt của khán-giả. Một vở kịch dù viết hay đến bậc nào, nhưng diễn-viên không đủ tài lột hết tinh-thần của các vai trò quan-trọng, vở kịch ấy sẽ bị mất giá-trị và bị bỏ rơi.

Khi sáng-tạo các nhân-vật rồi cần phải biết sử-dụng các nhân-vật ấy. Xin đừng quên rằng đây là nhân-vật kịch, chứ chẳng phải nhân-vật tiểu-thuyết, nên không bao giờ thốt ra những lời tro-trẽn vô-vị như : Tôi yêu, tôi ghét, tôi giận, tôi buồn, v. v... Nội tâm của nhân-vật kịch phải thể-hiện bằng cử-chỉ, bằng động-tác, chứ chẳng phải bằng lời nói suông.

Số nhân-vật của vở tuồng, chẳng nên sáng-tạo nhiều quá hoặc ít quá. Phải vừa đủ cho việc giải-quyết vấn-đề và cũng tùy số diễn-viên của đoàn hát. Một tuồng Cải-Lương thường thường có ít nhất : 1 vai lão, 1 vai mẹ, 2 vai kép mùi, 1 vai kép độc, 2 vai đào thương, 1 vai đào lẳng, 1 hay 2 vai khôi-hài. Đây là những vai chánh (rôle principal), còn vai phụ (figurant), muốn bao nhiêu cũng được.

Về tuồng Hát-Bội thường có mấy vai chánh như sau : 1 vai vua, 1 vai lão trung, 1 vai lão ninh, vài ba vai kép mùi, vài ba vai tướng, 2 vai đào ai, 2 vai đào chiến, v. v... Hát Bội thường hát tuồng truyện nên các vai tuồng đều có sẵn, trừ ra khi nào hát tuồng Đờ mới tùy ý soạn-giả thêm bớt vai tuồng.

Trong một vở tuồng, khi tạo một vai ninh hay một vai độc-ác rồi, thì từ đầu chí cuối vai ấy vẫn giữ một lập-trường của mình, chẳng khi nào nửa chừng lại đổi tánh-chất đặng. Có khi soạn-giả cho vai độc-ác ăn-năn trong màn chót, có ý vớt-vát phần nào lòng thương-hại của khán-giả, để gỡ tội hung-tàn hiểm-độc cho vai kia. Nhưng cuối cùng thường để cho vai ấy tự xử lấy mình đặng tròn câu : « Thiên ác đáo đầu chung hữu báo » và hễ vay nợ xương máu, thì sau phải trả nợ máu xương.— Sáng-tạo xong các vai tuồng, bước qua giai-đoạn bố-cục.

III.— BỐ-CỤC (Disposition) :

Đây là một điểm rất quan-trọng. Soạn một bộ tiểu-thuyết có thể không cần xếp đặt trước. Nhà văn cứ tuần-tự thuật lại các việc đã xảy ra như sự thật ngoài đời. Còn xây dựng một vở kịch khác hẳn cách cấu-tạo một chuyện tiểu-thuyết. Thời-gian trình-diễn một vở kịch thường từ hai đến ba giờ, hoặc lâu lắm bốn giờ là cùng. Nhưng nó thay thế cho một khoảng thời-gian lâu hơn từ 24 giờ đến nhiều năm. Thế nên muốn viết một vở kịch phải có sự xếp-đặt các lớp-lang trước, gọi là *Bố-cục*. *Bố-cục* một vở kịch là phân màn hay hồi (actes) và phân lớp hay kịch (scènes). Màn là một đoạn dài trong vở kịch.

Trong một màn có nhiều lớp kịch. Khi có một vai vào hay một vai ra là lớp này chuyển sang lớp khác. Giữa hai màn có nghỉ gọi là « entr'actes ». Phần thường trong lúc nghỉ người ta hạ màn đi đường (décor fixe), rồi cho diễn một lớp trò phụ gọi lớp bông-lơn (intermède) cũng theo ý nghĩa của tuồng, để có đủ ngày giờ đổi cảnh cho màn sau. Nếu tuồng có ba màn trở lại, không cần lớp bông-lơn.

Trong mỗi màn, các vai tuồng khi vào hay ra sân-khấu đều phải có lý-do và có vẻ tự-nhiên, nhằm lúc. Chẳng nên cho ra vào một cách tự-do, đột-ngột quá làm cho khán-giả có cảm-tưởng rằng : tuồng bố-cục có sự giả-tạo, chứ không phải thực-sự. Mỗi màn diễn ít nhất trên nửa giờ. Nếu được lâu hơn nữa càng thêm hay.

Soạn tuồng Cải-Lương hay Thoại-Kịch, rất khó là lúc hạ màn. Người đóng trò phải ra một điệu-bộ gì, nói một câu gì hay ca một bản gì để kích-thích cảm-quan của khán-giả hầu giúp cho sự hạ màn bớt « sượng »

Khi phân màn rồi, khởi viết tuồng. Việc nào xảy ra trước viết trước, việc xảy ra sau viết sau. Câu chuyện phải tuần-tự phát triển mới hay. Như kịch soạn theo truyện hoặc tiểu-thuyết, nên lựa những lớp chánh có trực-tiếp ảnh-hưởng đến đầu-đuôi của mình mới đem vào, còn những lớp phụ-thuộc nên nhận bớt. Trái lại mình có thể sáng-tạo thêm những lớp mới để cho cái Gút (Nœud) của vở kịch được rõ-rệt thêm càng hay.

Trong một vở kịch, điều quan-trọng nhất là chỗ « thắt gút ». Cái gút cần phải thắt chặt rồi mở ra lần lần mới hay. Chẳng nên thắt một cách lỏng-lẻo quá hay rắc-rối

lộn-xộn quá làm cho khán-giả phải khó-khăn mới hiểu được đâu là cái Gút, thời mất hứng-thú. Mở gút cần phải tự-nhiên nghĩa là không dùng đến sự kỳ-quặc thần-bí có phép mầu-nhiệm ngoài lẽ thường và phải hợp với luận-lý (logique).

Tự-trung một vở kịch gồm có ba đoạn :

1) *Khai-đề* (Exposition) là đoạn đầu đề cho khán-giả biết câu chuyện xảy ra thế nào. Ấy là đoạn khởi cột mối dây cho lần lần thành gút. Đoạn này thường ở màn đầu của vở kịch và các vai chánh thường xuất-hiện để khởi-công các động-tác.

2) *Kịch biến* (Péripéties) là lúc chuyện ấy biến-chuyển ra sao. Trong đoạn này nên dùng những « miếng kịch » (coups de théâtre) cho khéo và có vẻ tự-nhiên. Miếng-kịch là những sự đột khởi bất ngờ xảy đến một cách mạnh-bạo làm cho khán-giả ngạc-nhiên hay hoảng-hốt.

Vì như trong tuồng « Lỡ bước sang ngang » của T. A. và H. K. lúc Lam-Sinh, một họa-sĩ rất nghèo túng, bỗng nhiên có một số tiền to để mua cái biệt-thư của ông chủ tiệm cầm đồ, thì khán-giả ai ai cũng lấy làm ngạc-nhiên cho việc bất ngờ ấy. Sau mới rõ là số tiền kia do anh bán một bức tranh đến 10 ngàn đồng cho một người nặc-danh, và người ấy chẳng ai khác hơn là Cô Tuyết-Anh, một con nhà giàu, thầm yêu anh và muốn kết hôn cùng anh.

Còn miếng-kịch đã gây sự hoảng-hốt cho khán-giả là trong tuồng Nhật « Địa-ngục-môn », tuồng này đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga có trình diễn với nhan-đề « Hoa

rung đêm khuya ». Một người võ-sĩ-đạo tài-ba yêu một cô gái có chồng và buộc nàng phải lập mưu giết chồng. Người thiếu-phu ấy bèn bày kế cho anh ta thừa lúc ban đêm trời tối, vào phòng của chồng có cửa sổ để mở ra vườn phía hướng đông, rồi lên hạ sát chồng nàng. Khi người võ-sĩ thi-hành xong mật kế, khán-giả rất đổi kinh-hoàng vì người bị hạ-sát chẳng phải là ông chồng mà chính là người vợ vào nằm chết thế cho chồng đang giữ tròn câu tiết-liệt và chung-thủy với chồng. Nhờ miếng-kịch tài-tình ấy, tuồng « Địa-ngục-môn » được trúng giải thưởng Điện-ảnh ở Âu-Châu hồi mấy năm về trước.

3) *Đoạn-kết* (Dénouement) là đoạn mở cái « gút » cho người ta thấy kết-cuộc câu chuyện ra thế nào. Mở gút có nhiều lối. Lối thứ nhất là ban đầu các vai chánh vốn bà-con thân-thích nhưng không biết nhau nên xem nhau như người dưng nước lã hoặc xem nhau như thù-nghịch. Đến lúc mở gút, các vai tuồng mới nhận nhau. Ấy là *kết-cuộc bằng lối nhận nhau* (Dénouement par reconnaissance).

Trong vở « Tấm lòng của biển » (H. T. H. P.), cô Thanh ban sơ không biết bà vú là mẹ ruột nên có ý khinh-bạc. Đến sau biết được, cô rất hối-hận và dám hy-sinh mỗi tình đầu của mình để cho mẹ được an-thân. Đây là lối kết-cuộc nhận nhau.

Lối thứ hai là kết-cuộc bằng sự « biến-cách » (Dénouement par révolution) nghĩa là vai chánh bị một tai-biến bất ngờ làm đảo-điên tình-thế. Rồi có người đến giải-cứ và sau cùng được kết nghĩa với người ân. Lối « biến-cách » còn nhiều thể-thức khác.

Sau hết, muốn bố-cục một vở kịch cho có phương-pháp, còn cần phải theo những lệ sau đây mà các kịch-gia thời xưa ở Âu-Tây rất chú-ý. Đó là lệ « Tam-duy-nhất » (Règle des trois unités):

a) **Hành-động duy-nhất** (Unité d'action).— Các thành-phần của vở kịch phải khuynh-hướng theo một việc then chốt của câu chuyện. Những vai trò phải tập-trung động-tác vào sự giải-quyết vấn-đề, chẳng dặng hành-động rời-rạc ngoài đề.

b) **Trường-sở duy-nhất** (Unité de lieu).— Việc đã xảy ra ở chỗ nào, như trong một đô-thị hoặc trong một cảnh đồng quê, một trại lính, trên một chiếc tàu, v. v... thì từ đầu chí cuối cứ ở một nơi ấy.

c) **Thời-gian duy-nhất** (Unité de temps).— Câu chuyện phải xảy ra trong một ngày hay lâu lắm là trong năm ba bữa là cùng.

Nhờ giữ đúng lệ nói trên nên những vở kịch cổ như của Corneille, Racine, Molière, được xem là những tấn kịch gương mẫu về cách kết-cấu chặt-chẽ và đề-tài nghiêm-chỉnh.

Ngày nay lệ Tam-duy-nhất không buộc phải theo sát vì các nhà soạn kịch kim-thời cho lệ ấy quá nghiêm-khắc. Trừ lệ Hành-động duy-nhất là điều cốt-yếu phải theo, còn hai lệ sau có thể di-dịch được, nhưng cũng không nên làm sai-lạc quá.

Về việc phân số màn, mỗi tuồng chừng năm màn (năm cảnh) là nhiều rồi. Hiện nay bên Âu-Mỹ người ta

soạn chừng ba màn hoặc bốn màn là cùng. Có tuồng chừng hai màn (hai cảnh). Ít màn chừng nào, vở tuồng càng thêm hay vì nó gần lệ « tam-duy-nhất » hơn. Và lại soạn ít màn rất khó; nhưng nếu làm đặng mới thấy biệt-tài của soạn-giả.

IV — LẬP-TỪ (Elocution)

Lập-từ là cách dùng lời văn để diễn-đạt tư-tưởng trong các loại tuồng. Hiện nay sân-khấu Việt-Nam có ba loại tuồng : Hát-Bội, Cải-Lương và Thoại-kịch.

Tuồng Hát-Bội có tuồng *Pho* là những tuồng lấy tích trong truyện, sách sử và tuồng *Đồ* là tuồng lấy tích chuyện ngoài.

Viết tuồng *Pho* hay tuồng *Đồ* phải dùng văn cổ-diễn nghĩa là cách hành-văn phải theo lối xưa mới trúng điệu. Chẳng nên dùng lời văn nay trong tuồng cổ vì người xưa không thể có những tư-tưởng nay. Ví như cho vai Châu-Du nói những tiếng: « Kết-quả cuộc hành-quân » hay « Kế-hoạch ấy có ảnh-hưởng trực-tiếp đến cuộc bang-giao giữa hai quốc-gia Ngô-Thục » v. v...

Một điều phải tránh là không nên dùng văn xuôi, văn kịch để viết tuồng Hát-Bội. Vì nếu Hát-Bội không có câu lối Xuân, lối Ai, hát Nam, hát Khách và không có Âm-nhạc phụ-họa, thì không còn là Hát-Bội nữa. Và lại nghệ-sĩ Hát-Bội không thể diễn trò bằng lối văn xuôi.

Vậy soạn tuồng Hát-Bội luôn luôn phải dùng văn vần vì lời thơ có vẻ trang-nghiêm hợp với cốt tuồng

thường là câu chuyện xảy ra ở chốn triều-đình, việc vua với quan, thuộc về quý phái.

Về việc soạn tuồng Cải-Lương, như trước kia đã thấy, có hai lối văn. Nếu soạn tuồng Tàu, tuồng Sứ, có thể viết theo lối văn cổ-diễn được, nhưng nên tránh những câu chữ nho quá xưa và khó hiểu. Còn khi soạn tuồng Xã-hội, tuồng Hương-Xa, nên dùng lối văn nay, tản-văn hay vận-văn cũng được, miễn cách hành văn và tư-tưởng phải theo nay. Ngữ-pháp phải cho minh-bạch rõ-ràng, dù hạng tri-thức hay hạng bình-dân cũng đều am-hiếu.

Soạn Thoại-kịch nên dùng văn xuôi cho có vẻ tự-nhiên như lời nói chuyện thực ngoài đời. Lời văn phải gói ghém văn tắt. Chẳng nên cho một vai nói nhiều cả trang giấy, như lối văn diễn-thuyết, làm cho khán-giả phải chán-nản. Nên xen cắt bớt cho khéo và dùng văn đối thoại (dialogue) hoạt-bát, để cho câu chuyện được sôi-động.

Đối thoại thường cho hai người hoặc ba người nói là cùng. Nếu để nhiều người nói tắt làm cho câu chuyện tản-mác rời-rạc thành mất hay. Có một đôi khi, trong vở kịch, dùng lối độc-thoại (monologue) cho một người nói để tỏ nỗi u-uất trong lòng hoặc tự bản tình trước đề giải-quyết một việc gì trọng-hệ, như Rodrigue trong tuồng « Le Cid ». Nhưng chẳng nên cho nói dài.

Luận tổng-quát, trong việc lập-lừ cho ba loại tuồng nói trên, nên tùy vai tuồng để viết lời nói. Như vai thượng-lưu đài-các phải dùng giọng đài-các. Vai thường-nhân phải nói giọng tầm-thường. Vai tôi-đời chẳng nên cho nói những câu cao-kỳ quá. Trái lại cũng không nên cho nói những lời thô-lỗ cộc-cằn quá.

Dù soạn bi-kịch (tragédie), hí-kịch (comédie) hay bi-hí kịch (tragi-comédie), đều phải cho các vai tuồng nói những lời trang-nhã, có lễ-độ, tránh những lời văn có tánh cách dâm-phong rút trong mấy bộ tiểu-thuyết tình khả-ố. Tùy ý-nghĩa câu chuyện, một đôi khi cũng phải dùng đến giọng hùng-hồn, những lời cao-thượng.

Văn Kịch khác hơn văn Tiểu-thuyết. Trong tiểu-thuyết tác-giả thường lộ ra khi tả cảnh, tả tình, tả tâm sự của các vai truyện và nhất là khi lý-luận về một vấn-đề trọng-đại, hay về tâm-lý, triết-lý v. v... Còn trong một bản kịch, tác-giả đã hòa mình vào các vai tuồng rồi không được xuất lộ chút nào cả và không thể dùng những lời phán-đoán cầu-kỳ quá hoặc những câu văn-vẻ quá làm cho khán-giả có cảm-tưởng rằng tác-giả có ý mượn những lời văn ấy để phô-trương mình ra.

Mấy năm gần đây, có một ít ông thầy tuồng Cải-lương soạn những câu văn vắn vắn đề cho nữ-ca-sĩ ngâm ở hậu-trường. Cái ý-kiến ấy tuy mới-mẻ, song không hợp với lối soạn kịch vì tác-giả đã vô tình lâm vào chỗ khuyết-diểm nói trên và còn làm cho sự diễn trò trên sân khấu bị ngưng lại, nên mất vẻ tự nhiên.

KẾT-LUẬN

Diễn kịch là một cuộc giải-trí và cũng là một bài học cho khán-giả. Một nhà văn-hào Pháp đã nói: « Sân khấu kịch-trường là đại-học-đường của quần chúng ». Một vở kịch viết có phương-pháp và khéo trình-diễn sẽ gây nơi tâm-trí khán-giả nhiều cảm-xúc và nhiều hào-hứng thâm-trầm.

Thế nào là một vở kịch khéo trình diễn ? Là một vở kịch có đủ mấy đặc-điểm dưới đây :

— Dàn cảnh và bố-cục có kỹ-thuật.

— Trang-trí và y-phục hợp thời-gian và không-gian.

— Nội-dung tuồng-tích lành mạnh, có đạo-lý và ngụ ý-nghĩa sâu xa về cách xử-thế, răn đời.

— Câu chuyện hợp lẽ phải, không giả-tạo, không kỳ-quặc.

— Tuồng có kịch-tính, cấu-tạo có phương-pháp. Cái Gút thắt lại và mở ra rất tự-nhiên, được rõ-ràng, không rắc-rối lộn-xộn.

— Lời văn điêu-luyện, trang nhã, hợp với loại tuồng và xứng với các vai.

— Tài diễn-xuất và ca-ngâm của kịch-sĩ được già-

giễn, có nghệ-thuật, rất hấp-dẫn và gợi nhiều cảm-xúc cho người xem.

— Phần nhạc phụ-họa rất hay.

Đó là những yếu-tố căn-bản có thể đưa một vở kịch đến chỗ thành-công. Dĩ nhiên phải có sự hướng-dẫn của một Đạo-diễn đầy kinh-nghiệm.

Luận tổng-quát, ba điệu diễn-kịch của sân-khấu Việt-Nam hiện-hữu đều có chỗ ưu và khuyết-điểm.

Trong điệu Hát Bội, tuy phần nhiều tuồng tích có một nội-dung hợp đạo-lý luân-thường, nhưng cách bố-cục theo cô-điền còn rườm-rà không hợp thời.

Điệu Cải-Lương lối dàn cảnh và cách bố-cục có kỹ-thuật theo nay, nhưng y-phục của diễn-viên, nhưt là loại Hương-xa, không hợp thời-gian và không-gian tính. Phần nhiều tuồng Cải-Lương hay đề-cáo ái-tình, không đề-cao nghĩa-vụ làm người, nên khó kiếm được gương anh-hùng, nghĩa-sĩ, liệt-nữ, anh-thu, trong điệu này.

Điệu Thoại-kịch hay Tân-kịch, lúc sau này có một ít tuồng gây được sự cảm-xúc cho người xem, nhưng cách dàn cảnh và trang-trí sân-khấu chưa được hoàn-bị.

Còn về phần diễn-viên trong ba điệu có kẻ hay, người dở. Song kẻ hay thì ít còn người dở lại nhiều, nên mới xảy ra cái nạn mua chuộc đào kép, nhất là trong giới Cải-Lương, rất tai-hại cho nền kịch-nghệ nước nhà. Lỗi ấy tại nơi người mình ham lập gánh quá, nhưng không tiên liệu sức mình về phương-diện tài-chánh và nhân-viên, thường hay bị đổ vỡ.

Trong một nước có nhiều ban hát quá, tất có trội về « lượng » nhưng phải kém về « phẩm ». Ví như nước Pháp là một nước có nền kịch-nghệ tân-tiến và trình-độ khán-giả khá cao, nhưng đâu có nhiều ban hát như nước mình. Đó là người ta biết trọng phẩm hơn lượng.

Muốn cho nghệ-thuật sân-khấu nước nhà được phát-triển và hoàn-hảo hơn, phần đông các Ông Chủ gánh nên hùng vốn lại để cho nền tài-chánh được dồi-dào hầu chịu-đựng nổi trong lúc thừa giàn. Chẳng nên vay nợ để lập gánh và mua chuộc đào kép, vì làm như vậy mình gây tai-hại cho bạn đồng-nghiep, rồi sau cùng mình cũng sẽ bị cảnh tan rã bởi lẽ dễ hiểu là đào kép của mình cũng sẽ bị kẻ khác có nhiều tiền hơn mua chuộc. Ước chi các Ông Giám-đốc đoàn hát nên giao kết thể nào đừng tránh nạn mua chuộc đào-kép.

Sở dĩ có nạn mua chuộc là vì hiện giờ những diễn-viên thanh-sắc lưỡng-toàn rất hiếm hoi. Trong ít năm nữa, trường Quốc-gia Âm-nhạc sẽ đào-tạo những mầm non ưu-tú. Chừng ấy cái nạn nói trên không còn nữa mà trình-độ diễn-xuất và ca-ngâm của kịch-sĩ được nâng cao hơn ngày nay bội phần.

Vậy chúng tôi rất trông-mong cho cơ-quan văn-nghệ của Chánh-quyền xúc-tiến công-tác về việc đào-tạo diễn-viên hầu mai sau nền kịch-nghệ nước nhà càng ngày càng tiến đến chỗ « Chân-Thiện-Mỹ ».

MỤC-LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Tựa</i>	5
Chương thứ nhứt : HÁT BỘI (Hát Bội hay hát Bộ)	
I.— Lược-sử hát Bội	8
II.— Những đặc-điểm của hát Bội	9
a) Sân khấu	10
b) Điệu-bộ	10
c) Màu mè	12
III.— Các giọng hát Bội	13
a) Nói lối	13
Lối Xuân (tuồng Kim-Vân-Kiều)	13
Lối Ai (tuồng Địch-Thanh ly Thợn)	14
Lối xướng ; Lối thường (Sơn Hậu)	16
b) Hát Nam	17
Nam Xuân (Kim-Vân-Kiều)	17
Nam Dựng (Tam Quốc)	19
Nam Ai (Địch-Thanh, Phụng-nghi-Đình, Kim-Thạch Kỳ duyên)	19
Nam bán Xuân-Ai (Tô Võ chẵn dẻ)	24

Nam chay (Sơn Hậu)	25
Nam biệt, Nam-thoàn (Sơn Hậu)	27,28
Lý Nam qua Ai (Tuồng Lê-Lợi)	28
c) Hát Khách	30
Khách Thi, Khách Phú (Võ tam Tư, Triệu Tử, Cỗ-Thành)	30-31
Khách Tử, Khách tàu mã, Khách Tửu (Sơn Hậu)	32-35
Khách Nam liên xướng (Kim-Vân-Kiều)	35
d) Xướng ; e) Bạch (Tam-Quốc)	35-36
g) Ngâm (Kim-Vân-Kiều, Bá-ấp-Khảo)	37
h) Thán ; i) Oán ; k) Quân Bang (Địch-Thanh, Sơn Hậu)	40-42
l) Hát Bài ; m) Tán (Sơn Hậu)	43
n) Hường ; o) Vĩ ; p) Láy	44
q) Giáo đầu và Chúc Vãn (Bá-ấp-Khảo)	45
r) Các giọng phụ	45

IV.— Văn-chương hát Bội :

Văn nói lối (Kim-Thạch, Địch-Thanh ly Thợn)	46
Văn hát Nam (Xuân, Ai) tả cảnh, tả tình (Địch-Thanh, Tương kỳ khi xa)	58
Văn hát Khách và Bạch, Xướng, Thán, Oán v.v.	62

V.— Lối vẽ mặt của hát Bội

Mão và Xiêm-Y	65
---------------	----

VI.— Âm-nhạc hát Bội

69

VII.— Nhận xét về hát Bội

71

Nhận xét về Âm-điệu	73
---------------------	----

Nhận xét về Nghệ-thuật	74
------------------------	----

VIII.— Những vở tuồng danh tiếng của hát Bội	78
IX.— Danh sách các nghệ-sĩ hát Bội	79
Chương thứ nhì : CẢI LƯƠNG	
I.— Lịch-sử Cải-Lương	81
Những ban Cải-Lương đầu tiên	87
II.— Những đặc-điểm của Cải-Lương¹ (Sân-khấu, Điệu-hộ, Màn mè)	87-90
III.— Các giọng Cải-Lương	90
A.— Giọng Bắc (Nói lối và ca Bắc)	
(Lưu-kim-Đỉnh, Bội phụ quả báo)	90
B.— Giọng Oán : Tứ Đại (Bài bát cú)	
(Vi nghĩa liễu mình)	98
Giang-Nam ; Phụng-Cầu (Lưu-kim-Đỉnh	
giải giá)	102
Phụng-Hoàng, Văn-thiên-Tường (nt)	104
C.— Giọng Nam (Nói lối Ai và ca Nam Rịn,	
Xuân-Nữ)	106
Nam Xuân, Nam Ai (Tuồng Tham-phú	
phu bản, Phan-trúc-Quân)	107-108
Đảo-ngũ-Cung, Nam chạy, Nam Bình	
(Gia-Long Tàu quốc)	109-111
D.— Giọng Nam do hơi Bắc biến-thể	112
1.— Hành-vân hơi Nam (Vi nghĩa liễu mình)	112
2.— Chuồn-chuồn (Gia-Long tàu quốc)	113
3.— Vọng-cổ hoai-lang	114
a) Lược-sử bản vọng cổ	115
b) Những thời-kỳ tăng nhịp của bản vọng cổ	
(Từ nhịp đôi đến nhịp 64)	119-131

c) Những thể-thức cấu-tạo bản vọng cổ	131
d) Các phương-pháp gởi đầu bản vọng cổ	147
e) Vì sao bản vọng cổ được hoan-nghinh	169
— Sự áp-dụng bản vọng cổ trong tuồng	
Cải lương	169-184
— Sự khai-thác trên đĩa nhựa	185-200
g) Dân-tộc-tính của bản vọng cổ	201
E.— Lý : Lý Giao-duyên, Lý Ngựa Ô	203-204
Lý Huế, Lý Con Sáo	205
G.— Bình	206
H.— Ngâm	207
I.— Hò ; K.— Nói Thơ ; L.— Thán	209
M.— Giọng Quảng	210
N.— Giọng Cải-Cách hay Tân-Nhạc	211
IV.— Văn Cải-Lương và việc soạn bài ca	213
V.— Âm-nhạc Cải-Lương và vị-trí các nhạc-khí	220-222
VI.— Nhận xét về âm-diệu Cải-Lương	223
VII.— Kết-luận tổng-quát về Cải-Lương	224
A.— Các thời-kỳ biến-chuyển của nền ca-kịch	
Cải-Lương	225
B.— Nghệ-thuật Cải-Lương được ủng-hộ vì	
nó đi sát với quần chúng	237
C.— Giải Thanh-Tâm	238
Chương thứ ba : THOẠI-KỊCH (Nhận xét)	241
Văn Thoại-Kịch (Hai khối tình)	243

Chương thứ tư : A.— THÚ XEM DIỄN KỊCH	248
B.— BÀN VỀ SOẠN KỊCH	250
I.— Lựa đề-tài	250
II.— Sáng-tạo các nhân-vật	253
III.— Bố-cục (Lệ Tam-duy-nhứt)	255
IV.— Lập từ	260
KẾT-LUẬN	263

CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN :

- 1.— Đồng-Âm vận-tuyển
- 2.— Nguyên-tắc Hối-Ngã
- 3.— Bác-vật phổ-thông và vệ-sinh thường-thức
- 4.— Chánh-tà tự-vị
- 5.— Nghệ-thuật sân-khấu Việt-Nam

KỊCH BẢN :

- 1.— Vì nghĩa liều mình
- 2.— Tham phú phụ bần
- 3.— Lưu-kim-Đỉnh giải-giá Thọ-Châu
- 4.— Cô Lệ-Hàng
- 5.— Hai khối tình (phóng-tác theo tiểu-thuyết của
Cụ Hồ-biêu-Chánh).

NGHỆ-THUẬT SÂN-KHẤU VIỆT-NAM

của

TRẦN-VĂN-KHẢI

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản